

VIÊN GIÁC



BỘ MỚI
SỐ

38

THÁNG TƯ 1987

APRIL 1987

AUSGABE IN VIETNAMESESISCH UND DEUTSCH



TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỰ NẠN TẠI CỘNG HÒA
LIÊN BANG ĐỨC * ZEITSCHRIFT DER VIETNAMESEN UND BUDDH.
VIETNAM-FLÜCHTLINGE IN DER BUNDESREPUBLIK DEUTSCHLAND

VIÊN GIÁC

Tạp chí của Kiều bào và Phật tử Việt nam tỵ nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức
Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnam-Flüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

CHỦ-TRƯỞNG: Đ.Đ. THÍCH NHƯ-ĐIỂN
Herausgeber

CHỦ-BÚT và KỸ-THUẬT: THỊ CHƠN
Redakteur & layout NGÔ NGỌC-ĐIỆP

CÙNG SỰ CỘNG-TÁC CỦA
Mitwirkung von
HỘI PHẬT-TỬ VIỆT-NAM TỶ-NẠN
tại Cộng-Hòa Liên-Bang Đức
Vereinigung der Buddhistischen
Vietnam Flüchtlinge i.d. BRD e.V.

TÒA-SOẠN và ẮN-QUẢN
Redaktion und Verlag
Trung-Tâm
VĂN-HÓA PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM
Vietnamesisches Buddhistisches
Kulturzentrum in der BRD
c/o Pagode VIÊN-GIÁC
Eichelkampstr.35a, 3000Hannover81
☎ 0511 - 86 46 38

■ VIÊN GIÁC phát hành mỗi 2 tháng, vào những tháng chẵn, nhằm mục đích phục vụ lợi ích cho cộng đồng Người Việt tỵ nạn và Phật tử Việt nam tỵ nạn tại Tây Đức.

■ VIÊN GIÁC bảo tồn và phát huy truyền thống VĂN HÓA PHẬT GIÁO và DÂN TỘC VIỆT, cũng những sinh hoạt TÔN GIÁO, XÃ HỘI.

■ VIÊN GIÁC hoàn toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng dường, VIÊN GIÁC xin chân thành cảm tạ.

■ Ủng hộ VIÊN GIÁC, quý vị sẽ nhận được biên nhận để khai làm đơn xin quân-bình-thuê cuối năm.

TRONG SỐ NÀY

trang

1

Thư Tòa Soạn

TÔN GIÁO

Nguồn Thiên	THÍCH THANH TỬ	2
Tình Độ Thập Nghi Luận	THÍCH THIÊN TÂM	4
Phật nói Kinh Tượng Pháp...	Hòa Thượng THÍCH TRUNG QUÂN	7
Pháp giới: Một siêu trường lục	Tịnh Liên NGHIÊM XUÂN HỒNG	9
Phật Giáo với Mác Xít	TRẦN QUANG THUẬN dịch	13
Quán Âm Thị Kính	THIỀU CHỪU	15
Đạo Phật đi vào cuộc đời	TÂM NHƯ	18
Cuộc đời của người Tăng sĩ	THÍCH NHƯ ĐIỂN	20
Thoát vòng tục lụy	QUANG ĐỘ dịch	24

ĐỨC NGŨ - INS DEUTSCH

Allgemeine Buddhalehre	THÍCH NHƯ ĐIỂN dịch	27
Die Lehre Buddhas		30
Gefangener des Vietcong	Dr. R. PETRI	33
Nachrichten		36

VĂN HÓA - SÁNG TÁC

Đường Không Biên Giới	THÍCH NHƯ ĐIỂN	39
Giot Nắng Tháng Tư	PHÙ VÂN	41
Cây Nam Vô	PHONG HÙNG LƯU NHƠN NGHĨA	44
Vòng Luân Hồi	LÊ THỊ BẠCH NGA	48
Tôi Đi Học Tập Cải Tạo	TÍCH CỘC	51
Vườn Thơ Viên Giác	NGƯỜI LÀM VƯỜN	54

GIÁO DỤC

Trang Thiệu Nhi	NGUYỄN TỬ VÂN	55
Các Vua HÙNG VƯƠNG	THỊ CHƠN	56
Thơ: Ai Đã Dạy Em	HÒAI KHÊ	57
Truyện Trăm Trùng	NGUYỄN LANG	58
Xả Thân Tận Hiếu		60

TỶ NẠN

Cơ Quan Liên Bang...	THỊ CHƠN dịch	63
Tướng Chung Tuyệt Vọng	TÍN PHÁP dịch	65

CỘNG ĐỒNG

Diễn Đàn Độc Giả	CHINH PHƯƠNG	66
------------------	--------------	----

KHOA HỌC

Kỷ Lục Không Vận ...	VŨ BÀ CỰ	67
----------------------	----------	----

THƠ

Bội Tâm Hành	NGHIÊM XUÂN HỒNG	14
Mỗi Ngày Mỗi Mối	QUANG KÍNH	19
Đường "Vê" (K.A. Tự)	THÍCH NỮ TRÍ TÁNH	19

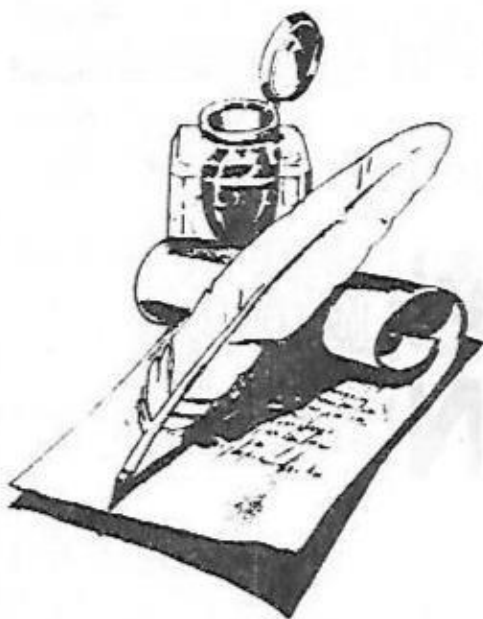
THỜI SỰ - TIN TỨC

Tin Thời Sự Thế Giới	VŨ NGỌC LONG	68
Tin Vấn	VŨ NGỌC LONG	73
Việt Nam: Một Cu Ba ...	VŨ NGỌC LONG	77
Tin Phật Giáo và Cộng Đồng	THỊ CHƠN	80

Phùng Danh Cúng Dường		86
-----------------------	--	----

Hộp Thư Viên Giác	THỊ CHƠN	89
-------------------	----------	----

Hình bìa: Tranh của Hoạ sĩ LOAN NGUYỄN SƠN



Thư tòa soạn

Kể từ năm 1975 đến nay Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất ở trong nước phải chịu biết bao nhiêu sự thiệt thòi, mất mát, đàn áp dã man của chính quyền Cộng Sản Việt Nam. Các cơ sở của Giáo Hội bị tịch thu, chùa chiền biến thành nơi chứa thóc gạo, chỗ hội họp của quân chúng. Quý vị lãnh đạo của Giáo Hội bị bức tử, hoặc bắt giam trái phép. Các vị tu sĩ trẻ phải hoàn tục v.v...

Diễn hình của việc trên là ngày 1 và 2 tháng 4 năm 1984 Cộng Sản đã bắt Thượng Tọa Thích Đức Nhuận (tục danh Đồng Đức Nhuận), Đại Đức Thích Trí Siêu (tục danh Lê Mạnh Thất), Đại Đức Thích Tuệ Sỹ (tục danh Phạm Văn Thường) và Sư Cô Thích Nữ Trí Hải (tục danh Công Tăng Tôn Nữ Phùng Khánh). Tất cả những vị này là những học giả có tiếng tăm của Giáo Hội chỉ chuyên nghiên cứu, trước tác và dịch thuật kinh điển

tư trước đến nay; nhưng cũng đã bị Cộng Sản bắt bỏ tù đầy không nguyên cơ. Nghe đâu có vị bị xử án tử hình, có vị bị cầm tù trên 18 năm. Mặc dầu cơ quan Ân xá quốc tế đã gửi thư chính thức cho chính quyền Cộng Sản Việt Nam vào ngày 30 tháng 4 năm 1986; nhưng cho tới nay thư ấy vẫn chưa được trả lời.

Gần đây nhất các chùa tại Ngoại quốc có nhận được bức thư đề ngày 20 tháng 8 năm 1986 của Thượng Tọa Thích Huyền Quang, quyền Viện Trưởng Viện Hoa Đạo, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất gửi đi từ miền Trung nước Việt, nơi Thượng Tọa bị quản thúc từ tháng 2 năm 1982 cho đến nay.

Đọc thư Thượng Tọa thấy bồi hồi xúc động, cảm nỗi thăng trầm của thế sự và kiếp sống nhân sinh trong lúc lao khổ tội tù. Trong thư có đoạn: "...Đời tôi là thế, nhưng trong khi chờ đợi vô thường xảy ra-tôi đang sống với sự thiếu thốn mà không sao bố tức được; đó là: Thiếu minh sư, ích hủi. Thiếu sách vở, thấy nghe để trau dồi học hỏi. Cộng thêm vào đó không được làm nghề tổ truyền để sinh sống, không được nghe Thánh nhạc để giải buồn. Quanh năm suốt tháng, đi lại trong cũi phòng, hết đứng lại ngồi, trầm ngâm đọc thoại. Tay kinh mất kiên vui với Thánh hiền, sớm nguyện tối cầu, mong đời tươi sáng. Huyền thân tuy đau nhức mỗi morn, chân tánh vẫn sáng trong bất biến..."

Chúng ta hãy lắng tâm đọc thực kỹ đoạn trên sẽ thấy rõ tất cả những gì đã đương và sẽ xảy ra cho một Việt Nam được gọi là Hòa bình, độc lập. "Thiếu minh sư, ích hủi. Thiếu sách vở, thấy nghe..." ý nói các vị lãnh đạo tài ba của Giáo Hội đã bị chết dần, hoặc ly tán; những người bạn đạo cũng không còn cộng tác chung với nhau nữa. Bị giam lỏng trong phòng, không hề tiếp xúc với bên ngoài; nên chẳng biết được tin gì cả. Rồi "không được làm nghề tổ truyền... không được nghe Thánh nhạc..." Người tu mà không được phép giữ lại chiếc áo nhà tu, không được tụng kinh gõ mõ; không được nghe kinh điển, nhạc đạo v.v... quả là một chốn tù đầy khổ nhục. Thêm vào đó "quanh năm suốt tháng, đi lại trong cũi phòng, hết đứng lại ngồi, trầm ngâm đọc thoại..." Như vậy Thượng Tọa đã bị biệt giam, không người thăm nuôi, chẳng có ai cộng sự. Có muốn nói gì cũng chỉ có một mình mình nghe, một mình mình đáp trong chốn cũi phòng. Quả là một đại cực hình mà cá nhân của Thượng Tọa phải lãnh chịu cũng như một đại họa chung của Phật Giáo nước nhà.

Cộng Sản lúc nào cũng huênh hoang tuyên bố là có tự do tôn giáo; nhưng nhìn vào việc bắt bỏ trên và bức thư của Thượng Tọa Thích Huyền Quang mới đây, đủ nói lên tất cả những trò gian manh xảo quỷ của Cộng Sản đối với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất nói riêng và Dân Tộc Việt Nam nói chung vậy.

Ngày nay chư Tăng cũng như Phật Tử Việt Nam ở ngoại quốc, mặc dầu xa quê hương, xa giáo hội; nhưng được cái may là chúng ta còn được "làm nghề tổ truyền" và "còn được nghe Thánh nhạc". Vậy chúng ta hãy cố gắng xây dựng tổ chức, lãnh mạnh hóa giáo hội, để một mai đất nước có thanh bình, chúng ta còn có cơ hội để đóng góp phần nhỏ của mình cho quê hương và xứ sở.

Xin nguyện cầu chư Phật, chư Bồ Tát, chư vị Tổ Sư gia hộ cho quý Thầy, quý Cô còn ở trong nước, sống dưới gông cùm của người cộng sản, quyết rằng không bị lay chuyển đổi thay và sớm vượt qua những tai ương đương và sẽ xảy đến như Thượng Tọa Huyền Quang đã viết: "huyền thân tuy đau nhức hao mòn, chân tánh vẫn sáng trong bất biến".



LỜI DỊCH GIẢ

Tập sách này nguyên đề là THIÊN NGUYÊN CHÚ THUYỀN TẬP ĐỘ TỰ, nghĩa là lời tựa chung quyển Thiên Nguyên Chú Thuyền Tập. Thấy nguyên đề dài dòng, tôi lược bớt chỉ để hai chữ "Nguồn Thiên" (Thiên Nguyên). Bộ Thiên Nguyên đến một trăm quyển nhưng hiện nay tìm trong Đại tạng không thấy, có lẽ đã thất lạc. Riêng tập sách này tuy là lời tựa song đã

THANH TỬ dịch
**NGUỒN
 THIÊN**

khái quát được yêu chỉ của Thiên Tông và điều lý của Tam Tạng Giáo Thiên. Nó là then chốt của người tu thiên, là kim chỉ nam của người học Phật. Nguyên tác quyển sách này chia làm hai tập, tôi thấy văn thể liên tục nên hợp thành một tập, ở đây lại thêm tiêu sử tác giả.

Sở dĩ tôi phiên dịch tập sách này, vì thấy hiện giờ có nhiều người ngưỡng mộ tu thiên và một số người truyền dạy pháp thiên, mà không hiểu Kinh Phật, Luận Tõ, không hiểu pháp thiên ấy xuất phát từ đâu. Chẳng những không hiểu Kinh Phật, đôi khi họ lại phỉ báng Kinh Phật. Chẳng những không hiểu chỗ xuất phát pháp thiên, mà họ cũng không hiểu Thiên là gì? Có khi họ dạy người dùng nhân diện chạy quanh trong mình, hoặc dạy

cách xuất hồn, hoặc cầu điện thiêng liêng bên ngoài phụ vào thể xác họ v.v... ấy gọi là tu thiên. Những lời tu đó không một tý nào hợp với Kinh Luận Phật, Tõ. Thế mà những người dạy ấy lại thờ Phật, mặc áo cà sa; thiết rất đồ mẽ hoặc tín đồ Phật giáo. Tuy nhiên, Thiên Tông nói là: "Giáo ngoại biệt truyền"; nhưng Tõ Đạt Ma lại bốn quyển Kinh Lăng Già để truyền tâm ấn, Tõ Hoảng Nhân dạy tụng Kinh Kim Cang v.v...

Lại nữa, Phật Giáo Việt Nam là chịu hệ thống dòng Lâm Tõ, Tào Động Quy Ngưỡng v.v... tức là những dòng Thiên gốc từ Tõ Đạt Ma truyền sang Trung Hoa. Nhưng đến nay những vị trụ trì ở các ngôi chùa cổ, hoặc những vị đang hoằng truyền Phật pháp tại Việt Nam, có mấy người thâm hiểu pháp thiên này. Do không hiểu, cho nên một khi nghe người nói tu thiên là họ có cảm giác lo sợ, hoặc thấy như xa lạ.

Tôi mong rằng tập sách nhỏ này và những tập sách sắp dịch sau đây sẽ giúp cho những vị mộ tu thiên thấy rõ phương pháp tu do Phật, Tõ chỉ dạy, đồng thời gián trạch những pháp tu tà, ngoại đề khỏi lạc lầm.

● THÍCH THANH TỬ
 Pháp Lạc Thất Đầu Xuân Kỷ Dậu
 2512 P.L. 1969 T.L.

LƯỢC SỬ
 TÁC GIẢ

Thiên Sư Tông Mật khi chưa xuất gia họ Hà, nguyên quán ở Quách Châu Tây Sung, gia đình giàu có, lúc nhỏ tính thông minh học, đến hai mươi tuổi mới nghiên cứu Kinh Phật. Đời Đường hiệu Nguyên Hòa năm thứ hai (807 T.L.) sắp được tiên cử đi làm quan, chợt gặp Thiên Sư Đạo Viên(1) Ngài phát tâm xuất gia. Nơi đây, Ngài được truyền tâm ấn, cũng năm ấy thọ giới cụ túc.

Một hôm, nhưn theo chúng thợ trai tăng ở nhà Phủ sứ Nhâm Quán, Ngài ngồi chỗ sau chót. Kế nhận được mười hai chương Kinh Viên Giác, Ngài xem chưa hết mà cảm ngộ rơi nước

mắt. Về chùa, Ngài đem sở ngộ trình lên Thầy. Đạo Viên bảo :

"Ông sẽ hoằng truyền giáo viên đốn, đây là chỉ Phật trao cho ông, nên du phương chứng tự rằng buộc một gốc".

Ngài rời nước mắt vâng lệnh từ tạ ra đi, đến yết kiến Thiên sư Kinh Nam Trương (người Nam Ấn). Kinh bảo:

- "Người truyền giáo nên giảng đạo ở đề đồ".

Ngài lại đến yết kiến Thiên sư Thân Chiếu. Chiếu bảo :

- "Người Bồ Tát, ai có thể biết được".

Tìm đến Nhược Hán, ở đây nhưn vị tăng bệnh trao cho bộ Kinh Hoa Nghiêm cú nghĩa do Đại Sư Trưng Quán tuyên, Ngài chưa từng học tập, một

phen xem qua là giảng được. Tỉ mình duyên gặp gỡ của mình, Ngài nói :

- Các thầy thật, tạo ít có cùng tốt yêu chỉ, chưa bộ nào bằng bộ này, bộ này văn chương lưu loát, nghĩa lý rõ ràng. Ta tu thiên thì gặp Nam Tông (Đốn ngộ), Kinh điển thì gặp Viên Giác. Chỉ một câu nói tâm địa khai thông, trong một quyển Kinh nghĩa sáng khắp trời. Nay lại gặp bộ tuyệt bút này biết sạch trong lòng".

Giảng xong, Ngài nghĩ nên tìm đến Đại sư Trưng Quán. Khi ấy, trong môn đồ có Thái Cung chết tay đống cứng cứng ơn giảng dạy. Ngài gửi thơ đến Đại sư Trưng Quán trước, đợi sẵn sóc Thái Cung lành mạnh, Thầy trở đồng đến Thượng Đệ. Ngài đối với

Đại sư Trưng Quán giữ lễ độ tử. Quán báo :

- "Người hay theo ta đạo Hoa Tang Tỳ Lô là ông vậy".

Ngài ở đây đức hạnh càng ngày càng cao, nhưng bệnh chấp tướng lần lần dứt sạch.

Đi đạo miền Bắc, đến núi Thanh Lương, Ngài dừng lại ở chùa Thảo Đường huyện Hồ. Chứa bao lâu, Ngài lại trụ trì Lan Nhã Khuê Phong ở núi Nam Chung.

Đến niên hiệu Thái Hòa năm thứ hai (828 T.L.), nhà vua thỉnh Ngài về triều ban Tỳ y (y đồ) và thừa hỏi pháp yếu, bá quan trong triều đều qui kính ngài, duy Tướng Quốc Bùi Hưu là thân cận hơn cả. Ngài dùng Thiên và Giáo giáo hóa môn đồ. Về Thiên Ngài có biên tập lời nói, kế tụng của các thiên gia làm một bộ lấy tên là: "Thiên Nguyên Chỉ Thuyên Tập" và viết một quyển cương yếu lấy tên là "Thiên Nguyên Chỉ Thuyên Tập Độ Tử". Về Giáo, Ngài có sở giáo các bộ Kinh Viên Giác, Hoa Nghiêm, Niết Bàn...

Niên hiệu Hội Xương năm đầu (841 T.L.) ngày mùng sáu tháng giêng, Ngài ngồi kiết già thị tịch, tại Tháp Viện Hưng Phước, dáng mạo nghiêm trang, vui vẻ hơn ngày thường đến bảy ngày mới để vào quan tài và sau này thiêu được xá lợi rất nhiều Ngài thọ 62 tuổi, được 34 tuổi hạ.

Sau đây Ngài trả lời mười một câu hỏi quan trọng :

1- Thế nào là đạo ? lấy cái gì để tu ? phải do tu mới thành hay chẳng cần dụng công ?

- Không ngại là đạo, biết vong là tu, đạo tuy vốn tròn, vọng khởi làm phiền lụy, vọng niệm hết sạch tức là tu thành công.

2- Đạo nếu như tu mà thành tức là tạo tác, tạo tác thì đồng pháp hư vọng không thật ở thế gian, thành rồi lại hoại, sao gọi là xuất thế ?

- Tạo tác thì kết nghiệp gọi pháp thế gian hư vọng, không tác (làm) là tu hành tức pháp xuất thế chơn thật.

3- Kia tu là đốn hay tiệm ? tiệm thì quên trước mất sau, lấy cái gì tập hợp mà thành? đốn thì muôn hạnh nhiều môn, đâu thế một thời đầy đủ?

- Chợt ngộ chơn lý là viên đốn, dứt vọng tình cần phải Tiệm tu (tu

dần dần) mới hết. Viên đốn ví như trẻ con sơ sanh trong một ngày các cơ thể đầy đủ. Tiệm tu ví như nuôi dưỡng đến thành nhơn, phải nhiều năm mới lập chí khí.

4- Phạm tu pháp tâm địa khi ngộ tâm là xong, hay riêng có hạnh môn? Nếu riêng có hạnh môn thì sao gọi là đốn chỉ Nam tông (đốn tu)? Nếu ngộ liền đồng chỉ Phật, sao không phóng quang hiển thông ?

- Biết bằng trên mặt hồ nguyên là nước, nhờ ánh nắng mặt trời dần dần tan, ngộ phạm phu tức là chơn, nhờ sức pháp để tu tập. Bể tiêu thì nước trôi chảy, công phụng trình tẩy rửa vọng hết thì tâm linh thông, mới có ứng hiện phát quang. Ngoài việc tu tâm không có hạnh môn riêng.

5- Nếu chỉ tu tâm mà được thành Phật, có sao các Kinh lại nói : Cần phải trang nghiêm Phật độ, giáo hóa chúng sanh mới gọi thành đạo ?

- Giảng sáng thì hiện muôn ngàn hình bóng sai khác, tâm tịnh thì ứng hiện muôn ngàn thân thông. Hình bóng ví trang nghiêm Phật độ, thân thông ví giáo hóa chúng sanh, trang nghiêm tức phi trang nghiêm, hình bóng là sắc mà phi sắc.

6- Các Kinh đều nói độ thoát chúng sanh, chúng sanh tức phi chúng sanh tại sao lại học nhơn độ thoát ?

- Chúng sanh nếu thật độ được tức là học nhơn, đã tự nói "tức phi chúng sanh", sao không so sánh độ mà không độ ?

7- Các Kinh nói "Phật thường trụ", hoặc nói "Phật diệt độ". Thường tức không diệt, diệt tức không phải thường, như vậy là mâu thuẫn nhau ?

- Lìa tất cả tướng gọi là chỉ Phật thì đâu có thật ra đời hay nhập diệt là tại cơ duyên. Cơ duyên ứng hợp thì xuất hiện dưới cõi Bồ Đề, cơ duyên hết thì nhập Niết Bàn giữa hai cây Sa La. Cũng như nước trong, không tâm không hình tượng, không hiện hình tượng không phải có ngã. Bởi vì tướng ngoại chất có đến đi, không phải thân Phật. Đâu thế nói Như Lai có xuất nhập.

8- Thế nào Phật hóa sanh như chúng sanh kia sanh? Phật đã vô sanh thì sanh là nghĩa gì? Nếu nói tâm sanh pháp sanh, tâm diệt pháp diệt thì

đâu được vô sanh pháp nhĩ ?

- Để nói như hóa, hóa tức là không, không tức là không sanh, sao lại hỏi nghĩa sanh? Danh diệt diệt rồi thì tịch diệt là chơn, nhơn được pháp vô sanh này gọi là vô sanh pháp nhĩ.

9- Chỉ Phật thành đạo thuyết pháp chỉ vì độ chúng sanh giải thoát, chúng sanh thì có lục đạo, tại sao Phật chỉ hóa hiện ở trong nhơn đạo? Lại Phật sắp diệt độ trao pháp cho Tổ Ca Diếp dùng tâm truyền tâm cho đến pháp này (Trung Hoa) bảy vị Tổ mới đời chỉ truyền một người

, đã nói rằng đối tất cả chúng sanh coi như con một, tại sao truyền dạy không khắp ?

- Mặt trời, mặt trăng lên cao đều soi sáng khắp sáu phương mà người mà không thấy, châu úp không biết, không phải mặt trời mặt trăng soi chẳng khắp, tại lối che đậy ngăn cách. Độ cùng không độ nghĩa giống như vậy, không phải cuộc nơi người trời bỏ các loài quỉ súc. Chỉ vì nhơn đạo hay kiết tập truyền trao không dứt, nên biết Phật hiện trong nhơn đạo. Sắp diệt độ Phật trao pháp cho Tổ Ca Diếp, lần lượt truyền nhau một người, chính vì nhắm vào vị chỉ Thiên tông trong một đời vậy. Như trong nước không có hai vua, không phải người được độ chỉ số chừng ấy.

10- Hòa thượng nhơn đâu phát tâm ? mộ pháp gì mà xuất gia? nay tu hành pháp gì? được pháp vị gì? Chỗ tu hành đến địa vị nào? là trụ tâm hay tu tâm? Nếu trụ tâm thì ngại tu tâm nếu tu tâm thì đồng niệm không an làm sao được gọi là học đạo? Nếu tâm an nhất định thì đâu khác gì môn đồ của đình tánh (định tánh thỉnh văn)? Cúi mong Đại đức vận dụng đại từ bi theo thứ lớp vì nói đúng lý như như.

- Biết tứ đại như mộng huyễn, hiểu lục trần như bóng hoa, ngộ tâm mình là tâm Phật, thấy bản tánh tức pháp tánh là nguyên nhơn phát tâm. Biết tâm không trụ tức là tu hành; không trụ mà "biết" tức là pháp vị. Trụ trước nơi pháp đây là đồng niệm như người vào tối thì không thấy vật; nay không có chỗ trụ, không nhiễm không trước, như người có mắt và có ánh sáng mặt trời thấy rõ các

Xem tiếp trang 6

THÍCH THIÊN TÂM



Có người cho rằng Tịnh độ giáo thuộc về hành môn không phải lý môn, nghĩa là đức Thích Ca chỉ trên thuật cảnh Cực Lạc rồi khuyên người niệm Phật để cầu sanh, không thiệp đến phần lý thuyết. Nhặt thật ra, lý để đi đến hành, trong hành tức đã có ẩn phần giáo lý. Và lại pháp môn của đức Phật chia làm không tông, luật tông, hiền giáo, mật giáo, tất cả đều nương tựa và làm sáng tỏ cho nhau. Cho nên nên nhận định rằng : không có Duy Thức hay Thiên, thì Mật và Tịnh độ thành ra thân quyền mê tín - hoặc không có Tịnh độ cùng Mật, tất Duy Thức và Thiên thành ra lý thuyết trê kệ đều là biết qua các tông phái Phật giáo bằng lối nhìn phiến diện. Chẳng hạn như bên Thiên tông, tuy chỉ dạy tham một câu thoại đầu, nhưng trong ấy đã hàm ẩn vô biên đạo lý. Tịnh độ tông cũng thế, một câu niệm Phật gồm cả Thiên, Giáo, Luật, Mật, nên có đức đã phân định pháp môn này thuộc về đôn giáo. Và Ngẫu Ích đại

sư - một vị đích truyền thuộc phái Thiên Thai - cũng bảo: "Một câu Phật hiệu nếu niệm cho thuần thục, thì ba ngàn cõi nghĩ tám muôn tổ hạnh, bao nhiêu công án của Thiên tông và đạo lý cực tác của Giáo môn đều ở trong đó".

Để chứng minh câu niệm Phật hàm đạo lý nhiệm mầu, và giải mỗi nghi cho những vị tìm hiểu cũng hành trì về môn này, bút giả xin phiên dịch quyển Thập Nghi của ngài Trí Giả, tập Hoắc Văn của ngài Thiên Nai, hợp lại tạm lấy nhan đề là Tịnh độ Quyết Nghi Luận. Trong đây phần nhiều bàn giải những nghi vấn hơi cao, đáng lẽ bút giả phải phải thích thêm những nghi điểm thông thường về Tịnh độ, song vì tự thân kém sức khoẻ lại Phật sự bận nhiều, nên xin hẹn cho dịp khác.

Nội dung quyển này trừ một vài điểm phụ giải có ghi chú, ngoài ra toàn là những luận thích của bậc danh đức. Học giả có thể đặt niềm tin tưởng nơi cổ huấn, mà mở đường vào Tịnh độ huyền môn.

L.D.

TỊNH ĐỘ THẬP NGHI LUẬN

Đời Tùy, Thiên Thai Trí Giả đại sư soạn :

1- Hỏi : Chư Phật Bồ Tát lấy Đại bi làm sự nghiệp. Vậy người đã phát tâm Bồ đề, nếu muốn cứu độ chúng sanh, chỉ nên nguyện sanh trong ba cõi, ở nơi đời ngũ trước, vào ba đường ác mà cứu khổ cho các hữu tình. Tại sao chúng ta đã học theo Phật, lại xa rời chúng sanh, tự sống riêng một cuộc đời yên ổn? Đó có phải là thiếu lòng từ bi, chuyên lo tự lợi và trái

với Đạo Bồ đề chăng ?

- Đáp : Bồ Tát có hai hạng :

a) Bậc tu Bồ Tát đạo đã lâu, chứng được vô sanh pháp nhẫn. Với những vị này, đem lời đó trách thì đúng.
b) Bậc chưa chứng vô sanh và hàng phàm phu mới phát tâm Bồ Tát. Những vị sau này cần phải thường không rời Phật, mới thành tựu được nhân lực và có thể ở trong ba cõi, vào nơi đời ác để cứu độ chúng sanh. Cho nên luận Trí độ nói : "Hạng phàm phu còn đủ mọi sự ràng buộc, dù có lòng đại bi, nhưng với muôn sanh trong đời ác để cứu chúng hủi tình khổ não, đó là điều không hợp lý. Tại sao thế? Vì trong cõi đời ác trước, nghiệp phiền não mạnh mẽ lấy lòng. Khi ấy, mình đã không có nhân lực, tất tâm sẽ tùy cảnh mà chuyển, rồi bị sắc, thanh, danh, lợi trôi buột, sanh ra dãi nghiệp tham, sân, si. Quãng đời tự cứu đã không rồi, nói chi là cứu chúng sanh? Giả sử được sanh trong cõi người thì cảnh xấu ác, kẻ tà ngoại đầy dẫy, người chính chơn khó gặp, cho nên Phật pháp không dễ gì nghe, thành đạo không dễ gì chứng.

Nếu người nhân bố thí, trừ giới, tu phúc đức làm bậc quyền quý, may ai không mê đắm cảnh giàu sang, buông lung trong trường dự Lạc ?

Lúc đó dù có bậc Thiện tri thức khuyên bảo, họ cũng không chịu tin làm theo, lại vì muốn thỏa mãn lòng tham dự của mình, nương quyền thế sẵn có, gây ra nhiều tội nghiệp. Đến khi chết rồi, bị đọa vào tam đồ trái qua vô lượng kiếp, khi khỏi tam đồ, sanh được làm người, phải thọ thân bên tiền; nếu không gặp Thiện tri thức lại mê lầm gây tội ác, rồi bị đọa nữa. Từ trước đến nay chúng sanh luân hồi đều ở trong tình trạng ấy. Đây gọi là Nen hành đạo vậy.

Kinh Duy Ma cũng nói : "Chỉnh bệnh của mình còn không tự cứu được, đâu có thể cứu được bệnh cho kẻ khác".

Luận Trí độ cũng nói : "Vị như hai người, mỗi kẻ đều có thân nhân bị nước lũ cuốn; một người tánh gấp nhảy ngay xuống nước để cứu vợ, nhưng vì thiếu phụng tiện nên cả hai đều bị đắm chìm. Một người sáng

tĩnh hơn vội chạy đến lấy thuyền bơi ra cứu vớt, nên cả hai đều khô bị nạn trầm tịch. Bậc Bồ Tát mới phát tâm vì chưa đủ nhân lực nên không thể cứu chúng sanh, cũng như người trước. Nhưng vị Bồ Tát thường gần gũi Phật chúng được Vô sanh nhân, mới có thể nhận thế và cứu độ vô lượng chúng sanh, cũng như người sau. Như trẻ thơ không nên rời mẹ, nếu rời mẹ thì hoặc rơi vào hầm giếng, té xuống sông đầm, hoặc dơi khát mà chết. Lại như chim non chưa đủ lông cánh, chỉ có thể nhảy chuyển theo cành cây; dơi chui vào lồng cánh đầy đủ, mới có thể bay xa, thông thả vô ngại. Phạm phu không nhân lực chỉ nên chuyên niệm Phật A Di Đà cho được nhất tâm, dơi khi tịnh nghiệp thành tựu, lúc lâm chung sẽ được Phật tiếp dẫn vãng sanh, quyết định không nghi. Khi thấy đức A Di Đà chúng quả Vô sanh rồi, chúng ấy sẽ cõi thuyền Pháp nhân vào biển luân hồi cứu vớt chúng sanh, mặc ý làm vô biên Phật tử.

Cho nên bậc bi tâm hành giả, như muốn giáo hóa nơi Địa ngục, vào biển trầm luân, nên chú ý đến nhân duyên cầu sanh Tịnh độ. Điều này Thập Trụ Tỷ Bà Sa Luận gọi là Di hành đạo.

2- Hỏi : Thế của pháp là không, xưa nay vẫn vô sanh và bình đẳng vắng lặng. Nếu bỏ Ta Bà cầu về Cực Lạc, há chẳng là trái lý ư? Lại trong kinh nói : "Muốn cầu Tịnh độ, trước phải tịnh tâm mình; tâm mình thanh tịnh, cõi Phật mới thanh tịnh". Người cầu sanh Tịnh độ, cũng chẳng là trái lý này?

- Đáp : Vấn đề này có hai nghĩa. Xin phân làm tổng đáp và biệt đáp.

Về phần tổng đáp, nếu ông cho rằng cầu về Tịnh độ tức là bỏ đây tìm kia, không hợp với lý bình đẳng như như. Còn ông chấp Ta Bà, không cầu về Cực Lạc há lại không bị lỗi bỏ kia chấp đây sao? Nếu ông bảo: "Tôi không cầu kia cũng không chấp đây" thì lại mắc lỗi đoạn diệt. Cho nên, Kinh Kim Cang Bát Nhã nói : "Tu Bồ Đề! Ông đừng nghĩ rằng : Nói phát tâm Vô thượng bồ đề là đoạn diệt, hết tướng của các pháp. Tại sao thế? Vì phát tâm Vô thượng bồ đề, đối với các pháp không nói tướng đoạn diệt."

Về phần biệt đáp, như ông đã gan về lý Vô sanh và tâm tịnh tôi xin giải

thích. Vô sanh cũng chính là lý bất sanh bất diệt. Bất sanh là các pháp giả hợp của sanh duyên không tự tánh, nên không thật có sanh thể và thời gian sanh. Xét ra không phải thật từ đâu mà đến, nên gọi là Bất sanh. Bất diệt là khi các pháp hoại diệt cũng không tự tánh, nó không báo rằng mình hoại diệt. Vì nó không thật có chỗ đi về nên gọi là bất diệt. Cho nên lý Vô sanh hay Bất sanh diệt không phải ngoài các pháp sanh diệt mà có. Vì thế chẳng phải không cầu sanh Tịnh độ mà gọi là Vô sanh. Trung quán Luận nói : "Các pháp nhân duyên sanh. Ta nói chính là không. Đó gọi là giả danh. Cũng là nghĩa trung đạo". Lại nói : "Các pháp không tự sanh, không tự nơi cái khác mà sanh, không phải cộng sanh cũng không phải vô nhân nên gọi là vô sanh". Kinh Duy Ma nói "Tuy biết các cõi Phật. Giữ với huỷ tịnh không. Mà thường tu tịnh độ. Để giáo hóa quần sanh". Lại nói : "Vì như có người tạo lập cung thất, nếu cất ở chỗ đất trống thì tùy ý dựng ngại; nếu muốn xây giữa hư không, tất không thể thành. Chư Phật thuyết pháp thường nương theo Nhị đế, không phải hoại giả danh mà nói thật tướng của các pháp". Cho nên người trí tuy siêng cầu cầu sanh Tịnh độ, mà rõ sanh thể không thật có. Đây mới là chân vô sanh và cũng là nghĩa tâm tịnh cõi Phật thanh tịnh. Trái lại kẻ ngu bị cái sanh ràng buộc, nghe sanh liền nghĩ là sanh, nghe nói vô sanh lại chấp là không có sanh về nơi nào cả, đều biết rằng sanh chính là vô sanh, vô sanh há lại ngại vì sanh? Vì không hiểu lẽ này, họ sanh lòng tranh chấp thị phi khinh chê người cầu sanh Tịnh độ, thật rất sai lầm! Đây chính là kẻ tội hơn báng Pháp, hạng tà kiến ngoại đạo vậy.

3- Hỏi : Tất cả cõi Tịnh độ của Chư Phật ở mười phương công đức đều bình đẳng, pháp tánh cũng như vậy. Người tu nên nhớ nghĩ khắp tất cả công đức của chư Phật, cầu về các cõi tịnh ở mười phương mới phải, sao nay lại riêng cầu tịnh độ của một đức Phật? Như thế chẳng là trái với lý bình đẳng cầu sanh ư?

- Đáp : Tất cả cõi tịnh của chư Phật, thật ra đều bình đẳng. Nhưng vì chúng sanh ở cõi này phần nhiều

là kẻ độn căn, trước loạn; nếu khó bước tâm chuyên vào một cảnh, thì tam muội khó thành. Chuyên niệm Phật A Di Đà tức là Nhất tướng tam muội, vì tâm chuyên nhất, nên được sanh về cõi kia. Như trong kinh Tùy Nguyên Vãng Sanh, Phó Quang Bồ Tát hỏi Phật : "Bach đức Thế Tôn! Mười phương đều có tịnh độ, tại sao Thế Tôn lại riêng khen ngợi cõi Tây phương Cực Lạc và khuyên chúng sanh nên chuyên niệm Phật A Di Đà để cầu về cõi ấy?". Phật bảo ngài Phó Quang "Chúng sanh ở cõi Diêm phù đề phần nhiều tâm trước loạn vì thế ta chỉ tán thán một Tịnh độ ở Tây phương, khiến các huỷ tịnh chuyên tâm vào một cảnh, để cho sự vãng sanh được dễ thành tựu. Nếu nhớ niệm tất cả chư Phật, vì niệm cảnh quá rộng, nên tâm mệnh mang tán lạc, tam muội khó thành, không được vãng sanh. Lại sự cầu công đức của một vị Phật cùng sự cầu công đức của tất cả Phật khác nhau, vì chư Phật đồng một pháp tánh. Cho nên niệm Phật A Di Đà, tức là niệm tất cả Phật, sanh Tây phương Tịnh độ, tức là sanh tất cả tịnh độ. Vì thế kinh Hoa Nghiêm nói : "Thân tất cả chư Phật. Là thân một đức Phật. Một tâm một trí huệ. Lục, vô úy cũng thế". Lại nói : "Vì như trăng tròn sáng. In bóng khắp sông hồ. Ảnh tượng tuy vô cùng. Mặt trăng chỉ là một. Như đức Vô ngại trí. Thành bậc đẳng Chánh Giác. Ứng hiện tất cả cõi. Thân Phật không có hai".

Tóm lại, người có trí huệ nương nơi thí dụ trên sẽ hiểu được lý một tức tất cả, tất cả là một. Khi hiểu được lý này, thì niệm một đức Phật, chính là niệm tất cả chư Phật vậy.

4- Hỏi : Mười phương đều có chư Phật và tịnh độ. Nếu vì lẽ chúng sanh ở cõi này tâm tánh trước loạn, niệm nhiều vị Phật e tam muội khó thành; tại sao người tu không tùy ý niệm một đức Phật, tùy nguyện cầu sanh về một tịnh độ nào khác, há tất phải riêng niệm đức A Di Đà cầu sanh về Cực Lạc ư?

- Đáp : Phạm phu vô trí phải theo lời Phật dạy, chẳng nên tự chuyên, vì thế xưa nay những người tu tịnh độ đều chuyên niệm Phật A Di Đà. Theo lời Phật dạy là thế nào? Đức Thích Ca Thế Tôn một đời thuyết pháp

hãng khuyên chúng sanh niệm Phật A Di Đà cầu sanh về thế giới Cực Lạc. Như trong các kinh Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ, Phật Thuyết A Di Đà, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm... có đến mấy mủi bộ, Phật đều ân cần khuyên sanh về Tây phương. Chẳng những riêng các kinh, mà trong các luận, như Bồ Tát, Tổ Sư đều bảo nên cầu sanh về Cực Lạc.

Lại nữa, đức Phật A Di Đà có 48 điều đại bi nguyện lực để tiếp độ chúng sanh. Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: "Phật A Di Đà có 84.000 tướng, mỗi tướng có 84.000 vẻ đẹp tùy hình mỗi vẻ đẹp phóng ra 84.000 tia sáng soi khắp pháp giới nhiếp lấy chúng sanh niệm Phật không rời bỏ. Nếu có chúng sanh nào niệm danh hiệu Ngài, thì có cảm tương ứng, quyết định sẽ được vãng sanh". Các Kinh: Phật Thuyết A Di Đà, Vô Lượng Thọ, Cổ Âm Vương Đà La Ni đều nói: - Khi đức Thích Ca thuyết kinh, hằng hà sa chú Phật ở mười phương đều hiện tướng lưới rộng dài che khắp cõi đại thiên để chứng thật rằng nếu chúng sanh nào niệm Phật A Di Đà, tất sẽ nương nhờ đại bi nguyện lực của ngài, quyết định được sanh về thế giới Cực Lạc.

Nên biết Phật A Di Đà đối với cõi này có nhân duyên lớn. Như kinh Vô Lượng Thọ nói: "Trong thời mạt, khi các kinh khác đã diệt hết, chỉ còn kinh này lưu trú ở đời 100 năm để tiếp độ loài hữu tình vãng sanh về cõi kia". Đây là điểm chứng minh Phật A Di Đà đối với chúng sanh ở cõi trước này có đại nhân duyên.

Về các tình đồ khác, tuy một hai bộ kinh có lược khuyên vãng sanh, song chẳng bằng cõi Cực Lạc là tiêu điểm mà các kinh luận đều ân cần khuyên hướng.

(còn tiếp)



NGUỒN THIÊN

(tiếp theo trang 3)

vật. Thế thì đâu thế đồng môn đồ của định tánh, đã không có chỗ trụ trước thì đâu luận xử sở?

11- Người ngộ lý dứt vọng thì không kết nghiệp, sau khi mạng chung linh tánh sẽ nương vào đâu?

- Tất cả chúng sanh đều có tánh giác linh minh không tịch không khác với Phật, chỉ do từ vô thủy kiếp đến nay chưa từng liễu ngộ, vọng chấp thân là tướng của ta, cho nên sanh tình yêu ghét..., theo tình tạo nghiệp, theo nghiệp thọ báo, sanh, già, bệnh, chết luân hồi nhiều kiếp. Nhưng, giác tánh trong thân chưa từng sanh tử. Như mộng thấy bị xua đuổi mà thân vẫn nằm yên trên giường. Vọng từ vô sanh thì đâu có chỗ nương gởi, tỉnh lạnh không mở mịt, rõ ràng thường biết, không từ đâu đến cũng không đi đâu. Song vọng chấp nhiều đời huân tập thành tánh, mừng, giận, vui, buồn trôi chảy nhỏ nhiệm, tuy đã dứt ngộ chơn lý mà tình này không thể dứt liền, cần phải hằng xét nét dần dần tôn giảm. Như gió dùng mà sóng dần dần mới lặng. Đâu thế tu hành một đời mà đồng lực dụng của chư Phật, chỉ nên lấy không tịch làm thể của mình, chớ nhận sắc thân này, lấy linh tri làm thân của mình, dụng nhân vọng niệm, vọng niệm nếu khởi không nên theo nó, tức là khi sắp mạng chung tự nhiên nghiệp không thể ràng buộc. Tuy có thân trung ấm mà đi đâu, tùy ý đến cõi người, cõi trời thọ sanh. Nếu niệm yêu ghét đã hết tức không thọ thân phần đoạn (thân còn ăn uống thô) tự hay đổi dở thành hay, đổi thô thành diệu. Nếu phần trôi chảy nhỏ nhiệm lặng sạch tất cả, chỉ riêng còn viên giác đại trí sáng suốt, tùy cơ ứng hiện trăm ngàn ức thân độ chúng sanh hữu duyên, gọi đó là Phật.

Ngài có làm tám câu kệ hiển bày ý này:

Tác hữu nghĩa sự,
Thị tính ngộ tâm;
Tác vô nghĩa sự,
Thị cuồng loạn tâm.

Cường loạn tùy tình niệm,
Lâm chung bị nghiệp khiên;
Tính ngộ bất do tình,

Lâm chung nãng chuyên nghiệp
Dịch:

Làm việc có nghĩa(2)
Là tâm tỉnh ngộ;
Làm việc vô nghĩa(3)
Là tâm cuồng loạn.
Cường loạn theo tình niệm(4)
Lâm chung bị nghiệp lôi.
Tính ngộ không theo tình(5)
Lâm chung hay chuyên nghiệp.

- (1) Đạo Viên đệ tử Duy Trung, Duy Trung đệ tử Pháp Như, Pháp Như đệ tử Thân Hồi.
- (2) Có nghĩa là hợp đạo lý. Biết xét nét mỗi hành động minh thích hợp đạo lý là làm việc có nghĩa.
- (3) Vô nghĩa là không hợp đạo lý. Hành động theo tình cảm không nhận xét, trái đạo lý là "làm việc vô nghĩa".
- (4) Tình niệm là vọng niệm loạn tưởng.
- (5) Tỉnh là tỉnh niệm. Khi sống hành động không theo tình niệm đến khi lâm chung được tự do tự tại "hay chuyên nghiệp".

(còn tiếp)



HÒA THƯỢNG THÍCH TRUNG QUÁN dịch

PHẬT NÓI KINH TƯỢNG PHÁP QUYẾT NGHỊ

(tiếp theo)

Thiên nam tử, ta từ lúc mới thành đạo cho đến ngày nay, nơi nơi các đệ tử nhận ăn thịt ấy, kẻ phàm phu, thực thấy ăn thịt. Lại có chúng sinh thấy các tỷ khâu thị hiện ăn thịt; lại có chúng sinh, biết các tỷ khâu khi ăn thịt thâm nhập vô lượng các môn đối trị, vô lượng tỷ khâu đoạn hạ phiền não, vô lượng tỷ khâu độ thoát chúng sinh, khiến nhập Phật đạo, Như Lai giáo hóa bất khả tư nghĩ. Ta từ khi thành Phật đến nay, các đệ tử ta chưa từng ăn thịt chúng sinh.

Trong tỷ ni ta cho ăn thịt, nghĩa là thí thịt ấy chẳng từ hôn đại sinh; chẳng từ thai sinh, chẳng từ trứng sinh, chẳng từ âm uất sinh chẳng từ hóa sinh, chẳng cùng thực hợp, chẳng cùng manh hợp, nên biết thế gian không có thí thịt ấy.

Thiên nam tử! trong đời vị lai các ác tỷ khâu, nơi nơi, chôn chôn giảng thuyết kinh luật, theo văn thủ nghĩa, chẳng biết Như Lai ẩn phủ bí mật.

Thiên nam tử! Phật xuất hiện ra đời cho các đệ tử ăn thịt chúng sinh thì không có lý, nếu mà ăn thịt sao gọi là đại bi được!

Thiên nam tử! ngày nay trong tòa vô ngần số chúng, đều thấy chẳng đồng nhau; hoặc thấy Như Lai vào Niết Bàn, hoặc thấy Như Lai trụ thế một kiếp, hoặc thấy Như Lai trụ vô lượng kiếp, hoặc thấy Như Lai thân trắng tượng lục; hoặc thấy tiểu thân hoặc thấy đại thân, hoặc thấy Như Lai tọa liên hoa tạng thế giới hải vì trăm ngàn ức Thích ca mâu ni Phật thuyết tâm địa pháp môn; hoặc thấy pháp thân đồng như hư không

không có phân biệt, vô tướng vô ngại biến chu pháp giới; hoặc thấy xứ này Sa la lâm địa hết là đất cát thảo mộc đá vách, hoặc thấy xứ này vàng bạc thất bảo thành tinh trang nghiêm; hoặc thấy xứ này là nơi tam thế chư Phật hành đạo; hoặc thấy xứ này tức là bất khả tư nghĩ chư Phật cảnh giới chân thực pháp thế.

Thiên nam tử! chư Phật xuất thế du hành chỉ trụ, tất cả chỗ làm đều là xa lìa tướng thế gian; cũng lại chẳng lìa thế gian hiện thị thực tướng pháp, Như Lai nói rằng hợp văn pháp, diễn thuyết nhất tử, nhất cú, nhất ngôn, hay khiến tất cả chúng sinh, tùy chúng chúng loại, chúng chúng căn tính, nhận được chẳng đồng, hiểu biết đều khác. Như Lai pháp bất cộng bất khả tư nghĩ, chẳng phải hàng Thanh văn Duyên giác có thể biết, Như Lai lấy lực từ tại tùy cơ ẩn hiện giáo hóa chúng sinh.

Trong thời tượng pháp các ác tỷ khâu không hiểu ý ta, chấp kiến của mình, tuyên thuyết mười hai bộ kinh tùy văn thủ nghĩa làm quyết định thuyết, nên biết người ấy làm oan tam thế chư Phật, mau diệt pháp ta. Thiên Nam Tử! chư Phật thuyết pháp thường y theo nhị đế, khi thuyết pháp thế đế, không trái đệ nhất nghĩa đế, chỉ gần đệ nhị xa, lập tượng biểu huyền; các ác tỷ khâu ở trong nghĩa này, chẳng hay hiểu rõ, phi báng chẳng tin, theo tướng thủ nghĩa, trái kiếp chịu tai ương. Các tỷ khâu cũng lại tự xưng: ta là pháp sư, ta là luật sư, ta là thiên sư, ta thí người này hay diệt pháp ta, lại chẳng phải là người khác, ta thí người này nói dối lẫn nhau, hủy

háng lẫn nhau, ba thí người này, vào địa ngục nhanh như tên bắn.

Khi bấy giờ Thượng thí bố tát bạch Phật rằng: Bạch lay đức Thế Tôn các tỷ khâu như thế thì thời nào được ra?

Thiên nam tử! ta diệt độ về sau rồi độ 1 ngàn năm, thì ác pháp dần lên, một ngàn 1 trăm năm sau các ác tỷ khâu tỷ khâu ni, đầy cõi Diêm phù đề, nơi nơi sung mãn, không tu đạo đức cầu nhiều tài vật, chuyên làm phi pháp, chưa nhiều tâm thí bất tịnh, thân không có mười đức, chưa mười hai Sa-di, chưa chỉ mười tuổi hạ đã độ Sa-di, bởi nhân duyên ấy, tất cả người tục, khinh rẻ ngôi Tam Bảo, từ đó về sau tất cả đạo tục ganh nhau tạo lập chùa tháp, biến mãn thế gian, tháp miếu hình tượng nơi nơi đều có, hoặc ở sơn lâm khoáng dã, hoặc ở bên đường, hoặc ở xóm ngõ xứ ẻo ác xứ, đồ vở hủy hoại không người sửa chữa.

Khi bấy giờ đạo tục tuy tạo chùa tháp cúng dâng tam bảo, mà ở nơi Tam bảo không sinh lòng kính trọng, thỉnh tăng ở chùa, mà không cho ăn uống áo mặc đồ nằm thuốc thang, trái lại ở trong đó, lại mượn lấy xin tiền của, hoặc ăn món ăn của tăng chúng, không sợ đời vị lai nói ba đường khổ. Đường khi bấy giờ tất cả người tục, bất cứ sang hèn chỉ muốn làm cho tăng tôn hai ráo loạn nường việc không lợi ích, không muốn ủng hộ, lú người như thế, đo lường nơi tam đồ.

Thiên nam tử! trong đời vị lai tất cả tục quan không tin tội phúc, thâu thâu đoạt của tăng chúng, hoặc thuê sức sinh gạo thóc, cho đến một hào này vật; hoặc xua đuổi saikhien nô tỷ Tam bảo, hoặc cỡi trâu ngựa của Tam bảo; tất cả tục quan chẳng được đánh đập nô tỷ sức sinh của Tam bảo, cho đến chẳng được nhân nô tỷ của Tam bảo lễ bái, đều bị ương họa phỉ báng chi xua đuổi đánh đập.

Bảo các tục quan nếu có nơi cấm phòng thâu thuê, cần thân chó có thâu thuê tỷ khâu, nếu mà thâu thuê người xuất gia đắc tội vô lượng.

Thiên nam tử! đương khi bấy giờ tất cả đạo tục nếu làm phúc nghiệp thì phải bố thí cho người già lão cô độc tần cùng khôn khổ ác bệnh, và

nên sửa chữa chùa tháp hình tượng bị hủy hoại không hỏi mình hỏi nhiều, người hỏi nhiều tùy theo năng lực tất cả đều sửa trị, người ấy công đức bất khả tư nghĩ, chỉ nên sửa cũ, không cần tạo mới.

Thiên nam tử ! tại sao trong đời vị lai, tất cả người tục khinh rẻ ngôi Tam bảo chính là tỷ khâu tỷ khâu ni chẳng được như pháp có vậy, thân mặc pháp phục khinh lý tục duyên, hoặc ở nơi chợ búa buôn bán để sống, hoặc là đi đường buôn bán cầu lợi, hoặc là công xảo hoa sự làm nghiệp, hoặc là xem tướng nam nữ cát hung, uống rượu mê say hát múa đánh nhạc, hoặc đánh cờ vậy, đánh bạc hoặc có tỷ khâu ninh hót thuyết pháp để cầu ý người, hoặc tụng chú thuật để chữa bệnh người, hoặc là tu thiền chẳng hay tư nhất tâm, lấy phép tà đình, coi xem cát hung, hoặc làm châm cứu thuốc thang để cầu y thuật, bởi nhân duyên ấy, - khiến các người tục không sinh kính trọng, duy trừ bỏ tất lợi ích chúng sinh.

Khi bây giờ Đức Thế Tôn lai báo Thường Thị Bồ Tát : Thiên nam tử ! trong đời vị lai, đạo tục có những ác nhân tạo lập hình tượng ta, hoặc hình tượng Bồ Tát buôn bán lấy tiền để nuôi đời sống, tất cả đạo tục chẳng biết tội phúc, mà về cúng dàng, hai đầu dắc tội, trong năm trăm đời thường bị người ta bán. Thiên nam tử ! trong đời vị lai tất cả chúng sinh tạo lập hình tượng, đều chẳng đầy đủ, thành tựu chúng tướng, hoặc làm mà thân, hoặc chân tay chẳng thành, tai mũi mắt mũi đều chẳng thành tựu, đáng có ảnh hưởng mà thôi, hoặc tạo tháp miếu không để hình tượng hoặc có phá tháp hoại tượng lại chẳng tu sửa, những lỗi người ấy phải tội vô lượng.

Thiên nam tử ! trong đời vị lai các tỷ khâu, ở trong trụ xứ, từ cùng ruộng chẻ phùng cầm từ phùng tăng, hợp tác ăn có hạn, hoặc một ngày, mười ngày hoặc năm bốn ba ngày nài chỉ được một bữa ăn, các tỷ khâu ấy mạng chúng đọa trong địa ngục, nạn quý, súc sinh thụ khổ vô cùng. Lai có tỷ khâu hoặc Sa di, lấy của chúng tăng, tủa hình của mình, tùy ý thu dụng, hoặc ăn phi thời hoặc cho thân hầu, những tỷ khâu Sa di ấy, cho đến ngàn đức Phật xuất thế quyết không

đức nghe pháp, thường ở tam đồ không có nói sám hối, nếu cùng người ấy chung ở một nơi, yết ma bỏ tất, tác pháp sư, hết đều chẳng thành, và sẽ dắc tội.

Thiên nam tử ! nếu phạm đủ bốn tội trọng, năm tội nghịch, còn để cầu và có thể sám hối, nếu xâm phạm của chúng tăng một mảy một rúm, phi thời ăn uống, tự tại lấy cho, lâu chìm đắm nơi biên khổ, trọn không thời ra hoặc hiện thế bị suy hao phiền não, nếu cùng người ấy, chung ở một nơi thì ngày đêm dắc tội.

Thiên nam tử ! trong đời vị lai có các người tục, chẳng biết tội phúc, hoặc là tổ phụ, hoặc tự thân mình tạo lập tượng Phật, kinh thư, phan hoa, lấy bán cho người, để nuôi vợ con, như thế không nên mà. Đương khi bây giờ tất cả tục quan, sấm có thể lục, bắt những người đó, đánh phạt đuổi ra khỏi nước.

Thiên nam tử ! tỷ khâu tỷ khâu ni, dù bà tác ưu bà di, quốc vương đại thần cung trung phi hầu, hủy phạm cấm giới, chẳng biết tịn hồ, chẳng biết sám hối, bởi nhân duyên khiến pháp uế trọc.

Thiên nam tử ! trong đời vị lai các ác tỷ khâu chấp trước trụ xứ, như người tục nhân, hồ xá trách mình, không hay ý thời, ba tháng một lần đời đời; thấy các tỷ khâu y bát tự tùy, ở nơi trụ xứ đã mãn chín mươi ngày, đi đi nơi khác, các ác tỷ khâu đều cùng nói rằng : tỷ khâu chí tính chẳng định phiền não làm việc cường loạn thất tâm, luôn luôn đời đời, làm lời nói ấy, phải tội vô lượng.

Thiên nam tử ! trong đời vị lai khi các ác khởi, tất cả đạo tục, phải nên tu học, đại từ đại bi, nhân chịu người ta nỡ, nên tự niệm rằng : tất cả chúng sinh, từ vô thủy đến nay là cha mẹ ta; tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay là anh em chị em vợ con họ hàng của ta, bởi nghĩa đó tất cả chúng sinh từ bi mãn niệm tùy lúc cứu tế; nếu thấy chúng sinh khổ ách làm những phùng tiền không tiếc thân mình. Đương khi bây giờ nếu quốc vương đại thần, chu thành áp Tục Lạc, thế lực trưởng giả Bà La Môn và hầu lực tỷ khâu, nên khuyên người chớ cho thoát duyên, trợ giúp thế lực chớ cho kẻ ác nhân làm sự

lưu nan, chớ cho ác nhân xâm đoạt tài vật; trợ giúp như thế, công đức người ấy không thể nói hết.

Đương khi bây giờ, bị tâm Bồ thí bản cùng cô lão tất ca khô ách, cho đến loài sâu kiến, phúc ấy tội thặng.

Thiên nam tử ! nếu ta nói rộng công đức Bồ thí vô cùng khô, náo, cùng kiếp không hết, thời niết bản đã đến, vì người lược nói :

Khi bây giờ đại chúng nghe Phật nói những tai biên đời vị lai tượng pháp diệt, lòng trên mình đều dùng dùng, bị ai rầu rĩ chẳng hay ta xiết.

Phật báo đại chúng thời dùng kêu khóc, pháp thế gian như thế, lành hơn có ác, thịnh thời có suy.

Phật lại báo Thường Thị Bồ Tát rằng : hãy để việc ấy lại, người lấy tướng gì mà quan sát Như Lai ? lại lấy tướng gì mà quan sát chúng sinh?

Thường Thị Bồ Tát bạch Phật rằng : Lay Đức Thế Tôn con quan sát Như Lai chẳng từ tiên tổ, chẳng đáo bỉ ngạn, chẳng trụ trung gian, phi hữu phi vô phi xuất phi nhập, phi sắc phi bất sắc, phi hữu phi vô phi vi, phi thường phi đoạn, phi hải lâu

phi vô lâu, đồng như hư không chẳng với pháp tính, từ mới thành đạo cho đến niết bản, ở khoảng trung gian chẳng thấy Như Lai nói một câu pháp song các chúng sinh thấy có xuất nhập thuyết pháp độ nhân, Như Lai cảnh giới bất khả tư nghĩ, chẳng có thể lấy thức mà biết, chẳng có thể lấy trí mà biết ra ngoài ba đời, chẳng lý ba đời, chỉ có Như Lai từ biết pháp ấy, con quan sát Như Lai là như thế vậy. Lay Đức Thế Tôn con quan sát chúng sinh cái tướng bốn đại, như mây trong hư không, như nhiệt thời póng, như thành Càn thát bà như huyền như hóa, như không tu lại như tượng trong kính, như mặt trăng dưới nước, như vang trong hang trống, thụ tượng hành thức hết đều như thế. Lay Đức Thế Tôn chúng sinh tâm tướng bất khả tư nghĩ, chẳng phải hàng thanh văn duyên giác ha địa Bồ Tát có thể biết. Lay Đức Thế Tôn ! tướng của chúng sinh chẳng lai chẳng đi, chẳng có chẳng

Xem tiếp trang 12

Pháp giới là một siêu trường lực, bao gồm vô số vô lượng những trường lực :

Đây là một nguyên lý cơ bản của giáo lý Phật, chung cho cả Hiến giáo lẫn Mật giáo. Nhưng điểm độc đáo của Mật thừa là đây nguyên lý ấy tới cùng cực, tới chỗ cực kỳ linh động.

Đối với nhà Phật, pháp giới này không phải là một cái gì cố định ù lý, có một bộ mặt cố định, và gồm những vật này vật nọ như một thân-cây, một bức tường, một hạt bụi, con sông, trái núi, những vì sao, giải ngân hà v.v... Trái lại, nó là một cái gì cực kỳ linh động, luôn luôn biến hiện, vừa là không diện mục (non visage) lại vừa có muôn bộ mặt Tất cả sự vật đều chỉ là ảnh tượng, chiếu cảm bởi nghiệp lực và nhân lực của chúng sanh đúng nhìn. Vật cùng âm thanh, màu sắc, hình thù... không thể nói là có, cũng không thể nói là không được. Tỷ dụ như một thân cây hoặc một trái núi : có những chúng sanh có nghiệp lực tương ứng như loài người chẳng hạn, thì nhìn thấy chúng, đụng chạm phải chúng... nên cho chúng là có. Trái lại, có những loại quỷ thần đi qua được thân cây, núi đá, nên không vấp phải chúng, nhiều khi không nhìn thấy chúng... nên cho chúng là không. Tất cả những vật khác cũng đều như vậy : chúng không phải là không là vì có những loại chúng sanh trông thấy và khởi phiến não vì chúng, nhưng chúng cũng không phải thật có, vì có những loại chúng sanh chẳng hề nhìn thấy và chẳng hề khởi phiến não... Hãy lấy tỷ dụ như ngay chúng ta chẳng hạn. Giờ này đây, ta còn mang thân người với nghiệp lực cùng nhân lực của người, thì vũ trụ xuất hiện dưới mắt ta với những ảnh tượng như là cửa, núi non trăng sao... Nhưng tới khi ta lìa bỏ báo thân này, mang 1 thân nghiệp khác như trung âm thân v.v..., thì vũ trụ lại xuất hiện khác, và lúc đó, ta đi qua lòng đất được... Hoặc nếu ta vãng sanh Cực Lạc, được thân hào quang với nghiệp thù thắng, thì vũ trụ lại xuất hiện dưới những cảnh giới sáng ngời, thuần là diệu âm, diệu hương...

Cho nên, tất cả mọi cuộc sống, mọi hình thái hiện hữu... đều là

Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng

Pháp giới : một siêu trường lực

những trạng thái tâm thức le lói chiếu soi mà thôi. Và Chư Phật ra đời, chỉ là cốt dạy chúng ta về cách CHUYỂN HIỆN những trạng thái tâm thức.

Do đó, nên pháp giới là một thực thể cực kỳ linh động, vì nó là những ảnh tượng BIẾN HIỆN của quang minh, của vô lượng vô số những màn thiên la võng quang minh khởi lên từ cái biến Diệu tâm rồi xoay vần xen lẫn lộn vào nhau và kết tập nên... Khởi lên từ cái biến Thân lực hải phương tiện Đại bi của Chư Phật, từ cái biến Nguyên lực hải của Chư Bồ Tát, cũng như từ biến Nghiệp lực hải vô minh của các loài chúng sanh. Nếu không có những quang minh của những trung tâm tâm thức rực rỡ hoặc le lói chiếu soi đó, thì vũ trụ này không thể tồn tại hay hiện hữu được một sát na.

Cũng vì nó chính là một biến chấp chùng quang minh hoặc thô hoặc tế, nên pháp giới này là một SIÊU TRƯỜNG LỰC (super-champ de force) mệnh mang bát ngát, vì bao gồm tất cả mức độ Tinh lực (énergies), không phải riêng gì những tinh lực thô kệch như điện lực, từ lực, sức nóng ánh sáng mặt trời, hay nguyên tử lực.

Và tất cả các vật cũng vậy, mọi vật đều được kết tập bằng quang minh hoặc thô kệch kiên cố, hoặc vi tế huyền diệu. Nên mọi vật, từ hạt bụi cây cỏ, núi sông, con giun, con đê, đến người, đến tinh tú, thần linh.. cũng đều TỎA RA một thứ trường lực quang minh của mình. Và tất cả vô lượng vô số những trường lực ấy đều

giao thoa, xen lẫn thâm thấu lẫn nhau, và XOAY VẦN MIỀN VIỄN đi theo những lộ tuyến lực (lignes de force) của Trường lực vĩ đại mệnh mang là pháp giới... Do đó, biến Diệu tâm ấy luôn luôn có sức thu hút các vật cùng chúng sanh, và trong cuốn Khởi tín luận, ngài Mã Minh mới nhắc tới sức huân tập của Chân như.

Hãy tỷ dụ như ta lấy một thỏi sắt dài có nam châm. Đặt thỏi sắt trên tờ giấy, và rắc nhiều mảnh sắt vụn chung quanh. Những mảnh sắt vụn sẽ tự di động, và tự đặt mình vào trong những lộ tuyến lực của trường từ điện lực (champ électro-magnétique) của thỏi sắt nam châm... Ta nhắc thỏi sắt lên, xóa bỏ những lộ tuyến lực, rồi lại đặt thỏi sắt vào thì các mảnh sắt vụn lại tập hợp theo những lộ tuyến như trước.

Các vật hay thân người cũng vậy cũng có một thứ trường lực tương tự nhưng cao hơn từ điện trường, sâu hơn, vi tế và vô hình hơn... tạo dựng nên bởi những tập quán cùng hành nghiệp từ vô thủy. Chính trường lực ấy nó chi phối mạnh mẽ vào đời sống tâm lý và sinh lý của một người. Các tế bào trong thân ta đều luôn luôn bị thay thế, mau hay chậm là tùy theo mức độ thiết yếu, sâu hay nông của tế bào. Tương tự như những giọt nước trong lòng sông vậy, luôn luôn đổi khác... Khi ta ăn uống hoặc thở ra thở vào, thì có những cực vi mới của đất nước gió lửa hư không đột nhập vào trường lực của thân ta. Và trường lực vô hình này lại thu hút, sắp xếp những cực vi đó theo những lộ tuyến uyên nguyên để thay

thể những cực vi đã bị loại... Tôi khi nào sức hành nghiệp phai nhạt đi, không hiện hành được như trước, thì trường lực không đủ sức để thấu hút và sắp xếp những cực vi mới, và các cực vi này lần lần nảy nở lu bù tung hoành ngang dọc, không noi theo những lộ tuyến cũ nữa... Và đó là nguyên nhân của lão, bệnh, tử.

Khoa học ngày nay cũng lần lần nhận thấy như vậy. Thấy rằng mọi vật chỉ là hình tướng giả hiện ở nơi trung tâm cơn lốc quang minh (tourbillon de radiations)... Ngay từ trước kia, Einstein đã linh cảm thấy rằng hư không chẳng phải đơn thuần là ngoan không, mà chính là một trường lực mệnh mang. Ông đã ôm hoài bão muốn xây dựng một thuyết về trường lực hiệp nhất (champ de force unitaire) và đặt những phương trình số học, nhưng công việc chưa xong thì ông mất sớm. Nhưng lời nhìn của ông cũng chưa được thông suốt cho lắm, vì ông còn bám vào một định đề (postulat) cho rằng thể tốc của ánh sáng là giới hạn không thể vượt qua được.

Nhưng ông mất đi rồi, thì nhiều nhà khoa học cùng triết gia đã nắm lấy ý kiến đó và tiếp tục đào sâu.. Họ đi sâu thêm vào lãnh vực cực vi, thì thấy rằng có những thứ hạt tử gọi là tachyons có thể tốc còn nhanh hơn ánh sáng. Họ lại tạo dựng nên những ngành nghiên cứu mới về sinh vật học, về bộ não học cũng như về siêu tâm lý học... và nhận thấy các tế bào cùng bộ não sinh vật đều luôn luôn làm phát xuất những luồng ba động điện lực hoặc alpha, hoặc beta, delta hay theta. Họ cũng nhận thấy rằng : trong lúc thức, lúc ngủ không mộng, lúc ngủ có mộng, hoặc lúc vào samadhi, hoặc lúc ngủ thôi miên v.v..., bộ óc con người mỗi lúc thường phát những làn sóng điện khác nhau... Họ bâng hoàng tự hỏi : thể ra trong sự vật, vật nào cũng phát ra sóng điện cả hay sao ? (Electricity is the way Nature behaves ?!)... Rồi Kirlian lại nghĩ ra một phương pháp chụp hình, để chụp các kim khí, các thứ lá cây... và thấy rằng hình như vật nào cũng được kết tập nên bằng muôn vàn những tia đốm ánh sáng.

Lần lần, nhiều khoa học gia đã xô nghiên cứu, và tạm thời, họ đi

đến kết luận đại cương rằng : hình như vật nào, nhất là các sinh vật, đều có thể phát ra những làn sóng điện lực của nó, những thứ quang minh của nó... và đều TOA RA MỘT THỨ TRƯỜNG LỰC, và trường lực ấy qui định những đặc tính sinh hoạt của nó... Nên họ gọi trường lực đó là L.Field, tức là field of life.

Nhưng có điều mà các khoa học gia chưa biết rõ là : tất cả những quang minh ấy, trường lực ấy, chỉ là những hình thái biến hiện của những quang minh cực kỳ vi tế và vô tướng mạo phát xuất ra từ cái biến tinh lực uyên nguyên, tức Diệu tâm, hay Tàng thức của chúng sanh.

Hơn nữa, giáo lý Mật thừa của nhà Phật còn dạy sâu hơn là: trường lực của các vật hay chúng sanh không những phát ra những làn sóng quang minh riêng biệt, nhưng lại còn phát ra những âm thanh hoặc điệu âm riêng biệt, những màu sắc riêng biệt... để tạo dựng những hình thù riêng biệt.

Nhưng trong lịch trình hiện tượng hóa của pháp giới này (processus phénoménologique du manifeste), tại sao tạo dựng thành vật và trường lực ??

Là vì do cái HÌNH THÁI CHUYÊN ĐỘNG (modalité de mouvement) phổ biến của cả pháp giới... Và hình thái chuyên động phổ biến ấy là hình thái XOAY TRÒN CHỒN ỐC (en spirale tourbillon hay vorstex).

Là vì những quang minh vô tướng mạo của Diệu tâm, hoặc quang minh hư vô vi tế của Tàng thức sơ năng biến, thường bị suy động bởi những tập khí hằng khởi từ vô thủy của u mê và bóng tối. Vì bóng tối cũng là một khía cạnh thiết yếu của bức tranh pháp giới, tương tự như một màn sương mù nổi lên trên mặt biển, và pháp giới là như thế. U mê và bóng tối khởi lên, thì liền có sự tri chướng chấp pháp, rồi phiền não chướng chấp ngã... và đã có sự tri chướng thì cũng có vô tri chướng. Rồi thì có vọng tưởng cùng vọng tình... tình và tưởng đều phổ vào khiến những quang minh uyên nguyên trở thành nặng nề.

Lần lần trở thành nặng nề, nên lần chuyển động chậm lại, xoay

tròn tròn ốc, hướng về một trung tâm giả tưởng tức là cái ngã le lói chiếu soi của vật... Xoay vẫn miên viễn như vậy, những lớp quang minh ngày càng sút kém tinh chất vi diệu và trở nên thô kệch, nên ở nơi trung tâm cơn lốc, lần lần kết tụ lại và HIỆN lên một hình tướng của vật hay sinh vật... Và cái đó tức là thân của vật, hoặc thân của chúng sanh.

Hình thái chuyên động xoay tròn tròn ốc là hình thái phổ biến của cả pháp giới. Cho nên, nhà Phật đưa ra biểu tượng CHÚ VẠN tượng trưng cho những cơn lốc của pháp giới. Bất cứ vật gì, từ giải ngân hà, tinh tú mặt trời, mặt trăng, âm điện tử, cực vi... cũng đều chuyên động theo hình thái ấy, không thể khác được. Một mặt phải xoay tròn đối với một vật khác như trái đất xoay chung quanh mặt trời, mặt khác lại xoay tròn đối với tự thân của chính nó (spin). Ngay đến cái lá cây cũng vậy. Những cực vi ở trong chiếc lá dĩ nhiên là xoay tròn rồi, như những cực vi khác. Và cả đến cái tông tướng ảnh tượng tức chiếc lá cây, cũng lần lần phải rơi rụng, mục nát tan biến đi... rồi đến một lúc nào đó, cái trường lực vô hình của nó lại hiện hành trở lại, quyen những cực vi mới, và luân hồi trở lại đầu thai thành chiếc lá non ở đâu cảnh.

Ngay đến những chúng sanh có tâm thức khá cao độ cũng ít nhiều tự do cũng chưa thoát ra ngoài lịch trình xoay tròn tròn ốc ấy. Giòng tâm tử của chúng ta thường là ngã nghiêng từ bên này sang bên kia, lúc vui lúc buồn, lúc tinh tấn, lúc lười biếng, lúc sáng láng, lúc mờ tối... trải theo thời gian, tạo thành một lịch trình xoay tròn ốc, chông chắt những vòng tròn lên nhau, những khác biệt ở giai đoạn cùng mức độ thôi.. Còn về thân căn ta, thì tuy nó chạy lăng xăng lết xít, đi ngang đi dọc, nhưng kỳ thực vẫn là chạy vòng tròn. Sáng trở dậy, rửa mặt đánh răng, đi đến sở làm, rồi đi đây đó, gặp bạn chuyện trò trà rượu, rồi tối lại về nhà. Rồi sáng mai, lại tái diễn gần giống y như vậy... Nên vẫn là đi vòng tròn... Và sự tu hành chính là nhằm chấm dứt những tâm tướng lăng xăng vòng tròn ấy.

Trong lịch trình xoay vẫn miên

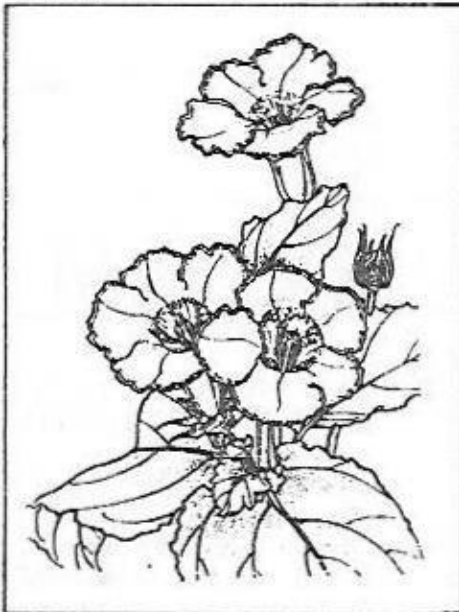
viễn tư vô thủy của các cơn lốc ấy, những quang minh lẫn lộn trở thành trọng trước, thì ketch và lưu ngại.. Và tới khi kết tụ thành hình tượng kiên cố, thì bao giờ cũng làm phát hiện hình thái LƯỚI CỰC HÓA (phénomène de polarisation)... Nghĩa là thường phân hóa thành 2 cực đối đãi lẫn nhau nhưng vẫn ôm ấp lẫn nhau để trùng sinh trùng thành... Tỷ dụ như thành âm và dương, thành sáng và tối, thành khinh thanh hay trọng trước, nhẹ nhàng hay nặng nề, thành chiều hướng ly tâm (centrifuge) muốn nở xòe ra bên ngoài hoặc chiều hướng hướng tâm (centripète) muốn trở về tiêu chìm vào bên trong, thành chiều hướng bốc cao ngàn ngút như ngọn núi hoặc chiều hướng muốn trút sâu xuống như thung lũng, như đầm lầy hay như hố thẳm của biển cả ... Do đó, nên ngoài khí thể giới, thì ta thấy có sáng và tối, thấy có những hiện tượng khinh thanh sáng láng tròn đầy như vòm trời hoặc hiện tượng trọng trước mờ tối có vẻ nặng nề cố định như trái đất, có mặt trời mà ánh sáng là tượng trưng cho khuynh hướng ly tâm muốn làm nổ bung vạn vật cùng cây cỏ hoặc mặt trăng mà ánh sáng là tượng trưng cho chiều hướng hướng tâm muốn thúc liễm đã sống của vạn vật trở về cái cội nguồn nguyên sơ của chúng, có lửa và gió chỉ muốn bốc lên ngàn ngút hoặc có nước và đất chỉ muốn chạy xuống thật sâu, có những ngọn núi nhọn hoắt chỉ muốn nhô lên đến 9 tầng mây hoặc có những đầm lầy thung lũng chỉ muốn uốn cong xuống hoặc những hố thẳm biển cả chỉ muốn trút sâu xuống đến lớp kim cương, có những giải ngân hà chỉ muốn nở tung ra (big bang) như những cánh hoa nở xòe hoặc có những thể giới hải chỉ muốn co rút lại thành những vết hố thẳm đen (black holes) tương tự như những bông hoa muốn cuộn lại. ... có những cực vi âm điện tử xoay vần không thời nghỉ chung quanh một hạt nhân dương điện tử rồi tới một lúc nào đó lại rớt vào hạt nhân để trở thành dương điện tử, và có những hạt tử biến ảo chớp chùng, lúc tan biến trên môi trường lúc lại tái xuất hiện...

Cuộc chuyển vận mệnh mang và lung linh là như vậy. Và trời đất, nhật nguyệt... tuy xa cách, song vẫn ôm ấp lẫn nhau để trùng sinh trùng

thành. Trong khoảng trời xanh mang mang kia, vẫn có một chút khí âm lẫn vắng để gìn giữ, và trong những hành tinh hay trái đất nặng nề đen tối này, vẫn có những luồng dương khí luôn luôn thúc đẩy...

Nay nhìn vào lãnh vực chúng sanh giới, thì có trống có mái, có nam có nữ... Người nam thì sáng láng nhẹ nhàng hơn, ít hỗn giận, nhưng phiêu hốt ít vững chãi bền bỉ. Người nữ si mê trọng trước hơn, nhưng bền bỉ dai dẳng. Nên có thi đã có câu :
 Chẳng như mây mùa thu
 Thiếp như khói trong lò
 Cao thấp tuy có khác
 Một thà cùng tuyệt với...

Nhưng trong người nam nào cũng có ít nhiều nữ tính, và ngược lại cũng vậy. Và những trường hợp chuyên



nam thành nữ hoặc nữ thành nam, tuy hy hữu, nhưng không phải là không có... Xem thế thì đủ hiểu rằng mỗi hình tượng chỉ là sự chuyển hiện của những quang minh do những chủng tử nghiệp lực nở xòe ra... Và chỉ tới khi nào một chúng sanh được vắng sanh các cõi tịnh độ, thì những hành nghiệp tham dục phân cực hóa mới tiêu chìm trong biển thần lực của Chư Phật, nên không còn phân hình hải nam nữ nữa. Chỉ còn thuần một sắc tướng đại tượng phu, diệt bành hào quang màu vàng ròng, đầy đủ ngũ thông và tam muội... Cũng tương tự như xưa kia, Platon từng nhắc tới thuyết Androgyne, nghĩa là có những thời kỳ mà loài người chưa hề phân thành nam nữ.

Nay nếu nói đến thân thể của con

người, thì bên phải thân thể là thuộc Dương, và nơi đó, song song với xương sống, có một luồng kinh mạch vô hình tương ứng với ánh sáng mặt trời. Bên trái thân thể thì thuộc Âm, và nơi đó có một luồng kinh mạch tương ứng với ánh sáng mặt trăng. Mặt trước của thân thể là thuộc dương, và mặt sau lưng là thuộc âm. Và đó là lời dạy của giáo lý Mật thừa Phật giáo, cũng như của nhiều truyền thống thân bí khác. Và pháp môn mở luồng hóa hữu của ngài Naropa cũng như Kundalini-yoga hay lối tu của Thần tiên phái của Lão giáo, là nhằm quán chiếu những luồng sinh khí ấy.

Trên phương diện tâm thức hay tâm linh của con người thì cũng có hai mặt : Bi và Trí hoặc Đại bi và Đại trí... Bi là thuộc mặt trời, thuộc đường tính, có chiều hướng ly tâm và muốn làm nở bung thành sự vật. Còn Trí là thuộc mặt trăng, thuộc âm tính, có chiều hướng hướng tâm, muốn tiêu dung mọi sự vật để trở về trạng thái nguyên sơ rỗng lặng. Và mọi sự tu hành là chỉ nhằm làm nảy nở viên mãn hai khía cạnh lưỡng cực của tâm linh ấy.

Do diển trình phân cực hóa, nên mọi vật đều trở thành những trường lực, và mỗi vật đều cửu lên những làn sóng quang minh hay âm thanh của nó... Và cũng bởi thế, nên Mật thừa thường thiết lập những mạn đà-la, tức là những biểu tượng về các luồng thần lực hay khí lực vận hành trong pháp giới.

Do đó, nên cần hiểu rằng 2 khía cạnh Động và Tĩnh chỉ là hư ảo và tương đối, và tùy thuộc mức độ tâm thức của người dùng nhìn :

Nếu ta dùng tâm thức phạm phu để nhìn nhìn cận theo bề mặt, thì thấy rằng sự vật có lúc động có lúc tĩnh.

Nếu ta nhìn sâu hơn nữa, thì sẽ thấy rằng mọi vật đều động không ngừng, nhưng trong cái động đó, vẫn có một khía cạnh như như bất biến.

Và nhìn sâu hơn nữa, thì sẽ bước vào lãnh vực Bất nhị, thấy động và tĩnh chỉ là 2 cực độ giả tướng hư ảo của tâm thức, và thấy rằng mọi vật cũng như pháp giới đều vừa là cực tĩnh lại vừa cực động... Và cái Trạm nhiên Bất động của nhà Phật



cũng chính là cực động, hết sức thần tốc và nhiệm mầu. Vì Đại trí chính là Đại bi vậy.

Cần nêu thêm một câu hỏi nữa về cái pháp giới này : pháp giới cùng các luân thân lực của nó, đành rằng nó là trường lực rồi, nhưng trường lực ấy là sao, là thuần túy phi thân hóa (monisme non déifié), hay là cố thân hóa (monisme déifié) ??

Nói một cách khác, tức là : cái Thực tại nguyên sơ cực kỳ linh động ấy, nó mang một cá tính nhân ảnh, hay tuyệt đối là phi ngã và phi nhân ảnh ?

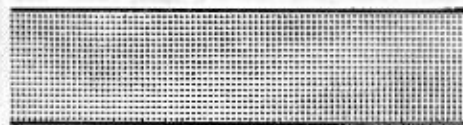
Điềm này rất quan hệ, vì có nhiều người học Phật cũng như học giả, vẫn thường băn khoăn : có lẽ ngài Quán Thế Âm chỉ là tượng trưng cho sức Đại bi, cho luân thân lực Đại bi cứu độ, và không biết có một vị Đại thân linh THẬT CÓ tên là QUÁN THẾ ÂM để giơ tay tiếp dẫn mình không ?!... Còn Đức A Di Đà cũng vậy, ngài là thật có, hay chỉ là tượng trưng cho luân thân lực cứu độ ?

Câu trả lời vẫn là : chân lý vẫn là bất nhị, nghĩa là chẳng phải có chẳng phải không. Hoặc nói thấp hơn nữa, là : vừa có vừa không, vừa là thật có vừa là tượng trưng, vừa là thân hóa vừa phi thân hóa.

Là vì tất cả pháp giới này chỉ là do sự Biến hiện của Tự tâm, và Biến hiện tương ứng giữa trong và ngoài, như điềm tiếp theo đây sẽ trình bày rõ hơn.

Do đó, nên ở trong bất cứ một luân thân lực nào, cũng có hiện tượng một vị Phật hoặc Đại Bồ Tát để điều khiển luân thân lực ấy tùy theo căn cơ cảm ứng. Và ở trong bất cứ một luân nghiệp lực nào như gió lửa đất nước, cũng có hiện tượng một vị quý thân vương như Kiên lao địa thân, Phong thân, Hỏa thân, thần sông, thần biển v.v... để điều khiển luân nghiệp lực ấy tùy theo căn cơ cảm ứng... Đó cũng là một điềm bí ẩn của pháp giới, và cũng là một điềm then chốt của Mật thừa. Cũng tương tự như ở nơi trung tâm của mọi trường lực cực hạn, bao giờ cũng hiện tượng một vật để dẫn những làn sóng quang minh của trường lực ấy.

Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng
(Trichtập Mật Tông và Kinh ĐạiThừa)



KINH TƯỢNG PHÁP QUYẾT NGHỊ

(tiếp theo trang 8)

không, chẳng ở trong chẳng ở ngoài, lại không tự chỗ nào đi không có chỗ đến, mà thường biến chuyển, hư vọng thu khổ đều bởi chúng sinh từ đời vô thủy đến nay đắm sâu ngã kiến, bởi chấp ngã cho nên thêm nhiều khát ái, mười hai nhân duyên pháp lâu đời chịu khổ, không có cùng tận cái tướng chúng sinh tan lại không vang, bởi nhân duyên ấy mà Bồ Tát khởi tâm Đại bi. Lạy Đức Thế Tôn tất cả chúng sinh thiên ác các nghiệp duy một tâm tác, lại không có pháp gì khác, con quan sát chúng sinh tướng mạo như thế.

Khi bấy giờ Phật bảo Thường Thị Bồ Tát rằng : lành thay! lành thay! khéo nói pháp ấy, người nay nói thể Phật ân chúng cho, Bồ Tát hành từ nhiếp lực độ, phải nên quan sát tướng chúng sinh như thế. Thiên nam tử! Bồ Tát khi Bồ Thí, chẳng quan sát phúc điền và phi phúc điền, nếu

thấy chúng sinh bận khổ, hết đều thí cho khi hạnh Bồ Thí nên tác quan sát như thế chẳng thấy người nhận, chẳng thấy của Bồ Thí, tài vật cũng thế, ba việc đều không bình đẳng không chấp trước là vì sao? tất cả các pháp không có ngã và ngã sở, khi mà hành thí chẳng mong hiện báo, chẳng mong vui cõi nhân thiên đời vị lai, chỉ vì chúng sinh cầu đại Bồ Đề, vì muốn an lạc vô lượng chúng sinh mà hành Bồ Thí, vì muốn nhiếp thủ các ác chúng sinh, khiến vào nói thiên pháp mà hành Bồ Thí, rồi lại tác quan, Bồ Đề giới tướng, chúng sinh giới tướng, hai đều không vắng, y văn từ độ chúng sinh mà được Bồ Đề, trong chân thực pháp không được không chẳng.

Thiên nam tử! như người đêm ngủ thấy hết thảy việc, hoặc mộng thấy thân mình bị quan bắt tù trời chịu mọi sự khổ sinh đại uẩn não, nhiên hậu được thoát, rồi lại mộng thấy lâm đại quốc vương có uy thế tự tại thu đại khoái lạc, ngay ở trong mộng tự nghĩ rằng : ta thời trước thu khổ như thế, nay lại tự tại thu hưởng khoái lạc, nghĩ như thế rồi tự nhiên tỉnh dậy, việc khổ vui chẳng biết ở đâu, việc mộng như thế chẳng có chẳng không, tất cả các pháp cũng lại như thế, tác quan nhiếp thể gọi là chính quan, khi thuyết pháp này vô lượng Bồ Tát được thọ ngôi Phật, vô lượng Bồ Tát được nhập nhất sinh Bồ Xả, vô lượng Bồ Tát đều tùy chỗ tu đều được thăng tiến, vô lượng nhân thiên được tứ đạo quả, vô lượng thanh văn vào ngôi Bồ Đề, vô lượng tạp loại chúng sinh phát Bồ Đề tâm.

Thiên nam tử! trong đời vị lai nếu tu Bồ Đề tự được nghe kinh này sinh tâm hoan hỷ là được công đức vô lượng vô biên. Phật bảo Ngài Anan và cả đại chúng, người hãy thọ trì căn thân chớ quên. Kinh này tên là Tượng Pháp Quyết Nghị, cũng gọi là Tế cổ độc thu trì như thế. Khi bấy giờ đại chúng nghe xong Phật nói nhất tâm kính chịu tác lễ mà lui.

Đều cùng nghiêm biên đồ sẽ chuy ai đồng trời đất.

Tượng Pháp Quyết Nghị kinh.

(tiếp theo)

CHỦ NGHĨA MÁC XÍT VÀ GIÁ TRỊ CON NGƯỜI

Để tóm lại : giáo điều của chủ nghĩa Mác Xít là con người, một thực thể xã hội (và Mác Xít từ chối không chịu cho nó một bản tính nào khác), hoàn toàn bị những yếu tố kinh tế chi phối. Con người là sản phẩm của môi trường họ sống; họ suy tưởng, có dự vọng và hành động do những kích thích bên ngoài của bối cảnh xã hội. Theo thuyết này, ngay cả di truyền cũng chỉ đóng một vai trò rất nhỏ so với những ảnh hưởng

quyết định đời họ : thỉ dụ như đồng lực kinh tế, một đồng lực bá chủ.

Có thể tóm tắt cái định thức đó như sau : điều kiện kinh tế tạo con người, và con người tạo lịch sử; nhưng trong sự tạo tác lịch sử, con người chỉ là những dụng cụ trong bước diễn tiến luận lý mà đồng cơ thúc đẩy chính là những đòi hỏi kinh tế.

Cái nhược điểm của định thức này không phải ở chỗ nó sai lầm, nhưng chính ở chỗ nó thiếu sót. Trong nhịp diễn tiến của biến cố lịch sử, ta không thể cô lập những thăng trầm kinh tế ra để làm NGUYỄN NHÂN đầu tiên. Nếu chúng ta muốn

Hết cái gì chi phối được cá nhân là có căn nguyên ở ngay chính những tiềm thể trong bản chất hần.

Mọi người có cùng những tiềm thể đó hay không? - Có, trong cái nghĩa tối hậu là mọi người cùng có những đòi hỏi về hoàn hảo và giải thoát. Nhưng những đòi hỏi đó thường bị lu mờ đi bởi những biểu lộ của bản ngã. Những biểu lộ đặc biệt của "cái tội" con người, là lúc nào cũng muốn in cái dấu vết của ý lực mình lên môi trường mình sống. Không trở thành một thực thể tự giác để có thể làm chủ số phận mình con người không thể nhận ra được là mình có cái tự thể gì để trở thành. Hần phải tự hình dung hần vừa là kẻ chinh phục vừa là kẻ bị chinh phục, vừa là kẻ bóc lột vừa là kẻ bị bóc lột, vừa là tác giả vừa là diễn viên trong tấn bi hay hài kịch của chính mình. Sự phát triển của tự giác là hậu quả trực tiếp của một cuộc vật lộn - không phải chống lại ngoại cảnh, mà vật lộn chống lại chính những nhân tính mâu thuẫn do cái đa tạp của lựa chọn sinh ra từ ngoại cảnh đó. Con người phải tự tìm lấy cái hoàn hảo của riêng mình bằng cách đi qua mọi trình độ kinh nghiệm thích hợp với bản chất.

Ý tưởng một xã hội vô giai cấp đã cưỡng định cho cơ thể đang phát triển và sống động một giới hạn giả tạo, giới hạn đi ngược lại với chức phận của cơ thể là phương tiện của tiến hóa. Sự cưỡng ép đó, nếu có, cũng không thể tồn tại được, vì nó đi ngược với lẽ tự nhiên. Những qui luật của cõi Ta Bà tất phải trường cửu hơn những thí nghiệm của nhà lý thuyết. Những đặc tính phổ biến như tham lam, sân hận và mê muội, là những đồng lực làm cho kinh tế thăng trầm, bởi khi có thể cưỡng ép chúng hướng sang một chiều khác, nhưng không bao giờ loại bỏ hần được trừ khi do chính những cá nhân đang đi tìm giải thoát trong khuôn khổ những tương quan đồng ứng. Sự Hoàn Hảo chỉ có thể đạt được tới bằng một hoạt động tự ý, và cả cứu cánh lẫn phương tiện đều là những quan niệm cá nhân chứ không phải tập thể.

Ở Mỹ, sự cấm uống rượu đã là một thất bại, bởi nó không làm mất

Phật Giáo với Mác Xít

Tác giả : Francis Story
Dịch giả : Trần Quang Thuận
Giới thiệu : T.T. Trí Quang
Nguyên bản : Buddhism answers
the Marxist challenge

phân tách lịch sử để đi tới một kết luận, và nếu chúng ta muốn khám phá cái căn nguyên cơ bản của những bất công giữa người và người, những thăng trầm kinh tế phải được coi là những HẬU QUẢ. Sự kiện hiển nhiên là những bất công đó vẫn có từ ngàn xưa tới nay, và có ở trong những cơ cấu xã hội vô cùng khác biệt nhau như Trung Hoa, cổ Ai Cập hay hai nền văn minh Hy, La, cũng phải chúng tỏ rằng, đối với bản tính con người, chúng là hậu quả của cái gì căn bản hơn là những hoàn cảnh kinh tế. Sự kiện đó cũng chúng tỏ rằng chính những hoàn cảnh kinh tế phải là sản phẩm của "cái gì khác đó", và chỉ cái đó mới có thể gọi là căn bản và tổng quát. Vì vậy, một nguyên tắc như thế phải được tìm kiếm ngay trong bản tính con người, chứ không phải ở ngoài giới. Phật Giáo, cũng như khoa học coi con người là một thành phần trọn vẹn của thiên nhiên, chứ không phải là một hiện tượng cô lập trong

vũ trụ. Những qui luật điều khiển vũ trụ có lẽ được thể hiện một cách cao siêu nhất và hoàn hảo nhất trong cái tổng hợp của thể xác và tinh thần con người. Nó là chiều hướng của toàn thể vũ trụ, cũng như cơ cấu hạt nhân là một điển hình của cả những thái dương hệ trong không gian. Đó là ý nghĩa những lời nói sâu xa này của Đức Phật : "Hỡi các Tỷ Khưu tôi cho các vị điều này : chính ở trong cái thể xác ngã ngũ gồm có tâm và dục kia, là thế giới là cội nguồn của thế giới và là chặng cuối cùng của thế giới!". Chính từ trong bản tính của mình mà con người tạo ra ngoại cảnh. Nếu sau này bản tính đó bị ngoại cảnh ấy biến cải đi - và điều này rất có thể xảy ra - thì sự kiện đó vẫn không hề thay đổi sự kiện nói trước: nó chỉ đem một triệu lư ảnh hưởng mới vào trong cả chiều hướng, và triệu lư đó cũng lại có thể tìm bởi từ nguồn gốc của nó, trong cái nguyên thủy của bản tính con người

Đi cái "thèm uống" ở mọi người. Nó chỉ là một cách làm cho người ta mất cơ hội uống mà thôi. Cùng một lập luận, sự hủy bỏ giải cấp, nếu không là một giấc mộng hảo huyền, thì cuối cùng rồi cũng sẽ là một thất bại, bởi nó không làm mất đi lòng tham lam và thèm muốn, mà chỉ cản trở chúng và hướng chúng sang một đường khác, nhiều khi là một đường bất chính. Có người vì một xã hội Cộng Sản với tổ chức Tăng Già Phật Giáo, bởi vì trong Tăng Môn mọi thứ đều chia chung và, trên thực tế, không có gì gọi là quyền tư hữu. Cũng vì thế mà người ta đã kéo một đường song song giữa Phật Giáo và Cộng Sản, viển vông cả hai triết thuyết đều nhắm tới sự diệt dục.

Lập luận đó, thực ra, chỉ là một ngộ nhận. Đời sống cộng đồng tư sản mà các vị Tăng Ni theo đuổi là do chính các vị này tự ý chọn lựa chứ không do nhà nước hay một ngoại lực nào bó buộc. Các Tăng Ni tự ý rời bỏ những của cải trần gian và Phật Giáo không chủ trương cộng đồng tư sản trong hàng ngũ Phật Tử bởi vì Nghiệp Chương luận dạy rằng tài sản trên thế gian là hậu quả của lòng tử thiện từ những kiếp trước, và nghèo túng là hậu quả của lòng keo kiệt và ích kỷ từ những kiếp trước, cho nên Phật Giáo phải nói ngay rằng mọi cố gắng để ép buộc một đời sống cộng đồng tư sản đều là vô ích. Còn cưỡng ép xã hội phải sống theo một lối nào đó, thì Phật Giáo lại càng không chủ trương nữa. Chối từ tư hữu dưới áp lực thì không phải là một dục tính. Một người chẳng may bị mù, không thể nói rằng mình đã diệt được kiến dục. Nếu người đó cố tình làm mình mù để diệt kiến dục đi, thì lại càng sai đường hơn nữa. Cùng một lập luận có thể áp dụng vào trường hợp người dân Mỹ bị cấm uống rượu, hay với người dân dưới chính thể Cộng Sản bị buộc phải từ bỏ quyền tư hữu. Người nào rồi cũng tìm những phương tiện bất chính để thỏa mãn lòng dục của mình. Bất cứ một pháp chế nào đi ngược với những nguyên tắc cơ bản của bản chất con người rồi cũng phải thất bại.

Phật Giáo không bao giờ chủ trương dùng quyền lực để biện hộ

cho cái cánh, cho dù cái cánh đó đáng được mong muốn tới đâu. Cưỡng ép một chế độ tu viện trên khắp thế gian sẽ làm lệch hẳn cái mục đích của Tăng Già là phải khác hẳn với thế tục.

Hơn nữa, ngay từ lúc đầu, Tăng Ni bao giờ cũng được tự do rời khỏi Tăng Già và quay trở về trần tục. Nếu vì đó cảm thấy không thể hợp với Tăng Môn, thì tốt hơn hết là để vị đó tự ý rời bỏ cửa Thiền hơn là cứ để vị đó tiếp tục mặc áo Cà Sa Thoát Tục trong khi không sống theo những nguyên tắc mà chiếc áo

tượng trưng. Có truyện kể rằng hồi thời Đức Như Lai có một vị Tỷ Khưu bỏ Tăng Già rồi lại quay trở lại đó đến bảy lần, mà về sau cũng trở thành một vị La Hán. Nếu vị Tỷ Khưu đó đã bị ép buộc ở lại với Tăng Môn thì chưa chắc vì đó đã thành quả như thế. Một người tham muốn tài sản hay quyền hành cũng chưa chắc đã bỏ được lòng tham muốn nếu bị ép buộc chối từ tài sản và quyền hành. Muốn gây được một ý nghĩ tâm lý hay muốn mang lại những hậu quả tốt đẹp, hành vi phải là tự ý.
(còn tiếp)

t h o

Bội Tâm Hành



Người về bứt áng mây hồng
Đệt y trăm sắc ngại ngừng lòng ai,
Tôi về mở giấc mở dài
Song hồ hử ảnh trăng cài sắc không...

Người về bước nhỏ thông dong
Ngậm ngùi tình muộn vương lòng đổ duyên,
Tôi về mở sách u huyền
Mưa hoa lã đãng mây miền tịch dưỡng

Người về nhạt nụ hương dương
Tổ thêm khoe mắt cô nương Huyền âm,
Tôi về khép cánh hự không
Bỏ đoàn che khắp nửa vòng trần duyên.

Người về tiệt rượu đào diên
Chê ly quá nhỏ, hài sen rót đầy,
Tôi về tiả nhánh trúc gầy
Đèn khuya rải bóng với dây HOA NGHIÊM

Người về lìa suối tịch nhiên
Chênh vênh gót ngọc, đào diên nụ cuối,
Tôi về gập áng mây trời
Ôm trăng đồ giấc bên đời Tào Khê...

● NGHIÊM XUÂN HỒNG

QUÁN ÂM THỊ KÍNH

6. THẾ GIAN VÔ THƯỜNG

Canh khuya bận với sách đèn,
Mỗi lưng chàng mới tựa bên cạnh nạng.
Phải khi liếc mắt trông chàng,
Thấy râu mọc ngược ở ngang cạnh cằm.
Vô tâm xui bỗng gia tâm(1),
Dao con sẵn dây mới cầm lên tay.
Vừa giờ sắp tiên cho tây,
Rất minh chàng đã thức ngay bấy giờ.
Ngán thay chứa dệp vườn dứa(2),
Dâu ngay cho chết cứng ngớ rằng gian.
Thất thân chưa kịp hỏi han(3),
Một lời la lối rằng "Toan giết người".
Song thân nghe tiếng rụng rời,
Rằng : "sao khuya khoắt những lời gớm thay?"
Chàng rằng : giặc bướm vừa say(4),
Dao con nằng bồng cầm tay kẻ gần.
Hai vai hộ có quý thân(5),
Thức hự đôi lế xin phân cho tướng.
Nàng vâng thừa hết mọi đương,
Rằng : Tư gây khúc loan hoàng tới nay(6).
An kia nưng ở ngang mày(7),
Sạch trong một tiết thảo ngay một bề.
Bởi chàng đèn sách mới mê,
Gối Ôn Công thừa giặc hờ thiu thiu(8).
Thấy râu chút có chẳng đều,
Cầm dao tiện để một chiều như nhau.
Há rằng có phu tỉnh dẫu,
Muôn trông xét đến tình dẫu kéo oan.
Thác đi phỏng lai sinh hoàn(9),
Thời đem lá phổi buồng gan giải bấy(10).
Công Cô rằng : "Bảo cho hay,
Trộm hương cắp phân cũng dây chan chan(11).
Mấy người tiết quyết một an(12),
Nay Tướng mai Lý thế gian hiem gì(13).
Ấy may mà tỉnh ngay đi,
Đỉnh đỉnh đỉnh nửa có khi còn đời.
Sự này chớ lấy làm chơi,
Sai người tức khắc sang mời Mãng ông".
Trách rằng : "Sự mới la lung,

Sinh con ai dễ sinh lòng ấy dẫu ?
Khúc cầm bồng dờ dang nhau(14),
Say dẫu với dứa trong dẫu hen hồ(15).
Sông kia còn có kẻ dò,
Lòng người ai dễ mà đo cho cùng.
Sự này mười mắt đều trông,
Thôi đừng tra hỏi gan gùng nửa chi.
Nghe anh nào có bụng gì,
Đem về dây lấy sao thì mặc anh".
Lãng nghe kẻ lể sự tình,
Ngâm ngùi nghĩ đến con mình mà thương.
Nổi kia doan nạn ngôn ngang,
Tủi thân khôn dẫu hai hàng nhỏ sa.
Thưa rằng : "trong nghĩa thất gia(16),
Ăn lòng chiếu cố thực là hậu thay !
Hiem hoi mới một chút này,
Được nường cửa ấy đã may bội phần.
Nguyên xưa mong ven Tấn Tấn(17),
Hai non ngành lại cho gần cả hai(18).
Nào ngờ trẻ mở nghe ai,
Thả chông đường nghĩa rắc gai lối tình(19).
Phù dung nở để lìa cành(20),
Giếng sâu nở để rơi bình từ giã(21).
Nước trong bát, đã dời tay,
Có còn bốc lại cho dấy được chăng ?
Mưa tan mây cuốn nửa chừng(22),
Rộng dung dạy thế xin vâng lĩnh về.
Lòn bơn chịu trót một bề(23),
Quản làm sao được kẻ chê người cười.
Gọi con đến trước lay người,
Lay lương nhân đã sẽ đời chân ra(24).

THÍCH

Trong kinh Phật nói: "Thế gian vô thường, đất nước non nớt. Thân tứ đại là khổ là không, có chỗ nào là ta sở hữu". Cho hay thế gian đất nước, thân thế còn là vô thường, hưởng chi là cảnh ngộ của con người. Bấy bề nường dẫu, nay còn mai mất, trăm năm thân thế, như bóng câu qua cửa, có cái gì là lâu dài, là vững bền. Sinh tử tử sinh như cái bánh xe quay tít, sướng khổ sướng, cùng làm nhân quả cho nhau. Người biết rõ lẽ ấy thì có thân ở đời, chỉ cốt lo sao cho trọn đạo làm người, để tự lập lấy mình, lại gây dựng cho người, để tự cứu lấy mình, lại cứu vớt cho người. Sướng chẳng ham mà khổ chẳng sợ, cứ thuận theo lẽ phải mà sống, không hề say đắm trần duyên, mà làm mù làm quáng, có thể mới là sống, sống thì ung dung tự tại, chết thì giải thoát siêu thăng, không bị đắm chìm trong bể khổ. Như thế tức là đúng với cái chân lý Phật nói: "Bồ Tát hiểu rõ cuộc đời là trò dối, nên không bị trò dối nó đánh lừa, lại nhân có đó, lấy trò dối mà dối trị trò dối, để tế độ chúng sinh, đó là cái công tu hành cực mẫu nhiệm vậy". Còn chúng sinh thì không rõ thế, đã nhận trò dối là thực, lại còn xông vào mà đóng thêm trò dối, rồi lại tự khen là hay, cho nên càng ngày càng mê,

không thể cắt đầu ra được. Đọc đoạn văn trên đây càng thấy rõ cái lẽ vô thường là đúng vậy.

...

- (1) Gia tâm : Để tâm thêm vào.
- (2) Chứa dếp vườn dưa : Đi qua ruộng dưa, dếp hồng cúi xuống chứa dếp, sự thực như thế, mà người canh dưa lại buộc là tội lấy trộm dưa. Đây nói bà Thị Kính không có lòng giết chồng, muốn cắt cái râu mọc ngược cho chồng mà lại bị ngờ là giết chồng.
- (3) Thất thân : Sơ hãi mất tinh thần.
- (4) Giác bướm : Bờ tích Trang Tử nằm ngủ thấy mình hóa ra con bướm. Đây nói đang ngủ mơ màng.
- (5) Hộ có quý thân : Có quý thân hai vai bảo hộ.
- (6) Gây khúc loan hoàng : Vợ chồng xum họp vui vậy. Bà Mạnh Quang bưng cơm cho chồng, nâng cái mâm ngang lông mày tỏ ý kính chồng. Đây nói bà Thị Kính vốn vẫn kính mến chồng.
- (8) Ông Tư Mã Quang, hiệu là Ôn Công, đêm ngủ dùng gối tròn cho tỉnh ngủ. Giác hờ là giác ngủ.
- (9) Nói chết rồi lại được sống lại.
- (10) Có thể nào xin nói thế, như phơi gan vach phổi cho coi vậy.
- (11) Nói vắng chồng đi tư tỉnh với trai. Lấy tích con gái Giả Sùng tử thông với Hàn Thọ, ăn trộm hương phấn của nhà cho chàng ấy.
- (12) An là an phận, nói ít người biết quả quyết chịu an một phận.
- (13) Nói nay lấy họ này mai theo họ khác.
- (14) Nói duyên vợ chồng dở dang.
- (15) Trai gái nước Vệ hay hẹn hò tư tỉnh với nhau ở trong bãi dâu. Đây nói nghi cho bà Thị Kính có tư tỉnh với trai.
- (16) Thất gia : Vợ chồng.
- (17) Tấn Tân : Hai nước ở đời Xuân Thu, thường làm dâu gia với nhau.
- (18) Hai non : Hai bên cha mẹ.
- (19) Đang là chỗ tình nghĩa với nhau, bỗng làm cho mất cả tình nghĩa, cũng như thá chông rặc gai trên đường thường đi lại vậy.
- (20) Phủ dung : Một thứ hoa đẹp, thường dùng để ví với con gái.
- (21) Nhân duyên dở dang, như kéo bình nước đến nửa chừng giêng thì đứt giây rơi bình xuống giếng.
- (22) Nói vợ chồng ly dị nhau, như mây đang mù bỗng cuốn lại, mưa đang rơn bỗng tan vậy.
- (23) Lớn hơn : Con cá mình đẹp, chỉ năm một bề, đây nói gặp sự đui lý thì phải chịu vậy.
- (24) Lương nhân : Người chồng.

7. DỨT NỢ TRẦN DUYÊN

Lòng nàng xiết nỗi xót xa,
Má đào ừ dột mặt hoa âu sầu.
Đến nơi làm lễ khấu đầu,
Lấy công cô đoạn, rồi sau lạy chồng.
Như tuôn giọt lệ giòng giòng,
Ngâm hơi thồn thục dải lòng sau xưa.
"Kể từ kim cái duyên ư,(1)
Dây leo cây bách mong nhờ về sau.(2)
Dầu ai phụ bạc cùng nhau,
Đã thân ba thước trên đầu chúng tri.(3)
Vì đâu phút hợp phút ly,
Kiếp này đã lỡ chắc gì kiếp sau.
Thiệt công ô thước bắc cầu,(4)
Chàng Ngưu à Chúc giá nhau từ rày.(5)"
Ngập ngừng tới lúc chia tay,
Đôi bên sùi sụt bốn mày châu chan.
Ai làm chia phượng rẽ loan,
Đang tay nở bẻ phím đàn làm đôi.(6)
Lòng chàng nghĩ lại bồi hồi,
Trước tuy còn giận sau rồi lại thương.
Duyên này mà đã dở dang,
Còn nên gảy khúc cầu hoàng nữa sao?(7)
Lưu tô sương gió lọt vào,(8)
Đem mâm mà chửa ngọc Giao hấn đây.(9)
Phần kia còn dấu bình đây,
Hương kia còn ướp áo này chưa phai.
Xanh xanh khóm liễu Chương đài,(10)
Tiếc thay đã để tay ai vịn cảnh.(12)
Muôn thu vắng chốn giai thành,(13)
Vẫn còn hai chữ nan bình mang đi.(14)

THÍCH

Đoạn này tả cái cảnh bà Thị Kính và Thiện Sĩ quyết liệt ly dị nhau, bên thì tiếc phận tử duyên, bên thì hối hận sự lỡ như về rõ hai trái tim con người trần tục. Đối với đời cái cảnh ấy ai chả cho là đáng đau thương đến bậc nhất. Nhưng đối với Phật pháp, ai đã liễu ngộ cái lý nghịch duyên thuận duyên, thì nghịch với trần ai tức là thuận với chính pháp, có ném cái mũi đời cay đắng điên đảo như thế, mới biết hồi đầu lại mà ngược giòng sinh tử, quay về giòng thánh được. Đó là một cái trợ duyên thứ nhất cho bà dứt nợ trần duyên, quy đầu Phật pháp, ta nên mừng cho bà mà càng nên trở lại mà xét cho ta, thì mới có thể tới cõi Niết Bàn vượt qua bể khổ được vậy.

...

- (1) Đá nam châm bắt kim, hồ phách hút hạt cải, đây mượn để nói tình nghĩa vợ chồng quấn quýt nhau.
- (2) Cây bách là một thứ cây mùa đông không tàn, đây nói nhờ có chồng che chở cho cũng như giây leo nhờ có bóng cây bách
- (3) Ý nói quý thân ở gần ta như cách trên

đầu có 3 thước vậy.

- (4) Ở thước : Con ác là. Tục truyền cứ tháng bảy thì nó đội đất đắp cầu sông Ngân cho chàng Ngưu à Chức qua gặp nhau
- (5) Khiến Ngưu, Chức Nữ hai ngôi sao trên trời (xem chữ ở thước ở trên).
- (6) Nói vợ chồng lìa rẽ nhau.
- (7) Khúc cầu hoàng là khúc đàn Tương Như gheo nàng Trác văn Quân. Đây nói không nở lấy ai nữa.
- (8) Lưu tô : Bức màn kết tua giòng xuống.
- (9) Ngọc giao : Giao nhân ở bề lên trên, khi cáo biệt chồng khóc, nước mắt nhỏ xuống thành hạt châu. Đây nói nỗi ly biệt cảm thương nước mắt nhiều có thể lấy màn mà đựng được.
- (10) Chương đài : Tên một con đường lớn trong kinh đô nhà Hán. Hàn Hoàn lấy 1 con đi ở đây, nên gọi là Liễu chương đài. Sau đó cách biệt nhau ba năm mà nó lại trở lại với Hàn Hoàn.
- (12) Câu này ý nói tiếc cho bà Thị Kính phải bỏ Thiện Sĩ mà về tay người khác.
- (13) Giai thành : Chỗ tha ma mộ địa.
- (14) Nan bình : Khó yên được, cũng như bất bình, ý nói chết cũng không quên được.

8. TÌNH GIÁC MỘNG TRẦN

- Nàng từ giờ bước vu qui(1),
Nhân duyên thôi có nghĩ gì đến ai.
Đã oan vì chiếc tăng hải(2)
Mặt nào mà lại đi hai lần dò(3).
Trách người sao nở dây vô,
Để cho Tiêu Ngọc(4) giận nộ cũng già.
Nhạn hàng phồng có đôi ba(5),
Thà rằng mình mục chẳng thà buồn tênh(6).
Tủi vì phận liễu một cành(7),
Liều đi thì bỏ mối tình cây ai?(8)
Phòng riêng vô võ hôm mai,
Trông ngày dằng dẳng lại dài hơn năm.
Buồn trông giọt nước đầm đầm(9),
Mùi ăn chẳng nhớ giấc nằm chẳng ngon.
Nức cười sự còn còn con,
Bằng lông mà nảy ra cồn Thái Sơn.
Về chi chút phận hồng nhan,
Cành hoa nở muộn thời tàn mà thôi.
Tủi thay tóc bạc da môi(10),
Vì ai nên phải đứng ngồi chẳng khuây?
Vô duyên chút phận thơ ngây,
Sự vui chẳng thấy, thấy ngay sự phiền.
Lấy chi báo đức sinh thiêng,(11)
Để đem má phấn mà đến trời xanh(12).
Có khi dốc trí tu hành,
Lánh miền trần tục nường mình thuyên môn(13).
Độ trí nhờ đức Thế Tôn(14),
Nhớ nhàng thừa trước vuông tròn mai sau(15).
Nghiêm tử dành phúc về sau,(16)
Họa đến nghĩa nặng ân sâu nghìn trùng.
Thượng thừa là Phật là Tăng,(17)
Kính thẳng đã ai, kim thẳng hảnh dai.(18)

Chín e thừa gửi rõ bài,
Thương con ắt chẳng nở hoài cho đi.
Thôi thời xuất cáo làm chi,(19)
Thân này còn quản thị phi được nào.
Bản thân mọi lẽ thấp cao,
Ba mươi sáu chước, chước nào là trên.(20)

THÍCH

Phật nói : Chúng sinh đều có Phật tính cả. Phật tính tức là cái tính chân như, cũng gọi là bản giác. Nghĩa là cái bản thể của chân tâm ta nguyên lai vẫn trong sạch, sáng suốt hoàn toàn. Chỉ vì một niệm mê lầm, thành ra vô minh che lấp mất bản giác, cho nên trái Phật tính, mà hợp với tình trần, mà gây nên tội ác vô lượng vô biên, mà phải chịu cái quả báo luân hồi sáu ngã, vô cùng vô tận. Song cái bản giác của ta nó tuy bị bụi trần che lấp, nhưng bản thể sáng suốt của nó, vẫn hoàn toàn không khuyết, cũng như tấm gương sáng kia để bụi bám đầy, thấy lờ mờ không tỏ, nếu biết mà lau quét bụi đi thì gương vẫn sáng như cũ. Đang khi bản giác bị che lấp, nhờ có người biết chỉ đường vạch lối cho, hay vì hoàn cảnh éo le, làm cho tình thân bị rung động mạnh, thì sự giác ngộ ngay mà lại thấy tỏ bản giác. Cái tính giác ngộ ấy Phật gọi là thủy giác. Ta đã mê rồi, cần phải có cái trí thủy giác mới lại tỏ ngộ bản giác, như bà Thị Kính đây có bị hoàn cảnh éo le cay đắng đến thế, mới tỉnh giác mộng trần, là quay lại bản giác, mà thấy tỏ cõi đời là khổ, là không, là vô thường, mà quyết chí tu hành, mong ngày giải thoát. Khó một lúc sướng vô cùng, ta coi gương đó thì khi ta gặp hoàn cảnh xấu, ta cần phải thức tỉnh tâm ta, quay đầu về đạo, đó là một nước cờ cao nhất, chớ có bỏ qua, mà mua thêm tủi chuốc thêm sầu, cho đến nỗi hao mòn héo hắt, ôm một mối hận, chết đi chỉ đem thêm một cái nghiệp nặng đọa vào ngã ác mà thôi, có ích gì đâu? Ai người có trí tuệ phải nên suy xét cho kỹ.

...

- (1) Vu qui : Con gái về nhà chồng.
- (2) Tăng hải : Ngày xưa có một nhà sư chọc gheo nàng Chu Thị, rình khi chồng thị đi vắng, vứt đôi giày nhà chùa vào gầm giường. Chồng thị về thấy thế, ngờ thị có ngoại tình với nhà sư, liền bỏ Chu Thị. Sau nhà sư phá giới về lấy Chu Thị.
- (3) Lấy hai đời chồng.
- (4) Tiêu Ngọc : Con gái vua Ngô Phù Sai suốt đời không lấy ai.
- (5) Nhạn hàng : Nhạn bay có hàng lối, ví như anh em. Đây nói giá có đôi ba anh em thì tự tử cho xong đời.

Xem tiếp trang 54

Đạo Phật đi vào Cuộc Đời

TÂM NHƯ phụ trách

Hỏi 35: Tại sao người đi tu thường hay cạo tóc, trong khi đó các tượng Phật và các tượng Bồ Tát thờ tại chùa lại có tóc, ngoại trừ tượng Đức Phật Di Lặc? Mong Tâm Như giải quyết đùm thắc mắc này. Xin cảm ơn.

THIỆN TÂM - Hòa Lan

Đáp: Hồi Tâm như còn nhỏ đi chùa ít hay để ý đến vấn đề này nhưng khi lớn lên thấy cũng hơi lạ lạ nên mới hỏi quý Thầy. Có Thầy đáp thế này, có Thầy đáp thế khác. Vì có lẽ trong kinh sách không ghi rõ điều đó? Nhưng Tâm Như biết chắc một điều là khi Thái Tử Tất Đạt Đa rời cung thành Ca Tỳ La Vệ xuất gia ngày mồng 8 tháng 2 âm lịch, khi đến giòng sông A Nô Ma Ngài đã cắt tóc để đi tu. Sau đó giao hoàng bào và ngựa Kiên Trắc về cho Sa Nặc. Nhưng sau đó có lẽ Đức Phật tu khổ hạnh 6 năm trong núi Hy Mã Lạp Sơn không có phương tiện nên Ngài không cạo tóc, và sau khi tu khổ hạnh Ngài thấy không tìm ra được chân lý; nên Ngài mới xuống sông Ni Liên Thiên để tắm rửa và lên ngồi dưới gốc cây Tất Đạt La để thiền định 49 ngày đêm. Sau đó Ngài đã chứng được quả Thánh. Những tượng mà các chùa Việt Nam hay các chùa trên thế giới đang thờ đều với hình ảnh Ngài đang ngồi nhập định dưới cây Bồ đề. Vậy hình Đức Phật Thích Ca có tóc mà chúng ta vẫn thấy thờ trong các chùa là hình này vậy. Vả lại tóc của Ngài cũng không phải là loại tóc thường như của chúng ta mà loại tóc xoáy tròn ốc, tóc xoáy về bên mặt. Đây là 1 trong 32 tướng tốt của Ngài. Có lẽ các nhà điêu khắc muốn cho chúng ta thấy rõ tướng tốt ấy nên tạc nổi lên chăng?

Các vị Bồ Tát như Quán Thế Âm, Đại Thế Chí đều có tóc, vì các Ngài hiện thành hình người cư sĩ để độ cho loài người nên bắt buộc phải có tóc vậy. Riêng tượng Phật Di Lặc, là một vị Phật sắp ra đời trong tương lai, chưa thấy được hình tướng; nhưng để tượng trưng đức hoan hỷ của Ngài các nước Phật Giáo Đại Thừa tạc hình Ngài ngồi vui vẻ nhón miệng cười, chung quanh có 5 đứa trẻ bu lại trên thân Ngài. Đầu Ngài không có tóc. Đây cũng là một hình ảnh tượng trưng về đức hỷ xả của Ngài vậy.

Riêng người tu đời nay khi làm lễ xuống tóc sẽ được nghe từ vị Thầy truyền giới dạy rằng:

"Này kẻ Thiện Nam (Thiện Nữ)! tóc trên đầu của người tử kiếp vô thì đến nay do sanh tử phiền não kết tập mà thành, không thể tự dứt trừ, chỉ nhờ Tăng mới có thể trừ được. Tôi nay vì người mà cạo bỏ cho".

Như vậy chúng ta có thể hiểu rằng: Tóc là do phiền não sanh. Vậy cạo tóc là cạo đi sự phiền não vậy. Do đó người tu, tất cả đều phải cạo tóc.

Ngoài ra còn có bài kệ cạo tóc như sau:

"Cạo bỏ râu tóc
Cầu cho chúng sanh
Xả lìa phiền não
Cứu cánh tịch diệt".

Thông thường người thế gian rất quý cái răng, cái tóc. Vì cái răng, cái tóc là cái gốc con người. Chúng ta quý trọng nó nên sanh tâm ái nhiễm và chịu lụy nó. Người tu biết những thứ ấy là nguyên nhân của sanh tử luân hồi nên phải cạo đi. Ngoài trừ các vị Bồ Tát hay các vị Phật

muốn cứu độ chúng sanh nên hóa thân nhiều cách, nhằm cứu cho được chúng sanh ấy, thì hình thể tùy theo hoàn cảnh mà đổi thay vậy.

Hỏi 36: Cúng dường, tô tượng, đúc chuông... tất cả những việc ấy, người Phật Tử đều biết là có phúc rồi. Nhưng nếu phải nêu tên tuổi lên báo chí hoặc khắc vào bảng vàng chuông trống, như thế có ích lợi gì? Với lời thô ý thiên trên. Mong Tâm Như giải đáp thắc mắc này của tôi vậy.

NGUYỄN HANH - Hamburg

Đáp: Sau khi Tâm Như nhận được câu hỏi của bạn, phải suy nghĩ lâu lắm mới trả lời được cho bạn đây.

Thông thường người muốn quở sống thì phải có duyên bề. Nếu qua sông không có phương tiện thì sẽ không sang bên kia bờ được. Ngoại trừ những kẻ biết bơi. Vì thế phương tiện bao giờ cũng cần thiết cho mọi người cả. Nếu không có phương tiện thì mục đích chẳng đạt thành. Ví như trên núi kia ta biết rằng có hòn ngọc, ta cố công leo trèo, khổ công nhọc sức để đến đích kia. Nếu không lao tâm lao lực thì sẽ không đến đích được.

Người học Phật cũng thế, phải dùng biết bao nhiêu phương tiện mới có thể thành đạo quả được. Có người dùng phúc mà cũng có kẻ dùng huệ. Để biết cứu cánh của sanh tử luân hồi là phải thoát ly sinh tử; nhưng nếu người đi trước không để lại dấu vết cho người đi sau tiến bước theo thì làm sao có thể đạt được mục đích ấy được?

Vậy ở đây chúng ta cần chia ra làm 3 phần. Phần I là mục cái giá để cầu cái chơn. Tức việc cúng dường tô tượng, đúc chuông là cái nhân lành để sinh ra cái quả tốt. Phần II là muốn được cái chơn ấy cũng phải chỉ cho người khác cái phương pháp để đi đến đích. Đó là bày ra phương tiện nêu lên danh tánh để người đời noi theo mà bố thí cúng dường. Phần III là sau khi đã đạt đến cái chơn rồi thì không nên nêu kéo cái phương tiện kia nữa. Tóm lại phương tiện nó chỉ cần thiết cho người mới cầu đạo. Khi đã nắm được lý đạo rồi thì

đó không phải là thực tướng nữa mà chỉ là giả danh mà thôi.

Hỏi 37 : Phật là một danh từ chung để chỉ cho những ai đã giác ngộ; nhưng sao có nhiều danh hiệu quá để chỉ cho một vị Phật. Vậy như Tâm Như cho biết một vị Phật có bao nhiêu hiệu?

THIỆN TỬ - Garbsen

Đáp : Một vị Phật gồm có 10 danh hiệu chính để tôn xưng. Ngoài đó là : 1) Như Lai 2) Ứng Cứng 3) Chánh Biến Tri 4) Minh Hạnh Túc 5) Thiên Thế 6) Thế Gian Giải 7) Vô Thượng Sĩ 8) Điều Ngự Trượng Phu 8) Thiên Nhơn Sĩ 9) Phật 10) Thế Tôn.

Trong 10 danh hiệu ấy của Phật ta lên lượt tìm hiểu ý nghĩa như sau :

1) Như Lai nghĩa là nương theo cái thật tánh của chơn như mà đến, mà

thành chánh giác, thành đạo.

2) Ứng Cứng nghĩa là đáng thọ lãnh sự cúng dường, lễ bái.

3) Chánh biến tri : bực sáng suốt về chơn lý, biết tất cả mọi điều.

4) Minh hạnh túc : trí tuệ và hạnh đức đầy đủ hoàn toàn.

5) Thiên thế : bực đi tới bờ bên kia, tức Niết Bàn.

6) Thế gian giải : Đấng hiểu rõ tất cả thế gian, từ loại hữu tình đến loại vô tình.

7) Vô thượng sĩ điều ngự trượng phu Trang Đại Sĩ cao thượng hơn hết.

8) Thiên nhân sư : Thầy của trời và người.

9) Phật : Đấng hoàn toàn giác ngộ.

10) Thế Tôn : Đấng tôn xưng trong các cõi trời và người. Bực tôn trọng hơn hết trong tất cả chúng sanh.

Ngoài ra danh từ Phật còn gọi thêm những hiệu sau đây :

Vô thượng sư, Vô thượng thiên sư, Đại trượng phu, Nhơn Trung Hưng tướng, Sư tử, Long vương, Điều ngự

thị đạo, Đại thiên sư, Đại y sư, Đại ngu vương, Nhơn trung ngu vương, Tịnh Liên hoa, Vô sư độc giác, Đại thí chủ, Đại Sa môn, Đại Bà la môn, Thiên Tôn, Thiên Trung Thiên v.v....

Tu chung, để tôn xưng một vị Phật, một bậc giác ngộ có rất nhiều danh hiệu để gọi. Khi bạn hoặc các bạn đọc trong các kinh điển Phật giáo thấy những danh hiệu trên; nghĩa là tất cả đều chỉ cho Đức Phật vậy.

Tâm Như xin nhắn tin đến các độc giả xa gần : nếu quý vị và các bạn có những thắc mắc về các vấn đề Liên quan với Đạo, xin Liên Lạc về Tâm Như trong mục này, để Tâm Như cố gắng giải đáp những thắc mắc của quý vị. Xin thành thật cảm ơn quý vị và các bạn rất nhiều.

(còn tiếp)

thơ

MỖI NGÀY MỖI MƠI

Ban Biên Tập họp chùa Viên Giác
Biên Tập Viên tử Bắc Nam Trung
Gặp gỡ nhau tay bắt mắt mừng
Cùng đóng góp đưa nhiều ý kiến

Thầy Trụ Trì muốn anh em cải tiến
Cố gắng sao cho Viên Giác nhiều tin
Lời thật hay thật chính xác rõ ràng
Tin Quốc nội cũng như tin Quốc ngoại

Tìm hiểu rõ những điều gì tai hại
Phổ biến ra cho thật rõ tận tường
Đề những ai đã không hiểu lầm đường
Xem và đọc sẽ biết ngay đề tránh

Tuy Viên Giác báo đạo tâm là chĩnh
Nhưng đạo tâm cũng liền với cuộc đời
Đạo và đời hai chữ phải song đôi
Đời đau khổ muốn thanh tâm tâm đạo

Buổi họp báo diễn ra nhiệt náo
Nói chung là ai cũng muốn báo hay
Học hỏi nhau ý kiến suốt hai ngày
Giờ tam biệt chia tay nhiều duyên nợ

Và cùng hứa sang năm sẽ cố
Lại về chùa họp báo buổi tân niên
Trước thêm Xuân khai bút đầu tiên
Xin kính chúc bá gia Tăng Phước Thọ.

● QUANG KINH
Xuân Đinh Mão 1987

ĐƯỜNG "VỀ" (K.A. TỰ)

Có những niềm đau quá đậm đà
Trần ai năm tháng có phôi pha
Mang chi thân liễu ngàn sâu thẳm
Nghiệp nợ nhân sanh tợ hải hà !...

Có những nguồn đau của Vô Thường :
Sanh, Già, Bệnh, Chết... bóng tạng thường
VỀ ĐI! Lữ khách, ĐƯỜNG xa lắm :
GIẢI kiếp tử sanh, CẮT đoạn trường !

Có những niềm vui... thoáng nhẹ nhàng
Đôi bằng nước mắt van ngày mang
Bằng Tâm tử ái, bằng Nguyên âm :
- THƯỜNG mãi nhân sanh THỨC muộn màng

Có những lời KINH, khối an lành
Tử bi cao vút vọng Thiên Thanh
Khắc ghi xương cốt, mang Hình bóng
TẮT ĐẠT ra ĐI... ĐAI NGUYỄN THANH.

● THÍCH NỮ TRÍ TẠNH



Cuộc Đời của Người Tăng Sĩ

THÍCH BẢO LẠC
THÍCH NHƯ ĐIỂN

TRƯỚC KHÍ VÀO SÁCH

Viết về cuộc đời của một Tăng sĩ Phật giáo lâu nay hình như chưa có ai nghĩ đến, và nếu có nghĩ đến chẳng mấy, có nhiều vị cầm bút cho là quá thường tình; thường tình như bao sự thường tình khác của thế nhân. Thế nhưng có nhiều người muốn hiểu, vì vậy không quản tài còn non sự học hỏi còn kém, chúng tôi về Tọa Thích Bảo Lạc nguyện đồng góp phần mình vào ngôi nhà văn hóa của Phật giáo tại hải ngoại một chút gì để làm rạng rỡ cho quê hương, tâm người và mối đạo.

Kính mong những bậc tôn túc trưởng thành có nhiều kinh nghiệm về công cuộc hành đạo và truyền đạo của các Ngài, cho chúng tôi nhiều lời chỉ giáo, để lần sau tái bản, chúng tôi có thể sửa đổi thành những điều tốt đẹp hơn, các Phật Tử được nhờ và bút giả xin vô cùng cảm tạ.

Chúng tôi cũng không quên cảm ơn Bộ Nội Vụ chính phủ Cộng Hòa Liên Bang Đức đặc trách về vấn đề văn hóa, tôn giáo đã khích lệ và ủng hộ chúng tôi từ vật chất đến tinh thần, mới có được kết quả như ngày hôm nay.

Sau cùng, chúng tôi xin chân thành cảm tạ chư tôn sư, Thầy Tổ đã dày công huấn dụ và tạo nên những duyên lành trong cuộc đời học Phật; có như thế chúng tôi mới có được cơ hội để giới thiệu đến quý vị tác phẩm nhỏ hôm nay.

Xin chân thành cảm tạ các vị Thiện Hữu Tri Thức, các nhà học Phật, các Phật tử vì đạo đã nâng đỡ chúng tôi hoàn thành được tác phẩm nhỏ này.

Nguyện đem công đức Pháp thí này
Hương về khắp tất cả
Đệ tử và chúng sanh
Đều trọn thành Phật đạo.

Đồng Quĩ Hối, tháng 12 năm 1983
Tác giả : Thích Bảo Lạc
Thích Như Điển



GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC

Sách này gồm có hai phần. Phần I : Cuộc Đời Của Một Tăng Sĩ và phần II Hướng Tâm Thiên, được viết do hai người bút khác nhau. Kết quả từ kinh nghiệm tu hành và thực hành giáo pháp của Đức Phật, chúng tôi chỉ

LỜI TÒA SOẠN :

Cuộc đời của một Tăng Sĩ gồm 2 phần : Phần I do Đại Đức Thích Như Điển biên soạn. Phần II Hướng Tâm Thiên Thường Tọa Thích Bảo Lạc đảm trách. Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Việt Nam tại Đức xuất bản dưới sự bảo trợ của Bộ Nội Vụ Cộng Hòa Liên Bang Tây Đức. Đặc trách vấn đề Tôn Giáo và Văn Hóa. Ấn bản lần thứ nhất 1.000 cuốn gồm 2 thứ tiếng Việt và Đức. Phần dịch sang tiếng Đức do Phật Tử Nguyễn Ngọc Tuấn và Phật Tử Nguyễn Thị Thu Cúc thực hiện. Hình bìa và những phụ bản bên trong do Hoa Sĩ Nguyễn Đồng và Hoa Sĩ Nguyễn Thị Hợp trình bày. Phần trang trí bên trong do Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp phụ trách và những hình ảnh được thực hiện bởi Hữu Tĩnh, Phướng Nam. In xong ngày 30 tháng 12 năm 1983 đã nộp lưu chiểu tại Thư Viện Quốc Gia Cộng Hòa Liên Bang Tây Đức.

mong giới đến người đọc món ăn tinh thần cao khiết mà cuộc đời của bậc chân Tăng cố làm tỏa rạng ánh sáng giác ngộ đến mọi tâm hồn đang hướng thiện.

Tựa đề bài viết chưa nói lên được hết ý chính của phần nội dung, vì Cuộc Đời Của Một Tăng Sĩ khi mới nghe qua có người có thể nghĩ rằng tác giả muốn đem khoa trương cái Ta cho thiên hạ thấy ? Thực ra phần nội dung đã đưa người đọc đi xa hơn vào các lãnh vực nhận thức mà cuộc đời của người Tăng sĩ, ngay từ buổi bình minh của lịch sử truyền thừa Phật Giáo, là những kẻ đi tiên phong trong các đoàn truyền giáo đến tận những nơi sơn cùng thủy tận. Kinh nghiệm tu tập và thực hành giáo pháp của hàng xuất gia nơi của Thiên là những công hiến cần thiết mà cuộc đời áo vải nâu sòng của người Tăng sĩ hình như lỏng lẻo, nhưng trên thực tế thì ngược lại, ững như tựa đề của tài cũng đủ nói lên điều này

đến phần II : Hướng Tâm Thiên, có thể soi sáng thêm tâm tư cho hành giả trong lúc tu tập như là những chất liệu cần thiết. Những ai đang suy tư về Thiên lại cần nên biết rõ hơn, dù là người Phật tử tại gia hay xuất gia.

Chủ đích nhằm tới là gì và người hành Thiền phải cần những điều kiện nào? Trong đây tác giả cố gắng hết sức diễn đạt những nét chính để độc giả thu hoạch được lợi ích thiết thực, nhất là con đường điếu đạo tỏa ngát sắc hương trong vườn hoa của đạo Thiền.

Muốn thực hành Thiền Định cho có kết quả chắc chắn phải hướng tâm niệm cao thường mới mong tâm được điếu lý trong việc tu tập.

Hướng tâm thiền cũng như cuộc đời của người Tăng sĩ là hai khía cạnh của một vấn đề: hướng thượng tâm linh trong công cuộc truyền đạo ở hải ngoại ngày nay.

Sydney cuối Xuân 1983
Hai Tác Giả
Cần chỉ

Dạo Phật là một Đạo có truyền thống hơn 2.500 năm - kể từ khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành đạo; nên việc truyền bá đạo Phật của các vị Tổ Sư khởi đi từ Ấn Độ - hoặc các nơi khác đến Ấn Độ học hỏi giáo pháp ấy rồi trở về quê hương mình, đem hạt giống giác ngộ ấy truyền đi khắp nơi. Do đó việc sai biệt giữa quốc độ này và quốc độ khác là điều hiển nhiên không thể nào chối cãi và từ đó ta cũng có thể biết được rằng giới sống của một người tu sĩ giữa các quốc gia trên thế giới cũng khác nhau như thế.

Sau khi Đức Phật Thích Ca nhập Niết Bàn, việc truyền thừa giáo pháp do chính những đệ tử xuất gia của Ngài thừa hành và việc hộ đạo, làm cho Đạo được phát triển rộng rãi hơn là do công lao đóng góp của người Phật tử tại gia.

Trong bốn mươi chín năm thuyết pháp đồ sanh của Đức Phật, Ngài giảng kinh chia làm năm thời: Hoa Nghiêm, 21 ngày; Phương Đẳng, năm; A Hàm, 12 năm; Bát Nhã, 22 năm; Pháp Hoa và Đại Niết Bàn, 8 năm. Những lúc bấy giờ chưa có giấy mực để chép thành sách, nên sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn - Ngài Ma Ha Ca Diếp

đã phụng mệnh nơi Đức Phật, tổ chức việc kết tập kinh điển lần thứ nhất gồm tất cả các vị Thánh Tăng, các vị A La Hán - nhắc nhở lại lời Đức Phật dạy. Trong kỳ kết tập lần đầu tiên này, Ngài A Nan được gọi là đấng văn đệ nhất, nghĩa là nghe và hiểu nhiều nhất, đã nhắc lại những giáo Đức Phật thuyết giảng trong bốn mươi chín năm khi Ngài còn tại thế.

Đến ba thế kỷ sau, trải qua thêm ba thời kỳ kết tập kinh điển nữa, và mỗi lần kết tập như vậy, tại Ấn Độ các vị cao tăng, đại đức được mời lại đại hội và nhắc lại những gì đã nghe được của những vị cao tăng đi trước truyền lại. Việc lặp lại lời Phật dạy từ miệng người này qua người khác cũng y cứ trên ba phần chính là Kinh, Luật, Luận; nhưng vì người lãnh hội khác nhau nên tinh thần giáo lý nguyên thủy của Đức Phật cũng có phân đôi khác.

Kinh là những lời dạy của Đức Phật - có thể nói tại cõi Ta Bà này hay những nơi khác như trên cung trời Đao Lợi hoặc Đâu Suất hay tại Long Cung...

Luật là những điều răn cấm của Ngài đối với những vị đệ tử xuất gia.

Luận là những thuyết lý của Ngài đối với giáo lý Giác Ngộ của đạo Phật hay đối với ngoại đạo, hoặc những thuyết minh giá trị do những đệ tử của Ngài soạn ra.

Nhà vua hộ pháp hùng danh xứ Ấn Độ thời bấy giờ - sau Đức Phật giảng thế khoảng 250-300 năm - là vua Asoka, một người đã có công xây dựng và dùng nước trên tinh thần của đạo Phật đưa trên giới luật của Đức Phật và chính con của vua Asoka là Hoàng tử Malinda đã mang hạt giống Giác Ngộ của đạo Phật sang gieo rắc tại xứ Tích Lan và hạt giống ấy đã đâm chồi nảy lộc kể từ đó.

Cũng chính Ngài Malinda đã mời tất cả những danh tăng Tích Lan thời bấy giờ ngồi lại để kết tập kinh điển. Đây là lần thứ năm tại xứ Ấn Độ nhưng cũng là lần đầu tiên đối với Tích Lan, và lần này không chỉ lặp lại những lời Đức Phật dạy bằng miệng mà bắt đầu viết lên giấy.

Cũng vì thời gian từ lúc Phật nhập diệt đến lúc kết tập kinh điển

lần thứ năm này (năm 85 trước Tây lịch) cách xa hằng 500 năm nên sự nghe, hiểu và thực hành giáo pháp của Đức Phật cũng đã biến đổi rất nhiều và chính trong kỳ kết tập này đã thấy xuất hiện hai hệ phái rõ rệt. Đó là Đại Thừa và Tiểu Thừa Phật Giáo hay còn gọi là Đại Chúng Bộ và Thượng Tọa Bộ.

Quý vị cao tăng Đại Thừa chủ trương rằng muốn truyền bá giáo lý của Đức Phật một cách sâu rộng trong quần chúng thì phải duy tân giới luật cũng như giáo lý của Ngài. Trong khi đó những vị cao tăng Tiểu Thừa bảo rằng không nên sửa đổi giới luật, nhất là những điều Đức Phật đã chế và nên thực hành đúng theo giáo pháp của Đức Phật giống như khi Ngài còn tại thế. Và hai bên không đồng ý với nhau nên chia ra hai bộ phái rõ rệt vậy.

Bên Đại Thừa, các tạng Kinh, Luật, Luận được viết bằng tiếng Sanskrit (Bắc Phạn) trong khi tạng kinh điển theo tinh thần Tiểu Thừa lại được viết lại bằng tiếng Pali (Nam Phạn). Tóm lại, hai tạng của Tiểu Thừa và Đại Thừa đã được lập thành văn tự rõ ràng vào năm 85 trước Tây lịch.

Cho đến nay, ba tạng Kinh, Luật, Luận bên Đại Thừa được dịch sang các tiếng Tây Tạng, Mông Cổ, Việt Nam, Trung Hoa, Đại Hàn, Nhật Bản, Anh, Đức, Pháp v.v... trong khi bên Tiểu Thừa chỉ có tạng Luật và Luận được dịch sang tiếng Miên, Lào, Thái Lan, Tích Lan, Miến Điện v.v... còn tạng Kinh nguyên thủy đa số dùng tiếng Pali và chưa phiên dịch hết ra tiếng địa phương.

Việc đó có cái hay mà cũng có cái không hay. Hay là khi các vị Tăng cũng như Phật tử Tiểu Thừa đến bất cứ nước nào thuộc hệ Tiểu Thừa cũng đều có thể tụng, đọc những lời Phật dạy cùng một ngôn ngữ với địa phương. Trong khi đó các nước theo phái Đại Thừa, các vị Tăng hay Phật tử mỗi nước phải học tiếng của nước mình mới có thể tụng, đọc được. Hoặc muốn que nước khác thì phải học kinh của tiếng nước đó mới có thể hiểu được. Và cái không hay chính là vì ngày nay ngôn ngữ Pali hay Sanskrit không còn là sinh ngữ nữa - sinh ngữ là một ngôn ngữ sống động được nhiều người nói, học và hiểu đến -

mà đã trở thành tử ngữ, chỉ tồn tại trong chốn thiên môn, tịnh xá, tu viện... nếu không thay đổi, diễn dịch hết ra thì e rằng những thế hệ tương lai không thể nào hiểu được nổi những gì Đức Phật đã dạy thời trước.

Kinh có thể chia làm ba loại : loại thần chú, loại thông thường và loại đã được diễn dịch ra ngôn ngữ địa phương. Thần chú là những mật ngôn của Đức Phật nói trong một cung điều cao và chỉ những ai có được cung điều ấy thì mới hiểu Đức Phật muốn nói gì. Cũng ví như băng tầng và máy radio, muốn nghe rõ thì máy phải bắt đúng băng tầng mới được. Nói thế khác, chúng ta đều có thể nghe hiểu những mật ngôn của Phật, nhưng mức hiểu biết của chúng ta thì không thể nào sánh được mức hiểu biết của những người giác ngộ. Cũng ví vậy những thần chú như Chú Đại Bi, Chuẩn Đề, Vãng Sanh... vẫn được giữ nguyên mẫu và chưa được dịch ra nghĩa của bất cứ một ngôn ngữ nào trên thế giới. Có chăng thì cũng thường chỉ là chuyện âm mànhôi còn ý nghĩa thì không thể nào diễn đạt hết được. Tuy nhiên, ta vẫn biết được công dụng của mỗi loại thần chú như thế nào qua lời Phật dạy - chúng ta chưa cần hiểu nhưng có ngay chúng ta sẽ hiểu và chúng ta cử tri tụng vì đó là những lời dạy chân chính, chân thật, không dối trá. Ví dụ thần chú Vãng Sanh có công năng cầu cho người chết về nơi thế giới của Đức Phật A Di Đà, thần chú Chuẩn Đề có công năng chữa lành nhiều căn bệnh. Thần chú Tiêu Tai Cát Tường có công năng làm vui những nỗi khổ của nội tâm và ngoại cảnh. Thần chú Đại Bi của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát có công năng trị liệu mọi chứng hiểm nghèo. Thần chú Thủ Lăng Nghiêm của Đức Phật chế cho Ngài A Nan có công năng diệt trừ sắc dục - cho chúng đệ tử xuất gia lần tại gia - cho những ai muốn thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử.

Loại thứ hai - chữ Hán - nghĩa rộng phải diễn dịch nhiều, nếu thiếu người giải thích sẽ không hiểu. Loại này phải tụng nhưng không khó như thần chú, nếu cố gắng vẫn có thể học hỏi và hiểu được những gì Đức Phật dạy.

Loại thứ ba là kinh địa phương

hay còn gọi là Kê, nghĩa là kinh nhưng đã được diễn dịch ra thành văn vần hay văn xuôi, ai đọc qua một lần cũng đều hiểu cả, nghĩa lý thì rất thâm trầm và rất hợp với tinh thần dân tộc địa phương.

Về Luật thì giữa Đại Thừa và Tiểu Thừa rất ít sai biệt, chỉ trừ một vài điều thay cho khế hợp với căn cơ từng dân tộc.

Về Luận thì sự khác biệt giữa hai phái lớn hơn. Đại Thừa chú trọng chữ Không của tư tưởng Thiên và Trung Quán, Tiểu Thừa chấp vào Có, ở trình độ thấp hơn nên có sự khác biệt giữa hai phái.

Trên đây chỉ là một số khác biệt căn bản khiến Phật Giáo chia thành hai hệ phái và cả hai vẫn còn tồn tại đến nay. Đại Thừa phát triển về phương Bắc và Tiểu Thừa bành trướng



menh về phương Nam. Và cũng từ năm 85 trước Tây lịch, Đại Thừa càng tiến lên phương Bắc chừng nào thì lại càng chia ra nhiều tông chi chừng ấy, bên Tiểu Thừa cũng có nhiều sư đổi thay nhưng không mấy rõ rệt như Đại Thừa.

Phật Giáo vào Trung Hoa từ đầu thế kỷ thứ nhất sau tây lịch, nhưng mãi đến thế kỷ thứ sáu, khoảng năm 520, Phật Giáo mới thật sự phát triển rộng lớn trong nhân gian, nhất là từ khi Bồ Đề Đạt Ma đem Thiên vào xứ này.

Thiên nguyên khởi từ Ấn độ hồi Đức Phật còn tại thế. Ngài dùng phương pháp tâm truyền tâm để truyền yêu chỉ Thiên cho Ngài Ca Diếp, người được xem như sơ tổ của Thiên tông Ấn độ. Từ Ca Diếp truyền mãi đến Bồ Đề Đạt Ma là 28 đời và Bồ Đề Đạt Ma lại cũng được xem như sơ tổ

của Thiên tông Trung Hoa nữa. Thời bấy giờ, có lẽ Phật Giáo đã có ảnh hưởng lớn trong quần chúng Ấn và mọi cơ cấu căn bản của giáo pháp sau khi Phật nhập diệt khoảng 1000 năm có lẽ đã vững vàng nên Ngài Bồ Đề Đạt Ma mới rảnh tay đem Thiên truyền sang Trung Hoa. Tại Trung Hoa, Phật Giáo đã có mặt từ bốn thế kỷ trước nhưng chưa phát triển mạnh, cho nên chính thời này là thời mà Thiên tông giữ một vai trò rất quan trọng trong vấn đề truyền thừa của mình.

Theo chính sử thì Phật Giáo vào Trung Hoa trước Việt Nam và từ Trung Hoa sang Việt Nam do các nhà sư Trung Hoa. Nhưng có thuyết khác cũng cho rằng ngày xưa đường bộ chưa được mở mang nên giao thông Hoa Ấn chỉ được thực hiện bằng đường biển. Chính trên con đường biển đó mà Phật Giáo đã vào Việt Nam trước Trung Hoa. Thuyết này giải thích rằng các nhà buôn Ấn phải dùng đường biển đến Trung Hoa nhưng đường biển lại đầy hiểm nguy bất trắc do đó các nhà buôn Ấn thường nhờ các vị sư đi theo để cầu cho mưa thuận gió hòa, làm ăn được thịnh phát. Đường từ Ấn đến Trung Hoa phải mất một năm và thời gian thuận tiện nhất là mùa có gió nồm. Không có gió nồm thì không đi được và do đó phải tập vào chuyen hải Việt Nam để chờ. Chính trong thời gian chờ đợi đó mà các nhà sư Ấn đã theo các nhà buôn vào đất liền để chờ đợi. Cũng trong thời gian chờ đợi đó, các nhà sư Ấn đã tụng kinh, cúng bái cho người Việt và qua cách đó, ảnh hưởng của Phật giáo bắt đầu thâm vào nhân gian Việt Nam. Thời bấy giờ, thoạt tiên có lẽ người Việt cũng rất ngạc nhiên trước hình ảnh những nhà sư Ấn đắp

y vàng - tượng trưng cho sự giải thoát của Phật Giáo. Nếu quả như vậy thì cũng chẳng có gì khó hiểu khi người ta nghĩ đến sự ngỡ ngàng ngạc nhiên của người Âu Mỹ mấy thế kỷ trước đây khi Phật Giáo mới truyền sang và ngay cả trong hiện tại thị cũng vẫn còn nhiều nơi Phật Giáo vẫn là một điều quá mới mẻ đối với họ. Người ta cũng có thể nghĩ đến sự ngỡ ngàng xa lạ của những dân tộc Á Phi hồi thế kỷ 16, 17 khi các linh mục Thiên Chúa giáo thập tụng các nhà thuộc địa đến các xứ này. Tóm lại, tất cả chỉ là những khác biệt và ngạc nhiên buổi ban sơ. Đó cũng

chính là kinh nghiệm của người Việt hồi thế kỷ thứ nhất sau tây lịch trước hình ảnh của những vị sư Ấn vậy.

Vì những lý do kể trên, người ta có thể nói rằng Phật Giáo vào Việt Nam không chỉ qua ngã Trung Hoa mà còn thẳng từ Ấn mã. Điều này, Phật Giáo Việt Nam ngày trước không chứng minh được, nhưng gần đây trong quyển Phật Giáo Việt Nam Sĩ Luận I của Nguyễn Lang xuất bản tại Paris năm 1978 cũng đã công nhận như thế.

Phật Giáo tiến lên phương Bắc, vào Trung Hoa, Mông Cổ, Việt Nam vào những năm đầu thế kỷ, vào Đại Hàn và Nhật Bản vào thế kỷ thứ sáu, Tây Tạng vào thế kỷ thứ bảy thì Phật giáo Tiểu Thừa cũng truyền bá mạnh mẽ vào các nước Miến Điện, Thái Lan, Lào và Cam Bốt. Bước chân truyền pháp của các nhà sư thuộc hai phái chưa bao giờ ngừng nghỉ và cũng chính nhờ thế nên Phật Giáo đã tiến một bước khá dài trên đường hoàng hóa độ sanh của mình vậy.

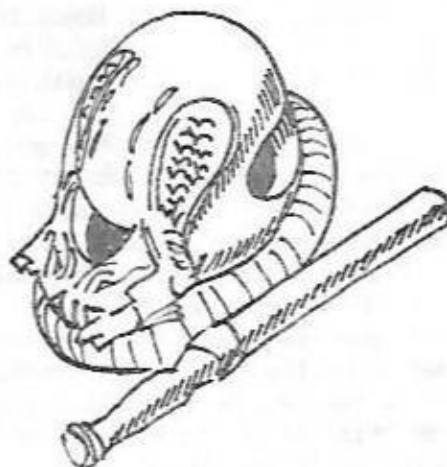
Ngày xưa khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, Ngài chia giáo pháp của Ngài ra làm ba thời kỳ rõ rệt. Thời kỳ đầu 500 năm kể từ khi Ngài còn tại thế là thời Chánh Pháp đó là thời các đệ tử của Ngài có tu có thực hành giáo pháp và có chứng được đạo quả như A La Hán hay Bồ Tát v.v... Thời kỳ thứ hai là thời kỳ Tượng Pháp gồm 1000 năm sau đó, những đệ tử của Ngài có tu, có hành đạo nhưng không chứng được đạo vì đã cách xa thời Chánh Pháp cả ngàn năm. Thời kỳ thứ ba là thời Mạt Pháp gồm 10.000 năm; thời này căn tánh của chúng sanh, những đệ tử của Ngài cả phái xuất gia lẫn tại gia, đều bị vật chất cám dỗ suy đồi. Thời kỳ này người biết đến Phật Pháp vẫn có nhưng không thực hành theo giáo pháp của Đức Như Lai nên không chứng được đạo quả Vô Thượng Bồ Đề và thời kỳ này được gọi là thời kỳ có tu, không hành và không chứng đạo.

Nếu nhìn theo lịch sử và căn cứ theo sự phân chia giáo pháp của Đức Phật thì lúc Bồ Đề Đạt Ma sang Trung Hoa - năm 520 sau tây lịch - cũng là lúc đang thời Tượng Pháp và giáo lý của Đức Phật cũng đã bị biến đổi phần nào so với nguyên thủy của giáo lý đó vậy. Riêng Phật Giáo

Trung Hoa, đặc biệt là Thiên tông, chỉ truyền thừa y bát trực tiếp đến Lục Tổ Huệ Năng là hết, và Phật Giáo cũng như riêng Thiên tông kể từ đó trở đi đã được triển khai theo nhiều phương diện nên việc liễu ngộ đạo pháp và chứng đạo như Lục Tổ Huệ Năng cũng không còn nữa.

Phật Giáo tuy đến Việt Nam từ cuối thế kỷ thứ nhất sau tây lịch, nhưng mãi đến cuối thế kỷ thứ sáu, hạt giống Giác Ngộ của Đức Thế Tôn mới bắt đầu đâm chồi nảy lộc; đó là nhờ công đức của Ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi (Vinītaruchi) từ Ấn Độ sang Trung Hoa truyền giáo gặp thời đệ tam Tổ Tăng Xáng của Trung Hoa (năm 580 tây lịch) và tại Trung Hoa lúc bấy giờ Phật Giáo đã tương đối thịnh hành nên Ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi đã nghe lời Ngài Tăng Xáng đi sang Việt Nam để truyền đạo.

Đúng về phương diện lịch sử mà nói, Ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi là sơ tổ Thiên tông Việt Nam, có thể so sánh với Ngài Bồ Đề Đạt Ma là sơ tổ Thiên tông Trung Hoa vậy; nhưng đúng về phương diện truyền đạo trong nhân gian thì cả hai Ngài đều là người đi sau, có công chấn chỉnh Phật Giáo Thiên tông chứ không hẳn là người đầu tiên mang đạo Phật vào Trung Hoa và Việt Nam, vì trước Ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi đã có các Ngài Mâu Bác, Chi Cương Lương, Khương Tăng Hội đã làm công việc truyền thừa ấy cho người Việt Nam rồi; nhưng có lẽ vì buổi sơ thời nên người Việt Nam chưa lìa tâm mê và lúc bấy giờ sự truyền đạo Phật vào Việt Nam không dễ dàng như ngày nay tại Âu Mỹ. Ngày xưa việc truyền đạo của quý Ngài bị giới hạn về nhiều phương diện như vật chất, phương tiện giao thông...



Cũng vì ảnh hưởng của Trung Hoa khá lớn tại những vùng đất Á (Châu trong những thế kỷ đầu tây lịch nên sự phát triển của đạo Phật vào Đại Hàn và Nhật Bản rất thuận tiện. Và cũng từ con đường văn hóa, kinh tế đó đạo Phật được truyền vào Đại Hàn rồi từ Đại Hàn sang Nhật Bản vào khoảng thế kỷ thứ năm, thứ sáu tây lịch.

Tại Nhật Bản, mãi đến thế kỷ thứ tám, Phật Giáo mới được phát triển nhờ Thánh Đức Thái Tử (Shotokutaishi) một vị vua Nhật rất sùng bái đạo Phật. Trong hiến pháp của Nhật thời bấy giờ, nhà vua đã đem Ngũ Giới của Phật Giáo làm phương thức trị dân và giữ nước như A Dục Vương của Ấn Độ ngày trước vậy.

Lịch sử Việt Nam cũng không thiếu những vị Tăng và là Thiên sư và là quốc sư lo việc triều chính như Khương Việt Thái Sư, Vạn Hạnh Thiên Sư... cuối thế kỷ thứ mười, đầu thế kỷ mười một.

Thông thường, nhiệm vụ của Tăng sĩ Phật Giáo là lo kiến đường nên đạo, năng về văn đề tinh thần, truyền bá giáo lý của đạo Phật cho nhân gian, quần chúng Phật tử; nhưng tởm bấy giờ trong nước người tài rất thiếu và phải thành thật mà nói không có ai trong sạch hơn, sáng suốt hơn, giỏi giang hơn là các vị Tăng, nên chính quyền phải nhờ đến các Ngài, thừa nhận các Ngài là Quốc Sư, nghĩa là thầy của cả nước, và đôi khi là thầy của Vua nữa trên các bình diện quân sự, tôn giáo, văn hóa...

Vì sao trong sạch hơn? Vì một người ta đã từ bỏ gia đình, thân thuộc, từ bỏ những của cải vật chất giả tạo để tâm đạo giải thoát, nhằm cứu người ra khỏi vòng sanh tử, tử sinh, nên không còn tích trữ của cải để làm giàu cho chính mình hay cho gia đình mình - như Thái Tử Tất Đạt Đa từ bỏ cung điện, vợ đẹp con ngoan - là từ bỏ những thứ mà người thế gian cho là quý trọng, nhưng thật sự không chắc chắn chút nào để làm thân đạo sĩ, cầu đạo Vô Thượng Bồ Đề. Nhà cửa, cung điện, sắc đẹp bị tàn phai theo thời gian, chỉ có sự giác ngộ và giải thoát của kiếp

Xem tiếp trang 62

(tiếp theo)

CHƯƠNG 17

Mặc dầu được tôn làm Quốc Sư, Song Ngọc Lâm không có ý niệm cho đó là vinh dự. Mấy năm gần đây, bao nhiêu tai nạn, nghiệp chướng dồn dập xảy đến đã khiến ngài thể nghiệm được giáo lý của đức Phật một cách sâu xa. Hoàng cung tráng lệ, nguy nga, cao lương mỹ vị, đối với ngài chẳng khác gì người gỗ ngắm chim hoa, thanh danh lợi lộc không làm ngài động tâm.

Sau khi được tôn làm Quốc Sư, trí tuệ và lòng từ bi của ngài càng tăng thêm. Tính tình hiền từ và ngao nhể của tuổi trẻ, giờ đây cũng đã tan thành mây khói. Bao nhiêu việc bất bình ở quá khứ và những năm, tháng xa xôi, giờ đây không còn làm bận tâm ngài, hàng ngày, chuỗi tràng trong tay, tâm cả sa trên mình, ngài trông như quả núi, không gì có thể lay chuyển như một bông sen tỏa hương thơm phắc.

Sống trong hoàng cung, Ngọc Lâm Quốc Sư thấy như mình đã ly khai với đời, ngài tưởng đến sự phàm và sự huyênh, nhưng cung cấm thâm nghiêm, để gì gặp được. Có lúc ngài nhìn những làn mây kẻ tiếp nhau lướt qua khung cửa, bỗng ngài lại nhớ đến những việc đã qua khi ngài mới vào tuồng phật, rồi hôm Ngô Sĩ Gia kiểm chuyện ở Thiên Hoa Am, lại nghĩ đến nỗi khổ đau, oan uổng do chính chúng sinh gây nên, lòng ngài không khỏi cảm khái, nhìn trời thăm thẳm.

Ngọc Lâm Quốc Sư sống cuộc đời lặng lẽ như giòng nước chảy lú đi ấy vào khoảng nửa năm, một hôm, nhân Thuận Trị Hoàng Đế vào thăm ngài, ngài nói :

- Bệ hạ! Ngày mai tôi định lên đường vân du các nơi, xin cáo từ bệ hạ trước.

Thuận Trị Hoàng Đế ngạc nhiên, hỏi :

- Quốc Sư, có lẽ qua nhân có điều gì không phải? Tại sao Quốc Sư đi cho khổ thân?

Ngọc Lâm Quốc Sư biết nhà vua hiểu lầm, nên ngài giải thích :

- Bệ hạ là vì vua mớ nước, hòng tài, đức độ, không những thường yêu dân như con, mà đối với Phật pháp

● bản dịch của Quảng Độ

THOÁT VÒNG TỤC LUY



cũng hết lòng ủng hộ; bệ hạ không có gì không phải cả, chỉ vì lời ngài đến sự mệnh hoàng pháp, lợi sinh của người xuất gia, nên mới miễn đi các nơi hành hóa.

- Vậy xin Quốc Sư hãy thuyết pháp trong cung đã, khi nào Pháp Hội trong cung viên mãn, Quốc Sư muốn đi đâu, qua nhân xin cho người hộ tống!

Ngọc Lâm Quốc Sư không biết làm thế nào, đành phải ở lại và bắt đầu mở hội giảng kinh Hoa Nghiêm. Khi giảng xong bộ Hoa Nghiêm, Thuận Trị Hoàng Đế sai sắp đặt các đồ hành trang, xếp vào mười mấy cái rương lớn, và cho hơn một trăm người đi theo Quốc Sư.

Ngọc Lâm Quốc Sư từ chối một cách trang trọng :

- Bệ hạ, bệ hạ làm thế này sẽ trái với lời Phật dạy; khi xưa Phật Thích Ca bỏ ngôi Thái Tử đi xuất gia lang thang đây đó, chỉ có ba tấm cà sa và một chiếc bình bát, bệ hạ cho tôi những thứ này mang theo để làm gì?

- Không! Thuận Trị Hoàng Đế giải thích. - Qua nhân không để cho Quốc Sư phải mang, đã có người đi theo Quốc Sư.

- Người đi theo? Tôi cần người đi theo làm gì? Tôi đi các nơi để tiện hoàng pháp, nếu nhiều người đi theo không khỏi có chỗ phiền phức.

- Vậy ít nhất Quốc Sư cũng phải cho mỗi người đi theo để hầu hạ.

Ngọc Lâm Quốc Sư lại trả lời một cách cương quyết và trịnh trọng

- Phật dạy ba tấm cà sa và một chiếc bát là đủ rồi, không cần một người nào đi với tôi hết!

Mặc dầu Ngọc Lâm Quốc Sư nhất định cự tuyệt, song Thuận Trị Hoàng Đế, vì danh nghĩa của Quốc Sư, không thể để như thế được, nhà vua không nói gì thêm, chỉ cúi đầu làm lễ cáo lui.

Sáng hôm sau, Ngọc Lâm Quốc Sư lặng lẽ ra khỏi hoàng cung, đi bằng cách nào, tuyệt không ai biết. Các thủ Thuận Trị Hoàng Đế sắp đặt để cúng dâng, vẫn còn nguyên đây, Ngọc Lâm Quốc Sư chỉ đem theo con dấu bằng vàng của Quốc Sư mà thôi.

Thuận Trị Hoàng Đế biết không thể làm thay đổi được ý chí của Quốc Sư, đối với phong cách cao khiết của ngài, nhà vua lại càng kính ngưỡng hơn. Thuận Trị cũng không sai người đi chuỗi theo Quốc Sư, nhưng lập tức truyền chỉ cho toàn quốc, báo cho các quan lại khắp nơi hãy biết Quốc Sư hoàng pháp ở chỗ nào, phải hết lòng giúp đỡ, và phải tâu về triều đình ngay.

Thuận Trị Hoàng Đế tưởng như Quốc Sư không lúc nào nguôi. Một hôm, có một chiếc nhỏ ở phía Nam, đưa các đồ triều cống đến, trong đó có một chiếc quạt bằng ngà, Thuận Trị Hoàng Đế từ tay viết bốn chữ: "Như Trâm thân lâm" (Quốc Sư đến đâu tức là Trâm ở đó) vào chiếc quạt, đôi khi nào biết tin Quốc Sư ở đâu thì cho người mang đến dâng ngài. Vì nhà vua cho rằng nếu Quốc Sư mang theo chiếc quạt đó thì bất cứ đi tới đâu ngài cũng sẽ được đón tiếp long trọng.

Sau khi rời hoàng cung, Ngọc Lâm Quốc Sư sống cuộc đời nay đây, mai đó, một mảnh áo nâu, một đôi dép cỏ

vượt núi băng ngàn, dầm sương dãi nắng, cất bước lẫm du khắp miền Giang Nam, Giang Bắc; lúc vào tá túc trong một cảnh đại tùng lâm, cũng có khi yên giấc bên bờ sông, sườn núi. Ngài đến thăm viếng các bậc đại lão hòa thượng để hỏi đạo, cũng có khi ngài tùy duyên thuyết pháp, dẫn dắt cho mọi người, nhưng không một ai biết vị sư trẻ tuổi, uy nghiêm ấy là Quốc Sư của chúng triêu!

Dĩ nhiên cũng có nhiều người hoài nghi khi thấy tướng mạo phi phàm của ngài, song ngài lại càng cố tỏ ra quê mùa để người khác đừng chú ý. Có mỗi một lần ở chùa Thiên Đồng tại Triết Giang, ngài ngồi trong đám thỉnh chúng nghe vị Thủ tọa hòa thượng thuyết pháp, hòa thượng nói: "Một người xuất gia mà không để cho danh vọng, vinh hoa làm động tâm thì hiếm có lắm! Song nếu quá chán ghét và xa lánh danh vọng, vinh hoa, thì cũng lại thành ra cố chấp, hẹp hòi. Đối với đời, theo hạnh bi nguyện của Đại Thừa thì không nên chấp mà cũng không nên xa. Trong đám thỉnh chúng đây, chắc thế nào chả có một người phi phàm tử phùng xa đến, vị ấy hãy nên nghĩ lại, Phật pháp tuy xa lìa danh vọng và địa vị, song cũng có lúc phải nhớ danh vọng và địa vị để hoằng dương!". Hòa thượng vừa nói vừa đưa mắt nhìn thẳng vào Ngọc Lâm Quốc Sư.

Ngọc Lâm Quốc Sư cúi đầu, không dám nhìn lại vị hòa thượng thủ tọa, nhưng những lời hòa thượng nói đã làm ngài xúc động, ngài biết những lời nói ấy rõ ràng ám chỉ vào ngài. Ngọc Lâm Quốc Sư không dám ở lại nữa, vì ngài không muốn những người đồng đạo trong tăng đoàn biết ngài là một vị Quốc Sư, bởi thế ngài lẳng lẳng xách khăn gói lên đường.

Đọc đường, hình ảnh và lời nói của vị thủ tọa hòa thượng cứ quay cuồng trong đầu óc ngài, điều đó ngài đã được nghe sư huynh Ngọc Lâm nói qua rồi. Ngài vẫn cố bi nguyện và nhiệt tình đối với đời và chúng sinh, chỉ vì ngài biết là thời cơ hoằng pháp lợi sinh chưa đến. Song hiện giờ ngài đã được tôn làm Quốc Sư, ngài tự biết sức học của ngài không xứng đáng với chức vị ấy, giá như sư huynh, trí tuệ và đạo đức

đầy đủ, hoặc như vị thủ tọa hòa thượng tuốt tác và đạo đức cũng hiếm có, mà đảm nhiệm chức vị ấy thì xứng đáng biết chừng nào! Không nói, họ không muốn mất đầu lộ diện không muốn khoe khoang tài đức của họ.

Ngày tháng trôi qua, Ngọc Lâm Quốc Sư lê gót bốn phương trời, lần lượt đã bốn năm qua. Một hôm, ngài qua một nơi hẻo lánh, trời đã tối mà chung quanh thì không có một cảnh chùa hay làng mạc nào, ngài phải nghỉ lại dưới một gốc cây. Lúc ngài đang ngồi nhắm mắt tư duy, bỗng một bọn cướp đi ngang qua, thấy ngài một tên dơ dao lên, nói:

- Người là ai? Có tiền cho chúng ta vay tạm một ít tiêu đây!

Đổi ánh trăng mờ, Ngọc Lâm Quốc Sư thấy bọn họ rất đông, nhưng ngài không hề bối rối, sợ hãi, ngài chậm rãi nói:

- Tôi là người lỡ đường, tiền không có mà trong người cũng chẳng có gì để biếu các ông, song nếu các ông chịu chấp nhận lời yêu cầu của tôi, tôi sẽ cho các ông một vật rất quý giá.

Bọn cướp đồng thanh nói:

- Yêu cầu gì? Nói mau!

- Tôi yêu cầu các ông từ nay đừng làm giặc cướp nữa!

Nghe xong, một tên hàm hăm, hổ hổ nói:

- Đừng láo! Điều đó không thể được, không làm giặc cướp thì chúng ta làm gì?

Tên khác nhận ra Ngọc Lâm Quốc Sư là người xuất gia, y rất thần phục thái độ bình tĩnh của ngài, y gạt mọi tên khác ra rồi đến trước nói:

- À! Té ra ông là một vị sư, xin ông nói trước, chúng tôi không làm giặc cướp thì ông cho chúng tôi vật gì?

Ngọc Lâm Quốc Sư vẫn cứ cứng rắn:

- Tôi muốn các ông phải nhận trước với tôi là các ông sẽ không làm giặc cướp!

- Không làm giặc cướp, chỉ cầu ông cho chúng tôi ăn, vậy ông có dám bảo đảm không?

- Tôi có một thỏi vàng, nặng chừng hai ba cân, nếu từ nay các ông đừng đi ăn cướp, tôi sẽ cho các ông đem về bán đi, lấy tiền chia nhau làm vốn buôn bán mà sinh sống,

đừng làm nghề tội ác ấy nữa, như thế có sung sướng không?

Bọn cướp đều nhận lời răm rắp:

- Thế thì tốt lắm, ông đưa ngay đây cho chúng tôi, chúng tôi nhận lời.

Ngọc Lâm yên lặng đưa con dấu bằng vàng ra, lúc giao cho tên đầu đảng, ngài nói với đồng bọn:

- Tôi cần dặn trước các ông là khi nào đem bán thỏi vàng này, các ông phải cao chữ ở trên mặt đi đả, đó là lòng tốt của tôi, bảo mấy ông biết trước, vì tôi không muốn các ông phải liên lụy!

Khi bọn cướp vừa sẽ không ăn cướp nữa, Ngọc Lâm Quốc Sư rất hoan hỷ, ngài đưa ngay con dấu Quốc Sư có khắc mấy chữ "Đại Giác Phổ Tế Năng Nhân Ngọc Lâm Quốc Sư" cho bọn cướp, ngài tư nghĩ dùng thỏi vàng ấy làm cho mấy chục người không còn gây tai hại cho xã hội, không cướp bóc những khách đi đường thế là đáng giá lắm rồi.

Sau khi được thỏi vàng, bọn cướp cười nói huyền thiên một hồi rồi đi. Trên vòm trời, mặt trăng lần lượt sau đám mây, mấy vì sao lấp lánh tỏa ra một ánh sáng mờ mờ, bốn bề tịch mịch, không một tiếng động, Ngọc Lâm Quốc Sư lại ngồi yên lặng dưới gốc cây như không có gì và mới xảy ra.

Sau khi về tới sào huyệt, bọn cướp dờ vàng ra xem, đó là một con dấu bằng vàng, hình vuông, sáng chói, mấy tên biết chữ, xem con dấu rồi hoảng hốt kêu lên:

- Ái chà! Đây là bậc thầy của Thiên Tử! Các anh có nhìn rõ mấy chữ "Đại Giác Phổ Tế Năng Nhân Ngọc Lâm Quốc Sư" trên con dấu không? chết rồi! Chúng ta đã ăn cướp Quốc Sư, thật tội phan thấy rồi!

- Không phải đâu, đừng nói bậy! Tôi xem ông ta không có vẻ là Quốc Sư, nghe tiếng của ông ta thì người chỉ khoảng gần ba mươi tuổi thôi. Quốc Sư đâu có đến chỗ núi non hẻo lánh này làm gì.

- Tôi xem lão ta có lẽ cũng là đồng nghiệp của chúng mình, chắc lão đã lấy được ấn vàng của Quốc Sư, định đem vào núi đẩu, không may lại gặp chúng mình, sợ quá nên phải giao lại cho mình chúng?

- Tôi thấy ông ấy chả có vẻ gì sơ hãi cả, đáng người trang nghiêm, tiếng nói hiền dịu, có thể là Quốc

Sư Lãm !

Bọn cướp cứ bàn tán phân vân, sau tên đầu đảng là Vương Đức Thịnh dơ hai tay lên bảo mọi người im lặng, rồi y nói :

- Anh em! Chúng ta thật coi trọng bằng vàng, đám cướp ăn vàng của Quốc Sư, triều đình mà biết, thì liệu đời chúng ta còn không? Giữa đường gặp Quốc Sư mà ta cũng không vái chào, thật có mặt cũng như mù. Hay giờ chúng ta lại đến, nhất định Quốc Sư còn đây, nếu thật là Quốc Sư, chúng ta hoàn lại ân vàng, và xin thờ ngài làm thầy, bằng không, cũng nên buông tha người, vì đó chỉ là một người tu hành, không biết ý anh em thế nào ?

Mọi người đều dơ tay tán thành thậm chí còn có người nói, nếu quả thật được gặp Quốc Sư thì từ nay y sẽ bỏ nghề ăn cướp, và xin thế phát đi tu.

Núi rừng trùng điệp, cây cối um tùm, ngoài tiếng gió rì rào qua các kẽ lá ra, không một âm thanh nào khác; bọn cướp cũng đi trong yên lặng, không ai dám nói một lời, những ý niệm độc ác, hung tàn, giờ đây đã biến thành những ý niệm hiền lương nhân đạo; lúc ấy họ không còn là những kẻ giặc cướp, mà là một đoàn người đang xuyên qua núi rừng để đi cầu đạo, họ đều mang một tâm lòng kính cẩn khấn thành, mong được bái kiến một đấng Quốc Sư.

Khoảng chừng không phải gần gũi và đi vào về cũng tới năm, sáu dặm đêm, lúc bọn cướp vừa trở lại đến chỗ Ngọc Lâm Quốc Sư đang ngồi, thì từ góc trời phía đông cũng bắt đầu hừng sáng : bình minh đã xuất hiện.

Mọi người thấy Ngọc Lâm Quốc Sư vẫn còn ngồi đây, họ quỳ xuống, cúi đầu, run sợ, hỏi :

- Ngài có phải là đấng triều Quốc Sư ?

Ngọc Lâm Quốc Sư thấy vẻ kính cẩn của họ, biết họ đến để ăn năn thú tội, nhìn ngài thấy hơi khó trả lời câu hỏi của họ, vì từ khi rời khỏi hoàng cung cho đến nay vẫn chưa ai biết ngài là Quốc Sư, chỉ mới có vị thủ tọa hòa thượng ở chùa Thiên Đông nhờ có thần thông mới biết, song ngài cũng không dám nhận mà cáo biệt ngay. Mấy năm nay, sống cuộc đời trôi nổi, lang thang khắp đó đây, ngài chưa dám cho ai biết

ngài là Quốc Sư, sợ làm náo động lòng người. Nhưng giờ đây, bọn cướp hỏi ngài, ngài tư nghĩ không nói không được. Bởi thế sau một phút ngần ngừ, ngài đáp :

- Hai ta chính là Ngọc Lâm Quốc Sư của đường kim Thiên Tử, song các người không được nói cho người khác biết, sợ làm trở ngại việc vận đù của ta.

Tên đầu đảng Vương Đức Thịnh kêu lên thất kinh :

Quốc Sư! Chúng con có mặt như mù, không biết Quốc Sư đến, muôn vàn tội chết, cúi xin Quốc Sư rủ lòng từ bi xá tội cho chúng con, và cho chúng con được theo làm đệ tử !

Wương Đức Thịnh nói xong, tất cả đồng bọn đều quỳ xuống, ai cầu :

- Chúng con đều xin Quốc Sư rủ lòng thương nhận chúng con làm đồ đệ !

Ngọc Lâm Quốc Sư :
- Điều đó không được, không thể vừa là đồ đệ Phật, vừa là giặc cướp!
- Chúng ta hối cải, chỉ mong được Quốc Sư nhận làm đồ đệ, chúng con sẽ theo Quốc Sư đi xuất gia, thế không trộm cướp nữa !

Wương Đức Thịnh đại biểu cho cả bọn tuyên thệ, sau đó, bọn cướp đồng thanh lập lại :

- Phát nguyện xuất gia, thế kệ trộm cướp !

Ngọc Lâm Quốc Sư thấy khó xử :
- Theo ta xuất gia, chính ta cũng không có chùa cảnh gì cả, ta đi hành hóa, chính Hoàng Thượng cũng không biết đi đâu.

Bọn cướp tỏ ra rất cương quyết nói :

- Chỉ mong Quốc Sư thu nhận cho chúng con xuất gia, chúng con sẽ biên sảo huyết của chúng con thành một cảnh chùa, thỉnh Quốc Sư trụ trì để dạy bảo chúng con tu hành, trên núi có đất đai, chúng con sẽ ra sức trồng trọt để sinh sống.

Ngọc Lâm Quốc Sư rất vui mừng. Ngài tư nghĩ để cho người thiện tu hành thì dễ rồi, còn độ cho kẻ ác tu hành mới khó; hiện giờ những kẻ cướp tỏ ý ăn năn, lại phát nguyện xuất gia, ngài không thể bỏ chúng sinh, bởi thế ngài nói rõ những giới điều mà một người xuất gia phải tuân theo cho họ nghe, họ đều tỏ lòng kính thuận, vâng theo, cho nên Ngọc Lâm Quốc Sư nhận lời thỉnh cầu của họ.

Trời đã sáng hẳn, chim chóc kêu riu rít trên cành cây, từ phương đông, vầng hồng đang nhô lên, tất cả như đang ca ngợi và đón mừng cuộc đời mới của bọn cướp.

Ngọc Lâm Quốc Sư đứng dậy, mọi người, tiên hô, hậu ủng, đưa ngài lên núi.

Khi đến sơn trại, việc đầu tiên mà Ngọc Lâm Quốc Sư bảo bọn cướp làm là biến ngay căn nhà hội họp của họ thành Đại Hùng Bảo Điện để thờ Phật, rồi sau mới đến các việc khác.

Mọi người đều hơn hớn, Ngọc Lâm Quốc Sư cũng hoan hỷ, ngài nhìn thấy sơn trại đó có thể kiến thiết thành một nơi tàng lâm.

Sau khi căn nhà hội họp được đổi thành Đại Hùng Bảo Điện, Ngọc Lâm Quốc Sư hỏi Vương Đức Thịnh về tình hình trong núi :

- Ở vùng này có bao nhiêu người?
- Có tất cả 74 người. Vương Đức Thịnh đáp.

- Mũi này kêu là núi gì ?
- Vì cách xa dân chúng quá, nên núi này gần như không có tên. Cách đây bốn năm, khi chúng con đến quân tụ ở nơi này, chúng con mới gọi là núi Quán Anh.

- Con hãy may gấp lấy 74 chiếc áo nâu, hôm nay là 14 tháng 8, đến 19 tháng 9 là ngày kỷ niệm xuất gia của Bồ Tát Quán Âm, thầy sẽ làm lễ thế phát, quy y cho các con !

Wương Đức Thịnh cung kính vâng lời, Ngọc Lâm Quốc Sư cho triệu tập tất cả mọi người đến, rồi bảo họ từ đây về sau gọi núi này là núi Chính Giác, chùa đặt hiệu là chùa Chính Giác, ngài lại phân chia cho họ mỗi người một chức vụ trong chùa. Ngài còn đặt pháp danh cho họ, Vương Đức Thịnh được gọi là Giác Đạo. Ngài khuyên khích họ gia sức khai khẩn đất đai, trồng trọt hoa trái và rau dưa, ai cũng vui lòng theo Ngọc Lâm Quốc Sư sống cuộc đời tu hành thanh đạm. Ngọc Lâm Quốc Sư ở đây thấy lòng rất giải thoát.

(còn tiếp)

Allgemeine Buddhalehre



Text von Hochehrwürdiger Thích Thiện Hoa
Deutsche Übersetzung von Rev. Thích Như Điển

KAPITEL X

DIE ACHT FASTENREGELN

(ATHANGA - SILA)

A. EINFÜHRUNG:

Es gibt im Buddhismus mannigfaltige Wege zur Praktizierung des Dharma. Darunter ist " BÁT QUAN TRAI GIỚI " (Sanskr.: Athanga-Silas, die acht Fastenregeln) eine von vielen Methoden, die für Laienbuddhisten bestimmt sind.

B. THEMATIK :

1. Definition :

Wie die Begriffsbestimmung des " BÁT QUAN TRAI GIỚI " festgelegt wird.

2. Aufklärung der Acht Fastenregeln.

1. Nicht-Töten von Lebewesen,
2. Nicht-Nehmen, was nicht gegeben ist,
3. Nicht-Unkeusch-Sein,
4. Nicht die Unwahrheit-Sagen,
5. Nicht-Trinken von berauschenden Getränken,
6. Nicht-Verwenden von Kosmetika, sowie Sich-Fernhalten von Tanz, Gesang, Musik und Schaustellung,
7. Sich nicht in hochgestellte Betten legen,
8. Keine Speisen zu sich nehmen, wenn die Mittagszeit vorüber ist.

C. SCHLUSSFOLGERUNG :

Die Nützlichkeit des " BÁT QUAN TRAI GIỚI " ist sehr groß und für alle Buddhisten empfehlenswert.

DIE ACHT FASTENREGELN (Atthanga - Sila)

INSTRUKTIONEN FÜR DEN EMPFANG VON "BÁT QUAN TRAI"-REGELN.

Vorschriftmäßig muß der Laienbuddhist in die Pagode gehen, um dort den Bikkhu-Zeremonienmeister reinherzig zu bitten, ihm die acht Fastenregeln des "BÁT QUAN TRAI GIÓI" feierlich zu erklären. Auf unterschiedliche Weise werden die "BÁT QUAN TRAI"-Regeln dem Empfänger übertragen.

Falls es einem nicht möglich ist, in die Pagode zu gehen, dann kann er, der das "BÁT QUAN TRAI GIÓI" zu praktizieren wünscht, folgende feierliche Handlung zu Hause dem Buddha-Bildnis gegenüber abhalten.

Grundsätzlich muß er, der das "BÁT QUAN TRAI GIÓI" zu praktizieren wünscht, es so einrichten, daß alle sowohl familiären als auch geschäftlichen Angelegenheiten während seiner Übungsdauer einer anderen Person übertragen werden. Nur so kann er sich 24 Stunden hindurch in ungestörter Ruhe zurückziehen und die Übung mit einem hohen Maß an Nutzen durchführen. Ein optimales Ergebnis erhält man nur, wenn "BÁT QUAN TRAI GIÓI" innerhalb einer Pagode praktiziert wird.

Vor dem Empfang der acht Regeln muß der Praktizierende eine Körperreinigung hinter sich haben, grünlich müssen die Hände gewaschen und auch der Mund gespült werden. Gekleidet mit einem Zeremoniengewand begibt er sich zum Buddha-Altar, zündet drei Räucherstäbchen an, dann beginnt er kniend mit dem Gesang des Weihrauchs.

Nguyen thu dieu huong van,
Bien man thap phuong gioi,
Cung duong nhat thiet Phat,
Ton pháp chu Bo tát,
Vo bien Thanh van chúng,
Cap nhat thiet Thánh hien,
Duyen khoi quang minh dài,
Xung tán tác Phat su,
Pho huan chu chúng sanh,
Giai phát Bo de tam,
Vien ly chu vong nghiép,
Vien thành Vo thuong dao.

(3x sich mit zusammengelegten Händen tief verneigen, dann einmal den folgenden Spruch aussprechen.)

"Am heutigen Tag erscheine ich hier mit dem Namen ..., Dharmanamen... in dieser Stunde vor dem Triratna kniend und gelobe reinherzig die acht Fastenregeln des "BÁT QUAN TRAI GIÓI" einen Tag und eine Nacht hindurch einzuhalten Mögen alle Buddhas, Maha-Bodhisattvas, Dharmapalas der zehn Himmelsrichtungen mir barmherzig ihre stützende Kraft übertragen, damit ich geistig und körperlich in Zufriedenheit dieses Gelübde vollenden kann."

(sich mit zusammengelegten Händen tief verbeugen, dann aufstehen, die Räucherstäbchen in das Räucherfaß stecken und dann die Verehrungsformeln rezitieren.)

* Nhut tam danh le, tan hu khong, bien pháp giới quá, hien, vi lai chu Phat, Ton Pháp, Hien Thánh Tang thuong trú Tam Bao.

(Dies bedeutet: Verehrungswürdig verbeuge ich mich vor allen Buddhas, Dharma, Patiarchen der Vergangenheit, Gegenwart und Zukunft, die soviel wie das Universum sind und als Triratna permanent verweilen.) (1 tiefe Verbeugung)

* Nhut tam danh le, Nam mo Ta bà Giáo chu, dai-tu dai-bi Bon-su Thích-Ca Mau-Ni-Phat, Duong-Lai ha sinh Di-Lac Ton Phat, Linh-Son Hoi-Thuong Phat Bo-Tát.

((Dies bedeutet: Verehrungsw. verbeuge ich mich vor Sakya Muni Buddha, dem Herscher des Saha mit großer Liebe und großem Mitleid; dem zukünftigen Maitreya-Buddha und aller Buddhas und Bodhisattvas in dem Linh-Son Manifest.) (1 tiefe Verbeugung)

* Nhut tam danh le, Nam-mo Tay-phuong Cuc-lac the gioi dai-tu dai-bi A-Di-Da Phat, Dai-bi Quán-the-Am Bo-tát, Dai-the-Chí Bo-tát, Thanh-tinh Dai-hai chúng Bo-tát.

((Dies bedeutet: Verbeugungsw. verbeuge ich mich vor dem Amida-Buddha, dem Hersche des

Sukkhvati mit großer Liebe und großem Mitleid, dem Avalokitesvara mit grenzenlosen Mitleid, dem Mahāsthāmaprāpta-Bodhisattva, und dem Visuddhi-Bodhisattva.)

(1 tiefe Verbeugung)

Danach beim Stehen oder Knien rezitiert man mit zusammengelegten Händen das Herz-Dharani sog. das Mahakarūna-Dharani.

Gelübde für den Empfang der
Acht Fastenregeln.

* Erstens gelobe ich die Einhaltung der Regel des Nicht-Tötens von Lebewesen.

Ich gelobe heute den ganzen Tag und die ganze Nacht hindurch die Regel des Nicht-Tötens von Lebewesen einzuhalten. Weder werde ich es selbst tun, oder durch einen anderen tun lassen, noch freue ich mich zu sehen, daß Leben vernichtet wird.

(1 Verbeugung)

* Zweitens gelobe ich die Einhaltung des "Nicht-Stehls".

Ich gelobe heute den ganzen Tag und die ganze Nacht hindurch die Regel des Nicht-Stehls von fremdem Eigentum einzuhalten. Weder werde ich es selbst tun, oder durch einen anderen tun lassen, noch freue ich mich zu sehen, daß jemand fremdes Eigentum unrechtmäßig wegnimmt.

(1 Verbeugung)

* Drittens gelobe ich die Einhaltung der Regel des "Nicht-Unkeusch-Seins".

Ich gelobe heute den ganzen Tag und die ganze Nacht hindurch die Regel der Nichtverletzung der Keuschheit einzuhalten. Weder werde ich Selbstzucht zur Strohüte Kleidung handeln, oder durch einen anderen zuwiderhandeln lassen, noch freue ich mich, diese Art von Zuwiderhandlung zu sehen.

(1 Verbeugung)

* Viertens gelobe ich die Einhaltung der Regel des "Nicht-Lügens".

Ich gelobe heute den ganzen Tag und die ganze Nacht hindurch die Regel des "Nicht-Lügens" einzuhalten. Weder werde ich die Unwahrheit sagen oder durch einen anderen sagen lassen, noch freue ich mich dies zu erfahren.

(1 Verbeugung)

* Fünftens gelobe ich die Einhaltung der Regel des "Nicht-Nehmens von berauschenden Mitteln".

Ich gelobe heute den ganzen Tag und die ganze Nacht hindurch die Regel des "Nicht-Nehmen von berauschenden Mitteln" einzuhalten.

Weder werde ich es selbst tun oder durch einen anderen tun lassen, noch freue ich mich zu sehen, daß diese Regel verletzt wird.

(1 Verbeugung)

* Sechstens gelobe ich die Einhaltung der Regel des "Nicht-Verwendens von Kosmetika und Teilnahme an Tanz, Gesang und Musik sowie an Schau-
stellungen.

Ich gelobe heute den ganzen Tag und die ganze Nacht hindurch keinen Schmuck zu tragen, keine Kosmetika zu benutzen und mich von Tanz, Gesang und Musik fernzuhalten. Weder werde ich es selbst tun oder durch einen anderen tun lassen, so daß die Regel nicht verletzt wird noch freue ich mich über dies.

(1 Verbeugung)

* Siebtens gelobe ich die Einhaltung der Regel des "Nicht-Benutzen von hohen und luxuriösen Betten".

Ich gelobe heute den ganzen Tag und die ganze Nacht hindurch, weder ein hohes und luxuriöses Bett zu benutzen, noch jemandem die Anordnung zu erteilen, dies zu tun. Noch freue ich mich zu sehen, daß andere diese Regel zuwiderhandeln.

(1 Verbeugung)

* Achtens gelobe ich die Einhaltung der Regel des "Nicht-Unzeitmäßigen-Speisens".

Ich gelobe heute den ganzen Tag und die ganze Nacht hindurch die Regel des "Nicht-Unzeitmäßigen-Speisens" einzuhalten. Weder ich es selbst tun oder durch einen anderen tun lassen. Noch freue ich mich zu sehen, daß andere diese Regel nicht einhalten.

(1 Verbeugung)

Nam-mo Cong-Duc-lam Bo-tāt Ma-ha-tāt.

(Verehrung dem Verdienstvollen Maha-Bodhisattva)

(3 tiefe Verbeugungen)

Danach aufstehen und rezitieren das Herz-Sutra
Maha-Prajna-Paramita Sutra.

- Fortsetzung folgt -



DIE LEHRE BUDDHAS

BUKKYO DENDO KYOKAI
(Gesellschaft der buddhist. Förderer)
3-14,4-chome, Shiba
Minato-ku, Tokyo, JAPAN
Telephone: (03) 455-5851

ERSTE AUFLAGE 1982

Druck
Kosaido Printing Co., Ltd.
Tokyo, JAPAN

Buddhas Weisheit ist so unendlich wie der weite Ozean und sein Geist ist von großem Mitleid erfüllt.

Buddha hat keine Gestalt, aber er offenbart sich auf erhabene Weise und führt uns mit seinem ganzen mitfühlenden Herzen.

Dieses Buch ist kostbar, da es das Wesentliche der Lehren Buddhas enthält, die einst in über fünftausend Bänden niedergeschrieben wurden, sich seit mehr als 2500 Jahren bis auf den heutigen Tag erhalten haben und über die Grenzen aller Länder und Rassen der Welt hinaus an uns weitergegeben wurden.

Die in diesem Buch enthaltenen Worten Buddhas offenbaren und erläutern auf wunderbare Weise wirkliche Geschehnisse des menschlichen Lebens und Geistes.

INHALT BUDDHA

Erstes Kapitel: SHAKYAMUNI BUDDHA

- I. Das Leben des Buddha
- II Die letzte Lehre des Buddha

Zweites Kapitel: DER UNENDLICHE UND VER
KLÄRTE BUDDHA

- I. Sein Mitgefühl und Sein Gelübde
- II. Buddhas Hilfe, Seine Mittel und Wege der Erlösung.
- III. Der unendliche Buddha.

Drittes Kapitel: DIE GESTALT VON BUDDHA UND
SEINE TUGENDEN.

- I. Drei Wesenszüge von Buddha.
- II. Die Erscheinung Buddha
- III. Buddhas Tugend.

DHARMA

Erstes Kapitel: DIE WIRKUNGEN DER URSACHEN

- I. Die vierfache Edle Wahrheit
- II. Die Wirkungen der Ursachen
- III. Die Kette der Verursachungen

Zweites Kapitel: DAS REIN GEITIGE UND DIE
WIRKLICHKEIT ALLER DINGE

- I. Unbeständigkeit und Ichlosigkeit
- II. Die Tatsache des "Rein Geistigen"
- III. Der wirkliche Stand der Dinge
- IV. Der Weg der Mitte

Drittes Kapitel: DAS WESEN BUDDHAS

- I. Das menschliche Geist
- II. Das Wesen Buddhas
- III. Das Buddhawesen und die Selbstlosigkeit

Viertes Kapitel: IRDISCHE LEIDENSCHAFTEN

- I. Die Menschliche Natur
- II. Das Wesen des Menschen
- III. Das Leben des Menschen
- IV. Die Wirklichkeit des menschlichen Leben

Fünftes Kapitel: DIE HILFE, DIE VON BUDDHA
ANGEBOTEN WIRD

- I. Die Rettung durch Buddha
- II. Amida Buddhas Land der Reinheit

DER WEG DER ÜBUNG

Erstes Kapitel: DER WEG DER LÄUTERUNG

- I. Die Läuterung des Geistes
- II. Der weg des richtigen Verhalten
- III. Die Lehre in alten Fabeln

Zweites Kapitel: DER WEG Z. PRAKT. ERKENNTNIS

- I. Die suche nach der Wahrheit
- II. Die Wege der Übung
- III. Der Weg des Vertrauens
- IV. Tugendhafte Grundsätze

DIE BRÜDERLICHKEIT

Erstes Kapitel: PFLICHTEN D. BRÜDERLICHKEIT

- I. Brüder der Hauslosigkeit
- ii. Lehrenanhänger

Zweites Kapitel: PRAKTISCHER WEGWEISER ZUR
WAHREN LEBENSWEISE

- I. Das Familienleben
- II. Das Leben der Frauen
- III. Im dienst

Drittes Kapitel: AUFBAU EINES BUDDHA_LANDES

- I. Die Harmonie der Brüderschaft
- II. Das Buddha-land
- III. Über diejenigen, die im Buddhaland die Herrlichkeit genießen

ANHANG

- I. Kurze Geschichte des Buddhismus
- II. Die Überlieferung der Lehre Buddhas
- III. Die Geschichte d. Buches "Die Lehre Buddhas"
- IV. Index zu "Die Lehre Buddhas"
- V. Sanskrit Glossar
- VI. Dhammapada

Buddhistische Gesellschaft zur Förderung und
Verbreitung der Schrift "Die Lehre Buddhas"

Erstes Kapitel

DIE WIRKUNGEN
DER URSACHEN

III

DIE KETTE
DER VERURSACHUNGEN

2. In Wahrheit ist der Körper der Verblendung ihr eigener Verstand, und deshalb ist es ihr eigener Verstand, der die Verblendungen des Kummers, der Klage, des Schmerzes und der Todesangst verursacht.

Die ganze Welt der Verblendung ist nichts als der Schatten, der von dem menschlichen Verstand geworfen wird. Und dennoch ist es dieser selbige Verstand, durch den sich die Welt der Erleuchtung offenbart.

3. In dieser Welt gibt es drei falsche Auffassungen. Wenn man sich an ihnen festhält, dann wird alles in dieser Welt nur noch verneint.

Einmal meinen manche, daß jede menschliche Erfahrung auf höherer Fügung beruht. Wieder andere meinen, daß alles in der Welt von Gott geschaffen und von seinem Willen gesteuert wird. Schließlich meinen einige, daß alles durch Zufall zustandekommt.

Wenn alles durch höhere Fügung entschieden wird, dann sind gute wie auch böse Taten vorherbestimmt, ebenso Freud und Leid; nichts geschieht, was nicht zuvor schon feststand. Dann würden auch alle menschliche Pläne und Bemühungen um Verbesserung und Fortschritt vergeblich sein, und die Hoffnung auf Menschlichkeit wäre vergebens.

Dasselbe gilt auch für die anderen Auffassungen: Würde letztlich alles in Gottes Hand liegen, oder dem blinden Zufall überlassen bleiben, müßte das Bemühen um Menschlichkeit dann nicht sinnlos sein? Es ist kein Wunder, daß Menschen, die diesen Vorstellungen verhaftet sind, alle Hoffnung verlieren und ihre Bemühungen vernachlässigen, weise zu handeln und Böses zu vermeiden.

Gewiß sind alle diese drei Auffassungen falsch: Alles in der Welt ist eine Aufeinanderfolge von Ereignissen, wobei eines die Ursache des anderen ist, und diese Ursachen lassen sich in einem gewissen Maße verändern und steuern.

*<

Zweites Kapitel

DAS REIN GEISTIGE
UND DIE WIRKLICHKEIT
ALLER DINGE

I

UNBESTÄNDIGKEIT UND
Ichlosigkeit

1. Da sowohl der Körper als auch der Geist nur Folgeerscheinung bestimmter Ursachen sind, kann es kein eigenständiges Ich geben. Weil der menschliche Körper zahlreichen Einwirkungen ausgesetzt ist, verändert er sich laufend.

Wäre der Körper ein eigenständiges Ich, dann könnte er selbst bestimmen, was er tun will.

Ein König hat die Macht, nach eigenem Gutdünken Lob und Strafe zu erteilen, dennoch wird er gegen seinen Willen krank, fällt ungewollt in Siechtum, so daß sein Schicksal und seine Wünsche dann kaum noch übereinstimmen.

Auch der menschliche Geist ist kein selbstständiges Ich. Er ist ebenfalls vielfältigen Einflüssen ausgesetzt und unterliegt daher ständiger Veränderung.

Wäre der Geist ein ständiges Ich dann könnte er frei über seinen Willen verfügen. Aber der Geist scheut oft wider besseres Wissen das Rechte und jagt ungewollt dem Bösen nach. Nichts scheint genau in dem Sinne zu geschehen, wie es das Ich wünscht.

2. Würde man gefragt, ob die Unbeständigkeit Glück oder Leiden bringe, dann müßte man antworten: "Leiden".

Es ist völlig falsch zu glauben, daß das Ich, welches so unbeständig und voller Leiden ist, irgendeine Selbstständigkeit besitzt.

Auch der menschliche Geist ist unbeständig und leidend. Er besitzt kein selbstständiges Ich.

Weder auf den Körper noch auf den Geist, welche das persönliche Leben ausmachen oder die Außenwelt, die das Leben zu umgeben scheint, treffen daher die beiden Begriffe "Ich" und "mein" zu.

Wenn der Geist nur von unreinen Wünschen umwölkt ist und der Weisheit verschlossen bleibt, dann beharrt er hartnäckig auf dem Denken des "Ich" und "mein".

Da sowohl der Körper als auch dessen Um-

welt durch das Zusammenwirken von verschiedenen Ursachen geschaffen sind, ändern sie sich fortdauernd und werden nie zu einem Stillstand gelangen können.

Der menschliche Geist ist in seinem nie endenden Wandel wie das stets fließende Wasser eines Flusses. Wie ein wildes Tier springt er dauernd umher und hört damit nicht für einen Augenblick auf.

Wenn ein weiser Mann dies sieht, müßte er jegliche Beschäftigung mit dem Körper und dem Geist aufgeben, wollte er je zur Erleuchtung gelangen.

3. Es gibt fünf Tatsachen, an denen nichts zu ändern ist: Man kann nicht aufhören, alt zu werden, wenn man altert; man kann nicht genesen, wenn man unheilbar krank ist; man kann sich dem Tod nicht widersetzen, wenn man stirbt; man kann das Verfall nicht verhindern, da es ihn doch gibt; man kann das Vergehen aller Dinge nicht verleugnen, da ohnehin alles vergänglich ist.

Für alle Menschen in der Welt treffen diese Tatsachen früher oder später zu, und die meisten Menschen leiden daran, weil sie sich damit nicht abfinden können. Doch jene, welche die Lehre Buddhas erworben haben, leiden nicht, denn sie verstehen, daß diese Tatsachen unvermeidbar sind.

Hinzu kommen vier unabänderliche Wahrheiten: Menschlichen Wahrnehmungen und Empfindungen fehlt die Erleuchtung; Folge aller unreinen Wünsche sind endlose Wechsel, Ungewißheit und Leiden; unabänderliche Tatsachen bringen ebensfall Wechsel, Ungewißheit und Leiden. Schließlich gibt es nichts, was ein selbständiges Ich genannt werden kann, und nichts auf der Welt kann mit dem Begriff "mein" bezeichnet werden.

Diese Tatsachen, wonach alles leer, vergänglich und unpersönlich ist, haben keinen Einfluß darauf, ob Buddha erscheint oder nicht. Diese Tatsachen und Wahrheiten sind unbestreitbar. Buddha weiß dieses und predigt daher allen Menschen den Dharma.



II

DIE TATSACHE DES " REIN GEISTIGEN "

1. Sowohl die Verblendung als auch die Erleuchtung haben ihren Ursprung im Geist. Und jede Beobachtung entspringt der Tätigkeit des Geistes, genauso wie die verschiedensten Dinge aus dem Ärmel eines Zauberers hervorkommen.

Die Tätigkeiten des Geistes haben keine Grenze und bilden die Umgebung des Geistes. Ein unreiner Geist umgibt sich mit unreinen Dingen, und ein reiner Geist umgibt sich mit reinen Dingen, daher hat die Umgebung des Geistes keine größeren Grenzen als dessen Tätigkeiten.

Wenn ein Künstler ein Bild malt, dann kommen die Einzelheiten aus seinem Geist, und ein einziges Bild kann eine grenzenlose Vielfalt von Einzelheiten entfalten. Die Umwelt, die Buddha geschaffen hat, ist rein und frei von Begierden, anders als jene, die vom Menschen geschaffen wurde.

So füllt der menschliche Geist den Rahmen des Lebens. Es gibt nichts auf der Welt, was nicht vom Geist geschaffen ist, und wie der menschliche Geist wirkt, so wirkt auch Buddha, und alle anderen Lebewesen handeln so, wie Buddha handelt. So sind bei der großen Aufgabe der Schöpfung der menschliche Geist, Buddha und alle anderen Lebewesen gleichermaßen wirksam.

2. Aber die vom Geist geschaffene Umgebung hat auch ihre Schattenseiten. Der Geist beklagt die Vergangenheit und die Gegenwart und fürchtet die Zukunft, denn die menschliche Umgebung ist entstanden aus Unwissenheit und Begierde.

Die Welt der Verblendung nimmt ihren Anfang in der Unwissenheit und der Begierde, und die gewaltige Gesamtheit aller gemeinsam wirkenden Ursachen und Bedingungen hat im Geist ihren Ort und nirgendwo sonst.

Sowohl die Vorstellung vom Leben als auch vom Tod entsteht aus dem Geist und existiert nur im Geist. Wenn jedoch diese Verblendung von Leben und Tod von unserem Geist abfällt, dann überwinden wir diese falsche Vorstellung von Leben und Tod.

(Fortsetzung folgt)

23. WIEDERSEHEN MIT DEUTSCHLAND

(Fortsetzung)

Wie wir hörten, dürfte nur einmal am Tage eine Maschine der Air France Saigon anfliegen, um französische Staatsangehörige und Ausländer abzuholen. Ich sah das verwahrloste Flugfeld, an vielen Stellen war schon Gras und Gestrüpp durch den Asphalt gewachsen. Ein paar unbeschädigte Militärhubschrauber standen in der Nähe, und viele zerstörte Kampfflugzeuge lagen an den Rändern des einst sehr angeflogenen Flugplatzes. Alles wirkte einsam und verlassen, trostlos sogar. Mein Freund durfte mich nicht bis zum Flugfeld begleiten, sondern musste, wie so viele andere, draussen vor der engen Tür, welche zur Zoll- und Passkontrolle führte, bleiben, denn ein Vietcongsoldat liess nur Passagiere durch. Ich nahm Abschied von meinem Freund in der Hoffnung, ihn in Paris oder Hamburg wiederzusehen.

Ich ging hinauf zum Restaurant, ich wollte die restlichen Piaster loswerden, aber es gab nichts anderes zu kaufen als Zitronensaft. Unsere Maschine war verspätet, wir hatten es geahnt. Doch vor Mittag konnten wir das Flugzeug besteigen. Es gab genug Platz, denn wir waren wohl nicht mehr als 40 Personen, ich unter ihnen der einzige Europäer. Zwei Vietcongoffiziere kamen vor dem Abflug in die Maschine, um zu kontrollieren, ob sich kein blinder Passagier irgendwo versteckt hatte; sie fanden niemand. Das Flugzeug hatte nur einen Steward, keine Hostess. Mittagessen gab es keins sondern nur Sandwiches.

Wir hörten, daß wir nur bis Bangkok fliegen würden und dort mit einer grösseren Maschine nach Paris fliegen sollten. Der deutsche Botschaftsgeschäftsträger hatte uns erzählt, daß man in Bangkok nicht aussteigen dürf-

te, sondern alle Evakuierten von Südvietsnam mußten weiterfliegen.

Das Flugzeug war verhältnismässig klein, denn an den zwei Seiten gab es nur zwei Sitze; ich habe mir nicht gemerkt, wieviele im Ganzen. Auf dem Sitz nahe dem Fenster setzte sich eine französische Oberlehrerin oder vielleicht Professorin. Sie war eine ältere Dame und klein von Gestalt. Sie hatte sich zum Andenken einen derkonischen Strohhütte mitgenommen, wie sie die Vietnamesen zu tragen flogen. Kein Vietnameser oder Mestize hatte ein solches Andenken an seine verlorene Heimat mitgenommen. Alle Frauen und Mädchen trugen bereits europäische Kleidung und Schuhe mit bleistiftdünnen Absätzen.

Wir flogen an der Küste Vietnams vorbei, anstatt den näheren Weg über das nun auch kommunistische Kambodscha. Dies hatte seine politischen Gründe, denn beide Länder pflegten nicht die beste Freundschaft, zumal die Vietnamesen kambodschanische Inseln besetzt hielten und nicht im Traume daran dachten, sie nun ihren roten Khmerbrüdern zu übergeben. Wir flogen wohl sehr hoch, Menschen waren nicht von

GEFANGENER DES VIETCONG

ERLEBNISSE EINES DEUTSCHEN IN SÜDVIETNAM

1963-1976

VON

RUDOLF PETRI

Copyright © 1977

Dr. R. Petri

Reinbekerweg 50

D- 2050 Hamburg 80

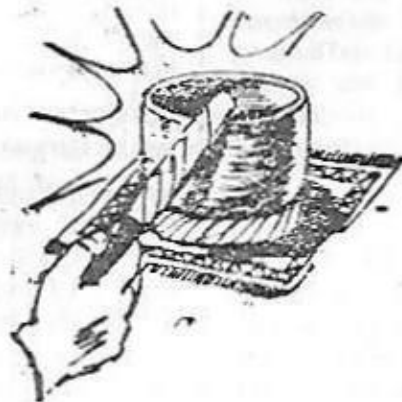
oben zu erkennen aber grosse, nasse Reisfelder waren überall, wohin man schaute, das fruchtbare Mekongdelta. Übrigens konnten wir den in Tibet entspringenden grossen Fluss wie eine sich ringelnde silberne Riesenschlange sehen, ja wir sahen sogar bis hinüber zur anderen Seite, dort wo Ca-Mau und einige Inseln liegen. In der Nähe dieser Inseln bogen wir nach Norden ab und überflogen die Bucht von Thailand. Hier gab es eine Reihe grosser und kleinere Schiffe zu sehen, denn Bangkok war Asiens Touristenland Nummer eins. Wir flogen etwa zwei Stunden und landeten dann auf dem Flugfeld weit draussen vor der Stadt. Ein Reiseagent kam zu uns und erklärte, dass wir heute nicht weiterfliegen könnten, vielleicht erst morgen oder sogar übermorgen und dass wir auf Kosten der Air-France in eines der besten Hotels, im "Mandarin Hotel" untergebracht würden. Alle Passagiere stimmten zu, nur die Französin und ich wollten nicht bleiben. Wir verhandelten mit dem Thai Reiseleiter und er versprach, dass wir beide schon morgen abend fliegen könnten, wenn Platz in dem Flugzeug wäre. In zwanzig Jahren in Asien habe ich

oft Bangkok besucht, mit dem Bus, Zug und Flugzeug, darum war die schöne Stadt, so reich an wunderbaren buddhistischen Tempeln und romantischen Wasserwegen; nichts Neues für mich. Wir fuhren in einem Reisebus zum weitentfernten Hotel, ein grosser, wolkenkratzerartiger Bau. Wir sahen sofort, dass es ein chinesisches Luxushotel war, wie ja schon der Name Mandarin bezeugte. Das Personal schien zumeist aus Chinesen und Chinesinnen zu bestehen, denn Bangkok hat 40% Chinesen und aller besserer Handel, Hotels, Firmen sind in Händen geschäftstüchtiger Chinesen. Man wies mir ein sehr gutes Zimmer mit Doppelbett zu, es hatte Radio aber kein Fernsehen. Die Bibel fehlte nicht, somit waren wir in einem christlichen Hotel gelandet, oder war die Bibel nur ein Zeichen asiatischer Toleranz Ausländern gegenüber?

Das aufs Zimmer servierte Mittagessen war sehr gut und europäisch. Weil ich schon wusste, dass auch Mahayanabuddhistische Mönche in Thailand abends nichts essen, ass auch ich nichts, sondern trank nur eine Limonade. Am nächsten Abend den 16. Juni um 21 Uhr fuhren die Französin, ich und andere Hotelgäste zurück zum Flugplatz und bestiegen um 23 Uhr eine weite grössere Air-France Maschine und verliessen bald Thailand in Richtung Indien.

Sitzend verbrachten wir die Nacht, man zeigte einige banale Farbfilme, welche mich nur am schlafen hinderten. Gegen Morgen, noch in der Dunkelheit, landeten wir in Bombay. Indische Kulis waren schon sprungbereit und brachten Speiseblechkästen ins Flugzeug. Einige vornehme Inder, aus Bangkok kommend, verliessen uns. Kurz danach starteten wir für Teheran. Als es Tag wurde, waren wir schon im Iran, denn vom Fenster aus sahen wir die öde und schmutzig bräunliche Landschaft einer Wüstengegend; in tausenden von Jahren hatte sich hier kaum etwas verändert. Überall kahle Berge und Hügel, hier abzustürzen, würde wohl Tod

durch Verdusten bedeuten, wenn man nicht schon vorher beim Unglück starb. Die Französin hatte die gleichen Gedanken wie ich, denn ich erhielt von ihr eine telepathische Mitteilung. Von Teheran selbst bekamen wir nichts zu sehen, sondern nach der kurzen Landung verliessen alle Araber, Perser uns... die Maschine, denn nun sollten wir nach Tel Aviv in Israel fliegen. Scheinbar flogen wir über den Irak und ein Teil Syriens, unsere Route war nicht auf der Touristenkarte der Air France ausgewiesen, dies aus Gründen der Sicherheit, und um es eventuellen Luftpiraten etwas zu erschweren. Die ganze Gegend war Wüste, öde und leer.



Und siehe da, plötzlich sahen wir ein wie vom Messer geschnitten geraden und grünen Streifen, Israel! dachte ich laut; die Französin stimmte ein! Wir waren begeistert von dem, was wir sahen. Israel hatte aus seiner Wüste einen Garten Eden gemacht! Es war jedem offen und klar, dass es hier durch Fleiss und viel Arbeit gelungen war, der Wüste ein fruchtbares Land abzugewinnen, genau so könnte es auch im Irak, Syrien, Persien sein, wenn die Leute dort mehr Neigung zum Arbeiten hätten; sie bohrten lieber nach Öl. Ich bin kein Jude und die Französin auch keine Jüdin, aber beide waren wir begeistert und etwas wie heiliger Schauer lief über meinen Rücken, als ich den grossen Unterschied zwischen dem grünen Israel und den öden arabischen Staaten sah.

Hier hätte ich aussteigen wollen, aber ich hatte kein Visum für dieses Land. Von der Stadt Tel Aviv sahen wir nichts, nach allzu kurzem Aufenthalt ging es weiter in Richtung Europa. Bald schon flogen wir an der Südspitze Zyperns vorbei und erreichten Italien und die südfranzösische Alpen, welche mit Schnee bedeckt waren.

Wieder in Europa, nach zwanzig langen Jahren der Abwesenheit. Es war doch ein sonderbares Gefühl, wieder in Europa zu sein, im alten Kontinent; obwohl ich nie an Heimweh gedacht hatte, sondern nur: ubi bene ibi patria.

Verspätet um einige Stunden erreichten wir endlich den Flughafen von Paris. Niemand erwartete mich dort von der deutschen Botschaft, wie es doch gemäß Dr. Truant hätte sein sollen. Ich sprach im Büro der Air France im Flughafen vor und bat das Fräulein, in meinem Namen die deutsche Botschaft anzurufen und mitzuteilen, daß ich hier warte. Man rief an; eine ganze schippische Dame am Telephon sagte, die Botschaft sei geschlossen und niemand ausser ihr anwesend und ich solle sofort nach Hamburg weiterfliegen, denn es hätte keinen Sinn, hier zu warten, weil ich sowieso keine Hilfe von der Botschaft erwarten könne! Die Französin und ich staunten über diese freche Abweisung eines aus vietnamesischem Kerker kommenden kranken Deutschen. Die "Dame" am Telephon in der deutschen Botschaft wußte allem Anschein nach nichts von meiner Ankunft und glaubte wohl, ich sei ein ausgebrannter Hippi, welcher versuche, bei der Botschaft abzustauben, solches kommt ohne Zweifel vor. Aber es ist schon eine weltweite Tatsache unter den deutschen Touristen, Hippis, Wandervögel usw. dass man kaum mit Hilfe irgendeiner deutschen Botschaft rechnen kann, auch dann nicht, wenn man nicht durch eigene Schuld in Schwierigkeiten geraten ist. Dies war auch einer der Hauptgründe, warum mein Freund Professor F. Simonnet in

Saigon ein Billett bis Hamburg "organisierte", denn ohne dieses Billett würde ich im Flughafen gestanden haben, ohne zu wissen wohin. Was ich von der Botschaft wollte, war jetzt nur eine Bescheinigung für das Tropenkrankenhaus, denn ohne alle Papiere würde man dort auch Schwierigkeiten machen, so vermutete ich und es sollte sich noch am gleichen Abend zeigen, dass ich Recht hatte. Ich blieb mehrere Stunden im Flughafen, doch dann war ich müde und entschloss mich nach Hamburg zu fliegen. Ohne Passkontrolle ging es zum Air-Bus. Die charmante und liebenswürdige junge Dame im Air-France Touristenbüro lief voraus, um einen Platz für mich zu reservieren. Ich war gehbehindert und auch sonst sehr krank, doch es gelang mir noch rechtzeitig, das Flugzeug zu erreichen. Ich kam neben einem Herrn zu sitzen, welchen ich für einen Franzosen hielt. Wir unterhielten uns eine Weile in Französisch, bis wir herausfanden, dass wir beide Deutsche waren, wir lachten über diese Entdeckung. In Kürze erzählte ich meine vietnamesische Geschichte, Herr U.G., Bankprokurist in Blankenese, erbot sich sofort, mich in seinem Auto zum

Tropenkrankenhaus zu bringen und, wenn nötig, mit dem Pförtner und diensthabenden Arzt zu sprechen, damit ich gleich aufgenommen würde. Seine Frau Gemahlin würde schon auf dem Hamburger Flughafen in ihrem Auto warten. Nach einer Stunde und vierzig Minuten Flug erreichten wir Hamburg. Von oben sah ich das Lichtermeer der Innenstadt, die vielen leuchtenden Reklamen, die dunkle Alster und vieles mehr. Es war lange her, dass ich Hamburg zuletzt gesehen hatte. Nun war ich wieder in der Heimat, obwohl ich in Paris am liebsten wieder kehrt nach Asien gemacht hätte, wegen der unhöflichen Haltung der deutschen Botschaft.

Draussen vor dem Flughafengebäude stand Frau G. mit ihrem Hund, ihr Mann erklärte schnell, wer ich sei, und die freundliche Frau G. hiess mich herzlich will-

kommen und fuhr uns zum Tropenkrankenhaus in der Herbert Nocht Strasse. Dort trafen wir einen sich stumm stellenden Wärter oder Pförtner; wie schon gesagt, ahnten wir, wie der Empfang sein würde, doch Herr G. sprach auf den Mann ein, der sich dann endlich aufraffte und telefonisch den diensthabenden Arzt verständigte. Dieser kam recht bald, es war noch ein junger Mann mit blondem Haar und Bart, und vor allem mit teilnehmenden Augen. Er lud mich sogleich in die Ambulanzabteilung ein. Ich verabschiedete mich von Herrn und Frau G., welche mich bald besuchen wollten. Wieder einmal Glück im Unglück gehabt!

Auf der Abteilung bekam ich ein Zimmer mit drei Betten. Am Fenster lag nur noch ein Patient, ein ehemaliger Seemann. Am nächsten Tage hatten wir uns viel zu erzählen. Als Krankenschwester tauchte eine hübsche Koreanerin auf, welche fließend Deutsch sprach. Sie war in Hamburg seit Jahren und hier verheiratet. Andere, deutsche Schwestern kamen um all die üblichen Daten, wie Fiebermessen, Pulsfühlen usw. vorzunehmen; danach kamen zwei Ärzte, auch noch junge Leute, sie untersuchten mich und stellten manches Leiden fest, Andenken aus dem kommunistischen Kerker.

Das Essen war gut, aber für mich unterernährten ehemaligen Häftling herzlich wenig. Dies bemerkte eine gewisse Schwester, und sie schob mir häufig extra Brot usw. zu. Drei Wochen blieb ich in diesem Tropeninstitut und wurde dann zum St. Georgs-Krankenhaus zur Hals-Nasen- und Ohrenabteilung im Hause T überwiesen. Zuvor war ich dort bereits mehrere Male ordentlich geröntgt worden, und man stellte fest, dass ich unbedingt sofort an den Stimmbändern operiert werden müsse, sonst würde ich ganz bestimmt eines Tages ersticken. Ich war bereit, mich operieren zu lassen. Im Anfang Juli wurde ich vom Chefarzt selbst operiert, er hatte sogar seinen Urlaub deswegen verschoben, ein Beweis für

die Schwere der Operation. Ich verspürte nichts und erwachte erst wieder in meinem Bett. Etwa 10 Tage lief ich mit einer Kanüle im Hals umher und sprechen konnte ich nicht, nur wenn ich das Loch an der Kanüle dicht hielt. Drei Wochen blieb ich auf dieser Abteilung. Inzwischen hatte ich freundliche Sozialfürsorgerin des Hauses für mich von dem Landessozialamt Hamburg Hilfe erhalten, d.h. das Landessozialamt erklärte sich bereit, alle Kosten zu tragen und mich später in einem guten Altenheim unterzubringen. Mehrere Bekannte besuchten mich, auch Herr und Frau U.G. hielten Wort. Vertreter der buddhistischen Gesellschaft kamen ebenfalls zu Besuch, sie wurden durch einen Nichtbuddhisten auf meine Gegenwart im Krankenhaus St. Georg aufmerksam gemacht, denn ich selbst wollte vorläufig keine Verbindung, weil ich wegen der Operation nicht mehr in der Lage sein würde, Vorträge zu halten oder lange zu sprechen. Ich merkte, dass ich, wenn ich zu lange sprach, von Schwindel befallen wurde, ich mußte dann sofort aufhören und mich eine Weile lang legen.

Ich schrieb jedoch einige Briefe an Verwandte, und Bekannte im In- und Ausland. Ich schrieb vor allem an meinen Freund, in dem nun so fernen Süd-Vietnam, ob man ihn vielleicht verhaftet hatte, oder ob er nun ebenfalls das Land verlassen konnte? Nicht vor Oktober sollte ich wissen, dass Professor Simonnet gut in Paris, seiner Heimatstadt angekommen war.

Dank der guten und freundlichen Pflege durch holde Weiblichkeit erholte ich mich rasch von den Nachwehen kommunistischer Kerkerhaft, nur mit meiner Stimme wurde es nicht schnell besser, und ich mußte mich darauf vorbereiten, in Zukunft nur noch mit leiser Stimme sprechen zu können, aber besser dies als ersticken, philosophierte ich. Am

Bitte lesen Sie weiter auf Seite 38

Nachrichten.

ATHANG-SILAS RESTREAT in BERLIN

Ein ATHANGA-SILAS Restreat fand am 28. Februar 1987 in Berlin statt. Die Übung dauerte 24 Stunden und daran haben 25 Buddhisten, Vietnam-Flüchtlinge und Deutsche, teilgenommen. An diesem Tag haben auch 5 Buddhisten das Bodhisattva-Gelübde für Laien abgelegt, welche 10 gewichtige Hauptregeln und 48 Nebenregeln beinhaltet.

Die Zeremonie zur Übermittlung der Bodhisattva-Gelübde und die Predigung über den Sutra der "Acht zur Erleuchtung führenden Erwägungen großer Menschen" (KINH BAT DAI NHAN GIAC) wurden von Rev. THICH NHU DIEN geleitet.

An diesem ATHANGA-SILAS Restreat haben 3 deutsche Buddhisten teilgenommen.

TRIRATNA-ZUFLUCHTSNAHME-ZEREMONIE FÜR 2 DEUTSCHE.

Seit 1. Februar und dem 8. März 1987 hat die Pagode VIEN GIAC in Hannover offiziell 2 deutsche Buddhisten, einer mit Dharmanamen THIEN NAM (Gütiger Mann) und die andere als THIEN NU (Gütige Frau). Anlässlich des VESAK-Festes 2531-1987 in der Pagode VIEN GIAC wird sich THIEN NAM der Hauslosigkeit-Zeremonie unterziehen.

Buddhist THIEN NU hat die 8 Sittlichkeitsregeln für Laien gelobt und im Mai 1987 wird sie nach Indien reisen, um sich dort der Buddhalehre zu widmen und wenn es für sie günstige Bedingungen gäbe, wird sie dort in die Hauslosigkeit gehen.

MAHA-SILAS-DANA-ZEREMONIE in FRANKREICH.

Vom 10. bis 15. März 1987 hat Rev. THICH NHU DIEN an der MAHA-SILAS-DANA-Zeremonie teilgenommen, welche von der Pagode KHANH ANH in Paris-Frankreich veranstaltet wurde. Diese feierliche zeremonielle Veranstaltung wurde von der Ältesten Ehrwürdigen (Upadhyaya) THICH TRUNG QUAN, Abt der Pagode HOA NGHIEM in Villeneuve le Roi-Frankreich, als DANA-Mahaacarya (DANA-Schirmherrschaft) geleitet.

In diesem Maha-Silas-Dana-Ausschuß waren Ven. (Arya) THICH MINH TAM, Abt der Pagode KHANH ANH in Paris, als KARMADANA-ACARYA; Ven. (Arya) THICH TANH THIET, Abt der Pagode THIEN MINH in Lyon, als DHARMADANA-ACARYA; und 7 Ehrwürden (Bhandanta) als ARYA-Bezeuger, in dem Rev. THICH NHU DIEN, Abt der Pagode VIEN GIAC in Hannover, als erste Arya-Bezeuger. Dieser Mahasiladana-Ausschuß bestand aus insgesamt 10 Ehrwürden, sie

aus allen Teilen von Europa kamen.

7 Silas-Kandidaten, die die SRAMANERA-Silas empfangen möchten, stammten aus der Pagode KHANH ANH (Paris), THIEN MINH (Lyon) und VIEN GIAC (Hannover).

Außerdem haben 72 Buddhisten aus Paris und Lyon an dieser feierlichen Zeremonie teilgenommen, um die DASA-SILAS (Zehn Sittlichkeitsregeln) für Laien zu empfangen.

TEILNAHME AN DER PRÄSENTATION DES V. B. V. F. -ORTSVEREINS IN ERLANGEN-FÜRTH-NÜRNBERG.

Vom 20. bis 22. März 1987 haben Bhikkhu und Bhiksuni der Congregation der Vereinigten Vietnamesischen Buddhistischen Kirche (C.V.B.D.)-Abteilung in der BRD an der Veranstaltung zur Präsentation des V.B.V.F.-Ortsvereins in Erlangen-Fürth-Nürnberg bezeugend teilgenommen.

Rev. THICH NHU DIEN, Rev. THICH MINH PHU; Ven. (Aryani) THICH NU DIEU TAM, Bhiksuni THICH NU DIEU AN und THICH NU MINH LOAN haben den 5 Vorstandsmitgliedern des Ortsvereins 5 PRAJNÄ-Leuchter überreicht. Vorher haben die Vorstände vor dem Triratna Gelübde abgelegt und den Ortsvereins-Stempel vom Herrn Vorsitzender der V.B.V.F. in der BRD erhalten.

HÖFFLICHKEITSBESUCH BEI HERRN MINISTERPRÄSIDENT DR. ALBRECHT VON NIEDERSACHSEN.

Am 27. März 1987, um 10 Uhr, hat Dr. ALBRECHT; Ministerpräsident von Niedersachsen eine vietnamesische Delegation freundlich empfangen, welche von Rev. THICH NHU DIEN, Abt der Pagode VIEN GIAC in Hannover, Herrn THI CHON Ngo Ngoc Diep, Vertreter des Vietnamesischen Buddhistischen Kulturzentrums in der BRD c/o Pagode VIEN GIAC und Herrn THI THIEN Pham Cong Hoang, Vorsitzender der Organisation für die Angelegenheiten der Vietnam-Flüchtlinge in der BRD (OAVD e.V) bestand.

Dieser Empfang fand in den Staatskanzlei des Niedersächsischen Ministerpräsidenten statt. Zwecks dieses Höflichkeitsbesuches von der Delegation war die Danksagung an ihm und des deutschen Volkes, die Aufnahmebereitschaft von VN-Flüchtlinge und zu diesem Anlaß haben die Delegationsmitglieder ihn über kulturelle und religiöse Aktivitäten der VN-Flüchtlinge in Niedersachsen als auch in der BRD unterrichtet.

Mit großer Aufmerksamkeit hat Herr Ministerpräsident Dr. ALBRECHT über die von VN-Flüchtlinge ausgeführte Arbeiten vernommen und viele sinnvolle Ratschläge gegeben. Dieses Gespräch war sehr freundlich und aufgeschlossen.

GRÜNDUNG DER BUDDHASTÄTTE QUAN THE AM (AVALOKITÉSVARA) IN AACHEN.

Am 28. März 1987, durch die Vorbereitung von Bhiksuni THICH NU DIEU AN, fand eine Andacht in der Buddhastätte QUAN THE AM in der Ottostr. 79, 5100 Aachen, für die dort und Umgebung lebenden Buddhisten statt. An dieser Andacht haben etwa 60 VN-Flüchtlinge teilgenommen.

Rev. THICH NHU DIEN und Rev. THICH MINH PHU (Abt der Buddhastätte THIEN HOA in Mönchengladbach) haben diese Veranstaltung geleitet und die Buddhalehre unterwiesen. Die Lehre über "Avalokitesvara-Bodhisattva" und "Ursache, Wirkung und gegenseitige Abhängigkeit (Prateyka) im Buddhismus" wurden von den Teilnehmern mit inniger und großer Aufmerksamkeit vernommen.

Diese Buddhastätte QUAN THE AM in Aachen wurde nach dem Einverständnis der C.V.B.D.-Abteilung in der BRD- gegründet.

REV. (Bhandantani) THICH NU NHU HAN ÜBERNAHM OFFIZIELLE GEISTIGE BETREUUNG DER VN-FLÜCHTLINGE IN BERLIN.

Durch die Berufung von der C.V.B.D.-Abteilung in der BRD und durch die herzliche Bitte von den in Berlin ansässigen VN-Flüchtlingen wurde Rev. (Bhandantani) THICH NU NHU HAN, welche ihren Deutschen Sprachkurs in Norddeich neulich beendet hat, nach Berlin reisen, um dort ihre religiösen Arbeiten fortzusetzen.

Am 29. März 1987, um 15 Uhr, fand eine feierliche Berufungszeremonie und ein herzlicher, sehr berührender Empfang von den VN-Flüchtlingen aus Berlin in der Pagode VIEN GIAC in Hannover für sie statt.

ANDACHTEN

* In PFORZHEIM.

Am 4. April 1987, nach der Einladung von Bhiksuni THICH NU MINH LOAN - Vertreter der buddhistischen VN-Flüchtlinge in Pforzheim und deren Umgebung, kam Rev. THICH NHU DIEN dorthin, um die dort stattfindende Andacht zu leiten.

* In SAARBRÜCKEN.

Am 11. April 1987 fand eine regelmäßige Andacht für buddhist. VN-Flüchtlinge in Saarbrücken statt, unter der Leitung von Rev. THICH NHU DIEN. Sehr viele Teilnehmer waren dabei.

* In NORDDEICH.

Im Zyklus von 3 Monaten wird in Norddeich eine buddhist. Andacht für die dort lebenden VN-Flüchtlinge veranstaltet.

Am 18. April 1987 fand dort die erste Andacht in diesem Jahr statt, welche unter Leitung von Rev. THICH NHU DIEN. Ehrwürdiger hat auch die Buddhalehre für alle Anwesenden gepredigt. Viele sind gekommen, um die heilige Lehre zu vernehmen.

VEREINS - INFOS

TEILNAHME AN DER PRÄSENTATION DES V.B.V.F.-ORTSVEREINS IN ERLANGEN-FÜRTH-NÜRNBERG.

Vom 20 bis 22. März 1987 sind die Vorstandmitglieder der V.B.V.F. in der BRD nach Nürnberg gefahren, um an der dort stattfindenden Präsentationsfeierlichkeit des V.B.V.F.-Ortsvereins in Erlangen-Fürth-Nürnberg teilzunehmen.

Diese Präsentation wurde sehr feierlich veranstaltet, an welcher etwa 300 buddhist. VN-Flüchtlinge, Freunde und Gäste des Hauses anwesend waren. Vertreter von V.B.V.F.-Ortsverein in München, Stuttgart, Hannover waren dabei. Andere Ortsvereine haben Glückwunschkbriefe an den V.B.V.F.-Ortsverein in E.F.N. geschickt.

Zu diesem Anlaß hat der Vorsitzender der V.B.V.F. in der BRD dem Vorsitzenden des dort gegründeten Ortsvereins den Ortsvereins-Stempel überreicht, damit die Verwaltungsarbeiten erleichtert werden können.

V.B.V.F.-ORTSVEREIN IN HANNOVER

Am 25. März 1987 hat der V.B.V.F.-Ortsverein in Hannover eine außerordentliche Mitgliedsversammlung in der Pagode VIEN GIAC aufgerufen. Grund dieser Zusammenkunft waren Gespräche über die Gründung einer Kulturgruppe und einem Musikband für den Ortsverein in Hannover. Daran haben etwa 40 buddhist. VN-Flüchtlinge teilgenommen.

V.B.V.F.-ORTSVEREIN IN BERLIN.

Der V.B.V.F.-Ortsverein in Berlin ist eine innige mitwirkende Gruppe der V.B.V.F. in der BRD. Obwohl er im Jahr 1979, sehr aktiv, gegründet wurde, gab es dort noch keinen direkten Seelsorger von Ehrwürden der C.V.B.D. Die günstigen Bedingungen wäre gekommen, daß Rev.(Bhandantani) THICH NU NHU HAN von der C.V.B.D. für die geistige Betreuung der in Berlin ansässigen buddhistischen VN-Flüchtlinge berufen wurde.

Am 29. März 1987, in der Hauptandachtshalle der Pagode VIEN GIAC, hat der Vorstand des Ortsvereins in Berlin vor dem Triratna Gelübde abgelegt, damit sie Rev.(Bhandantani) THICH NU NHU HAN empfangen können, und anschließend den Ortsvereins-Stempel vom Herrn THI TAM Ngo Van Phat, Vorsitzender der V.B.V.F. in der BRD, erhalten.

BEKANNTMACHUNG

VESAK-FEST 2531-1987 (BUDDHAGEBURTSTAGSFEIER)

Das feierliche VESAK-Fest 2531-1987 wird von der Pagode VIEN GIAC in Hannover am 15., 16. und 17. Mai 1987 veranstaltet.

Das Festprogramm beinhaltet folgende Hauptpunkte:

* Der Kulturabend als Opfergaben zum Anlaß des VESAK-Fest findet am 16. Mai 1987, um 19 Uhr, im THEATER AM AEGI in Hannover statt.

Das umfangreiche Kulturprogramm wird von den Kulturgruppen der Ortsvereine aus Barntrup, Berlin, Bremen, Erlangen-Fürth-nürnberg, Hamburg, Hannover ausgeführt, unter der Mitwirkung von namhaften vietnamesischen Künstlerinnen und Künstlern

* Die VESAK-Hauptandacht findet am 17. Mai 1987, um 10 Uhr, in der Pagode VIEN GIAC in Hannover statt.

* Die Grundsteinlegung zum Bauen der LOTUS-Begegnungsstätte in Hannover.

Am 16. Mai 1987, um 15 Uhr, wird eine Zeremonie zum Legen des Grundsteins für das Bauen der LOTUS-Begegnungsstätte in Hannover stattfinden, unter bezeugenden Schirmherrschaft von Ehrwürden aus Paris, Holland und aus Deutschland. Außerdem werden willkommene Gäste der Niedersächsischen Regierung wie Herrn Ministerpräsident Dr. ALBRECHT oder dessen Vertreter und Vertreter der Regierung zugehörigen Ministerien erwartet.

VESAK-FEST TERMINE

- * 25.4.1987 in der Pagode KHANH HOA-Rotterdam
- * 2.5.1987 in Dänemark
- * 3.5.1987 in der Pagode TINH TAM-Paris
- * 9.5.1987 in Norwegen und in der Vihāra BAO QUANG-Hamburg
- * Vom 15. bis 17. Mai 1987 in der Pagode VIEN GIAC-Hannover
- * 23.5.1987 in der Buddhasstätte THIEN HOA-Mönchengladbach
- * 24.5.1987 in der Pagode KHANH ANH-Paris
- * 30.5.1987 in der Pagode THIEN MINH-Lyon und in der Buddhasstätte TAM GIAC-München

MEDITATIVE ZURÜCKZIEHUNG VON SHANGA (WAS)

Die diesjährige Meditative Zurückziehung (Was) wird am 11. Juni 1987 stattfinden und am 5. September 1987 beendet sein.

Während dieser Zeit werden in der Pagode VIEN GIAC in Hannover 3 Kurse über die Allgemeine

Buddhalehre für Lesen und Freunde des Hauses veranstaltet, der erste vom 26. Juli bis 30. Juli 1987, der zweite vom 31. Juli bis 4. August 1987, und der dritte vom 5. August bis 9. August 1987. Interessenten bitten wir sich telefonisch oder schriftlich im Büro der Pagode VIEN GIAC anzumelden. Außerdem werden Termine für die wochenende ATTHANGASILA-Restreats dort bekanntgeben

Fortsetzung von Seite 35

5. August 1976 konnte ich das Krankenhaus verlassen. Zwei Fürsorgerinnen brachten mich per Taxi in ein gutes Altenheim an der Peripherie Hamburgs, und ich erhielt dort ein kleines, aber nettes Zimmer für mich allein, wie lange würde ich hier bleiben? Bis zum Lebensende? Pläne hatte ich vorläufig keine, ich konnte sie mir nicht leisten, weder finanziell noch gesundheitlich. Die Zeit würde mit Lesen und meditieren vergehen, und manchmal würde Besuch kommen, obwohl dieser Ort recht weit vom Stadtzentrum Hamburgs entfernt lag. Buddhisten Hamburgs und anderer Plätze in Deutschland versorgten mich mit Wäsche und Kleidung, denn hier in diesem Klima konnte ich nicht mit meinen dünnen Priestergewändern umher gehen.

Heinrich Heines Gedicht "WO?" kommt mir in den Sinn und ich will es hier als Epilog meiner Aufzeichnungen geben:
"Wo wird einst des Wandermüden
Letzte Ruhestätte sein?
Unter Palmen in dem Süden?
Unter Linden an dem Rhein?"

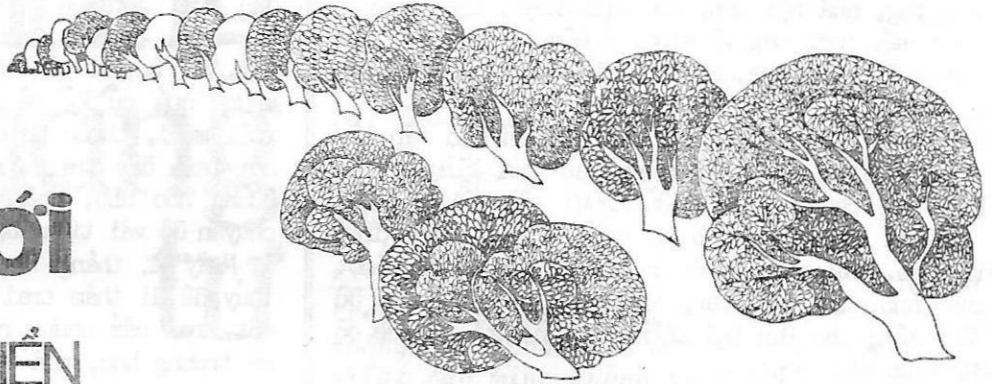
Werd ich wo in einer Wüste
Eingeschart von fremder Hand?
Oder ruh ich an der Küste
Eines Meeres in dem Sand?

Immerhin! Mich wird umgeben
Gotteshimmel, dort wie hier,
Und als Totenlampen schweben
Nachts die Sterne über mir."

ENDE

Đường không biên giới

THÍCH NHƯ ĐIỂN



Rời Thái Lan ngày 21 tháng 12 năm 1986 và đến Hồng Kông cũng cùng ngày ấy để thăm các trại tỵ nạn như đã dự tính.

(Kỳ thứ 33)

Hồng Kông, một thành phố thương mại sầm uất nhất nhì Á Châu. Ai đến đây hầu như cũng phải ngửa mặt lên trời để nhìn những tòa nhà cao ngất ngưởng giữa biển cả và núi đồi của xứ này. Người ở Nhật đã đông, mà có lẽ Hồng Kông còn đông hơn thế nữa.

Đến đón tôi tại phi trường có bà Lueng Wai Lan và anh Lam. Cả hai là những Phật Tử thuần thành, đã giúp đỡ người tỵ nạn Việt Nam chúng ta rất nhiều trong những năm trước. Anh Lam nói tiếng Anh rất trôi chảy và hiểu Phật Pháp cũng khá nhiều. Trước khi đến Hồng Kông tôi nghĩ rằng ai cũng giỏi tiếng Anh hết. Vì Hồng Kông là thuộc địa của Anh từ lâu; giống như Việt-Nam là thuộc địa của Pháp ngày trước. Nhưng có rất nhiều người Hồng Kông không biết tiếng cảm dạ hoặc một vài câu chào hỏi bằng Anh ngữ. Những người này hầu hết đều nói tiếng Quảng Đông hoặc Phước Kiến. Nếu ai đến Hồng Kông chỉ biết tiếng Quảng Thoại (Bắc Kinh) thì có lẽ cũng bất tiện. Người lai nếu chỉ biết tiếng Quảng Đông hoặc Phước Kiến mà đến Đài Loan thì như huê cà lạng. Vì ở Đài Loan nói toàn tiếng Quảng Thoại. Tôi thì hoàn toàn mù tịt các loại tiếng ấy, mặc dầu có thể đọc được chữ Hán; nhưng không phát âm ra các ngôn ngữ trên được. Do đó định rằng có thì giờ sẽ học tiếng Quảng Thoại vậy.

Dùng tiếng Anh hoàn toàn thì tôi không có đầy đủ khả năng; nhưng dùng tiếng Nhật thì người Hồng Kông ít có ai hiểu, thỉnh thoảng có vài người lớn tuổi hiểu được; nhưng ít có người thông thạo.

Bà Lueng và anh Lam đón tôi đến chỗ ở tạm. Đó là thư viện Phật Giáo của Hội Phật Giáo tại Hồng Kông. Thư viện có khá nhiều sách vở; nhưng chỗ ở thì hơi chật hẹp, chất hẹp mà kém vệ sinh, nhưng nghĩ lại nhiều đồng bào trong trại sống rất khổ sở; nên tôi lại quên đi bao ý nghĩ nhọc nhằn.

Ngày 22 tháng 12 năm 1987 chúng tôi bắt đầu đi thăm trại Argyle camp ở ngay tại trung tâm thành phố Hồng Kông; nhưng cảnh vật ở đây rất tiêu điều. Trước đây là trại lính, bây giờ họ biến thành trại giam. "Closed Centre" một danh từ nói cho mỹ miều chứ thực

ra không có một loại tự do nào cả. Vì nơi đây có hàng rào kẽm gai, có lính cúi để nhốt người phạm tội. Sơ dĩ tôi vào được là vì có bà Lueng và anh Lam vốn đã quen biết tại đây. Nếu không, thì có lẽ cũng chẳng được vào thăm đồng bào mình. Trước khi tôi vào thăm các trại tại Hồng Kông đã có Thượng Tọa Thích Nhất Hạnh từ Pháp và Thượng Tọa Thích Bảo Lạc từ Úc cũng đã đến thăm và ủy lạo đồng bào nơi đây qua sự giúp đỡ của bà Lueng Wai Lan và anh Lam.

Trong trại này chia ra làm 4 khu vực A, B, C, D. Một khu dành cho những người đến từ các tỉnh miền Bắc Việt Nam; một khu dành cho những người Bắc đến Trung Quốc, rồi từ Trung Quốc trốn sang đây. Những người này nghe đâu bị trả về lại cho Trung Quốc. Họ gặp chúng tôi và xin chụp hình để làm lưu niệm. Rồi sau này về lại Trung Quốc có bị bắn giết cũng có hình mà thờ. Nghe ra quá đau lòng. Trong trại này cũng có 2 đứa bé bị mất cha mất mẹ, tôi đã ghi tên họ và về đức giao lai cho ông Bischen ở Hannover để ông lo thủ tục bảo lãnh. Vì trước khi tôi ra đi ông có nhờ điều đó. Hy vọng ông sẽ được mãn nguyện.

Một khu khác dành cho những người từ miền Nam Việt Nam và một khu khác nữa dành cho những người chuẩn bị đi Pháp. Hai khu này được đi làm thêm bên ngoài để có tiền chuẩn bị đi định cư một nước thứ 3.

Trong 4 khu của trại này chỉ có khu của người Bắc là có thơ Phật còn những khu kia không thấy. Tôi có xin phép muốn gặp tất cả đồng bào trong trại 1 lần; nhưng không được, vì họ không có quyền lui tới với nhau; nên chỉ đi thăm từng trại một mà thôi. Lần này - chúng tôi cũng đã thăm từng vài người nằm trong chuồng khỉ "monkey house", nói theo tiếng Việt Nam hóa là "xà lim", nơi nhốt những phạm nhân tội nặng. Tôi nhìn những người bị nhốt, lệ ứa trong lòng, vì sự tự do quá giới hạn. Thật sự ra mà nói tất cả chúng ta đều là những kẻ bị cầm tù trong cõi đục giới này, nếu chưa thoát ly khỏi sinh tử luân hồi; nhưng đâu sao đi nữa biên giới của tù ấy còn rộng hơn ở đây gấp trăm ngàn lần. Một ngày chỉ được đi ra ngoài một lần Phòng thì không có ánh sáng, tiêu và đại tiện, ăn uống, tất cả đều ở nơi đây. Đứng - Đồi là bề khổ.

Ngày 23 tháng 12 năm 1986 chúng tôi dùng tàu thủy để đi đến trại Chi Ma Wan. Trại cách Hồng Kông chừng 1 tiếng rưỡi đồng hồ tàu thủy. Trại nằm trên một

triển núi đồi rất đẹp và thơ mộng, mặc dầu chung quanh có những tấm lưới sắt bao bọc lại. Trại này chia làm 2 khu, khu trên và khu dưới. Khu trên có phòng giảng, nhà hội họp, chỗ sinh hoạt, chỗ ở v.v... rất sạch sẽ, ngăn nắp vệ sinh. Ở đây tổ chức của gia đình Phật Tử rất mạnh. Hiện có Thầy Quảng Nhiên đang ở tại đây.

Khi chúng tôi đến thì các Phật Tử đã vận tập đầy đủ và tiếp đón thật long trọng. Sau thời kinh cầu an là buổi nói chuyện. Có nhiều người lầm tôi là Thầy Bảo Lạc. Vì chắc rằng anh em ruột nên có nhiều niềm giống nhau. Sau câu chuyện đạo chúng tôi có tặng một số quà bánh, sách vở, băng nhạc, băng kinh và 700 đô la Hồng Kông cho Ban Đại Diện Phật Tử tại đây để có phương tiện sinh hoạt.

Trong những câu chuyện trao đổi thông thường với mọi người trong trại, tình cờ tôi lại gặp được một Thầy giáo cũ cách đây 23 năm về trước. Đó là Thầy Huỳnh Việt Quế dạy Lý Hóa tại trường Trung học Hồ Đệ Hội An, Quảng Nam năm 1964. Quả thật trái đất lại tròn. Sau hơn 20 năm lại có ngày hội ngộ.

Trở về phòng Thầy Quảng Nhiên để thăm viếng và ủng hộ Thầy chút đỉnh trong việc sinh sống tại đây, tôi thấy Thầy có ý định đi Đức, nên sau khi về lại Đức tôi sẽ xúc tiến thủ tục bảo lãnh cho Thầy.

Rời trại Chi Ma Wan mà trong lòng lại luyến tiếc, có ý như muốn trở lại đây một lần nữa để chia sẻ những khó khăn với đồng bào; nhưng thời giờ không cho phép, đành phải lên tàu để trở về Hồng Kông trong bao luyến tiếc mênh mông.

Đùng đờ tại bến tàu bên Hồng Kông là Thượng Toạ Sodhalokha - người Đức (dịch tiếng Tàu là Tín Quang) đã ở Hồng Kông 6 năm và rất tích cực giúp người tỵ nạn. Thượng Toạ cũng giống Thượng Toạ người Anh Abhiyana để giúp cho đồng bào mình trong các trại tại Phi Luật Tân. Thượng Toạ Sodhalokha biết rất nhiều ngôn ngữ như Đức, Anh, Tây Ban Nha, Ý, Quảng Thoại, Thái Lan, Ấn Độ và một ít tiếng Việt Nam. Nhìn những người tu sĩ Phật Giáo Âu Châu lẫn xả vào các hoạt động xã hội, từ thiện để giúp đỡ cho người mình, tôi cảm thấy xấu hổ vô ngần. Vì chính mình chẳng giúp gì cho đồng bào mình nhiều hơn được. Do đó tôi có ý nghĩ là chưa chiến xong đâu đó sẽ đến các trại này ở lại một thời gian lâu hơn để giúp đỡ đồng bào mình một cách tích cực hơn. Ở nơi sung sướng không nghĩ đến những người khổ sở có lẽ cũng là một cái tội. Cái tội ích kỷ cho mình, không san sẻ niềm vui cho kẻ khác. Nếu quý Thầy quý Cô Việt Nam hiện ở ngoài quốc, ngoài việc lo cho đồng bào Phật Tử tại địa phương mình, còn lo cho những người trong trại nữa, mới là điều đáng quý. Mong thay sự trợ lực của quý Thầy.

Thầy Sodhalokha nghiêm nghị, ít cười nói và hay tự cho mình là một Culy Monk - có nghĩa là một tu sĩ làm thuê - làm thuê nhưng tuyệt đối không nhận thù lao. Quả thật trên thế gian này ít có. Thầy mỗi tuần vào mỗi trại một lần để bắt mạch chẩn bệnh, cho thuốc và dạy Thiền. Tôi có biếu Thầy 150 đô la Hồng Kông, nhưng Thầy bảo Thầy không nhận cho chính mình, mà để mua thuốc cho bệnh nhân. Thầy rất trực tính nên thường hay chế nhạo Phật Tử lưỡi biếng không có ý tu hành hoặc đối đạo v.v... nên cũng có nhiều người

không thích. Nhưng dầu sao đi nữa, sự thật vẫn là sự thật.

Thầy đờ chúng tôi ở bến tàu này là có ý còng đi đến trại Jubilee open camp. Đây là một trại tự do duy nhất - người trong trại được ra vào không bị gạn hỏi. Vì họ đã có nơi chốn đi định cư. Trại tự do nhưng quá cũ kỹ và dơ nhớp quá chừng, chuột cống, ruồi muỗi, thuốc phiện, xỉ ke thấy nhan nhản và nghe hôi tanh đầy trại. Trên tầng 4 cũng có một niệm Phật Đường nho nhỏ, chúng tôi đến đó thăm viếng và nói chuyện đờ vài tiếng đồng hồ rồi đi về.

Ngày 24 tháng 12 năm 1986 chúng tôi lại dùng tàu thủy để đi thăm trại Hei Ling Chow. Trại này cũng là một trại cảm nhận rất sạch sẽ ngăn nắp. Trong trại có trường học, nhà thường, chỗ chơi thể thao, thể dục v.v...

Hôm ấy là ngày lễ Giáng Sinh nên Đạo Thiên Chúa và Tin Lành đã mở hết phòng ốc để làm lễ. Do đó Phật Giáo phải làm lễ ngoài trời. Một bàn thờ lộ thiên 10 thước được đặt ngay trong sân vận động, trên đó bày biện rất nhiều hoa quả, trà bánh v.v... Ở đây toàn là những người Đức - họ rất thành kính nhưng kính kệ thủ hầu như không thuộc câu nào. Sau 1 tiếng đồng hồ làm lễ và 2 tiếng đồng hồ giảng giải những điều cần thiết dẫu nắng chói; nhưng chẳng thấy ai mỗi một mà họ cứ muốn ngồi nghe. Tôi hỏi rằng tại sao quý vị ngồi lâu thế mà không mỏi? - Họ trả lời rằng vì đã ngồi nhiều lần như thế suốt 30 năm dưới chủ nghĩa công sản Việt Nam rồi, nên quen đi. Tôi nghe như cam đồng lấu tôi nghiệp cho một kiếp nhân sinh. Nhưng qua buổi nói chuyện này tôi mới thấy rằng bạo lực và vô thần sẽ không bao giờ thắng nổi niềm tin của Tôn Giáo. Hàng chúng ấy đã nói lên tất cả sự thực rồi.

Ngày 25 nghỉ một ngày và 26 tháng 12 năm 86 chúng tôi đi thăm trại cảm cuối cùng là trại Tuen Mun Closed Centre. Trại này nghe nói có đến 4, 5 ngàn người. Trại có phòng thờ Phật trang nghiêm và tổ chức gia đình Phật Tử cũng đầy đủ. Sau khi tụng kinh và thayêt giảng là buổi trà đàm rất vui vẻ và thân mật.

Trước khi lên đường đi Đài Loan để lo một vài công việc Phật sự, chúng tôi có trở lại trại Argyle Camp để thăm một lần nữa và chúng tôi cũng đã trao tận tay số tiền 3.000 đô la Hồng Kông của chùa Khánh An và quý Phật Tử đóng góp cho bà Lueng Wai Lan để bà mua những vật dụng cần thiết cho đồng bào mình. Vì trao cho từng người, từng trại thì không đủ, mà chỉ trao cho những người nào thật sự thiếu thốn nhất, như không có thân nhân ở ngoại quốc mà thôi. Điều đó chỉ có bà Lueng Wai Lan biết rõ. Vậy mọi sự đóng góp tài chánh cho các trại, quý tu viện hoặc quý Phật Tử xa gần có thể liên lạc về địa chỉ sau đây :

Mrs. LUNG WAI LAN
5 Staunton St. G/F Central Hongkong
Tel.: 5-234933 hoặc 5-594161

Sợ đờ lâu ngày lại quên đi nhiều dữ kiện cũng như các địa danh, tên trại v.v... nên tôi đã viết lách này tại Tokyo, nơi phòng Thầy An Thiên để gửi về Đức cho quý Phật Tử xa gần xem để hiểu một vài công việc đã được thực hiện trong chuyến đi này.

(còn tiếp)

Giọt nắng tháng tử



● PHÙ VÂN

"Câu có ý định đi tản không câu Ba?" Câu hỏi của cô Bay lảng giêng hẳn lên trong tâm hồn tôi những nỗi khắc khoải tốt cùng mà tôi đã vương mang từ hơn tháng nay - thời kỳ hỗn loạn của chế độ Cộng Hòa trước vận mệnh mắt còn của miền Nam Việt Nam. Hôm qua tôi mới đưa gia đình thẳng bạn đến điểm hẹn ở hẻm Cây Diệp. Tôi đứng ngoài cổng sắt khép kín, lặng nghe điểm danh và chờ chiếc xe của sòMy chạy về hướng phi trường Tân Sơn Nhất. Tôi cũng vẫy tay chào tiễn biệt - chẳng nhìn thấy ai trong chiếc xe bit bùng - hạ tuần tháng 4 với những giọt nắng xuyên qua cành lá, rồi rớt từng mảng ánh sáng yếu đuối trên mặt đường nhựa loang lổ. Trong tôi không chỉ là nỗi buồn phiến vô vọng mà còn là niềm buồn đau về thân phận của những người thua cuộc.

Miền Trung, Cao Nguyên đã rơi vào tay Việt Cộng. Cộng Sản tiến chiếm Cao Miên, tầm máu Nam Vang. Những hình ảnh kinh hoàng của di vãng tưởng đã mờ xa trong tâm trí nhỏ, nay bỗng hiện về làm nhức nhối con tim. "Tại sao mình không ra đi nhỉ?" tôi đã nhiều lần tự hỏi mà chẳng tìm được câu trả lời. Đầu óc nặng nề, tâm tư mù rồi trước những tình cảm thiêng liêng ràng buộc. Mẹ tôi còn kẹt ở Huế - người vẫn lưu luyến với nhà cửa, ruộng vườn, mồ mả tổ tiên. Tôi đã nôn nao mong ngóng đón từng chiến hạm, từng chiếc tàu Hải Quân, từng chiếc phà kéo từ các cảng Thuận An, Đà Nẵng, Cam Ranh cập bến Saigon. Tôi cũng đã lê lết châu chực ở các Xa Cảng đón từng chiếc xe đồ từ miền Trung hay từ miền Cao Nguyên đổ về Thủ Đức - miền hy vọng cuối cùng của người dân

tròn chạy chế độ Cộng Sản. Trong những khuôn mặt kinh hoàng đó, trong những hình hài khôn khổ đó không có mẹ tôi. Saigon - thủ phủ của miền tự do, giờ đây cũng sắp điều tản đồ nát dưới những đợt đại pháo hỏa tiễn của địch hăm dọa hằng đêm ở vùng ven đó.

Tôi ngồi chôn mình ở một quán cóc bên đầu cầu xa lộ Biên Hòa. Ba chủ quán rã rời pha cho tôi một ly cà phê, yên lặng cảm nín. Mọi người có một niềm lo, một ưu tư riêng, chẳng ai buồn hỏi han nhau một câu. Nắng, bụi, mồ hôi phủ trên người tôi. Tôi muốn thiếp người trong những biến động hỗn loạn mà chính mình không biết phải làm một việc gì xác đáng cả. "Tại sao mình không ra đi nhỉ?" - Cuộc thăm sát gần chục ngàn người dân vô tội ở thành phố Huế trong lần "Tổng Tấn công nổi dậy" của Việt Cộng vào tết Mậu Thân 1968. Cha tôi bị chôn sống - một trong những hăm chôn người tập thể tại Phú Thủ, Hưởng Thủy, Khe Đá Mài, tại Trường Tiểu Học Gia Hội. Những tiếng khóc trầm thông của mẹ tôi, của thân nhân lần lộn đi khai quật hài cốt, nhân diện bà con. Những hình ảnh ghê sợ chém giết dã man; những tên cộng sản năm vùng, những cán bộ hạ tầng cơ sở; những mũi súng AK, những khẩu K.54, những đơn thù, những tra tấn hành hạ; những cuộc đôi-diến-ban-thù, những ban hữu đồng đội bị trói cặp cánh dẫn đi không có ngày trở lại - thủ tiêu. Hình ảnh mẹ tôi nằm gục bên quan tài cha tôi được đặt giữa đồng gạch vụn của căn nhà thân yêu; vành khăn tang phủ trắng cuộc đời còn lại không phải chỉ cho mẹ tôi, cho tôi mà cho Huế, cho những người còn sống mãi mãi không thể quên những thường đau nhức nhối. Trước mộ chôn tập thể của số đi hải không nhân diện được, tôi mừng tưởng hình ảnh những người thân quen, người yêu một thời đã quan tâm đến cuộc tử vong của tôi - của những người lính trong những chuyến hành quân, trong những lần giao tranh. Không ai ngờ những người hầu tuyền - những người dân hiền lành lại là đối tượng của địch trong cuộc thăm sát tập thể! Nắng bao phủ núi Ngự, nắng chói chan trên sông Hương. Nắng trên vùng đổ nát hoang tàn, nhưng nắng không sưởi ấm vong linh những người đã chết dưới lòng đất lạnh; nắng không xoa dịu tâm hồn những người còn sống. Nắng chưa hong khô nước mắt tiếc thương; nắng không bồi xoa chứng tích dã man... Tôi ngồi trầm tư nhìn khói hương quyên bay trong gió chiều giữa vùng đôi tích tịch, hương linh người chết vẫn còn đâu đây - tuế tử tửi hỗn oan...

"Tại sao tôi không ra đi nhỉ?" Xích sắt của những thiết vận xa T.54 của quân đội Cộng Sản miền Bắc vượt vĩ tuyến 17 nghiền nát cố thành Quảng Trị. Hỏa tiễn, đại pháo của địch đã cày nát Quốc lộ I Quảng Trị - Huế, bắn xối xả vào đoàn người đi tản. Máu xương của hàng

hàng chục ngàn dân lành đổ xuống "Đại Lộ Kinh Hoàng" trong mùa Hè Đỏ Lửa 1972. Thêm một mớ chôn tập thể của những hình hài người chết không trọn vẹn. Vành khăn tang tử Huế, sau mấy năm, lại được trải dài ra đến Quảng Trị, tiếng than khóc hồn căm tưởng đã theo thời gian mở phai, nay lại kết thành cung điệu ai oán. Công sản "giải phóng" nhân dân bằng chính máu xương của nhân dân vô tội; công sản kêu gọi "hòa hợp hòa giải dân tộc" bằng đại bác, hỏa tiễn cay nạt trên từng mảnh đất quê hương. Năng trên Quốc lộ I, năng cháy trên những cánh đồng hoang tàn, năng trên thành quách đổ nát. Năng chưa tiêu hủy mùi tử khí của người mới chết, năng cũng chưa mang lại nguồn sinh khí cho người còn sống trong các trại tạm cư Hoà Vang, Tiên Sa, Non Nước, Đà Nẵng. Năng chưa làm khuấy quên những niềm đau, chưa làm phai pha những tội nhục hồn căm của những người Gio Linh, Cam Lộ, Đông Hà.

"Tại sao mình không ra đi nhỉ?". Máu và nước mắt của khoảng 50.000 quân-dân đổ xuống Quốc Lộ 7 trong lần "đi tàn chiến thuật" tháng 3-1975 trước những làn đạn tấn kích của địch. Quốc lộ 7 được mang tên mới đi vào lịch sử - Đại Lộ Máu Lửa, thành quả "giải phóng" của những người mang chủ thuyết Mác-Lê. Người dân miền Bắc đã một lần vào năm 1954 rồi bỏ nơi chôn nhau cắt rốn để tìm về miền Nam - về miền tự do vì quá chán ghét chế độ Công sản. Người dân miền Trung và Cao Nguyên, nay bằng mọi phương cách, bằng mọi phương tiện trốn chạy lũ người vô nhân, dồn về Saigon-Chợ Lớn với ước vọng tìm được miền tự do cuối cùng. Người dân đầu cơ hay rằng các cấp lãnh đạo, chỉ huy miền Nam Việt Nam cũng đã và đang chuẩn bị trốn chạy - hèn nhất, tham sống sợ chết hoặc cam tâm bán đứng đất nước, dân tộc cho kẻ thù !...

"Câu có ý định đi tản không cậu Ba ?" Câu hỏi của cô Bảy thường ám ảnh tâm trí tôi khi những giọt mồ hôi nhè nhai dưới ánh nắng chói chan trên công trường lao động trong các lao tù cải tạo. Câu hỏi của cô giở tới hiểu đó chỉ là một câu dọa dẫm. Tôi đã bằng hoàng khi thấy cô đón tiếp những tên bộ đội - mang đẹp râu, đội nón cối - những người bà con tập kết của cô từ vùng biển trở về thành phố ngay sau khi Tổng Thống một ngày Dương Văn Minh đọc bản tuyên bố đầu hàng Việt Cộng - cáo chung chế độ Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam. Dù vậy vẫn chưa hẳn là niềm nhớ đau tốt cùng, một sáng cô Bảy nhắc nhở tôi sao chưa đi trình diện học tập cải tạo. Từ khi tôi về ở xóm này, một quân nhân biệt phái, chưa một lần mặc quân phục Cộng Hòa, thế mà cô vẫn biết gốc gác quân đội của tôi. Những mẩu đối

thoai với cô trước đây thường diễn ra trước sân nhà - nơi cây trứng cá thường đổ xuống những giọt nắng lung linh. Tôi cảm thấy xây xẩm, muốn gục ngã và buông xuôi cho định mệnh, cam chịu số phận hẩm hiu của người bại trận. Nét mặt của cô Bảy thường rạng rỡ qua những tia nắng, tôi cứ có cảm nghĩ hàng người phản trắc như cô là kẻ thắng cuộc. Tôi bị lưu đày qua nhiều trại lao tù, thời gian đối với tôi được tính bằng từng mùa mưa nắng. Những nhát cuộc rã rời trên những cánh tay không còn tiêm lực. Những cơn đói dài hành hạ bao tử, những bữa cơm đơn bấp, sẵn khoai là ân sung của chế độ mới dành cho những phần tử "phản cách mạng", " cơ tội ác với nhân dân"... Năng trải dài trên những luống rau, năng tràn ngập trên ruộng sản; năng cháy da những tên tù tội trên các kênh đào; năng hành hạ những thân xác gầy còm khai ruộng, phá rẫy. Năng trên đầm lầy; năng trên đồng hoang; năng trên rừng núi - năng tiêu diệt xác thân tù tội, năng làm mòn mỏi sức chịu đựng của con người bằng những lao động khổ sai. Quanh tôi, cùng chung số phận cơ những tên "cách mạng 30" - những tên mùa rồi, đeo băng xanh đỏ chạy khắp phố phường gào thét hoan hô cách mạng trong những ngày cuối tháng Tư đen. Quanh tôi cũng có những tên theo đám ăn tàn, hồ hào có vũ chính phủ 3 thành phần, góp tay bán đứng miền Nam cho lũ lang sói. Quanh tôi cũng có những tên " có thân nhân theo cách mạng"; có những tên khai thành tích ra vào chiến khu, liên lạc tiếp tế cho Vem. Quanh tôi cũng có những tên "chính khách sa-lông" uống nhầm mê dược Mác-Lê, một thời quấy động, chống phá chính quyền. Một cuộc đổi đời - những ân sung, những danh lợi được hứa hẹn hào huyền, nay đã thành miếng chanh đã vắt hết nước, đầu óc trống rỗng ngu ngơ, than xác tiêu tụy bỏ phờ. Những gương mặt bội phản đó, những ánh mắt bất chính đó bầy giờ phôi bày lộ liễu dưới ánh sáng mặt trời. Liềm sí, tiết tháo đã mất; những cây "ang-ten" làm nổi tuyên tay sai chỉ điểm cho địch, một lần nữa bán đứng ban hữu để mong chuốt lấy một tia hy vọng nhỏ nhoi vô tưởng được địch cứu xét cho sớm trở về đoàn tụ gia đình !

Thế thôi, những ăn năn hối lỗi, những nuối tiếc vàng son dĩ vãng, những trách cứ, những nhận lãnh lỗi lầm xưa cũ, những lần quay lưng đứng ngoài cuộc chiến, những lần thờ ơ lạnh nhạt với cuộc chiến đấu bảo vệ tự do ... những úu tú dân vật cũng đủ hàng đêm cấu xé tâm hồn. Bầy giờ dưới cơn nắng hàng năm đốt cháy da người, tiêu hủy niềm hy vọng được trở về của người tù khổ sai không có bản án, con người lại khắc khoải thường thân trách phận. Khi sống trong cảnh an lãnh ém âm, con người đã không biết trân quý bảo trọng tử do

mà lại còn đấu tranh đòi hỏi tạo những rối loạn xã hội; khi biết đến giá trị của tự do, thì tự do đã mất, đã bị cướp đoạt hay bị thu tiêu bằng vũ lực dã man. Nuôi tiếc cũng chỉ muộn mằn! Những vòng rào kẽm gai dày đặc, những họng súng AK trên các vọng gác, những ngày lao động hành xác, những bài học chính trị nhồi nhét chủ nghĩa Mác-Lê, những bản tự khai đầu tở giống họ thân tộc, những lần bị hành hạ chuồng bới, những đêm bị nhốt trong các lồng trai khóa kín... câu hỏi của cô Bảy lại chợt hiện ra trong đầu óc tôi với những day nghiến, dằn vặt, xi'vã mình.

Rồi tôi cũng được trở về khi xác thân mình tưởng không còn chịu đựng được với đói kém, bệnh tật; khi tinh thần mình tưởng như điên loạn vì bị hành hạ tủi nhục. Tôi đi gần như chạy ra khỏi công trại tù. Bỗng dưng tôi run rẩy dưới từng bước chân đi trong ánh nắng ban mai. Tôi không dám quay lại nhìn nơi đã giam giữ mình suốt mấy năm đầy đọa, nhưng tôi biết chắc rằng suốt đời tôi sẽ không bao giờ quên những đắng cay tủi hổ. Giả biết, giả biết tất cả tử mệnh đất nhờ bé làm chỗ ngã lưng trong trại đến đây hăm cấu đồ bản; tử những tên vệ binh thô lỗ đến những gã an ninh độc ác. Giả biết, giả biết tất cả đoạn đời si oán mà tôi có quên đi. Năng xôn xao dưới những bước chân không còn quản chế. Tôi lại đi vào cuộc đời, đi vào trong nắng- Năng bên ngoài cơ khác gì nắng bên trong vòng rào kẽm gai? Tôi không còn cảm thấy ánh nắng mặt trời ngày lại tháng qua đốt cháy niềm tin. Tôi chấp chừng tím về khung trời tự do, dù ám no- tự do- hạnh phúc chỉ là bánh vẽ của chế độ nhằm lừa dối nhân dân, chỉ là năm cỏ treo trước đầu ngựa- Người và ngựa chạy đuổi mãi những bánh vẽ, năm cỏ khô đến sức cùng lực tận mà vẫn không kiếm đủ miếng cơm manh áo!

Còn nắng giữa mùa dưa tôi vào xã hội mới- cái xã hội mà những năm trong tù cải tạo, lũ cán bộ quan giáo đã nhai đi nhai lại, tở son điểm phân thành một thiên đàng siêu việt- mà siêu việt thế nào chính bọn cán bộ cũng chưa thấy được, hưởng được sau mấy chục năm dang hiến cả tuổi thanh xuân cho "Bác và Đảng". Tôi bàng hoàng tốt cùng khi thấy dân chúng "phản động" hơn cả thành phần hiện đang bị giam giữ trong các trại cải tạo. Trước thực tế phủ phàng bằng những tuyên truyền bịp bợm của chế độ, dân chúng đã tỏ thái độ "phản động" châm biếm- chỉ trích- nhạo báng- bất hợp tác...

Dưới ánh nắng chiều chưa diu oi bức, tôi đến thăm lại cô Bảy. Sau giờ tan sở, cô đang ngồi nấu cháo heo. Mặt cô rạng rỡ thực sự khi thấy tôi được trở về. Chiếc xe hơi hiệu Simca của cô đã tặng cho Ủy Ban Quân Quản khi

mới "giải phóng". Nhà xe của cô bây giờ trở thành chuồng nuôi heo trong chuồng trình tởng gia sản xuất- như tình trạng hiện tại của chế độ mới. Tôi không ngờ và không bao giờ nghĩ tới hoàn cảnh thực tại của cô Bảy- hay cả những thành phần như cô cũng thay đổi chẳng khác gì người dân khôn khổ. Ngoài 8 giờ làm việc mỗi ngày, cô phải thức đến gần nửa đêm bên thùng bán thuốc lá lẻ trước công nhà. "Đề sống qua ngày" như lời cô nói sau khi đã bán hết một số đồ đạc trong nhà. Những bản tưởng lệ, những bản ban khen về thành tích ủng hộ, nuôi quân trước đây đã vinh dự chiếm những chỗ trang trọng trong phòng khách; nay đã được cô đem làm mồi lửa để nấu cơm heo. Tôi đọc rõ những nỗi thất vọng chán chường của cô trên gương mặt, trên ánh mắt. Khi từ giả cô ra về, cô diu dàng đến độ thành khẩn bảo tôi: "Cậu ba, hãy liệu tìm cách ra đi. Nơi này không còn là chỗ dung thân của cậu nữa!".

*

Cô Bảy!

Còn nắng đầu mùa- tháng Tư nơi xứ lạ, gọi nhắc tôi nhớ đến cô- một kiếp người trao lăm niềm tin cho loài quỷ dữ. Hơn 10 năm cô làm chứng nhân cho cuộc đời đời, chỉ biết cúi đầu quay lưng cô kéo dài cuộc sống- vốn đã vô nghĩa từ ngày đầu nhận thức được bản chất man trá của chế độ; cô còn có chút hy vọng nhỏ nhoi nào nữa không?

Cô Bảy, tôi sẽ không mấy ngạc nhiên, khi được tin những thành phần như cô, một ngày nào đó cơ mặt trong lực lượng kháng chiến phục quốc để đấu tranh cho hòa bình, tự do, hạnh phúc thực sự cho nhân dân. Nơi đây tôi cũng phải làm được một việc gì có ý nghĩa cho ngày quang phục quê hương- nơi tôi đã sinh trường lớn lên trong tình tự dân tộc, trong cội nguồn của quê hương chứ không phải như lời nhắc nhở cuối cùng của cô. Cô Bảy, xin cô hiểu cho- những người ra đi không phải là sự trốn chạy cuối cùng!



Cây Nam Vô

● PHONG HÙNG
LƯU NHƠN NGHĨA

Mau lên, mau lên! "Tiếng súng nổ chát chúa dọa nạt thúc dục dân rời Sóc Ô Thôn. Máy tên du kích ào đến mặt rúc hung ác hiểm độc đứng rải rác cầm súng la hét, chạy tới lui như lũ chó sủa người lạ, vừa đi đặt giu' khoảng cách xa đám dân này. Chúng gồm biệt những cây dao đầu bện ngọt dùng để xắt chuối nuôi heo kia có uy mãnh vót đầu chúng đedang hơn mã tấu. Cây dao đầu(1) giống đamdân mặt hiền như đất bị đôn ép cầm hàn hai mồi năm nay có thể bùng lên thành sấm sét lở núi năm xưa.

Vài tên du kích có kinh nghiệm lúc trước, khi xuống núi lenlút vào tuyên truyền thu thuế Sóc này. Một đêm hần đang đứng trên bờ đả venSóc chợt nghe tiếng "Cáp"(2) hải hùng tử Sóc vang ra, âm thanh "Cáp" vang đến đâu, cây rừng im lặng,muong thu trốn vào hang. Những tên du kích tuyên truyền thu thuế đêm đó bật tâm tích.

Sóc im lìm sông lầy lắt,dân Sóc nghe sợ xác, vui buồn bên nôikhoai núi buổi trưa, thau cơm đồ với nếm mận rau dưa buổi chiều. Đồ máy tên du kích đâm lèo hành tới Sóc này.

"Cho tụi bây ngu dốt luôn, cách mạng muốn giáo dục bây no cơm ấm áo lấy của nhà giàu chia cho lũ nghèo bây xài, bây chê, để rồi coi nghe!"

Dân Sóc qua đợt nạt không cách gì hiểu nổi lời hứa hẹn đe dọa sát nhân này. Họ sông lầy lắt, an phận từ năm này sang năm khác, "không tham của ai" Lục Cụ thường khuyên. Những mong tâm nhà tở đều đặn, dẹt xà rong áo cánh đủ ấm đẹp rồi. Con bò, miếng ruộng cho cơm đồ no đủ rồi, luống bắp xanh ve vậy lá, ca hạt mung thanh bình. Mặt nước trong ô cá đớp nóng cho đầy hủ mắm, mứa cho nước, nắng cho khô lúa.Dừa,thốt nốt mọc vô số cho nước ngọt rượu nồng, rặng tre um tùm cho nắng, cây cho trái. Hạnh phúc là những đám He Cà thúng, Đường tà đua bò, hát Dù kô, mùa làm thoi. Nhà sàn cao,tre cho cột, dừa cho lá lợp, chủ ngụ trên, gia súc phân dưới, tất cả ấm cúng đủ mùa gió bão bùng. Những đêm trăng sáng, phụ nữ chuyện trò bên cối giã gạo, cơm đẹp và nhiều lắm.

Sóc Ô Thôn có từ lâu lắm rồi. Nghe ông bà kể lại cho concháu nghe Kia vững "Ô" rộng, nước trong xanh, voi hay tụ tập vào đây tắm buổitrưa

Voi hút nước phun tưới xanh đăm cỏ quanh ô. Cứ nhìn hàng thốt nốt cao chông trời thì biết cả trăm năm rồi Sóc Ô Thôn làm chứng nhân thời gian nhưng chính đời sông dân Sóc vẫn tiếp tục trôi êm lạnh hiền hòa như chính lòng người chắt phác.Conđường đất mây đời, mòn vết chân những thế hệ đi qua, ngoằn ngoèo dần vào núi Cô Tô. Sóng sớm gà rừng gọi gà nhà gáy đánh thức người ra ruộng, lên rẫy, bầy thú, đào khoai, nhổ củ.Mặt trời khuất núi dục người về nghỉ ngơi quanh ngọn đèn mờ tỏ và tiếng cười khóc trẻ con âm cúng.

Thời Việt Minh nổi dậy, lãng vắng qua Sóc, kế tiếp đăm Commando Maroc rầm rập đi qua, súng nổ đi ùng phá tan cái yên lặng thanh thản một thời. Năm nào đó, đăm cán bộ lạ đến bày vẽ xây ấp Chiến lược. Những cọc tre nhọn, những ụ đất cao làm mắt cả máy tháng công ăn việc làm. Ruộng rẫy nhà cửa ở đây, làm sao dời vào ấp cách mỗi cây số.Tất cả rồi cũng đi qua cùng với những người già.

Gần mười năm nay, thường nghe tiếng pháo kích trên núi, tiếng súng nổ ngoài lộ xa. Người ta lo lắnglùa trẻ vào nhà. Những xe nhà binh tử chớ xa đồ lính xuống lục soát, du kích thường đi qua, "làm gì thì làm vô phá Sóc ta, ta "Cáp" a!".

Ăn trong rừng dừa, tre, trên khu đất cao rào giũa Sóc, mái chùa Prey Veng mái ngói đỏ linh thiêng nhìn từ trên núi, như đóa sen hồng mới nở giũa miêng vườn xanh mát. Sân chùa rải rác những ngọn tháp tròn như búp sen. Bàu sen(3) bên hông chùa nở rục suốt mùa nắng.

Sóc Ô Thôn có chùa tới hai trăm

căn nhà sàn rải rác quanh chùa Prey Veng. Phong cảnh âm thanh nơi này lúc nào cũng dễ thương. Mặt trời vừa lên, lá tre còn đọng sương sớm, đường đất mòn ẩm, màu xanh cỏ cây mới mới như ngọc bích.Tiếng Col Sóc kêu "Lót chanh bai"(sư độ cơm), nhữ Sư Sãi đi len lỏi qua xóm nhỏ, từng nhà. Bức tranh xóm nhỏ xanh một điểm màu áo vàng Sư Sãi, "Sóc ta êm tỉnh thanh bình vậy đó, ta không động đê: ai, đưa nào vô thu thuế tuyên truyền, ta "Cáp" a!".

Nước mắt Pù Ung khô mấy ngàyrồi Căn nhà sàn mây đời để lại phải kéo sập, chông chát đồ đạc lên xe bò được món hay món đó. Những cây cột tre mở già bám viiu lầy nên đất khó kéo lên, vật vô tri còn luyên tiếc chưa nở rút đi. Chông tre mây đời lãng mát, chiếc nóp, cà ron khoai núi, on đường thốt nốt, nôi đất đồ dùng hàng ngày ngọn ngang trên nên đất vỡ tung. Sau mấy ngày làm việc, Pù Ung đánh mặt cầm dao đầu chát loạn đã những khúc cột công kênh không mang theo được, làm thâm một mình, "chất cho tiêu hết, để lại bày lầy xài uong". Vợ con Pù Ung vất vả khuôn đồ đạc lên xe bò, đứa nhỏ đào vôi lương khoai củ chưa đủ lớn, xăn mây mạt măng mới như còn sót lại trong đăm tre. Con chó Vện buồn bã nằm im thỉnh thỉnh dưới lườn xe bò, nó cảm thấy điều gì trọng đại lạnh ít đủ nhiều sắp xảy ra. Tiếng kêu gào thâu từng trời để Thích của nhữ người bỏ Sóc ra đi, lương cương khg biết phải mang theo cái gì, bỏ lại cái gì, còn gì để mang theo? Ruộng rẫy, nhà sàn, chùa Prey Veng, cái hạnh phúc đơn sơ tích lũy cả trăm năm Sóc nhỏ này làm sao mang theo được, nó ãe nặng chiuu lòng người.Pù Ung vừa kêu la, "Tụi ăn cướp!". Tên

đu kích hông hách xác xuất, xác súng chôn vón nạt nộ một bà già lấm cạm. Một thanh niên Sóc cạm dao đầu xam xam đi đến, tên đu kích lùi dần gòm cò súng, hần biết, chỉ cần một giọt máu người dân Sóc là chúng lãnh đủ những nhát dao đầu cong cong kia. Hần hoa mặt thấy con dao đầu rùn mình chuyên động suýt vượt khỏi tay người bay tới. Hần lấm lét nhìn mặt ngợ ngạo. Tiếng gào thét than vãn kêu khóc inh ỏi lẫn lộn thành tiếng địa ngục đến đôi người ta nghe thấy như im lặng. Họ kêu van ông cha, hôn thiêng những thế hệ đã qua về nhập vào âm thanh của người dân sắp rời Sóc, một điều lạ lùng qua sức tưởng tượng của mọi người, "tội tình gì bỏ Sóc ra đi, mà đi đâu?".

"Ấu me đi!" (Ba má đi!) "Con bò nó khóc!". Vợ Pù Ứng xối gạo nước lạnh rau mát cho bò. Bà la hét thê thệ như mu phụ thủy "Con bò nó khóc" phải rồi, hồi đó ông Sãi nói, có lúc bò khóc, chó thối sữa. Bà vận mình khóc thét, quần quai trên mặt đất. Pù Ứng khập khênh đến đỡ vợ, chùi mắt bò "Ấu me đi! Con bò nó khóc!". Mọi người đổ xô đến quanh bò, hôn loạn.

"Mau lên, mau lên!" Tiếng tên đu kích hò hét hình như nó chỉ biết nói vậy thôi, ngoài cây súng, nó chỉ là những tên bù nhìn bên xóm mạc áo đủ khả năng xua đuổi đàn quạ ngoài đồng.

Xế chiều, đám dân bị lừa đi chuyên bằng qua cánh đồng khô, họ bị cạm đi gấn lộ cái. Các Sư Sãi đi lẫn lộn trong đoàn người, lấm rấm cầu nguyện. Họ đi từng nhóm quanh xe bò, trên xe nặng trĩu của cái góp nhặt mây đời. Tại sao họ phải đi? Ấu me đi! Đi đâu đây? Tới sớm tới, họ đập bóng đi, thành những hôn ma lếch thếch dò dẫm. Tiếng khóc chín từng trời còn nghe tiếng chân đập trên rơm rạ, tiếng xe lăn kéo kết quả nghiêng địa ngục còn kinh sợ. Những bóng ma đôi cạm súng lén vờ quanh đám dân tù đày. Bà Mây chết mấy tháng trước, hôn hiện lên ngọn tre vật vờ vẩy tay gọi "Xấp xanh" (khoan đã!) nghe rờn óc. Trăng lười liêm vôi và chòm lên ngọn núi Tô đũa tiên, nhợt nhạt hủ ý chiếu xuống chùa Prey Veng. Nóc chùa rục thành đóa sen hồng mở tiếng kinh từ mây trăm năm vang rền như nhạc ngự âm, khi nhẹ như tiếng tiêu tử bi an

ui. Hào quang từ đóa sen tỏa hồng đăm đăm che chở người chân chất. Linh hồn tổ tiên họ quay về góp tiếng kinh, miệng thủ cũng lằng lằng nghe kinh, chỉ có những tên đu kích chạy lằng xằng la hét như chó sủa trắng.

Chiếc xe bò lăn lộc cộc lẩn trong đám người. Pù Ứng đi bên hông bò cạm roi xua đuổi ruồi muỗi không nỡ nặng tay lớn tiếng với bò lúc này. Bò đi thật chậm, tiếng lục lạc leng keng lu luyến, tuyệt vọng. Bò nhớ chuông âm cúng, nhớ mùi rơm ruộng cao, cỏ thơm chân núi, nhớ cuộc đua bò tết đương tà. Mây con chó vện lẻo đẻo theo. Trong giờ phút cấp bách này, người và thú vật càng gần gũi nhau hơn, cùng chia sẻ vui buồn Sóc nhỏ, cùng bảo vệ nhau lúc nguy biến cấp cần. Chó sủa bọn đu kích lên lút vô Sóc gầy ròi, chó biết ai thù ai bạn, ai thương ai ghét... Chó nghe rặng gòm đu kích, tỉnh nghĩa hơn lũ vô nhân.

Bọn đu kích thúc dục, đoàn người lấm lúi xô đẩy theo đường vạch sẵn. Bò kéo xe chạt đày gia tài vật chất cộng thêm tâm hồn nặng trĩu đau đớn lia bò Sóc xua.

Pù Ứng đi khập khênh như say rượu, chốc chốc quay mặt về phía chùa Prey Veng. Lòng Pù Ứng bồng lịm tê tái, dù xác thân đứa đầy lệ lếch trong đoàn đi chuyên như máy.

Từ nhỏ Col Sóc Ứng sống trọn vẹn quanh quần ngôi chùa Prey Veng, quen thuộc tới độ đêm tối có thể chạy khắp khu chùa mà không sợ đụng chạm gì, hoặc rơi xuống giếng nước. Sáng theo chân Sư Sãi khất thực xem nhỏ, Col Sóc Ứng biết tên từng người bà nào nấu thức ăn ngon, bà nào nấu hời mẫn. Ngôi chùa cắt từng phần, sửa sang dần theo tuổi Col Sóc Ứng. Ứng rảnh rỗi hay ngồi nghịch đất, xem ông ngoại và Ta Kul, Ta Phen trộn hồ làm gạch cất chùa, xây tháp Các học tăng ở trần trụi trực cũng nhọc mệt không kém, khuôn những tảng đá vuông vắn đập nên bên những người thợ chăm chú tác tượng. Phật tại tâm Phật tính tham nhuần cây cỏ gỗ đá. Tâm hồn người thợ thời ấy được lau chùi nhiều đời có khả năng nhìn xuyên qua gỗ đá. Họ không đoạ mai gỗ đá, chỉ dựng tâm điều khiển hai bàn tay thô kệch đến đũa khéo léo

đục gờ bỏ chắt vô mình bám trên tượng để Phật hiện ra. Ông ngoại Pù Ứng ngồi cả đời giữa đồng đá ngọn ngang cạm cũi làm việc, tiếng búa chạt chạt phá vô mình, tiếng mài gọt những vết bầm cuối cùng trên mặt tượng, tâm kiên nhẫn sáng rực lên với miệng mỉm cười trăm tư quát động Phật, không một vết búa lệch lạc dư thừa nào làm sút mẻ gượng mặt hiền từ, u mặc. Tiếp theo là tượng thần tứ diện trên những đỉnh tháp giềng tro cốt, những tượng thiên nữ uyển chuyển đứng bốn góc mái chùa, những tượng thần hầu linh hoạt đang tay đỡ kèo cột, tượng rắn thần Naga nằm trên nóc chớ che. Cây Nam Vô bên chùa lá rậm rạp, rễ dài, chim chóc, cò diệc làm tổ che mát giếng nước trong. Bầy voi thông thả ve vẩy tai phành phạch, giữ bó mía ngọn nhai rào rào, chớ phien đi kéo gỗ, tưởng không bao giờ hết việc. Người, vật, cây cỏ, gỗ đá đều đóng góp, ngôi chùa Prey Veng dựng lên giữa Sóc thanh bình.

Những buổi trưa hanh nắng, Sóc Ứng và đồng bọn rủ nhau lội xuống bầu sen hết cả xiêm, lẫn ngập chân lại lên nằm dọc theo hành lang chùa nhìn xuống bầu sen xanh mát điểm những đóa sen hồng, trông cho sen tàn, bẻ gióng sen lấy hạt ăn. Sân chùa vắng cây Nam Vô giương lá che rậm mát một vùng. Có lúc Sóc Ứng ngắm say sữa mây ngọn tháp rải rác sau chùa, lẩn trong đám tre già. Đỉnh tháp có bốn mặt huyền bí, man man nhìn bốn phía, đôi mắt thần có khả năng soi tận đáy lòng và ý nghĩ thâm kín Col Sóc Ứng. Lúc Ứng buồn bực, mắt thần bị bóng tre che hiện hóa dẫn dắt Ứng về thế giới xa xăm yên ổn. Thần nghiêm nghị khoan dung nhìn Ứng đang lên lút nhai nhắm nháp trái mướp cầu trộm trong vườn ông Cả. Thần thay đổi thần sắc theo mùa mưa nắng, sớm trưa. Col Sóc Ứng xem thần như người cha nhân hậu, cảm thấy gần gũi thân như là lúc nét trăm tư với vợ chợt mỉm cười với Ứng khi Ứng tinh nghịch trốn trong khóm lá nõ đũa, trốn nơi nào cũng bị thần bắt gặp.

Kỷ niệm hình ảnh xa xăm xuất hiện đứt đoạn trong đầu, Pù Ứng khập nghe thấy quanh mình âm thanh hôn độn, tiếng kêu cứu có chiếc xe bò sụp xuống rãnh, heo gà inh ỏi, trẻ con khóc báo điềm dữ.

Đi đã hơn hai ngày, quay lại nhìn, núi Cô Tô xanh mờ sương sương xây bức thành trời dài, im lặng nhớ thương như mẹ đứng nhìn đàn con bỏ nhà ra đi. Ngày đi đêm nghỉ, sự mệt nhọc ngọt ngào bao trùm, bớt dần than khóc, họ giờ cảm niềm ngời xôn ản ngọn ngào trên bờ đê, áo quần ấm mồ hôi, hơi đất phên bốc lên mũi khó thở, mắt ngơ ngác hướng về núi Cô Tô, Sóc biển mất ở chân trời rồi hết trông ngày trở lại.

Pù Ưng lơ đãng, mắt khờ khạo mất hồn, tháo cang xe cho bò nghỉ ngơi rồi nằm lăn quay trên bờ cỏ thỏ dộc Pù nhìn lên trời, khoảng trời xanh, thêm ngủ nhưng không chớp mắt được. Vài Sư Sãi ngồi "xếp môn"(4) chấp tay cầu nguyện. Tiếng kinh cầu an chúc phúc kéo Pù Ưng về chùa Trey Veng. Tướng Phật uy nghi trên chánh điện, Col Sóc Ưng ra về hiện lành tụng kinh, lăm lăm tỉnh quái năm giết đuôi tóc vắt bên tai của Col Sóc ngồi trước. Pù Ưng nhắm mắt, chấp chớn thấy cha mẹ hiện về chỉ tay về hướng chùa Prey Veng. Hai con măng xà vương uốn lượn trên nóc chùa dưới mái ngói tượng các thần hậu(5) đỡ mái chùa vững chãi, thỉnh thoảng ham chơi lên kéo xuống nhảy múa với Col Sóc Ưng. Tiếng ngai Sãi Cả trầm trầm còn vắng vắng bên tai Pù Ưng, ngai khuyến tu hành, đời sau này lửa tứ trời giáng xuống, ma quỷ hiện hình làm người gây tang thường chết chóc, người có căn tu còn sống ngôi không giáp góc cây "Nam Vô"(6). Lời nói như sấm truyền thanh tia sáng lóe trong lòng Pù Ưng. Thời niên thiếu Pù Ưng ham vui, bỏ Sóc lên Nam Vang tìm sự nghiệp, bỏ quên cô thôn nữ dệt xà rồng mọc mọc, Pù Ưng không thắc mắc, đến đâu thì đến, Cao Miên thanh bình hơn Việt Nam, nhưng thiếu nữ áo cánh, xà rồng tan thời hạn dần hơn. Mãi đến trận mưa bom giáng xuống làng quê, lửa cháy khét mùi thịt người, đầu đầu bom đạn cũng tới nổ tung đất ruộng xanh thành hồ ao. Lửa trên trời giáng xuống, Pù Ưng thấy Sư Sãi đoán có vẻ đúng đây. Nhưng con quỷ vương, chẳng tinh hiện thành những tên Khmer đỏ làm biến hồ tanh mùi máu. Pù Ưng mang gia đình về Sóc xưa, ngang qua làng mạc vắng người. Xác chết sao nhiều quá, xác của ai nằm bờ vờ giữa cánh đồng xác ai bám dập năm vết ngang bờ ruộng lẫn lộn màu đất nâu, xác ai

cháy một nửa đen như than trên những nền nhà còn ngút khói? Nhưng sợ người nhìn nhớ ngạo nghệ cười chê nhạo; những đốt xương tay chân trắng hều năm chân những người đi qua đường mòn, Pù Ưng lạnh chân, loạng choạng chân đã chân xiêu.

Theo sông người vượt biển giới về sóc xưa, tưởng đã yên thân được mấy tháng. Những biến cố xảy ra ở Nam Vang Saigon quan trọng đến đâu cũng không xuyên qua lũy tre Sóc. Mãi đến ngày nào đó, bọn du kích trên núi đâm xuống ban ngày chạy như người điên la hét hoan hô đã đảo, "cách mạng thành công" "tự do độc lập". Dân Sóc đành gián không theo kịp sự thay đổi bất chợt của thời cuộc, ngơ ngác lo âu. Công ăn việc làm vẫn tiếp diễn như thường lệ. Đàn ông lui cui ngoài đồng, đàn bà



xất chuỗi nuôi heo, trẻ con rong chơi sân chùa. Toàn du kích kéo vào Sóc tập hợp dân ra chợ quận biểu tình đã đảo chủ ruộng, chủ nhà máy chủ tiệm cầm đồ giàu có bóc lột hút máu dân nghèo, phải đem ra tòa án nhân dân xử trị. Dân Sóc ngơ ngác tự hỏi, "Mấy người này mình chưa gặp lần nào, chưa biết mặt, làm sao bóc lột hút máu dân mình kia? Ai là sao mình la theo cho yên chuyện, để chiều về kịp cho heo ăn, kịp "đốt cối gạo" (7).

"Sao họ đuổi nhà mình đi vậy?". Câu hỏi của vợ làm Pù Ưng thần thốt ứ, chính Pù Ưng cũng định hỏi cho ra, nghe bọn cán bộ nhắc đến chuyện Ba Chúc bị bọn Pol Pot pháo kích, chính phủ cách mạng muốn bảo vệ tính mạng tài sản đồng bào ở Sóc Ô Thôn nên đưa dân về vùng kinh tế mới, trừ phú, âm no, hạnh phúc, độc lập, hòa bình. Bọn cán bộ "nói nhiều quá", "khó nghe quá". Ô Thôn cách Ba Chúc

khả xa, Khmer đỏ làm sao pháo tới? Bọn cán bộ nạt "mấy người phản động hả?" "mấy người muốn theo Pol Pot nổi loạn hả?" Phản động là cái gì? Nổi loạn là cái gì? Giường mất thân trên đình tháp nghe cũng mỉm cười khó hiểu. Pù Ưng lắc đầu trước câu hỏi của vợ.

Đám người đi tản bắt đầu luctục kéo đi theo lệnh của vài tiếng súng thúc dục. Xa xa trên đường lộ cái, đoàn xe chở những tên áo vàng nón cối chạy âm âm, "từ nào tới giờ mới thấy lính mặc áo vàng đội nón cối, ở đâu tới vậy kia?" Họ cứ hỏi nhau, hỏi cho có hỏi, "ai biết mà trả lời" Ruộng khô rồi ruộng ướt, hết ngày tới đêm. Cuối cùng, tên du kích la "Tối rồi!".

Cánh đồng hoang loang loang nước dãi chân cỏ ống. Pù Ưng đánh bạo hỏi: "Ở đây kêu bằng gì?" Tên cán bộ trả lời ộc lộc "Vùng kinh tế mới!" Pù Ưng lăm lăm, "tên nghe lạ quá, thứ giờ có nghe tên Vùng kinh tế mới đâu?" Tại sao đặt tên "Vùng kinh tế mới"? Đầu có máu chốt dialy liên hệ cho cái tên lạ lùng này. Tuy vậy, Pù Ưng cũng gạt đầu ra chiều hiểu biết, rồi ngồi xuống khoát một ngụm nước ruộng đưa lên mồm uống, nước phên chua lét. Nhìn quanh, mắt nước menh mông, phên đầy đặc ống vàng chân cỏ ống. Xa xa, vài cây trâm bầu, cây điên điên bông vàng đứng bơ vơ im lìm, thờ ơ không ra vẻ gì tiếp đón người bị đi tìm đất định cư. Dân lăm lét lo âu, trẻ con bắt đầu khóc rên rĩ. Mấy bà mẹ than van "Âu mẹ ơi! Đất phên cỏ ống làm sao trồng lúa, lấy gì nuôi con đây? Âu mẹ ơi, nó ăn chỗ nào?, Âu mẹ ơi!

Tiếng than van nhỏ dần theo hơi thở dài thành tiếng thì thầm, bức tức sau gần nửa tháng đi đường. Cán bộ ra lệnh cho mọi người chia đất cất nhà, "đất đâu mà cất?" Vùng gò đất cao thì lồi lõm, họ ngạo ngán lắc đầu, tháo gờ đồ đạc trên xe hò nếm ngọn ngang trên gò cao.

Mọi người trải "nốp"(8) ra, gia đình con cái khếp nép bên nhau, mắt ngơ ngác căng thẳng. Trời trong chưa phải mùa mưa. Đêm đầu tiên chui vào nốp ngủ mê mệt với cơn ác mộng đầu tiên trong đời, quên muối mòng kêu như sáo thổi.

Ngày qua ngày, gạo năm thiếu hụt trầm trọng. Vùng kinh tế mới này chỉ

còn rau dưa bông súng ăn được. Ban cán bộ đã dựng xong công, tấm bảng viết ngang, "Làng kinh tế mới Phú Cường". Sau công chính rải rác những căn nhà chòi tạm bợ, cái gì cũng sơ sài và vụng, có ai nghĩ là sông vĩnh viễn nơi này đâu.

Một buổi chiều, bà Ngul lẳng trí chợt thết lên rồi nhảy múa loạn đả, quơ quào, "Me ầu đi! Mấy góc thốt nốt đi tôi chết để lại bây giờ ai giữ, nước phèn ngả chân qua, cho tao về, cho tao về!" Giọng bà the the như ma nhập. Ten an ninh lăm lăm súng hầm he, "Bà phản động hả?" Bà Ngul vẫn tiếp tục quay cuồng, bà thấy những hồn ma ông cha về phũ phịch không biết sợ hãi. Ban an ninh lui dần, trở mặt nhìn đảo đảo, đàn chúng đứng chung quanh thụ động tán đồng. Tượng thần Hậu leo xuống nhảy nhót với bà. Pù ùng nắm chặt lúa, đứng theo dõi, tưởng mình là Thạch Sanh sắp sửa vùng búa chém chàng tinh, xách đầu chàng về dâng vua làm Phò mã. Những cây dao đầu có thần khí run bần bật trong tay, người ta cố giữ dao, sợ dao vượt khỏi tay lao về phía kẻ thù. Lũ cán bộ làm lơ lửng tránh.

Đêm về, đàn khôn khéo lại phải tập họp ngồi nghe giải thích "cách mạng, tiến lên, tiến mạnh!". Những gương mặt đen đúa, ngơ ngẩn bất động trẻ con thiếu sữa khóc lớn trên áp tiếng bép xep hồ hào trống rỗng của cán bộ. Trẻ con khóc dai dẳng như báo đêm gơ. Người già há hốc nhìn lên trời kêu cứu, gương mặt đàn bà đầy nhăn nhọc an phận. Đàn ông thở hên hên, gân xanh nổi hằn trên thái dương, mặt bí mật, lăm lăm đang sợ. Thú vật cũng ý thức việc gì ghê gớm sắp xảy ra. Lũ chó nằm im hơi, nghe răng trắng nhốt thu mình chờ đợi sẵn sàng đổi mạng rẻ như bèo.

Ngôi chùa Prey Veng im lìm trong đêm khuya, chợt vang rền tiếng Sư Sãi tụng kinh Pali, lúc đầu nhỏ như tiếng chuông ngân, dần chuyển thành nhạc ngũ âm, dang như sóng vỗ bờ. Cùng lúc, sáu bóng đèn ăng-ten hiện chớp chớp qua khóm tre. Tâm họ nhịp gập rút theo tiếng kinh trầm hùng dẫu đất họ hướng về chùa Prey Veng, từng người đi chuyên nhanh nhẹn hên nhau chen chúc trong chòm cây rêu dai um tùm của cây Nam Vô, ngôi lẫm lẽ chấp tay run rẩy cúi đầu sám hối.

Dưới mái chùa cong, tứ chi tượng các thần Hậu linh động nhảy múa chúc mừng, bốn góc cột chùa, các thiên nữ trang kính nghe kinh.

Những bóng đèn ăng-ten nhấp nháy rờ Nam Vô quên sự hiện hữu mình, buông thõng búa và dao đầu. Dao búa cũng mềm nhũn, hiện lạnh nham bất động nghe kinh trên mặt đất. Trăng đêm ấy ngại ngưng trệ tỏa tia sáng soi những gương mặt in vết hải hùng mây đêm trước. Đêm ở vùng Kinh tế mới Phú Cường tối như mực, bầu không khí căng thẳng ngột ngạt chờ đợi, bị nổ tung bởi tiếng "Cáp" vang dội thoát ra từ lòng ngực dồn nén công phẫn. Tiếng súng cuồng sát nổ liên hồi, những bóng đèn chạy rầm rập tán loạn lửa cam thù bùng cháy lan tứ chòi này sang chòi khác chiếu lấp lờ thấy thi hăm dập tanh máu. Cây lúa thân Thạch Sanh của Pù ùng vùng lên như lưỡi tầm sét chém chàng tinh, những cây dao đầu bén ngọt được dịp chuyển mình thành rắn mắng xà vương quẫy khúc phi vùn vụt hốt đầu kẻ thù rụng như lúc dao móc dưa, thốt nốt. Bầy chó Vện sổng chết theo chủ nhập cuộc, lăn xả cắn xé. Gió đông hoang tránh xa, vi vu thương tiếc, mây trời vội vã đưa những linh hồn hóa kiếp trở về Sóc xưa, yên nghỉ trong cỏ thắp quanh chùa Prey Veng sau khi trả xong nghiệp dĩ.

Tiếng than khóc la hét, tiếng súng nổ dao bay loảng đản trên vùng Kinh tế mới Phú Cường, địa ngục này chỉ còn lại tiếng bò mất chủ bơ vơ rông đứt đoạn nào lòng. Kết thúc còn lại được bao nhiêu người ngồi dưới gốc cây Nam Vô này.

Pù ùng nhìn lên ngọn tháp tìm kiếm, mặt thân bốn mặt trầm tĩnh như xưa, chờ che an ủi. Chùa và Sóc bị bỏ hoang mấy tháng nay, ngôi đó loang lổ ít rong rêu xám, bất ánh sao trời rúc lên thành hoa sen cánh hồng hé nở đầy đặn, hương tinh khiết ngọt ngào trong đêm thanh. Chùa vắng Sư Sãi, những tiếng kinh tụng niệm kiếp đời về trầm hùng, hòa với lời kinh dâng lên cúng dường từ đây lòng người ngồi đây, lời kinh hóa giải như tia sáng huyền diệu nhẹ nhàng hòa tan bóng tối u minh đầy đặc, âm thanh vang rền thanh thế đại hùng đại lực của chuông trống Bát Nhã ngân dài âm hưởng đại từ bi lên tận trời đầu xuất, xuống tận ngục A tỳ.

Sương khuya lạnh lẽo ướt đầm vai, những bóng đèn run mình, bình tĩnh ngồi nép sát vào nhau. Những chùm rêu cây Nam Vô dài rậm rạp rợp rợp trước chòi che họ. Pù ùng chợt ớn lạnh, một tia sáng lóe qua óc, như khám phá ra điều gì hệ trọng âm ảnh từ nhỏ đến giờ. Pù ùng nắm chặt vai bạn lắc mạnh nói như người mê sảng,

"Me ầu đi! Hồi xưa lúc cụ nói đó, lửa trên trời sa xuống đốt đó, quý dưới âm phủ lên giết chóc đó, người còn sống không đủ ngồi giáp vòng gốc cây Nam Vô đó. Me ầu đi! Bây giờ mới thấy đó".

Tiếng kinh từ chùa Prey Veng nhỏ dần, vang xa, xoa dịu nỗi đau khổ nhân gian. Cỏ cây hoa lá động sừng sừng lấp lánh lẳng yên nghe kinh. Tiếng kinh trở lại đập dồn tròn trịa từng tiếng một dội vào tâm những người khôn khéo run rẩy dưới gốc Nam Vô, phá tan u mê, hăng nhắc như họ kiếp sống ngàn người vô thường, hợp rồi tan, tan rồi hợp, một vết mây trong bầu trời xanh kia, ánh trăng dưới bầu sen đó

"Buddham Saranam Gacchami
Dhammam Saranam Gacchami
Sangham Saranam Gacchami".

Vừa viết vừa khóc những người dân Miền chắt phác nhọc nhằn phải bỏ Sóc quê tôi ra đi năm 1977.

Chú thích :

Dao đầu : Loại dao dài khoảng 80cm, nặng, đầu cong như lưỡi hái, thân dao thẳng, có thể vừa móc và chặt.

Cáp : Chém, chặt.

Bầu sen : Hồ sen.

Ngôi xếp môn : Lối ngôi của Sư Sãi-Miền, ngôi một bên, 2 gối hướng về phía trước, chông song song lên nhau.

Thần Hậu : Thần khí, thường ở dưới mái chùa hai tay nâng đỡ mái.

Cây Nam Vô : Loại cây, giống cây Bồ Đề, lá không có đuôi như lá Bồ Đề.

Đọt còi gạo : Giã gạo bằng chày tay

Nóp : Loại túi ngủ đan bằng đệm, còi
• Kinh Miền chép, có một thời quý ma hiện làm người để hại người, lửa trên trời sa xuống, người còn sống rất ít, chưa đủ để ngồi giáp vòng cây Nam Vô.

Gần cuối niên học, con tôi bị mất cấp quyền tự điển Larousse. Những quyển sách cần dùng mỗi ngày ở lớp học, các học sinh phải để lại ở trường, mỗi học trò có 1 học tủ riêng để sách. Những quyển tự điển quá lớn quá dày nên con tôi phải để trên đầu tủ. Và một sáng kia nhìn đến thì không thấy nữa. Đứa bạn nào đó của nó đã cầm nhầm mất rồi!

Con tôi ngây thơ, sợ mẹ, không dám về nói cho mẹ biết, sợ bị mẹ la là con gái vô ý vô tứ. Quyển sách lại đặt tiền, niên học chỉ còn hai tháng là kết thúc, nên nó chịu đựng sự thiếu sách - chỉ dùng quyển tự điển bỏ túi.

Bắt đầu niên học mới, khi làm danh sách gọi đi mua sách, nó mới xin tôi mua thêm quyển Larousse giá 38 đồng và kể lại chuyện bị mất sách. Cô bé phen trần:

- Lúc đầu con tức mình quá. Định đi soát lại các học tủ của bạn. Nếu tìm không ra, con lấy đại quyển tự điển của đứa khác.

Tôi hỏi tiếp:

- Sao nghĩ vậy mà rồi con không đi ăn cắp?

- Tại vì con biết ăn cắp là bậy nhưng con bức mình lắm! Về nói mẹ thì mẹ rầy, mà không làm bậy thì không có sách học!

Câu chuyện làm tôi suy nghĩ rất nhiều. Quả là cuộc sống hằng ngày ảnh hưởng đến tâm hồn trẻ thơ thật dễ dàng! Nói gì trẻ thơ, thế giới người lớn cũng vậy. Đây rầy những xung đột tâm tư, những hành động trái ngược, những việc làm trái lòng... Những việc đó đến đến rồi loen, khổ đau, cô đơn mất tự chủ...

Buổi chiều, sau bữa cơm, tôi đem câu chuyện ra bàn tiếp. Mấy Bay cho ý kiến:

- Con đồng ý với mẹ là không nên ăn cắp, vì ăn cắp là tính xấu. Nhưng cũng ừ ảm thôi! Mẹ không thấy ừ sao? Bây giờ Quyển Quyển bị ăn cắp sách, nếu mẹ cho tiền mua sách mới là mẹ thiệt rồi, mẹ mất tiền. Nếu mẹ không cho tiền Quyển Quyển, Quyển sẽ không có sách học, sẽ thành dốt, đứng chót lớp, mẹ buồn. Sống mà cứ bị thiệt thòi mất mát hoài thì cũng nói diên luôn. Ăn cắp không tốt, OK, nhưng nói ăn cắp là có tội thì con không chịu. Người ta lấy của mình,

mình lấy lại của người khác... Thế là huế!

Tôi cười:

- Sao con không dùng chữ người ta "ăn cắp" của mình rồi mình ăn cắp của người khác, rồi người đó lại ăn cắp của kẻ khác nữa... Việc này tiếp diễn thành một chuỗi ăn cắp liên miên, bất tận không bao giờ hết. Con nít ăn cắp, người lớn ăn cắp, ông bà già ăn cắp... Điều này có đáng buồn cười và xấu hổ không? Mẹ gọi đó là "vòng luân hồi ăn cắp". Vì nó cứ

LÁ THƯ BẮC MỸ

VÒNG LUÂN HỒI

LÊ THỊ BẠCH NGÀ

trò đi trở lại hoài, không bao giờ dứt.

Mấy Bay cái:

- Nhưng biết làm sao? Mẹ có tiền, mẹ cho Quyển rồi mẹ nói vậy được, muốn nói gì thì nói, lỡ như không có tiền rồi sao? Ví dụ nhà mình nghèo, mẹ già, con nuôi mẹ. Mẹ đau không có tiền mua thuốc, không có thuốc thì chết. Con thương mẹ, muốn mẹ sống với con nên con đi ăn cắp lấy tiền về nuôi mẹ. Đó là xấu hay tốt? Đức Phật của mẹ dạy ra sao?

Câu chuyện đã đến hồi gay cấn. Cô bé 12 tuổi, nói năng còn dịu ngọt, còn nhẹ nhàng ôn hòa và tử tôn. Qua đến cô lớn 17 tuổi, đang bắt đầu vào đời và thấy mình đang hiện

diện trong đời nên thấy CÁI TA, CÁI CỦA TA là quan trọng. Cô ta bắt đầu va chạm với sự thực ở đời, và biết tranh đấu cho mình, dành phần thắng lợi về mình. Để cấp đến việc giục giàng phùng mang trốn mất, khoan chân múa tay, xì lông giường cạnh như con gà đá trên bãi chiến trường.

Tôi hỏi:

- Tại sao phải ăn cắp để có tiền? Có nhiều cách để làm ra tiền để sống chứ, ví dụ làm việc chẳng hạn... Mẹ học Phật, Phật dạy nhiều điều lắm, mỗi điều áp dụng cho một hoàn cảnh, một trường hợp trong đời sống hằng ngày. Nhưng tại sao chung những điều Phật dạy đều dẫn đến mục đích tôi hầu làm sao cho con người được sống an vui, không đau khổ và được giải thoát như Phật.

Bây giờ câu chuyện mất cấp quyền tự điển của Quyển Quyển có thể chia làm 2 phần:

1) Đối với mẹ: Nếu mẹ biết chuyện sớm thì mẹ sẽ cho Quyển Quyển tiền mua lại sách ngay để có học và biểu Quyển cất sách vào tủ áo (tủ này cao hơn, dùng để cất giày, botte, manteau, ... có thể khóa lại được) Mẹ mất tiền bây giờ hay mất tiền mấy tháng sau để cho Quyển có sách học thì cũng giống nhau, trước sau gì cũng phải tốn tiền. Nhưng sự mất tiền này mẹ không tiếc nếu đem so sánh với cái vòng ăn cắp lần quên nói trên. Đây là một hành động tốt, nên làm vì có hiệu năng làm dừng lại, làm dứt từng cái vòng xích ăn cắp xấu xa kia đi.

2) Đối với Quyển Quyển: Nếu Quyển nói với mẹ ngay thì Quyển tránh được cái khổ thiếu sách học. Quyển Quyển cũng tốt và có lý của em ở chỗ sợ bắt mẹ mua mà năm học cũng gần hết. Nhưng chuyện bức tức thì không nên, trái lại Quyển phải vui mừng mới phải: Vui mừng là vì ba mẹ có tiền để lo cho mình đầy đủ, hơn nữa mình lại không tham dự vào cái vòng xấu xa ăn cắp.

- Nhưng làm sao biết đó là một hành động nên làm hay không? Đó là một việc tốt hay xấu? Quyển xảy ra rồi, bây giờ mình ngồi bàn cãi, phê bình, phân tích. Như mẹ nói thì trong lúc đó làm sao mà biết việc này là tốt, việc kia là xấu? Thế nào là lợi, thế nào là hại?

- A, con làm mẹ nhớ ra chuyện

Phật dạy La Hưu La, con của Phật. Tuổi của La Hưu La lúc đó cũng ở độ tuổi của các con bây giờ mà thôi.

Dù Phật hỏi La Hưu La :

- La Hưu La, cái giường dùng để làm gì ?

- Dạ, để phân chiếu các hình ảnh

- Cũng thế đó, La Hưu La, trước khi hành động việc gì con phải xem xét, suy luận kỹ càng (giống như soi gương) :

* Bất luận điều gì con muốn làm, con phải suy nghĩ như thế này

Điều này có hại cho ta và cho kẻ khác, thì đó là một hành động xấu không nên làm. (Tôi thêm ví dụ Quyền Quyền bị ăn cắp, Quyền Quyền đau khổ nhưng nếu con ăn cắp của kẻ khác là làm cho kẻ khác đau khổ, phải không Vì thế không nên làm).

* Còn điều nào con muốn làm mà con suy nghĩ như thế này

Điều này có lợi cho ta và cho kẻ khác, hay có lợi cho ta mà không có hại cho kẻ khác, đó là một hành động tốt, đem lại hạnh phúc vì thế con nên làm và làm đi làm lại nhiều lần (1).

Mấy Bay cần nhớ :

- Đó là thuyết, nói trên lý thuyết. Phật dạy vậy, Chúa cũng dạy vậy, đạo nào cũng dạy không ăn cắp, không nói dối, thương người như thương mình, tử bi, bác ái, ... Nhưng mà gặp trường hợp như con nói hồi này đó, con ăn cắp lấy tiền mua thuốc cho mẹ, mẹ uống mẹ lành bình, mẹ sung sướng, con cũng sung sướng. Chỉ có người khác bị ăn cắp chút xíu, ... Chỉ không thì mẹ chết, con khóc hết nước mắt, khổ cả hai.

Con tôi có khuynh hướng học nghề luật sư, ra tòa cái lớn bình vực ăn cắp hay sao mà hôm nay nó lý sự khúc chiết, rằn đốn chặt chẽ, không sợ họ chút nào, lại còn chơi đùa tâm lý đánh vào cái sợ chết, tham sống của con người, ...

- Mẹ nói chưa xong. Đó là đọc sách Phật, nghe cái cách Phật dạy con Phật làm sao cho tốt giống Phật. Rồi mẹ kể cho tui bây giờ nghe cái thuyết générale (lý thuyết tổng quát). Còn mỗi việc, mỗi chuyện lại có thêm những yếu tố khác giúp vào để soi gương cho rõ. Ví dụ cái giường để trong tối, đen thui thì có đèn kỹ cũng không thấy mặt, hay chỉ thấy lò mờ... Nhưng nếu bật đèn lên thì thấy rõ ràng ngay. Vậy thì

mẹ bật đèn lên cho con coi. Ánh sáng này là sự thuyết giảng của quý Thầy mang đến cho mẹ hiểu biết chính xác.

1) Một việc tốt cho mình và cho người BÂY GIỜ VÀ MAI SAU là 1 việc nên làm, và làm đi làm lại nhiều lần

2) Một việc không tốt cho mình bây giờ, nhưng tốt cho mình và người khác MAI SAU cũng là một việc tốt nên làm, phải làm (vì có kết quả rất rạo tốt).

3) Một việc tốt cho mình mà không tốt cho người khác, làm hại đến người khác BÂY GIỜ VÀ MAI SAU thì dù tốt cho mình cách mấy cũng không nên làm.

4) Một việc không tốt cho mình, cũng không tốt cho người, BÂY GIỜ VÀ MAI SAU thì càng không nên làm (vì ai cũng thương thân mình, nếu hại mình thì họ làm để làm chi ??)

- Mẹ đỡ các con, vụ Quyền Quyền không ăn cắp là thuộc về trường hợp nào ?

- Để quá! Quyền Quyền nằm trong "CAS No 2" chứ gì ! Nhưng con muốn hỏi vụ con đi ăn cắp mua thuốc cho mẹ nằm trong trường hợp nào ?

- Để quá, tôi cần, Mấy Bay nằm trong "CAS No 3 et 4"!

Hai đứa cùng xoa tay, nhao nhao lên tiếng phản đối :

- Hoặc "cas No 3" hoặc "cas No 4" chứ mẹ nói gì lộn xộn, "cas No 3 et 4" là không được, là lừng lờ con cả vâng... là Indecis (nguyên văn câu nói 1/2 tây 1/2 việt như vậy đó chán quá!)

Tôi giải thích :

- Mấy Bay ăn cắp để có tiền cứu mẹ là tốt cho mình mà không tốt cho kẻ bị ăn cắp, vậy là No 3, đúng chưa? (không nên làm)

- OK! OK!

- Nhưng con đừng tưởng bỏ, mới nghe được tiền, có thuốc cứu mẹ thì tưởng tốt cho mình bây giờ. Lỡ ra Mấy Bay ăn cắp bị bắt bỏ tù thì còn ai nuôi mẹ, ai săn sóc mẹ đâu, rồi mẹ chết thì nguy quá. Nên chuyện Mấy Bay tưởng tốt cho mình hóa ra hại mình vào tù, hại mẹ buồn phiền đau chết thì không phải cas 4 là gì? Nói chỉ đến việc hai mình, hai người lấy của người khác thì quả là không nên làm.

Tôi kể 10 chuyện, các con tôi chúng nó không thèm nghe lấy 1/2

chuyện. Chúng chê mẹ nói cả ngày kể ra một tí là mẹ giảng đạo đức, giảng luân lý, là đem Phật ra, ... nói toàn những điều rặc rối, không ai hiểu nổi... Phải chi mình tui nhỏ chột tui mà thôi! Ông chồng tui cũng gán cho tui cái biệt hiệu "máy nói", "nói hoài không biết mỗi miệng!!!".

Nhưng tôi không nói thì ai nói cho con tôi nghe? Để cho các con tôi biết cái gì là nên làm, cái gì là không nên làm. Tôi là mẹ, tôi không dạy con chờ ai dạy thế cho tôi đây? Nhưng nào có phải tôi nói cho con tôi nghe mà thôi đâu? Tôi nói cho tui đó chứ! Có một lúc nào đó trong cuộc sống, mình tự đặt cho mình câu hỏi : Sống để làm gì? Tại sao mình hiện diện trong cõi đời này? Cuộc sống có ý nghĩa gì, có một mục đích tối thượng nào không? Đời sống quả là rặc rối, vui ít khổ nhiều. Mình sống vất vả, lắc lư giữa giông đời. Mình có một hy vọng nào, một phương cách gì để không bị đắm chìm vào những sóng động sống gió, phiền não của sống đời rồi loen mịt mà này không? Có giải thoát được không? Hay cuộc đời chỉ là những vòng luân hồi lộn tời lộn lui, xây qua xây lại mà không thoát ra được. Ví dụ cái vòng luân hồi ăn cắp của các con tôi, cái vòng luân hồi công danh sự nghiệp của chúng tôi, cái vòng luân hồi sanh già bệnh chết của thế nhân... Mỗi người có 1 vòng luân hồi riêng. Những vòng luân hồi riêng rẽ đó (tôi gọi là tự nghiệp) kết hợp với những vòng luân hồi của kẻ khác, và những vòng luân hồi của gia đình, của đại gia đình nội ngoại, của tổ chức, của cộng đồng, của xã hội, của quốc gia của thế giới, ... (tôi gọi đó là công nghiệp) tạo ra một mạng lưới luân hồi chặt chẽ, chằng chịt khó thoát.

Nhìn chung chung thì thấy mạng lưới dày quá, chặt chẽ quá, mờ mịt quá, ...

Nhưng học Phật để làm gì? Để giải thoát ra khỏi cái mạng lưới, ra khỏi cái vòng lẩn quẩn luân hồi trôi nổi đó chứ gì? Nếu từ cái vòng lẩn quẩn ăn cắp của các con tôi, mà tôi chặt đứt ra được thì những vòng luân hồi khác (cùng một cơ cấu giống hệt nhau và giống vòng luân hồi ăn cắp) tôi có cắt đứt, phá tung ra được không? Đó là vấn đề thời gian,

chỉ có thời gian mới có thể trả lời
Và vậy, tôi học Phật mà tôi vui
nhìn con mà tôi vui, nhìn cuộc đời,
nhìn mỗi sự việc xảy ra trong đời
sống hàng ngày mà tôi vui vì tôi
nhìn ra bóng dáng của Pháp Thân Phật
của Phật Pháp. Cuộc sống tâm thường
hàng ngày của tôi, của gia đình tôi
là cơ hội để tôi làm hiện hiện cái
giáo pháp tôi học được từ Phật, từ
Pháp, từ Tăng.

Vậy học Phật có gì là không phải
đâu ?

Học mà thấy an lạc, thấy vui,
thấy muốn tiếp tục. Tiếp tục được
là đi đúng đường rồi đó. Chúng tôi
cũng đồng ý với tôi về cái điểm sơ
đẳng Thầy dạy hôm nọ. Nhưng chúng
tôi khát khe, khó khăn hơn Thầy tôi
nhiều. Ông nghi nan còn hơn Tào Hảo
một bậc :

- Oi, đàn bà dễ tin. Nghe ai nói
gì tin đó, tin một cách dễ dàng, le
lùng không cần suy nghĩ, chỉ cần gạt
gạt, hoan hỉ, vui vẻ mà tin... Trong
vụ này không có tôi rồi đó...
Ồ! nghe cái giọng khó chịu, nghi
nan của chúng mà tôi buồn cười. Tôi
tin chứ có bắt người tin đâu mà kể
lẽ.

Có Phật (đấng đạo sư)

Có Pháp (giáo pháp Phật để lại
trong tam tạng kinh điển)

Có Tăng (các thầy tổ sẵn sàng
giảng dạy, tỏ bày yếu nghĩa kinh,
luật...)

Thứ cứ theo đó mà học đi. Hãy
tin mình là chuyện trước hết : tin
là chỉ có mình mới có thể giải thoát
lấy cho mình. Còn chuyện người khác
nói, ai bắt tin ?

Phật dạy có 4 nguyên tắc để học
Phật còn gọi là 4 điều tham chiếu
lớn. Tôi xin tóm tắt như sau, lấy ý
trong quyển Đức Phật và Phật Pháp
của ông Phạm Kim Khánh dịch trang
255)

* Điều tham chiếu lớn thứ nhất :

Khi nghe một vị tỷ kheo nói :
Chính tôi nghe Đức Phật, đấng Thế
Tôn giảng như vậy, như vậy... đây là
những điều Phật dạy... Những lời ấy
không nên chấp nhận cũng không nên
gác bỏ ngoài tai.

Không chấp nhận, không gác bỏ
mà phải nghiên cứu tường tận, từng
chữ, từng tiếng rồi đối chiếu, so
sánh với những bài kinh, những giới
luật. Sau khi so sánh kỹ càng, nếu
thấy rằng những điều vị tỷ kheo nói

trên không phù hợp với kinh luật
thì có thể kết luận rằng đây chắc
chắn là không phải Phật ngôn. Vị tỷ
kheo đó đã hiểu sai, và mình phải
loại bỏ những điều ấy.

Nếu khi so sánh và đối chiếu,
những lời ấy phù hợp với kinh và
nhất trí với luật, mình có thể kết
luận rằng : Chắc chắn đây là Phật
ngôn, vị tỷ kheo đã hiểu đúng.

* Điều tham chiếu lớn thứ 2,
3, 4 cũng như vậy. Dù cho vị tỷ
kheo kia nói chính ông nghe những
vị tôn sư nói và tuyên bố, hay những
vị cao tăng có tiếng tăm nói với
ông, hay một vị thầy đáng kính,
thông suốt, học rộng, đáng trọng,
đáng tin tuyên bố thì cũng không nên
chấp thuận hay bác bỏ, mà nghiên
cứu từng chữ, từng câu, so sánh như
trên và tự mình đi đến kết luận.

Nếu mình học Phật, đã học được
phương pháp phá nghi như trên thì
khi có một việc xảy đến, nghe một
điều gì lạ lùng đi nữa, có cần gì
mà nói nghi với không nghi? Tin với
chẳng tin?

Tôi chẳng thông minh trí tuệ
bằng chúng tôi, nhưng tôi không
nghi nan, bởi lẽ tôi biết dù tôi có
nghi gì đi nữa, đem hỏi thầy, dù
thầy có thương tình, từ bi giảng
giải cách mấy đi nữa, nếu không hợp
với mức trí tuệ trí tuệ giới hạn
nhỏ bé của tôi thì tôi cũng hiểu
không nổi. Sức tiêu học như tôi làm
sao mà hiểu cho vô bài giảng đại số
của trung học, nói cui đến việc
giải phương trình không gian 4 chiều
của Einstein... Nhưng người ngu có
cách giải thoát của người ngu, kẻ
trí có cách giải thoát của kẻ trí.
Gây nhau chỉ cho mất công, nhọc sức
tốn calorie, hao năng lượng. Chúng
tôi cũng chán cãi nhau với đàn
bà con nít, không thêm phê bình, sửa
sai, đem ra than vãn :

- Oi, cuộc đời tôi sao đau đớn
khó sở như vậy? Bỏ cha bỏ mẹ, bỏ quê
hương theo vợ mà làm đến "điên" (Ca-
nadien). Không muốn trở thành điên
điên khùng khùng mẹ mẹ, tỉnh tỉnh
vào nhà thường năm, nên rủ nhau
kiếm đường giải thoát, học Phật. Ai
ngờ cùng nhau tìm thầy học đạo, mà
mình tu Thiền thì vợ tu Tịnh độ,
mình tụng giới thì vợ tụng kinh, như
mình nói trời thì vợ nói đất, mình
xúi thì vợ ngược... Oi sao tôi có

đơn, bỏ vợ khôn khổ thế này ???

Tôi là cái máy nói! Đành đành!
Nhưng bỏ chồng tôi là cái máy nghe
nửa sao! Có tai để nghe! Đành rồi!
Có người nói hay máy nói thì phải
nghe! Đành rồi! Nhưng học Phật mà 4
điều tham chiếu lớn của Phật dạy,
trước khi vào trường học Phật để
quên đâu mất rồi? Sao không đem ra
mà hành ?

Nghi chuyện đời cũng lạ lùng và
mức cười !

• Con tôi, tôi nói dài dài mà
chúng đều có thêm bỏ vào tai. Lại
còn chế mẹ nói này nói nọ nghe khệ
võ, hiểu không nổi...

• Chúng tôi, tôi nói thì nghe
tuốt, không bỏ một câu, không sót
một chữ. Nghe xong đem ra phê bình,
chỉ trích, đánh giá...

Thôi thì tôi nói một mình, đừng ta
ta cứ đi, nhà ta ta cứ xây, ruộng
ta ta cứ cày, giáo pháp của Phật,
thầy dạy ta, ta cứ học... đời ngày..

Chúng tôi đọc đến đây chắc giận
lắm. Nhưng không sao, tôi đã photo-
copie bài kinh "người biết sống một
mình" và đặt sẵn dưới bình hoa
trong phòng thiền. Phòng thiền này
chúng tôi đặt là "PHÒNG THO" vì khi
vào đó thì chỉ làm một việc :

Thở vào tâm tĩnh lặng

Thở ra miệng mỉm cười

Thở ra hít vô như vậy, và thở
trong tĩnh lặng thì có chỗ đâu cho
ồn ào, động loạn, rối rắm... Việc
mỉm miệng cười thì làm sao mà mếu
mếu, cau có, giận dữ, nhăn mặt,
chau mày... Ít nhất chúng tôi cùng
có chung một tâm thân. Trong tâm
thân này chúng tôi đang cùng nuôi
dưỡng Pháp thân và Phật thân ! Nói
cách khác, tôi đang trang nghiêm
quốc độ ta bà ! Trang nghiêm là làm
cho đẹp, vắng tại sao không ???

LÊ THỊ BẠCH NGÀ

(1) Đức Phật và La Hưu La
Phạm Kim Khánh dịch trong ĐỨC
PHẬT và PHẬT PHÁP
Chùa Pháp Vân (USA)

(tiếp theo)

Càng gần ngày Tết chúng tôi càng đói khát nhiều hơn, vì số gạo đem đi đổi lấy nếp bị trừ trong tiêu chuẩn ăn hàng ngày của chúng tôi. Lao động thì tăng, khẩu phần ăn thì giảm; do đó sức khỏe bị sa sút trầm trọng.

Lại có tin của trưởng trại là Tết này được đi về Nam ăn Tết, thường ủy chánh trị viên người Bắc lên tam thay thế. Hân nói tiếng hắc búa, cầm thù chúng tôi. Mỗi câu nói của hân là mỗi lời đe dọa hân học; hân cho chúng tôi là đối tượng dễ hân trả thù. Trưởng trại là người miền Nam tập kết ra Bắc sau hiệp định Genève 1954; hân quê ở Biên Hòa ít nói, ít bày vẽ hơn Chánh trị viên. Không biết sau khi ăn Tết xong hân có trở ra Bắc không? Đi học tập hay nói theo đúng nghĩa là đi ở tù mà gặp người trại trưởng nào để để một chút thì cũng đỡ khổ. Mỗi thay đổi nhỏ nào từ ban quản lý đến người bộ đội đều có ảnh hưởng đến cuộc đời tù tội của chúng tôi.

Sự lo âu không phải là không có lý. Trước đó mỗi ngày đội đi lấy củi về nấu ăn thì mỗi buổi sáng, buổi chiều mỗi người đi lên núi chặt một cây củi đường kính trên 2 tấc, dài khoảng 5 thước, hoặc một bó củi vụn khoảng 15kg đem về giao cho nhà bếp là được.

Và mỗi thay trưởng trại, hân ra lệnh là mỗi anh đi chặt củi mỗi buổi phải vác một cây củi từ 25kg trở lên. Ai vác củi về, trước khi vào cổng trại phải đem củi cân. Trước cổng trại có treo một cái cân một người bộ đội và một anh đội trưởng trực (anh này cũng là cải tạo viên) cân từng khúc củi. Mỗi người vác mấy kí được ghi vào sổ. Nếu ít buổi sáng thì chiều vác bù cho đủ mỗi ngày 50kg. Còn không đủ tối bị kiểm thảo, phê bình. Nhưng cứ tiếp tục thiếu hoài thì bị trừ khẩu phần ăn. Anh em chơi với, mấy người còn trẻ đơ vặt và một chút vì dù sao cũng còn một ít sức lực. Còn mấy người lớn tuổi thì ôi thôi! Khó! Khó! Khó! Đi lên núi cách xa trại 3-4 cây số, đường dốc, đường đèo, chặt được một bó củi trên 25kg vác về trại đầu phải chụm đế. Một ngày, hai ngày thì còn cố gắng, chỗ vô hạn

Hồi ký

TÔI ĐI HỌC TẬP CÁI TẠO

TÍCH CỐC



đình thì buồn rầu và chán nản làm sao! Nhìn những thân hình tiêu tụy, thiếu ăn thiếu mặc của mấy anh thiếu tá, Trung tá lớn tuổi vác một khúc hoặc bó củi nặng quặn vai đi trên dốc núi, chân run rẩy mà đau lòng và tủi nhục. Đây có phải là công hay biết nghiệp? Nhưng dù công hay biết nghiệp chúng tôi những tù nhân cải tạo cũng đã trả một cái giá quá đắt, bẽ mặt, xương, nước mắt và cả tánh mạng.

Một hôm vào khoảng 11 giờ, một hung tin đến với chúng tôi là anh Đại ủy Sết ở Tiểu khu Vĩnh Long đi đốn củi trên núi bị cây ngã trúng đầu bất tỉnh, có lẽ anh không thể sống được vì máu chảy rì rì ở lỗ tai, lỗ mũi và miệng. Ở trên núi rừng thường du Bắc Việt cây cối mọc lâu đời, có nơi cả trăm năm không ai vãng lai. Những cây này rừng to bằng cùm tay bện vào nhau chân chít trên ngọn cây, vì vậy mà khi đốn đứt gốc khúc 3-4 cây may ra có một cây ngã xuống đất, còn mấy cây kia ngã nghiêng qua một bên mà thôi vì trên ngọn có lá, các giây leo, giây mây rừng giữ lại. Mấy hôm trước có những toán đi đốn cây tại đây, có những cây không ngã còn dính trên ngọn. Mấy ngày sau lá nó héo lằn; hôm đó anh Sết cũng đến đây tìm gỗ đốn. Lúc một vô tình anh ngồi dưới một gốc cây nghỉ, gió thổi, cây bị chặt mấy ngày trước lung lay, tuột lá ngã đập ngay trên đầu anh Sết, anh bất tỉnh ngay tại chỗ. Cả một không gian rộng lớn, một cái cây đường kính không quá 3 tấc, nó không ngã chỗ nào khác mà nhắm ngay cái đầu bé nhỏ của anh Sết đập xuống. Định mệnh đã an bài! Quả thật con

người có số! Dù ai không tin nhưng ở trong hoàn cảnh này cũng không thể phủ nhận được. Các bạn khiêng anh về trại, anh vẫn bất tỉnh. Đến xế chiều thì anh chết mang theo bao nhiêu điều uất hận. Anh là người chết đầu tiên tại trại chúng tôi. Ben mộc đóng cho anh một quan tài. Hôm sau xác anh được đem chôn trên một sườn đồi, không kèn, không trống không nhang đèn, không họ hàng thân thuộc tiến chùa vào một buổi sáng mà phần âm đem giữa núi rừng thường du Bắc Việt trong sự thờng nhớ, tủi nhục và căm hờn của chúng tôi. Lại thêm một đứa con thân yêu đã âm thầm trả xong ơn Tổ Quốc. Sau anh Sết sẽ đến lượt ai? Câu hỏi này được mỗi một trong chúng tôi tự đặt ra và câu trả lời "là sẽ còn dài dài!"

Nỗi buồn của một người bạn tù chết rồi cũng người dân theo kiếp sống tù tội sáng khoai chiều bắp của chúng tôi vì phải lo chuẩn bị Tết, nào văn nghệ mừng xuân, thì đua lao động vượt chỉ tiêu, lấy lá dong về gói bánh chưng v.v...

Đội canh tác thì tăng gia trồng trọt nào rau dền, rau mồng, xu hào, cải bắp v.v... Hột rau dền và rau mồng thì chúng tôi đem theo từ miền Nam, còn xu hào và cải bắp thì ban quản lý cho bộ đội đi về miền xuôi mua con giống đem về cho chúng tôi trồng. Đội Trưởng là Trung tá Triều thuộc binh chủng Công Binh. Anh bị bệnh suyễn kinh niên, hơi thở của anh lúc nào cũng nghe khò khè, thân hình ốm nhom mà hàng ngày 8 tiếng vớt phải gánh trên vai 2 thùng nước loại 40kg đi tưới rau. Gặp tôi lần nào anh cũng than :

"Anh P. ơi, có lẽ tôi sẽ bỏ xác tại rừng núi âm u này quá! Xà Tích Cốc là mồ chôn của tôi. Không biết giờ này vợ con tôi ra sao!"

"Còn nước còn tát anh Triều à! Tôi chỉ biết khuyên anh hãy cố gắng thôi chớ làm sao bây giờ!"

Trồng rau cải lấy gì bón: lấy phân người bón. Đứng là cái vòng lẩn quẩn: từ ăn rau, đi tiêu ra phân, lấy phân bón rau, rau tốt cắt cho từ ăn, ăn xong đi tiêu v.v. và v.v. Cứ như thế thì giam tù có tôn kềm gì cho đặng và nhà nước đâu, giam bao lâu không được! Cũng vì ăn uống thiếu vệ sinh như thế mà hầu hết chúng tôi đều bị bệnh về đường ruột.

Trước khi chúng tôi đến diadiêm này thì dân địa phương chỉ biết trồng cải mà thôi. Cách thức canh tác rất thô sơ. Họ dọn cây cỏ bên sườn đồi, rồi rải đại bột cải lên đó. Khoảng 20 ngày sau cải mọc, họ nhổ ăn. Do đó cây cải ốm nhom và sự thâm hoạch rất kém. Khi chúng tôi đến ở, bắt đầu trồng đủ loại rau cải. Tôi nào cũng bị mất trộm, nào xu hào cải bắp v.v...Mới đầu chúng tôi tưởng người lấy là trong số anh em chúng tôi. Nhưng một hôm bộ đội bắt được mấy người dân địa phương vào nhà trộm. Dù Ban quản lý cho rào chung quanh khu vực canh tác, nhưng cũng bị các "đồng chí" phá rào vào mọn dùng tạm. Có lẽ các "đồng chí" này áp dụng theo chế độ xã hội chủ nghĩa dưới triều đại họ Hồ chăng? Nhân dân làm chủ mà! dù không phải của chính mình. Nhưng đừng tưởng bỏ các anh bạn ơi! Nhân dân làm chủ, nhưng nhà nước quản lý đó. Làm chủ sản xuất được bao nhiêu là phải nộp cho nhà nước quản lý bấy nhiêu. Nên các người anh em không thêm sản xuất nữa mà đợi để chúng tôi trồng được rau cải nào ngon, loại rau cao cấp như xu hào, rau thơm,... thì nhổ trộm dùng chơi.

Ban mọc và rèn vất vả cũng không kém. Gần Tết mấy Sĩ quan quân giáo lần lượt đi về phép thăm vợ con, người nào cũng muốn có một món quà cho vợ, nhưng tiền thì không có, họ bắt các anh thợ mộc làm cho mỗi người một cái rương (người Hắc gọi là hòm). Thợ rèn làm bàn lê và khóa. Khi đi phép mỗi người vác một cái rương về tặng vợ gọi là món quà đầu Xuân do Sĩ quan "Ngụy" làm. Tôi không

biết họ lãnh lương được bao nhiêu, nhưng trông thấy người nào cũng thiếu thốn cả. Thống nhất đất nước rồi, miền Nam giàu lắm mà. Tất cả tiền bạc đều tập trung vào ngân hàng nhà nước, nhưng tại sao lại để các người là những trụ cột chống đỡ chế độ thiếu thốn như vậy? Rất dễ hiểu vì tiền bạc dùng để mua súng đạn hầu tiến hành công bình trường xam lược và bá quyền ở Lào và Campuchia. Các người chỉ và sẽ là những con thiếu thân làm bia đỡ đạn ở hai chiến trường này trong một tương lai gần đây.

Hôm nay là 28 Tết, tổ nhà bếp phải tập trung nhân lực để gói trên 1000 cái bánh chưng; mỗi cái khi gói xong cân khoảng 200gam. Hồi lâu ngày, nghe nói gói bánh chưng anh nào đi ngang nhà bếp cũng tạt qua xem cái bánh chưng nó to, nhỏ như thế nào? Khi gói xong bộ đội hậu cần đem giao cho tôi nấu, khi chín phải giao lại cho hậu cần để chiêu 30 Tết phát.

Theo lệnh của hậu cần thì kể từ chiều 30 Tết đến hết ngày mùng 2 là ăn cơm trắng không có độn; sau Tết sẽ trừ lại. Nhưng mỗi bữa ăn, mỗi người chỉ được có một chén. Ngoài ra còn có thêm 2 cái bánh chưng. Viết ra đây thì có người cười, chứ thật lúc đó với sự đói và thèm của tôi, tôi có thể ăn một lúc 6 hoặc 7 cái như không. Thức ăn thì được tăng cường rau, cải, thịt bò, thịt heo. Mỗi bữa ăn mỗi người được một cục thịt bằng ngón tay cái và vài miếng lòng bò hoặc heo.

Đây là chương trình sinh hoạt trong 3 ngày Tết:

- * Chiều 30 Tết: Nghỉ, dọn dẹp trại, tắm giặt v.v...
- * Mừng một: Nghỉ, tranh bóng - chuyên, bóng bàn giữa các đội, Múa lân. Tối thì đua văn nghệ.
- * Mừng hai: Như mừng một.
- * Mừng ba - Đuôi sáng: Trồng cây nhớ ơn "Hắc".

Buổi chiều: Lao động trong trại, sửa soạn và chuẩn bị dụng cụ để mùng 4 Tết ra quân

Tết này đoàn múa lân ăn khách và no đủ nhất. Từ trước tới giờ ở cái miền thường du trâu đeo mỏ, chó leo

thang này làm gì có múa lân. Sau khi múa cho Ban quản lý và cho anh em cái tạo viên trong trại xem, đoàn lân được phép đi ra ngoài trại múa tại các ban làng cho đồng bào thường xem. Đi tới đâu trẻ em đi theo tới đó, hò reo inh ỏi. Nhà nào cũng cho nào bánh Tết, đường mật và cả tiền nữa. Nhưng Ban quản lý không cho lấy tiền mà chỉ được lấy thức ăn thôi. Được bao nhiêu anh em đem về chia đều cho cả trại cùng ăn.

Ba ngày Tết đã trôi qua, anh em các đội khác được nghỉ xả hơi, còn tổ nhà bếp thì vất vả đầu tắt mặt tối suốt ngày, mặc dù thức ăn ít. Gia vị không có nhưng chúng tôi cũng cố gắng biến chế các món ăn không ngon nhưng cũng tạm dùng được để khỏi phụ lòng tin cậy của anh em.

Ra giêng trời càng ngày càng lạnh. 8-9 giờ sáng mà khí thiêng rừng núi xông lên dày đặc, đường cách xa vài thước không thấy người. Trại nằm dưới một tầng lũng, đứng trên đồi trông xuống chỉ thấy một lớp sương mù bao phủ, ẩn hiện những thân hình tiêu tụy ăn mặc người không ra người trông thật là thảm thương.

Một hôm vào khoảng 13 giờ chiều bộ đội hậu cần gọi tổ nhà bếp cho người đi làm thịt trâu.

- Chả lại ăn thịt trâu, hồ hởi quá vậy! Anh Nhiên nói. Tôi, anh Kim, anh Nhiên cầm dao đi theo bộ đội. Leo lên đồi và lội qua hai đầm ruộng tôi thấy con trâu già ốm nhom ốm nhách nằm ngay ở trên ruộng còn mang cái cây. Anh nằng nằng thì ngồi trên bờ ruộng trông có vẻ buồn rầu và uể oải lắm. Tôi thấy con trâu còn thoi thóp thở, anh em xim lại vừa tháo được cái cây ra thì con trâu cũng vừa thở hơi cuối cùng. Hồi ra mới biết con trâu này của họ tác xã nuôi, do xã viên xử dụng. Hôm nay trời lạnh quá, trâu thì già lại thiếu ăn nên cây không nổi, mà anh xã viên thì sợ không đạt chỉ tiêu ăn định trong ngày, cuối tháng cộng không đủ điểm sẽ bị trừ khẩu phần lương thực thì vợ con anh sẽ đói, do đó anh ép con trâu quá nên nó kiệt sức ngã lăn ra bất đến chế độ. Thật tội nghiệp cho con trâu, chúng may sống dưới chế độ Xã hội Chủ nghĩa bị nuôi trong hợp tác xã, cha chúng không ai khóc, thiếu ăn thiếu uống đã phục vụ cho Hắc và Đàng tử hời

còn tơ đến già cũng không được tha. Xả viên nào xử dụng nó cũng mất đi chỉ tiêu. Lần hồi nó kiệt sức và cuối cùng ngã ra chết đứng theo chính sách vật chành bỏ vô của chế độ. Không sao, trâu chết thì có người thay thế. Người cày thay trâu là chuyện thông thường ở miền Bắc Xếp Hàng Cả Ngày. Dân lao động ngoài Bắc lần trong Nam còn quá nhiều không có gì phải thắc mắc cả !

Sau Tết anh em đôi dài dài vì bị trừ khấu phần gạo đem đổi lấy nếp gói bánh chưng và ăn cơm không có độn trong mấy ngày. Do đó anh em tìm mọi cách đổi chác với dân địa phương để có sống được ngày nào hay ngày đó. Trong đội tôi có anh T. ở trong ban làm than, hàng ngày anh và hai người bạn được tự do đi lên rừng đốn cây để đốt than, không có bộ đội đi theo. Ở tù mà đi lao động không có bộ đội đi theo được gọi là tự giác. Ai được xếp vào thành phần tự giác thì sướng nhất đời, dù lao động có cực nhọc mấy đi nữa cũng vui. Vì đi một mình ra ngoài thì hồ sơ mà quan hệ với dân địa phương. Sĩ quan Quân đội VNCH hào hoa phong nhã lắm có tài thao lược ngoài chiến trường mà cũng có tài ăn nói và thuyết phục nữa. Mỏi ra Bắc, dân địa phương nhìn thấy chúng tôi thì lấm lét, nhưng một thời gian sau càng gần họ càng thương và mến. Nghe nói, vì không ai dám tiết lộ, là có một anh đã làm quen và bắt bố được với một cô người Tây. Cô này mỗi anh ăn uống no đủ nhưng một thời gian sau anh bị đột ngột chuyển trại làm anh em chúng tôi càng tin câu chuyện này có thật. Trở lại chuyện anh T. anh lên đồi với dân địa phương một cà rá vàng mà chỉ lấy có một chai mật mía, hai đòn bánh tét và khoảng 200g. muối. Chúng tôi thấy anh đem về dấu ở trên gác, nhưng ai cũng làm lơ vì có một ngày nào đó cũng sẽ đến lượt chúng tôi làm như vậy.

Không biết Ban quản trị có biết không mà một hôm họ bắt thân ra lệnh kiểm tra đồ đạc và bắt gởi vào kho tất cả quần áo dân sự kể cả đồng hồ và cà rá. Trong đợt kiểm tra này bộ đội thấy được chai mật mía của anh T. Dầu không lọt, anh bị đòi lên ban chỉ huy mấy lần, làm bản tự khai mấy lượt, nhưng rồi cũng êm vì trong trại duy nhất chỉ có một mình anh biết xây lò than và đốt than. Nhiều

lần bộ đội bảo anh chỉ, không biết anh chỉ làm sao mà mấy lần bộ đội thực hành than đều bị sổng, do đó anh làm vua một cõi. Thật là nhất nghệ tinh, nhất thân vinh !

Vào khoảng cuối tháng 2/1977, Ban quản lý trại cấp phát cho chúng tôi mỗi người 2 cái mền màu đỏ của Trung Cộng, 1 cái áo trấn thủ phía trong có lót bông gòn (áo trấn thủ như loại áo Pullover, nhưng gài nút ở trước ngực) và một bộ ba ba màu xanh xám, cái áo phía sau lưng ở giữa có may một miếng vải trắng bề ngang 1 tấc từ trên cổ xuống dưới lại, cái quần thì may hai lần cũng bằng vải trắng hai bên ngoài ống từ lưng quần xuống chân. Quần áo ba ba thì còn đóng trong thùng mới nguyên khi khai ra tôi thấy một miếng giấy có chữ tàu và chữ viết. Chữ tàu thì tôi không biết, nhưng chữ viết thì viết "Tù Đổng Á" chúng tôi suy luận mãi, có lẽ là Cộng Sản Bắc Việt đang giam giữ nhiều loại tù như Đại Hàn, Lào, Miên, Việt Nam v.v... nên chúng nó mới để tù Đổng Á. Còn tù Mỹ, Pháp Đức v.v... là "Tù Tây Âu" chẳng? Vì bộ quần áo ba ba của tù Mỹ thì màu nâu có sọc đỏ xám.

Đặt chân lên miền Bắc Xã Hội Chủ Nghĩa đã trên 8 tháng rồi, một người đã hy sinh và bao nhiêu người thân tàn ma dại vì ăn không đủ no, đói không đủ chết, ngày lao động vất vả và nhọc nhằn, tối ngủ không an giấc. Năm canh tôi có Trung tá hàng ham trường chiếc tuần dương ham số 1 (Wake I) đêm đêm anh hay nằm mơ và la to "Đàn em tôi không đi, tôi cũng không đi" làm cả lán giật mình thức dậy. Lần lần tôi hỏi xem anh tại sao mà nằm mơ la như vậy. Anh mới tâm tình :

- Trước 30.4.75 tôi làm Commandant (ham trưởng) chiếc Wake I, tàu đang đậu tại Bộ tư lệnh Hải quân. Theo một lệnh của Đệ đốc Chung Tấn Cang và Phó Đệ đốc Tân thì chiếc tàu này dành để di tản cấp Tá và cấp Tướng của binh chủng Hải quân và cấp Tướng của các binh chủng khác. Trên tàu đã có cả trăm thầy lái đoàn và Sĩ quan, Hạ sĩ quan và Binh sĩ, nếu di tản họ sẽ mang theo vợ con đi luôn. Nhưng cấp trên không bằng lòng vì sẽ quá đông không đủ chỗ. Tôi trả lời là nếu không cho gia đình họ đi theo thì tôi sẽ không

đi và tôi xách gói lên bờ để bị đi học tập và đói khổ như ngày hôm nay lần nào nhận được thư vợ tôi, bà cũng cần nhân tôi quá xá! Tôi chán lắm rồi anh ơi !

Tôi vừa nói vừa cười để đồng viên tinh thần anh.

"Tôi mình ở lại nếu may ra lật ngược được thế cờ, giữ vững được miền Nam không rơi vào tay Cộng Sản anh lên tướng thì anh nghĩ sao? Có lột lon này cha nội đào ngũ bỏ chạy trước không? Thôi chuyện đã lỡ rồi, ai biết được ngày mai sẽ ra sao. Anh nên quên đi dĩ vãng, hãy sống cho hiện tại và tương lai. Nếu anh còn bị khủng hoảng tinh thần mãi thì về lâu về dài tôi sợ anh không đủ sức. .."

Câu chuyện đến đây chấm dứt vì mây hồng vừa đánh thức báo hiệu thêm một ngày lao động khổ sai bất tận...

(còn tiếp)





Vườn Thơ Viên Giác

**Người
Làm Vườn**

Vườn Thơ VIÊN GIÁC ra mắt bạn đọc trong khuôn khổ cải tiến của báo, nhân dịp đầu Xuân năm nay.

Người Làm Vườn được Thầy Chủ Nhiệm và Bộ Biên Tập ủy nhiệm trọng trách giữ vườn, làm nhịp cầu liên lạc giữa các thi hữu và tờ báo, xin kính gửi đến quý Đạo Hữu và quý vị Độc Giả lời chào văn nghệ để phục vụ Đạo pháp và Dân tộc.

Đây là nơi tụ hội của các thi hữu bốn phương, nơi gặp gỡ của các tài năng văn nghệ, là mảnh đất gieo trồng và vun xới tình cảm. Sự thịnh suy của Phật giáo gắn liền với sự nổi chìm của vận mạng dân tộc. Vì vậy, tình cảm của Phật giáo chính là tình cảm Việt Nam. Và ngược lại, tình cảm Việt Nam đều nhuộm màu sắc Phật giáo. Do đó, chủ trương của VIÊN GIÁC là "Đạo đi vào Đời".

Ngày nay, quê hương ta bị chìm đắm dưới sự cai trị thô bạo của Công Sản, dân tộc ta điêu linh thống khổ trăm đường thì cũng là mùa "đại Pháp nạn" của Phật giáo. Dân tộc thế nào, Phật giáo thế này. Gấu nguy cho đất nước, cho dân tộc cũng chính là cứu nguy cho Đạo pháp. Bởi vậy, mặc dầu số trang hạn hẹp VIÊN GIÁC ngoài phần căn bản về giáo lý của 1 tờ báo Đạo, đã dành một phần đất quan trọng cho việc "Đời", trong đó có "Vườn Thơ VIÊN GIÁC" để quý vị và các bạn yêu thơ nói lên tình cảm của người tỵ nạn lưu vong đối với quê hương, dân tộc, miêu tả thân phận của chính mình và của họ hàng bà con cũng đang bị lưu đày ngay trên mảnh đất của tổ tiên để lại, ghi lại những hy sinh, mất mát, giai bày những ước vọng bất khuất trên cơ sở truyền thống và tinh thần dân tộc, tạo thành sức mạnh của chính nghĩa tự do để đứng đầu và đánh thẳng chủ thuyết ngoại lai và phi nhân của Công Sản, đồng thời để bảo vệ phát huy Văn Hóa Việt Nam tại hải ngoại.

Từ hoàn cảnh lịch sử đặc biệt hiện nay Văn Học Sử Việt Nam sau này chắc hẳn sẽ khai sinh ra một dòng Văn Học hết sức độc đáo : dòng Văn Học Tỵ Nạn, hoặc ít ra là Văn Học Tỵ Nạn sẽ là cái cốt lõi của dòng Văn Học Đấu Tranh của dân tộc. Và có thể Vườn Thơ VIÊN GIÁC sẽ khám phá và kích thích các tài năng mới, có vinh dự được làm một viên gạch, một tế bào của dòng Văn Học tỵ nạn ấy.

Vườn Thơ VIÊN GIÁC sẽ xuất hiện tùy theo nhịp độ sáng tác của các thi hữu, các độc giả xa gần.

Vườn Thơ có được rực rỡ, muôn màu, muôn vẻ hay không, chính là do công sức vun trồng của quý vị và các bạn. Chính các bạn mới là người làm Vườn. Còn NGƯỜI LÀM VƯỜN phụ trách mục này thực ra chỉ là kẻ giữ vườn mà thôi.

Ước mong các bạn hãy dồn sức mạnh lên đầu gối bút như sức mạnh của thơ Nguyễn Chí Thiệp. Chỉ bằng một tác phẩm duy nhất viết bằng khổ đau và mang sông của chính mình, gọi lên từ nội địa và được ấn hành ở hải ngoại, Nguyễn Chí Thiệp đã chui ra khỏi bóng tối âm u và đón nhận ánh sáng chói lọi của một chúng nhân lịch sử làm rung rinh chế độ Công Sản ác độc, nhem hiểm, đón nhận vinh quang của một nhà thơ nhân bản, không thể vắng mặt trong Lịch Sử Văn Học Việt Nam.

Trong "Vườn Thơ VIÊN GIÁC" kỳ tới, mỗi bạn đọc đón xem lần ra mắt đầu tiên của các thi hữu Viên Giác đã tâm sự, cảm nghĩ và thưởng thức mùa Xuân đang đến như thế nào trên đất khách quê người, dưới đề mục :

"Mùa Xuân Trên Quê Hương Thứ Hai".

● N.L.V.

Tiếp theo trang 17

- (6) Minh mục : Nhắm mắt chết.
- (7) Chỉ có một mình là gái.
- (8) Tình cha mẹ cây ai phụng dưỡng.
- (9) Giọt ngọc : Nước mắt.
- (10) Cha mẹ già tóc bạc như lông hạc, da như đôi môi.
- (11) Sinh thiêng : Cha mẹ.
- (12) Ôn cha mẹ như trời xanh.
- (13) Thuyền môn : Cửa chùa, nhà chùa.
- (14) Thế Tôn : Phật là vị phúc tuệ hơn hết, được cả đời tôn quý.
- (15) Trước không tu nên nhớ nhang, nay biết tu thì sau phải hết khói.
- (16) Nghiêm tử : Cha mẹ.
- (17) Thượng thừa : Bực cao hơn hết.
- (18) Xích thặng : Giấy đỏ, cũng như tờ hồng Kim thặng là cảnh Phật lấy giấy vàng chằng bên đường lối thặng thấn đẹp đẽ. Đây nói duyên trần đã chẳng ra gì, vào tu của Phật, chắc được sung sướng lâu dài.
- (19) Xuất cáo : Trình với cha mẹ.
- (20) Đào : Trôn, 36 kẻ có kế trôn là hơn cả

(Còn tiếp)

Trong Viên Giác số 34/86, trang Thiếu Nhi có đăng Chương trình Văn Hóa Việt Nam cho các em 10 tuổi. Bản Chương trình này do Hội Đồng Lãnh Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tham cứu và ấn định để làm cơ sở cho các lớp học Văn Hóa Việt Nam tại tất cả các Chùa và các Niệm Phật Đường trên khắp năm Châu.

Kể từ Viên Giác số 38, Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức, Chùa Viên Giác Hannover, sẽ lần lượt đăng tải những bài vở trong 14 khoản, mà Chương trình đã chi tiết trong từng khoản, trên trang Thiếu Nhi của Viên Giác.

Việc làm của Trung Tâm nhằm :

● Trước nhất là tiếp tay và xúc tiến chương trình Văn Hóa Việt Nam mà Hội đồng lãnh đạo đã phát động để bảo tồn và phát huy văn hóa Việt nơi xứ người, trong lúc nền văn hóa dân tộc đang trên đà suy sụp trầm trọng.

● Thứ đến là giúp cho các Chi hội và Gia đình Phật tử tại địa phương có tài liệu để sử dụng trong những sinh hoạt văn hóa bên cạnh phần tu học giáo lý Phật Đà và những chuyên môn khác.

Song song với việc làm này, Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức đã, đang và sẽ chuyển dịch tất cả những tài liệu văn hóa giáo dục qua Đức ngữ, cũng như chuyển sang Việt ngữ những truyện cổ tích, thần thoại phổ thông của thiếu nhi Đức. Sau này Trung Tâm sẽ cho ấn loát thành những tập sách song ngữ Việt Đức và mỗi bài sẽ có thêm hình hoạt họa. Việc làm này nhằm song hành 2 mục tiêu : vừa bảo tồn và phát huy văn hóa Việt đồng thời tạo điều kiện hội nhập cho thiếu nhi Việt Nam tại xứ người mà không mất văn hóa Việt. Vả lại giới tiếng địa phương là điều kiện không thể thiếu cho sự thăng tiến nơi xứ người. Do đó có thể nói rằng đây là

2 điều kiện tất có và đủ để tạo một tương lai rực rỡ cho thiếu nhi Việt Nam này : biết tiếng Việt để không mất gốc Văn Hóa Việt đồng thời giỏi tiếng người để tiến thân cho công cuộc quang phục Tổ Quốc và xây dựng một quê hương Việt Nam thanh bình và phú cường.

Việc trang Thiếu Nhi Viên Giác mở 3 giải cho Thanh Thiếu Nhi: sáng tác văn hóa, hoạt họa và dịch thuật cũng không ngoài hoài bão sâu xa trên.

Chúng tôi hoan hỷ đón nhận mọi ý kiến xây dựng và đóng góp tiếp tay của các bậc Cao minh, Học giả, các bậc Cha Mẹ và Huỳnh trưởng cho mục tiêu huân ích này.

Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức
THỊ CHƠN Ngô Ngọc Diệp

Trang Thiếu nhi



● NGUYỄN TỪ VĂN phụ trách

Các em thân mến,

Khi các Em cầm tờ Viên Giác thân yêu số 38 này trên tay và tìm đọc Trang Thiếu Nhi của mình thì ngày 30.4. cũng gần kề. Các em có biết rằng ngày 30.4. đã đánh dấu một biến cố lịch sử quan trọng trong cuộc đời của mỗi người Việt Nam chúng ta không các em ?

Cách đây 12 năm, Cộng Sản Việt Nam từ miền Bắc tràn xuống miền Nam Tự do thân yêu của chúng ta. Họ đã dùng bạo lực, gian manh cũng chiếm miền Nam và đặt nước Việt Nam dưới một chế độ ngoại lai theo Chủ Nghĩa Cộng Sản Quốc Tế.

Kể từ đó đất nước mình chịu muôn vàn thống khổ dưới ách cai trị

của bè lũ vong nô, không còn tính người từ miền Bắc. Người trong nước cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc. Họ sống trong lo âu sợ sệt, tương lai mù mịt. Mọi quyền tự do căn bản của con người đều bị người công sản tước đoạt. Cháu Bác, Cha Mẹ, Anh Em của chúng ta, kẻ thì vào tù, người thì phải đi vùng "kinh tế mới".

Các bạn cùng lứa tuổi của các em đang sống trong nước không được học hành mà tối ngày chỉ biết thì đũa làm "Cháu ngoan Bác Hồ". Đi lượm vỏ chai, giấy vụn... để nộp thi đũa lao động. Học toàn là chủ nghĩa giáo điều ngoại lai.

Các em biết, tính đến nay đã có hơn một triệu người Việt bỏ nước ra đi tìm Tự Do. Họ đi bằng mọi cách, bằng đường bộ, bằng thuyền nan, đi chui (gọi là đi lên đống các em), hay đi bán chính thức hoặc đi theo chương trình bảo lãnh gia đình. Chính các em cũng đã theo cha mẹ tìm Tự Do, tạm xa quê hương vậy.

Các em là những trẻ có nhiều may mắn nhất, hơn cả hàng chục triệu

trẻ em hiện còn sống vất vưởng ở quê nhà.

Các Em thân mến,
Trang Thiệu Nhi Viên Giác nói với các em việc này cũng chỉ vì mục đích muốn nhắc nhở cho Thiệu Nhi Việt Nam hiện đang sống rải rác khắp năm Châu còn nhớ vì sao chúng mình hiện đang sống tạm nơi xứ người.

Ngày ngày 30.4. ra, các em còn biết trong tháng 4 Dân Tộc Việt Nam mình còn làm lễ kỷ niệm vị Tổ nào không ?

Đó là lễ Giỗ Quốc Tổ Hùng Vương vị Tổ khai lập họ HỒNG BÀNG. Tính theo âm lịch là ngày mùng 10 tháng 3. Chúng ta làm lễ kỷ niệm Ngài để nhớ công ơn vị Tổ sáng lập mề đê Việt Nam thân yêu của chúng ta.

Trở về chuyện chúng mình, trong Viên Giác số 37 vừa qua, Trang Thiệu Nhi có hứa với các em sẽ nói rõ về các giải thi sáng tác văn thơ, hội họa và hoạt họa cho độc giả tí hon của Viên Giác. Nay Trang Thiệu Nhi thông báo cho các em rõ .

■ Hội đồng chấm giải gồm có :

- . Quý Thầy Cô trong Chi Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Tây Đức.
- . Quý Bác và Anh Chị trong Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức, địa chỉ chùa Viên Giác.
- . Quý Bác và Anh Chị trong Ban

Riêng tập báo Viên Giác.

. Cuối cùng là Quý Bác và Anh Chị trong Ban Chấp Hành trung ương Hội Phật Tử Việt Nam Tự Nạn tại Tây Đức

■ Thể tài dự thi :

1/ Sáng tác văn thơ : truyện ngắn, thơ, tùy bút. Chủ đề : "Niềm tin của Mẹ" 2 trang đánh máy, khổ A4.

2/ Hoạt họa.

Chủ đề : "Truyện thần thoại và cổ tích Việt Nam" (các em chú ý nhé! về giải hội họa và hoạt họa Truyện thần thoại và cổ tích Việt Nam, trong Trang Thiệu Nhi sẽ cho đăng lần lượt những truyện thần thoại và cổ tích Việt Nam để các em vẽ. Những truyện này sẽ có dấu hiệu "hoa sen" trước tựa bài, các em cứ ý theo nội dung mà vẽ. Có thể vẽ màu, mực đen hoặc bút chì trên 2 trang giấy A4).

3/ Dịch ra tiếng Đức.

Các em dịch ra tiếng Đức những bài có dấu hiệu "hoa sen" trong Trang Thiệu Nhi.

■ Điều kiện tham dự :

Tất cả các Thanh Thiệu Nhi từ 6 đến 17 tuổi. Chia làm 3 cấp :

- 1/ Từ 6 đến 9 tuổi.
- 2/ Từ 10 đến 13 tuổi.
- 3/ Từ 14 đến 17 tuổi.

Các em gửi bài về dự thi nhớ ghi rõ tên họ, tuổi, hiện đang học lớp mấy và địa chỉ của mình.

■ Thời hạn gửi bài dự thi :

Các em bắt đầu gửi bài sáng tác văn thơ hoặc hình hoạt họa và bài dịch kể từ đầu tháng 5/1987 đến cuối tháng 12/1987.

■ Phát giải thưởng :

Giải thưởng cho mỗi cấp gồm có hạng nhất, hạng nhì, hạng ba và 5 giải khuyến khích.

. Kể từ đầu tháng 1/1988 Hội đồng chấm giải sẽ lần lượt chấm bài dự thi.

. Kết quả sẽ công bố trong số báo tháng 2/1988.

. Giải thưởng sẽ được phát trong lễ Phật Đản Phật lịch 2537 năm tức trong lễ Phật Đản năm 1988.

. Các giải thưởng cho 3 cấp dự thi, Trang Thiệu Nhi sẽ công bố cho các em trong Viên Giác số tới.

. Tất cả những sáng tác văn thơ và hoạt họa của các em sẽ được trưng bày và triển lãm trong mùa Phật Đản năm 1988 tại chùa Viên Giác, dù các tác phẩm có trúng giải hay không.

Cần đến mùa Phật Đản sanh, Trang Thiệu Nhi thưởng chúc các em luôn vui khỏe, học hành chăm chỉ, ngoan ngoãn để cho cha mẹ được vui lòng và hằng hái tham dự cuộc thi sáng tác văn thơ và hoạt họa.

■ TRANG THIẾU NHI



SỬ

CÁC VUA HÙNG VƯƠNG

Người Việt Nam ta thường tự hào rằng mình thuộc dòng dõi con RỒNG cháu TIÊN hoặc con HỒNG cháu LẠC là do căn cứ theo sử nước Việt viết về họ HỒNG BÀNG. Vị Tổ khai lập họ HỒNG BÀNG, ngày nay là nước VIỆT NAM, chính là Vua HÙNG VƯƠNG. Hùng năm cứ đến ngày mùng 10. tháng 3 âm lịch dân tộc VIỆT thường làm lễ kỷ niệm Ngài đã có công khai lập nước VIỆT. Lễ giỗ Tổ HÙNG VƯƠNG đã trở thành truyền thống trong những nghi lễ Việt.

• Vì sao người Việt thường bảo rằng chúng ta thuộc dòng dõi con RỒNG cháu TIÊN hoặc con HỒNG cháu LẠC và vua HÙNG VƯƠNG là ai ?

Theo sử chép rằng có người cháu ba đời của Vua Thần Nông thác xa xa ở bên Tàu tên là ĐẾ MINH. Vua ĐẾ MINH nhân lúc đi tuần về phía Nam có gặp một nàng Tiên và lấy nàng Tiên ấy làm vợ. Hai người sanh được một người con trai đặt tên là LỘC TỤC. Lộc Tục sau đó được làm vua ở phương Nam, xưng hiệu là KINH DƯƠNG VƯƠNG và đặt tên nước là XÍCH QUÝ. Lộc Tục lấy một nàng LONG NỮ làm vợ và sinh ra một người con

traí đặt tên là SÙNG LÂM. Sau này Sùng Lâm nối ngôi cha và lấy hiệu là LẠC LONG QUÂN.

Tục truyền rằng LẠC LONG QUÂN lấy bà ÂU CỐ, đẻ ra một bọc trăm trứng. Một trăm trứng này nở ra thành 100 người con.

Một hôm Lạc Long Quân nói với vợ là bà Âu Cơ rằng "Nàng thuộc giống Tiên, còn ta thuộc giống Rồng để xây dựng cơ nghiệp được lâu dài Nàng nên đem 50 người con lên núi, còn ta sẽ dẫn 50 người con còn lại xuống biển...". Vì thế ý nghĩa đồng đội người Việt Nam là con RỒNG cháu TIÊN bắt nguồn từ đó vậy.

Người con trưởng ở lại và được Lạc Long Quân phong làm vua, nước đặt tên là VĂN LANG và lập ra họ HỒNG BÀNG. Vị vua nước Văn Lang lấy hiệu là HÙNG VƯƠNG, ngài đóng đô ở PHONG CHÁU (nay thuộc Bắc Hà Việt Nam). Nước Văn Lang thời đó gồm cả miền Bắc Việt Nam và mấy tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh.

Vậy người Việt chúng ta là con HỒNG cháu LẠC cũng bắt nguồn từ ý nghĩa trên có nghĩa chúng ta là con của họ HỒNG BÀNG và cháu của Lạc Long Quân.

Và cũng từ tục truyền này nên vị Tổ khai lập nước Việt Nam chính là vua Hùng Vương, người anh Trưởng hay là anh Cả của 99 người được nở ra từ bọc trăm trứng.

Thời đó nước Văn Lang được chia làm 15 bộ. Theo cách cha truyền con nối, họ HỒNG BÀNG trị vì được 2622 năm, có hết thấy 18 đời vua. 18 vị vua của họ HỒNG BÀNG đều xưng là Hùng Vương. Con trai vua có tên là QUAN LANG, con gái vua có tên là MỸ NƯỞNG.

Đến đời vua Hùng Vương thứ 18 thì nước Văn Lang bị mất vào tay THỰC PHẠN. Vì Thực Vương muốn đem con trai mình xây dựng với con gái Hùng Vương, nhưng không được nên tức giận bắt con cháu phải báo thù. Thực Phán, cháu của Thực Vương, đã đem quân sang đánh nước Văn Lang. Vua Hùng Vương thứ 18 thua trận, phải nhảy xuống giếng tự tử.

Các huyền thoại trong suốt 18 đời vua Hùng Vương có rất nhiều như :

- Sự tích TRÁU CẬU ở đời vua Hùng Vương thứ 4.
- Chuyện PHỦ ĐỒNG THIÊN VƯƠNG và BÁNH DÂY BANH CHUNG ở đời vua Hùng Vương, thứ 6.
- Sự tích QUA ĐUÁ HỒ ở đời vua Hùng Vương thứ 10.
- Chuyện SƠN TINH và THỦY TINH ở đời vua Hùng Vương thứ 18.
- Chuyện LÝ ÔNG TRỌNG ở cuối đời vua Hùng Vương thứ 18 v.v...

Đền thờ và mộ vua Hùng Vương hiện nay vẫn còn tọa lạc ở núi NGHĨA LINH (Lâm Thao, Phú Thọ ở miền Bắc Việt Nam).

THỊ CHƠN

(Viết theo tài liệu Sứ trong sách Việt Nam thường thức của Bảo Văn và Tập Đọc II của Cụ Bùi văn Bảo, Nhà Xuất Bản Quê Hương, Canada)

Ai đã dạy em ?

Yêu nước là yêu chủ nghĩa Xã-hội
Yêu chủ nghĩa Xã-hội là yêu Liên xô
Yêu Liên xô còn hơn yêu Tổ quốc
Tổ quốc còn là nhờ có Liên xô

Ai đã dạy em con đường lý tưởng
Yêu Mạc Lê còn hơn cả tổ tông
Yêu Sít-ta-lin còn hơn cả cha ông
"Thương cha, thương mẹ, thương chồng
Thương mình thương một, thương ông
thương mười"

"Ông" đây là Sít-ta-lin
Như lời thơ Tô Hữu, tên văn-nô
Cộng sản

Ai đã dạy em yêu Hòa bình
Bằng chiến tranh, bằng đại bác,
xe tăng
Phải sẵn sàng đi lính quanh năm
Vì nhiều nước còn chưa là Cộng sản!

Ai đã dạy em : đoàn kết! đoàn kết!
Theo dõi xóm giềng, chú bác anh em
Ban bè, cha mẹ dẫu tổ liên miền
Diệt hết những người không cùng
chính kiến

Ai đã dạy em tư do tín ngưỡng
Chung minh duy vật, chúng nó duy tâm
Phải đề cao chủ nghĩa vô thần
Vì con người sinh ra từ loài vượn

Ai đã dạy em yêu lao động
Làm việc gấp mười, bụng trống rỗng
Của ngon vật lạ đem xuất khẩu
Gạo mọc, rau ổi dành nhau tưng cọng

Ai đã dạy em công-băng xã hội
Như Liên xô không người bóc lột người,
Giai cấp không còn, chỉ còn tiêu chuẩn
Các đồng chí ấm no, dân đen nghèo đói

Ai đã dạy em nhân dân làm chủ
Cung dân quyền, cũng bỏ phiếu linh tinh
Người ứng cử là người của Đảng
Đảng báo bầu ai phải bầu người đó

Ai đã dạy em tinh bác Hồ, dân đi
Lặng bác Hồ choan hết cả Thủ đô
Người dân đen không có nhà mà ở
Nghĩa trang cũng đẹp, không còn nấm mồ

Ai đã dạy em
Chủ nghĩa Mạc Lê bách chiến, bách thắng
Ke chiến bại là toàn thể nhân dân
Lịch sử hỏi em - chỉ có một lần -
Em phải làm gì với những lối dạy đó đó!

■ H O A I K H E



Truyện Thần Thoại

Trăm Trứng

Lac Long ngồi trên một ghềnh đá cao, nhìn xuống biển. Chàng thấy một đoàn ngư dân đang kéo lưới trên bãi cát. Thân hình của họ rạm nắng, khỏe mạnh và xinh đẹp. Nghe lời chàng, họ đã vẽ hình giao Long trên người để mỗi khi lặn xuống nước, các loài thủy quái biết họ cũng có thân tộc với loài rồng mà không làm hại. Thật không còn gì đẹp bằng một buổi sáng trên bờ đại dương. Chân trời màu xanh lam nối tiếp với mặt biển màu xanh thẳm. Mặt trời đã lên tới một con số. Ánh nắng rục rỏ đổ xuống mặt biển những vầng hào quang đỏ thắm, chói lọi. Vài ngư dân đang hạ thủy một chiếc thuyền đánh cá. Loài người quả thật là thông minh và quả cảm. Sự thông minh này họ đã thừa hưởng được của bên mẹ, vốn là dòng dõi tiên nữ. Sự quả cảm kia, họ đã thừa hưởng được của bên cha, vốn là dòng dõi loài rồng, dòng dõi của chàng.

Hoàng tử long cung được mọi người trong vương quốc Âu Lạc gọi là Lạc Long. Không biết theo năm tháng đời thủy cung, thì chàng đã vắng mặt dưới đó bao nhiêu lâu rồi. Chàng chỉ biết rằng từ khi cùng với tiên nữ Âu Cơ phối hợp, bảy ngàn năm đã đi qua trên mặt đất. Âu Cơ vẫn còn xinh đẹp như hồi nào vì nàng là tiên nữ, không chịu luật già chết như các sinh vật sinh trưởng trên mặt đất. Nhưng trong bảy ngàn năm, loài người đã sinh sôi nảy nở và trở nên đông đảo.

Trong buổi đầu của đời sống văn minh loài người, Âu Cơ và chàng đã có mặt để dạy dỗ và che chở. Vương quốc này đã đông đảo. Nhiều thế hệ người đã lớn lên và mất đi, nhưng dân chúng vẫn còn tiếp tục suy tôn

tiên nữ Âu Cơ là nữ chúa và lấy hình chim Lạc của nàng làm biểu tượng giống nòi. Tất cả đều lấy chữ Lạc làm họ. Chính chàng, chàng cũng được dân chúng gọi là Lạc Long. Những lúc trên mặt họ gọi chàng là Hồ.

Bảy ngàn năm. Hồi với đời sống dưới thủy cung, có lẽ thời gian đó chỉ dài chừng năm bảy tháng nhưng ở trên mặt đất xinh đẹp này, bao nhiêu biến chuyển và tiến bộ đã xảy ra trong khoảng thời gian đó. Chàng hồi tưởng lại ngày đầu tiên bước chân lên mặt đất, theo dòng sông ngọt tìm tới Âu Cơ. Chàng nhớ tới trên mặt đất đầu tiên mà chàng đã làm rơi trên mặt đất bao la. Nước mắt của tiên nữ Âu Cơ là nguồn sống của cây cỏ và mọi sinh vật khác trên mặt đất. Đó là một chất nước ngọt ngào, uống vào mát gan mát ruột. Có nhiều khi chàng nghĩ Âu Cơ chính là mặt đất tươi mát xanh rờn, chứa trong lòng nàng bao nhiêu con suối ngọt không bao giờ khô cạn.

Cuộc gặp gỡ giữa chàng và Âu Cơ là một cuộc gặp gỡ mâu thuẫn. Âu Cơ là sự xinh đẹp. Âu Cơ là nguồn sống. Âu Cơ là đất mát đầy sinh lực mâu thuẫn. Từ lúc hai người gặp nhau, chàng thấy tình yêu xuất hiện. Ấn với nhau không lâu, thì nàng hạ sanh được một bọc trứng.

Chàng nghĩ nếu cả hai người đều cùng chung là loài rồng thì chắc hẳn trứng rồng lại nở con rồng. Nhưng đây chắc không phải vậy. Đây là một cuộc phối hợp giữa rồng và tiên nữ. Cuộc phối hợp này sẽ đi đến kết quả nào, chàng đã phải chờ đợi nhiều ngày mới biết.

Họ ở với nhau trong một cái洞 ở trên một ngọn núi gọi là núi Long Trang. Để đến con sau này được hấp thụ tinh hoa của đất trời, họ đem bọc trứng ra để ở ngoài đồng cỏ xanh mát.

Trong chín năm, ngày nào hai người cũng đi ra ngoài đồng thăm bọc trứng. Họ ngồi trên cỏ mát, dưới ánh thiên nga, hoặc trong nắng ấm dưới bóng qua vàng, lắng nghe tiếng cỏ cây, lắng nghe tiếng gió rì rào mâu thuẫn. Ngôn ngữ của họ phần lớn được làm bằng sự yên lặng, nhưng sự thông cảm giữa hai người luôn luôn được thiết lập để đồng. Chàng có thể đọc ý nàng khi nhìn vào hai mắt đẹp

Và những bàn tay chàng, khi đưa lên để diễn tả bằng hình tượng, đó là một thứ ngôn ngữ nhiệm mầu, như hình tượng rồng vàng uốn khúc trên không trung. Một buổi sáng kia, gió hòa nhạc tưng cây. Khi hai người ra tới đồng cỏ xanh thì bọc trứng đã nở thành như một ngọn đồi. Bọc trứng nở ra : một trăm chiếc trứng trắng như tuyết nằm trên cỏ xanh. Khi nắng lên ấm, những chiếc trứng bắt đầu nở. Từ mỗi chiếc trứng, một hài nhi tu tằm sinh ra.

Hai người ngạc nhiên và vui mừng hết sức. Họ tới ôm những chú bé và cô bé hồng hào xinh đẹp trên tay. Một trăm đứa bé mà đứa nào cũng đưa hai tay về phía hai người. Lạc Long và Âu Cơ đem các con về động, dùng các loại cỏ cây mềm dịu như tơ để làm nôi cho các con, và săn sóc từng đứa. Tinh hoa của đất trời mâu thuẫn quá, sinh lực của tiên và rồng phong phú quá, bấy trẻ thơ không cần bú mớm mà đứa nào cũng lớn mau như cỏ hoa ngoài đồng nội.

Âu Cơ để gần hết ngày giờ ra săn sóc một trăm đứa bé xinh xắn của nàng. Nàng niu từng đứa trong hai tay, nàng nhìn ngắm không chán kết quả của Tình Yêu. Nàng thấy được làm mẹ là một niềm phúc lớn. Nàng yêu mặt đất, yêu cây cỏ, yêu sự sống mới. Thỉnh thoảng nàng vẫn nghĩ đến chị em tiên nữ của nàng, nhưng nỗi mong nhớ không còn mãnh liệt như trước. Các tiên nữ chưa bao giờ trở lại, có lẽ họ đã không được quyền trở lại trên mặt đất. Nàng nhớ chị em nhưng nàng chấp nhận sự sống trên mặt đất, xem mặt đất là quê hương của nàng.

Lạc Long không nghĩ đến chuyện về thủy phủ. Chàng ở lại trên mặt đất, xây cuộc sống êm đềm bên Âu Cơ. Bốn trẻ đã lớn, thân hình cũng như trí tuệ phát triển một cách mau chóng lạ thường. Chàng dạy cho con biết nói. Chàng phối hợp tiếng nói của trời Phạm Thiên và tiếng nói của nước Long Hải để làm thành ngôn ngữ dạy cho các con. Chàng dạy các con gọi mình là Hồ. Và, cũng như ngón tay lớn trong một bàn tay được gọi là ngón tay cái, Hoàng tử dạy các con gọi Âu Cơ bằng một tên gọi rất đẹp : Cái. Các con gái của nàng, thường gọi nàng một cách nũng nịu : "Cái ơi, cho chúng con lên đồi hái hoa, Cái nhé?".

Cùng với Âu Cơ, hoàng tử dùng ngôn ngữ mới đặt tên cho những sự vật trên mặt đất và những sự vật đã sinh trưởng trong rừng sâu hoặc dưới đồng nội. Họ gọi những vùng cây cao mọc chi chít sát nhau là rừng. Họ gọi những đồng đất đá vôi dai ngọt trời là núi. Họ gọi quả vàng là Mặt Trời, thiên nga là Mặt Trăng. Họ cũng lấy tên các hiện tượng thiên nhiên và các loài hoa chim để đặt tên cho một trăm đứa con của họ : núi, nước, rừng, trang, mai, lê, đào, lý... Một trăm đứa con, nhưng hai người vẫn nhỏ được tên từng đứa.

Khi các con đã lớn, họ dạy cho các con biết vào rừng hái quả, biết đeo gọt những dụng cụ bằng đá để săn bắn trong rừng, biết đan những chiếc lưới thô sơ để bắt tôm cá trong sông. Chẳng nhớ lại một đêm lạnh lẽo kia Âu Cơ nằm mộng thấy một thần nhân sáng ngời, trên tay cầm một con quả vàng tóa tung những lửa lửa cháy làm nàng cảm thấy ấm áp. Thần xưng là A Nhị. Thần chỉ vào những dụng cụ bằng đá và nói :

- Khi nào lạnh lẽo thì các người có thể gọi ta. Ta là con của Mặt Trời được gởi xuống giúp các người. Ta ở trong những tảng đá này.

Thật đấy, Âu Cơ đã kể cho chàng nghe giấc mộng. Cả hai người đến lật những dụng cụ bằng đá lên xem nhưng không thấy gì. Chợt nhớ ra rằng trong khi đeo gọt những dụng cụ này chàng và các con trai chàng đã làm lộ ra những tia sáng giống hệt như nắng đã thấy trong mộng, Âu Cơ bèn nhắc chàng. Hoàng tử đập những tảng đá vào nhau tóe lửa. Họ dùng búi nhũ để bắt lửa. Từ đó họ có lửa để nấu nướng và sưởi ấm.

Chàng dạy con đốn cây làm những chiếc nhà sàn để ở. Trời rét, chàng bảo Âu Cơ đi tước vỏ cây, đập nát xe lại thành sợi và đan thành những tấm áo choàng. Các con gái của Âu Cơ đều giúp nàng, và trong một thời gian không lâu, mọi người đều có áo mặc. Họ bứt cỏ ống, phơi khô, dệt thành chiếu để lót trên sàn nhà nằm cho ấm. Cá tôm chài lưới được và đem nấu ăn, nếu ăn không hết thì họ dạy đem phơi khô. Những công việc mà Âu Cơ ưa thích hơn cả là trồng lúa nếp. Họ lấy dụng cụ bằng đá để cấy cấy, gieo hạt lúa nếp. Ở những khu đất thấp, họ mở đường

mương để lấy nước tưới ruộng. Hoàng tử dạy con bỏ gạo nếp trong ống tre lấy bùn trát lại và quăng vào đồng lúa. Sau khi bùn đã chảy, chế ống tre ra, họ có cơm nếp rất thơm và rất ngon. Cứ như thế sự sống màu nhiệm diễn ra trên mặt đất. Hàng ngàn năm đã đi qua. Thế hệ các con đã lớn, thế hệ các cháu ra đời. Rồi thế hệ các cháu đã lớn, cháu bị cho những thế hệ kế tiếp. Loài người tuy là con Rồng cháu Tiên, nhưng mỗi con người chỉ sống trên mặt đất khoảng vài trăm năm. Có những con người tập phép trường sinh theo cha mẹ, cũng trở thành bất tử về sống ở Thủy cung hoặc lên tiêu dao trên những cảnh nước non thanh tú không có dấu vết sinh diệt. Phần đông đều sống cuộc đời vài trăm năm trên trái đất và khi chết thì linh hồn đi về cõi âm, nơi đó thỉnh thoảng những người sống cũng được viếng thăm.

Những trẻ em khi lớn lên, được dùng vợ gả chồng. Mỗi khi có một cuộc gả cưới như thế, chú rể và cô dâu được các anh chị và xóm làng đem tặng rất nhiều cơm nếp. Nếu một gia đình nào muốn gả chồng cho con gái thì dùng muối để đến nhà trai làm lễ hỏi. Đến ngày cưới, chú rể được nước về nhà cô dâu và vĩnh viễn thuộc về gia đình này. Hai vợ chồng mới được ở một phòng riêng. Lễ hợp cẩn rất đơn giản : hai vợ chồng mới cùng ăn cơm nếp với nhau. Muối dùng trong lễ hỏi tượng trưng cho sự mặn mà, và cơm nếp ăn trong lễ hợp cẩn tượng trưng cho sự keo sơn bền chắc ở những đám cưới lớn, người ta còn đem tới tặng bánh làm bột cây quang lang và cây soa đồng. Tất cả những tập tục này, chàng nhớ, đều do Âu Cơ dạy bảo. Các cặp vợ chồng này không sinh ra những bọc trứng nữa. Họ sinh ra mỗi lần một hài nhi bé bỏng. Tuổi đầu bà chúa Âu Cơ dạy họ lấy lá chuối tười lót cho đứa bé nằm, và các cách thức nuôi dưỡng, bú mớm.

Trước kia, vì muối là một thức hiếm, Âu Cơ dạy các con lấy rế gừng để làm muối. Sau này, chúng đã dạy các con phơi nước biển cho khô để làm muối. Nhờ có muối, họ làm được đủ thứ mắm và nước mắm để dành. Trong buổi đầu Âu Cơ cũng đã dạy cho các con những khúc múa và những bài hát. Bấy giờ có những đêm dân chúng trong vương quốc tổ chức những cuộc múa hát sáng đêm. Những đêm múa hát

thường được tổ chức từng bầy quanh một đồng lúa lớn. Nhạc khí đầu tiên được phát minh là trống, làm đơn sơ bằng gỗ và da thú vật. Những người tham dự, lớn hay bé, đều trang sức trên đầu bằng những chiếc lông chim trắng để tự nhận là giống giống chim lạc. Đem theo tiếng trống từng bầy là tiếng chày đá giã gạo đều đều. Từng cặp hai người, một trai một gái cầm những chiếc chày dài bằng đá cao tới vai, phía trên có trang sức lông chim. Họ giã chày vào một cối đá, tiếng giã thành thịch theo nhịp của những người đang múa hát xung quanh đồng lúa.

Các thế hệ sau đó đã khám phá ra chất đồng, và thay thế những chiếc trống gỗ đơn sơ bằng những chiếc trống đồng, âm thanh vang như sấm động.

Tiếng hát của dân chài từ bãi biển vọng lên, làm Lạc Long chú ý nhìn xuống. Trong lưới, hàng ngàn con cá bạc lấp lánh dưới ánh mặt trời Ngự dân vừa đánh được một mẻ cá lớn. Bỗng nhiên, Lạc Long thấy cánh tay phải rung động. Chàng giật mình. Đứng rồi, đây là dấu hiệu phụ vương chàng, vua của loài rồng, từ thủy phủ gọi. Chàng biết đã tới thời hạn phải về Thủy Cung để lên ngôi Long Vương. Phụ vương chàng đã đến lúc muốn ẩn cư tu luyện, và muốn trao ngôi báu cho chàng. Đã lâu quá chàng không về thăm nơi cung điện. Lạc Long xao xuyến khi nghĩ đến lúc phải từ giã mặt đất để trở về dưới nước.

Có một bàn tay đặt nhẹ trên vai chàng. Lạc Long nhìn lên. Chàng thấy Âu Cơ đã đến và đứng tại bao giờ trên gành đá. Nàng hỏi, tay vẫn để trên vai Lạc Long :

- Chàng suy nghĩ gì vậy ?

Lạc Long đứng dậy, cầm tay nàng - Phụ Vương dưới Thủy Cung gọi ta về, ta phải đi ngay. Nàng ở lại bảo vệ các con. Ta về Thủy Cung chịu lễ truyền ngôi, rồi sẽ trở lên sớm.

- Chàng cho em cùng về được không ?
- Trời tròn, đất vuông, nước và lửa tương khắc. Nàng là giống Tiên, ta là giống Rồng. Tuy cuộc phối hợp của chúng ta rất đẹp để trên mặt đất này, nhưng ta không thể lên thăm cõi trời Phạm Thiên, cũng như nàng không thể xuống thăm Thủy Phủ. Ta

ao ước được mời nàng xuống thăm cung điện dưới nước, chỉ tiếc là nàng không xuống được đây thôi.

- Tiếp cũng biết điều đó. Nhưng sau này các con của chúng ta, loài người, có thể xuống Thủy Cung được không ?

- Các con chúng ta, tuy thuộc về giống Tiên, nhưng chúng cũng thuộc về giống Rồng, vì vậy có thể xuống thăm Thủy Cung. Tuy vậy nếu một trai một gái cùng đi sẽ dễ dàng, ít xung khắc hơn. Sau khi đã sắp đặt công việc dưới ấy xong xuôi, ta sẽ trở lên. Trong trường hợp cấp bách, muốn gọi ta, nàng hãy cho hai đứa xuống Thủy Cung tìm. Người nào cầm trong tay vật này là có thể đi tới cung điện của ta, không sợ gì nguy hiểm.

Nói xong, Lạc Long nhả ra trên tay một viên ngọc sáng ngời, trao cho Âu Cơ. Chàng nói tiếp :

- Phụ Vương lại giục mãi rồi. Ta phải đi ngay mới được.

Từ ghềnh đá, chàng cầm tay Âu Cơ đưa nàng xuống bãi cát trắng. Trời đã đứng bóng; ngư dân đã về xóm. Lạc Long ngoảnh nhìn bầu trời bao la. Trời xanh quá. Trưa im lặng. Trong chiều sâu của không gian, chàng thấy bảy ngàn năm qua mau như một giấc mộng. Chàng cầm hai tay Âu Cơ, nhìn nàng trong hai mắt một hồi lâu. Và bỗng chàng cúi xuống hôn trên hai má nàng, rồi nghiêng mình biến thành một con cá nhỏ, lội vào biển xanh. Âu Cơ đứng ngẩn ngơ một hồi. Bỗng nàng ngoảnh mắt nhìn ra biển xanh và gọi lớn tên chàng :

- Naga! Nagara ja!

Nàng Lạc Long đã đi. Chàng đã đi xa. Đáp lại lời gọi của nàng, chỉ có tiếng sóng biển mỗi lúc mỗi trở thành rào rạt.

(Trích từ quyển VĂN LANG DỊ SỬ của Nguyễn Lang)



Truyện Cổ Phật Giáo

XẢ THÂN TẬN HIẾU

Tại miền Bắc vùng Trung Ấn Đổ có quốc gia tên là Ba La Nại. Thái tử đất nước ấy có vị vua rất thông minh trị vì. Ông vua nhân từ hiền đức, nên đất nước khắp nơi đều an cư lạc nghiệp. Đến ngày kia vương Hậu hạ sanh một Thái tử, sau khi Thái tử ra đời, toàn dân hân hoan chào đón, mở tiệc ăn mừng.

Thái tử tướng mạo trang nghiêm, tính tình nhu hòa, không biết tác giận là gì. Bởi thế vua cha đặt tên cho chàng là "Nhân Nhục". Thái tử lớn lên, diện mạo càng thêm tốt đẹp đầu óc lại thông minh, tâm địa hiền hòa, ưa thích bố thí. Song trong triều có sáu vị đại thần không ưa Thái tử. Họ muốn lật đổ ngài, vì vậy nên cũng muốn hãm hại Thái tử luôn.

Một hôm vua cha ngã bệnh, tính mạng đến hồi nguy kịch. Thái tử đến gặp sáu vị đại thần hỏi ý kiến :

Vua cha ta ngọc thể không an, ta phải làm sao đây?

Chúng tôi đã đi khắp các nước nhỏ, mà cũng không sao tìm được thái thuốc hay đó. Sáu vị đại thần đồng thanh trả lời.

Thái thuốc đó ra sao mà khó tìm vậy ?

Bệnh của quốc Vương cần phải dùng đến đôi mắt của người nào không hề biết sân hận, cùng với cốt tủy của người đó mới có thể chữa khỏi bệnh của Vua. Song đến hôm nay bọn thần đã tìm khắp nơi mà vẫn chưa tìm ra một người như vậy.

Thái tử bèn khoản hỏi :

Xưa nay ta chưa hề có tâm sân hận vậy ta có thể là người như thế hay không ?

Bọn đại thần trả lời :

Tuy ngài là người không có tâm sân hận nhưng việc này rất khó làm.

Thái tử nói :

Miễn sao cha ta lành bệnh, còn phải xả bỏ trăm cái mạng này, ngàn

cái mạng này đối với ta có khó gì. Hưởng chỉ hiện tại ta chỉ phải hy sinh có tâm thân ô uế này !

Xin tùy ý Thái tử, bọn đại thần nói.

Thái tử trở về cung, lễ lạy mẫu hậu rồi bèn rằng :

Nay con muốn đem thân mạng mình ra làm thuốc mà cứu phụ vương. Xin mẫu hậu từ bi đừng lấy đó mà làm uất phiền. Vì cứu Phụ Vương xin Mẫu Hậu đừng luyến tiếc gì con.

Hoàng Hậu nghe Thái Tử nói trong lòng xót xa vô cùng, Thái Tử lại thưa : Sinh mạng Phụ Vương đang lâm nguy đừng để con chần chừ mãi. Nói xong Thái Tử từ giả hết mọi người. Bọn gian thần cho người móc đôi mắt của Thái Tử rồi rút lấy tủy của chàng từ trên đỉnh đầu, sau đó hòa làm thuốc cho vua cha uống.

Quốc Vương khỏi bệnh, khi lâm triều, ngài hỏi các quan đại thần :

Các khanh dùng thuốc gì quá hay để trị bệnh ta ?

Bọn đại thần tâu :

Đó chính là nhờ đôi mắt và tủy của Thái Tử, ngoài ra không có cách nào chữa lành bệnh Đại Vương. Quốc Vương nghe xong tái xanh mặt mày rồi hỏi Thái Tử hiện giờ ở đâu ?

Bọn đại thần nói :

Thần Thái Tử cho chúng quá nặng nên ngài đã qua đời rồi.

Quốc Vương nghe tin Thái Tử mất đau đớn vô cùng, nhưng còn biết làm sao nữa. Sau cùng Quốc Vương cho người đem xác Thái Tử ra làm lễ hỏa táng, bao nhiêu tro cốt đều cho vào tòa tháp 7 tầng xây bằng 7 thứ báu để vĩnh viễn cúng dường. "Thái Tử Nhân Nhục đó chính là tiền thân của Đức Phật".

Đức Phật xuất hiện giữa thế gian nơi đâu cũng được nhân loại dựng tháp Kỳ Niệm Công Đương, đó là Ngài tu hành nhân đổ mà được vậy. ●

Ga dao

Ai ơi ! Đừng chóng, chớ chầy,
Cố công mài sắt, có ngày nên kim.

Thương người, người lại thương ta,
Ghét người, người lại hóa ra ghét mình

Nên ra tay kiếm, tay cờ,
Chẳng nên thì chớ, chẳng nhờ tay ai.

Tục ngữ

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây
Một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ
Miếng khi đói, gói khi no
Lá lành đùm lá rách
Một câu nhin, chín câu lành

Chuyện vui

CÁ KHÔNG ĂN MUỐI CÁ ƯỚN,...

Mẹ Tư ngạc nhiên nhìn thấy những con cá vàng muối trong chậu kính đã nổi trên mặt nước.

Bà gọi to.

- Tư ơi! Sao cá chết hết rồi!

Bé Tư hoảng sợ.

- Thưa mẹ, con vừa bỏ muối vào chậu cá thì con thấy những con cá run rẩy và nổi trên mặt nước.

- Trời ơi! Sao con ngu vậy hả Tư ai bảo con đem bỏ muối vào hồ cá vậy?

Tư rụt rè.

- Hôm qua, con qua nhà thằng Tý chơi quên giỏ về nhà trẻ của con, ba rẩy con : "Tư ơi! con phải nhớ lấy câu "Cá không ăn muối cá ươn. Con cãi cha mẹ trăm đường con hư". Con sợ cá ươn, nên bỏ muối vào nước cho cá ăn đó mẹ.

Mẹ bé Tư !!!

■ Nhiên Lingen/Ens

Trò chơi

TAM BẢO hay PHẠT PHẬP TĂNG

Chỗ : ngoài sân hay trong phòng.

Số người : không giới hạn.

Tất cả đứng thành vòng tròn hay hình vuông, chú ý nhất cũng được.

Khi người quản trò (người điều khiển trò chơi) hô "PHẠT" thì đưa cánh tay thẳng lên quá đầu.

Khi người quản trò hô "PHẬP" thì đặt bàn tay ở trên đầu.

Khi người quản trò hô "TĂNG" thì đặt bàn tay trên ngực phía bên trái tim.

AI sai thì bị loại hoặc bị bắt làm quản trò. (Thời gian tùy theo không khí chung)

LUYỆN TRÍ NHỚ

Chỗ : ngoài sân hay trong phòng.

Số người : không giới hạn.

Tất cả có thể đứng hoặc ngồi chung quanh.

Người quản trò đọc chữ đầu, người kế lập lại chữ đầu và nói tiếp tên thứ nhì, người thứ ba lập lại 2 chữ đầu và nói tên thứ ba...

Đối tượng có thể lấy đồ vật chung quanh mình mà nói tên.

Sau 1 hay nhiều vòng, tùy theo số người tham dự ít hay đông, có thể bắt đầu trở lại nơi người quản trò bằng lối dùng đối tượng khác, thí dụ tên các tỉnh, các sông ngòi, danh nhân Việt Nam v.v...



Tuổi học trò

Còn giữ nữa!.. thời hồng hoang đi vắng
Ngày reo vui gót ngọc gọi êm vang
Sân Trường Nữ lá me bay vương tóc
Áo trắng đơn sơ cài bông hoa vàng

Bước chân Sáo xôn xao viên cuội tìm
Đời nữ sinh giòng suối ngọt trong tim
Giọng âm cúng Thầy, Cô say mê giảng
Đám môn đồ' lớp học lặng thình im

Hoa Hồng nhỏ điểm tô thêm phố thị
Rộn ràng lên theo sách vở ngày Thi
Bạn bè cũ Thầy, Cô như lưu luyến
Ngày tan trường hoa phượng đỏ lối đi

Tuổi lớn thêm theo thời gian ước mộng
Vũ trụ bao la Đại Học mệnh mộng
Khu Giảng đường, Thư viện hiền yêu mến
Giờ xa rồi ôi!.. mỗi mắt chờ trông...

Sống Âu Châu đôi lời xin gửi lại
Giã từ nhau sân Trường Nữ bằng đèn
SAI GÒN đẹp nắng hè khoe áo lụa
Đường DUY TẤN ngày hai buổi thân quen

Xin gửi lại những nụ hôn nồng cháy
Gió nổi lên mây mang hộ đem về
Mà ướt ướt trời mưa ngẫu tháng bảy
Khi xa trường hồn nghe mái tái tê

(Tặng : Thê' Liên & Ngọc Liên "Thuy Sĩ"
để nhớ về Trường cũ)

■ THUY KIM - Ravensburg

CUỘC ĐỜI NGƯỜI TĂNG SĨ

Tiếp theo trang 23

người mới không bị chi phối bởi thời gian và hoàn cảnh chung quanh.

Và cũng chính vì hay thực hành thiền định, chánh niệm, trí giới nên tâm hồn trở nên định tĩnh và từ đó trí huệ được phát sinh nên gọi là sáng suốt. Thông thường người ta chỉ đi tìm kiếm giá trị ngoài bản thân, nhưng trở về với đạo Phật là trở về với chính mình, tự kiểm soát chính mình để tự giác ngộ và tự giải thoát không trông chờ một tha lực nào từ đâu đưa đến, và khi đã được giác ngộ sáng suốt rồi thì sự quyết định của họ có giá trị vô cùng. Vì những người tu không có gia đình ràng buộc nên ý nghĩ của họ được độc lập, họ không bị chi phối bởi tài sắc, thế lực, nên đáng được tin cậy. Ý kiến của họ là ý kiến của sĩ tu chứng ngộ khó có thể sai lầm, vì thế những nhà vua theo đạo Phật thường mời những vị Thiên sư ấy làm thầy của mình - như trường hợp vua Đinh Tiên Hoàng, Lý Thái Tổ - cũng không phải là điều khó hiểu vậy.

Cũng chính những vị Thiên sư này, nhờ có chánh định nên trí huệ phát sinh và trở thành tài giỏi hơn người thường. Về lại, thời bấy giờ Nho học chưa phát triển mà trong chốn Già Lam thì kinh sách lại phải học bằng chữ Hán nên bắt buộc những vị Tăng này tinh thông chữ Hán mới có thể đọc, hiểu, viết và sao dịch tam tạng kinh điển được. Văn tự của nhân gian thường dùng là những từ ngữ thông thường trong khi đó kinh điển của Phật Giáo là một triết lý cao hơn mọi triết lý khác nên đòi hỏi các vị Tăng phải học tập, thực hành và xiển dương giáo lý trên nền đạo chính thống. Vì thế nên gọi là tài giỏi. Nhờ vào ba yếu tố đó, các vị Tăng như các Ngài Khương Việt, Vạn Hạnh quả đáng làm thầy cho vua để giúp vua trị quốc.

Trên bình diện chính trị cũng không sợ các vị Tăng tham vọng, vì họ vốn đã quan niệm tất cả cuộc đời là giả tạm, chỉ có sự giải thoát mới là vĩnh cửu, nên họ không tham quyền thế quyền. Khi đất nước nhiều

những chính họ là những người giúp vua, giúp nước một cách đặc lực nhất và khi đất nước thanh bình rồi họ quay về với vị trí của họ, chuyên tâm trì kinh niệm chú để được giải thoát ở kiếp sau, nên thế quyền cũng không làm cho họ hư danh, mà chính họ mới chính là những vị chân tăng đáng kính phục.

Từ bỏ chính trị lúc cần không có nghĩa là tránh nhiệm vụ nhưng là lối thoát hay nhất của người tu biết thời thế, biết lúc nào nên ra giúp đời và biết vị trí của mình đang đứng. Vì chính những vị Tăng ấy quan niệm rằng chính trị chỉ có tính cách thời gian và giai đoạn trong khi đó chân lý của đạo Phật không thay đổi ở bất cứ thời gian hay hoàn cảnh nào. Vì thế, một nhà tu đã hiểu đạo thì không thể nào bám vào thế quyền mà quên đi nhiệm vụ giải thoát cho mình cũng như cho nhân loại. Họ cũng có thể ở lại với cung vàng điện ngọc nếu họ muốn vì họ có quyền thế trong tay; nhưng Thiên sư Khương Việt và Vạn Hạnh đã không làm thế vì các Ngài không có tham vọng chính trị, mà ước nguyện của các Ngài chỉ là cứu giúp chúng sanh ra khỏi sự đau khổ mà thôi. Điều này cũng rất đúng với chân lý đạo Phật, vì Đức Phật dạy rằng phục vụ chúng sanh tức là cúng dường chư Phật - chúng sanh ở đây là nhân loại - nhân loại còn khổ đau, còn nhớ đến các Ngài thì các Ngài ra tay tế độ và khi nhân tâm được ổn định rồi thì các Ngài trở về vị trí của mình

Đó là những tâm gương sáng muôn

đời mà chúng ta nên học hỏi và đó là kim chỉ nam của những người học và thực hành giáo lý giải thoát của Đức Phật - chính Ngài - Ngài cũng có quyền lực. Vì Ngài là một vị thái tử, nhưng Ngài đã từ bỏ quyền lực, vì quyền lực không thể giải thoát con người ra khỏi sự khổ đau mà còn thêm luyến quyền lực bao nhiêu thì mình còn bị trôi buộc bấy nhiêu nên Ngài đã ra đi và ngày nay nhân loại còn nhớ đến Ngài, tôn thờ Ngài, không phải vì Ngài là một thái tử của xứ Ấn Độ cách đây hơn 2500 năm mà chúng sinh kính Ngài - vì Ngài đã tìm ra một lối thoát cho chúng sinh cốt ra khỏi vòng luân hồi sinh tử.

Nếu ngày xưa Thái Tử Tất Đạt Đa cũng ham mê quyền quý như bao nhiêu bậc quân vương khác thì dù có mình quân hiền đức đến mấy cũng vẫn bị thời gian chi phối và hoàn cảnh đổi thay. Nhưng ở đây ngược lại, suốt 26 thế kỷ trải dài qua lịch sử Ấn Độ cũng như lịch sử đồng tây kim cổ loài người vẫn sùng bái Ngài và ai ai cũng mong cho giáo lý giác ngộ do Ngài phát hiện ra được truyền đến khắp nơi, để loài người có cơ hội học hỏi giáo lý nhiệm mầu ấy. Điều đó chứng tỏ rằng đạo đức thắng tạo lực, giải thoát thắng sa đọa và không có một mệnh lực nào có thể chiến thắng hơn đức sự giác ngộ cả. Cho hay chân lý bao giờ cũng bất biến, chỉ có con người đi sai chân lý mới đáng trách mà thôi.

(còn tiếp)



LĂNG ÔNG

Cơ quan Liên Bang về việc công nhận Tỷ Nạn Chính Trị

Tất cả những đơn xin công nhận quyền tỵ nạn chính trị tại Cộng Hòa Liên bang Đức đều được cứu xét qua cơ quan (sở) liên bang về việc công nhận tỵ nạn chính trị (Bundesamt für die Anerkennung politischer Flüchtlinge). Trụ sở chính đặt tại Zirndorf gần tỉnh Nürnberg. Nhiệm vụ của cơ quan này là quyết định, chiếu theo luật pháp hiện hành, ai là người hưởng quyền tỵ nạn chính trị và ai không được.

Cơ quan này gồm có 1 trụ sở chính, 7 phụ và có 450 nhân viên làm việc. Ngân sách được Bộ Nội vụ Liên bang trang trải vì Bộ Nội vụ Liên bang cũng có trách nhiệm trực tiếp với Cơ quan này. Nhưng quyền đơn phương quyết định của Cơ quan này trong mọi quyết định hoàn toàn độc lập với luật định. Những phán quyết của họ đều đặt cơ sở trên việc cứu xét thận trọng từng trường hợp, cũng như việc tiếp xúc đối thoại với người đang đơn.

Hầu giúp cho sự đơn phương quyết định này có những dữ kiện xác thực nhất về mặt sau của sự kiện, trụ sở chính tại Zirndorf quản chế một trung tâm tàng trữ tài liệu rất phong phú. Nơi đây họ lưu trữ tất cả những tin tức có được từ các nguồn quốc tế và quốc gia về tình trạng từng quốc gia Mẹ của người đang đơn xin tỵ nạn.

Cơ bản pháp lý có tính cách bắt buộc cho những quyết định của cơ quan này là pháp luật hiện hành. Thêm vào đó còn có hiệp ước của Liên Hiệp Quốc ký năm 1951 về cơ chế của người tỵ nạn và biên bản năm 1967.

Trong trường hợp có quyết định thuận (positiv), người đang đơn sẽ hưởng được quyền tỵ nạn chiếu theo hiệp ước. Trường hợp ngược lại (negativ) thì cơ quan này sẽ thông báo đến cơ quan chính quyền của Tiểu bang nơi người làm đơn cư ngụ rồi.

Đơn khiếu nại về những quyết định của cơ quan này, chỉ thuận hay

không, người làm đơn cũng có thể tự mình hoặc nhờ nhân viên chính phủ Tây Đức đặc trách dịch vụ tỵ nạn của Liên bang (Bundesbeauftragter für Flüchtlingsangelegenheiten), đại diện chính phủ Liên bang làm. Khi đã nộp đơn khiếu nại thì trường hợp

gần 100.000 trường hợp, Cơ quan này còn lại là bị can kẹt trên 20.000 vụ chưa kiên.

Trong nửa năm đầu 1986 sự quyết định đơn phương của Cơ quan này tăng từ 100 đến 140 phần trăm. Trong những năm qua họ đã làm việc chặt chẽ với Cao Ủy Tỵ Nạn (UNHCR). Trụ sở phụ của UNHCR tại Zirndorf đặt văn phòng trị sự tại trụ sở chính của Cơ quan Liên bang này và có trách vụ theo dõi tiến trình cứu xét và quyết định về vấn đề bảo đảm cơ chế tỵ nạn.



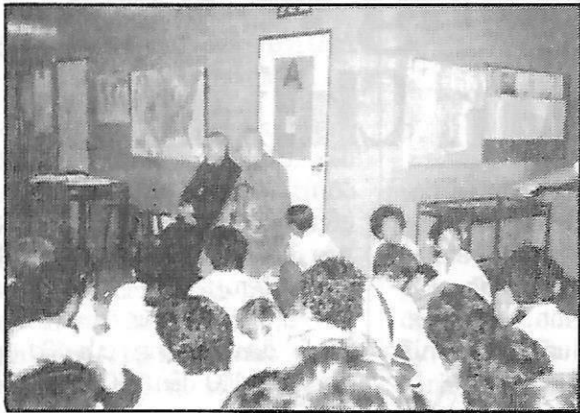
Cơ quan liên bang về việc công nhận tỵ nạn cho người ngoại quốc tại Zirndorf.

này thuộc về trách phân của 22 tòa án hành chính (Verwaltungsgericht) và của hơn 550 luật sư.

Kể từ năm 1979 đến nay Cơ quan này đã cứu xét hơn 400.000 đơn xin tỵ nạn của hơn 100 quốc gia. Hiện nay không những chỉ phải cứu xét

(LTS. Trích dịch từ bài "DAS BUNDES-AMT FÜR DIE ANERKENNUNG POLITISCHER FLÜCHTLINGE" của STEPHAN LAHNSEN, đăng trong tạp chí Flüchtlinge của UNHCR (Cao Ủy Tỵ Nạn LHQ) số tháng 12/1986, trang 14)

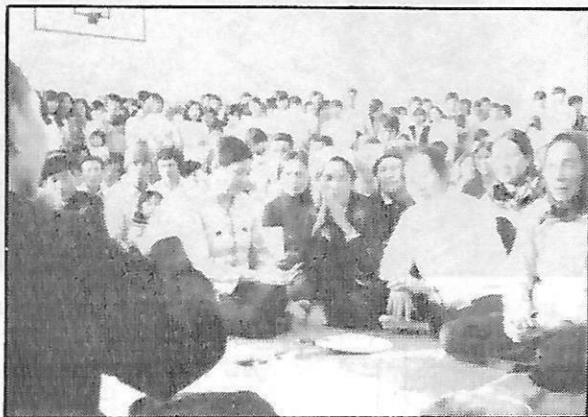
Hình ảnh sinh hoạt Phật sự



Thăm trại tỵ nạn tại Thái Lan
từ 16 đến 21 tháng 12 năm 1986



Thăm và ủy lạo đồng bào tại trại tỵ nạn Hồng Kông
từ 17 đến 25 tháng 12 năm 1986



Thăm và ủy lạo đồng bào tại trại tỵ nạn Hồng Kông
từ 17 đến 25 tháng 12 năm 1986

Tưởng chừng tuyệt vọng

" CHÚNG TÔI RẤT TIẾC, PHẢI THÔNG BÁO CHO QUÝ VỊ RÕ... "

Gần một phần ba số người Việt tỵ nạn tại vùng Đông Nam Á phải sống trong những trại tỵ nạn hơn 3 năm. Người ta tưởng rằng họ bị thế giới bỏ quên, những niềm hy vọng được đi định cư của họ vẫn không mất.

"TRƯỜNG HỢP CỦA QUÝ VỊ KHÔNG THỎA NHƯNG QUI ĐỊNH CHO VIỆC ĐOÀN TỤ GIA ĐÌNH"

Những bức thư từ chối này đều có nội dung tương tự nhau :

"Sau khi cửu xét kỹ lưỡng trường hợp của Ông Bà, chúng tôi rất tiếc

"Trường hợp của Ông Bà đã được cơ quan liên hệ của xét kỹ lưỡng, mặc dù chiếu theo những qui định được triển khai rộng rãi, nhưng rất tiếc với qui chế luật pháp hiện hành cũng không cho phép... "

"Chúng tôi rất tiếc phải thông báo cho Ông Bà rõ rằng số người tỵ nạn vùng Đông Nam Á được thu nhận đã hết... "

"Cũng như lưu tâm đặc biệt đến những lý do sâu xa khác về trường hợp của Ông Bà, chiếu theo điều luật... và những quyết nghị mới... điều kiện thân nhân định cư hiện nay không thể thực hiện được. Chúng tôi rất lấy làm tiếc không thể cấp giấy định cư cho Ông Bà được và trân trọng kính chào... "

Có rất nhiều lý do về việc từ chối. Hai trong những quốc gia lên nhận người tỵ nạn đang thêm tra lại những tiêu chuẩn của quốc gia họ xét cho đi định cư. Việc từ chối ở đây là kết quả của nhiều trường hợp như nhân viên thẩm vấn cho rằng đơn xin không thỏa điều kiện của cơ chế tỵ nạn đặt ra. Kể đến là dựa trên sự thiếu khả năng hội nhập và ba là lý do sức khỏe của người làm đơn xin đi định cư. Những lần như thế vấn đề trách nhiệm đều qui về Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc (UNHCR), và họ nhờ ủy ban can thiệp để được đi định cư ở một quốc gia khác. "Một nơi khác"

Xem tiếp trang 75

Một gia đình người Việt tỵ nạn mang họ Phạm đang hồi hộp ngồi trên cái băng ghế kê trước hiên một cái chòi trong trại tỵ nạn Phanat Nikhom ở Thái Lan. Họ đang chờ đợi một cuộc thẩm vấn để đi định cư. Hai đứa trẻ đang ngồi giốn trên đùi của cha mẹ chúng. Tuổi trẻ vô tư không biết rằng mỗi tiếng đồng hồ tới đây sẽ quyết định tương lai của chúng.

Bên trong cái chòi tre, mái lợp cỏ, nhân viên Sở Di Trú của Gia Nã Đại đang thẩm vấn những ứng viên xin định cư tại quốc gia họ. Đối với những người tỵ nạn không có thân nhân ở Hải ngoại thì chương trình nhận người định cư của chính phủ Gia Nã Đại là cơ hội mong manh cuối cùng để thoát khỏi trại tỵ nạn và bắt đầu một cuộc sống mới.

45 phút sau gia đình họ Phạm rời khỏi căn chòi tre. Ông Phạm nói với những người ngồi bên ngoài đang chờ đợi được thẩm vấn: "Chúng tôi được đi định cư, thật là may mắn!". Mọi người cùng chia sẻ niềm vui với gia đình họ Phạm. Tuy nhiên không phải ai cũng được may như gia đình ông Phạm đâu.



Đến cuối tháng 3 năm nay, theo thống kê của Cao Ủy Tỵ Nạn, trong số 33.002 người Việt tỵ nạn có 10.014 người đã sống trong trại ít nhất là 3 năm. Phân đồng đều quá rành nội dung những bức thư từ chối của Sĩ quan các đệ tam quốc gia. Loại thư này được cấp hàng loạt trong các trại tỵ nạn khắp vùng Đông Nam Á.

phải thông báo cho Ông Bà rõ rằng Ông Bà cùng gia đình vì những lý do ... không được chấp nhận cho định cư".

"Căn cứ vào những dữ kiện Ông Bà đã khai, Ông Bà không thỏa những qui định về việc đoàn tụ gia đình. Đây là sự quyết định cuối cùng".

diễn đàn độc giả

Lời Tòa Soạn: Mục Diễn Đàn Độc Giả dành đăng những bài vở liên quan đến tình hình sinh hoạt cộng đồng hầu rộng đường dư luận.

Tác giả hoàn toàn chịu trách nhiệm về bài viết của mình.

Những vấn đề của người tỵ nạn chúng ta

30.4.1987 tròn 12 năm cả Việt Nam lọt vào vòng gông cùm Cộng Sản. Bao cảnh núi rừng sông máu đã diễn ra trên khắp miền Nam Bắc. Hàng trăm ngàn cảnh tang thương, đổ nát, phi luân vô đạo đã xảy ra. Những đạo đức ngàn đời của cha ông giống giống Việt tôn bao xương máu lo giữ gìn tổ bồi... Đã bị những người con, cháu Marx Lê chà đạp, bôi đen. Trang sử đen tối nhất của lịch sử Việt đang được những tên đồ tể Hà Nội ghi chép. Đất nước thì chiến tranh nghèo đói, dân chúng thì chúng được no cơm, ấm áo, ngoại bang thì để hầu bóp cổ. Hình ảnh những tên Sô Viết vênh vang, ngất ngưỡng ở khắp nơi. Cả một giai què hướng Việt Nam găm vọc bồng một sớm một chiều trở thành tỉnh huyện của Nga Sô.

12 năm qua người Cộng Sản Hà Nội vẫn cao rao tự hào Việt Nam thống nhất - Việt Nam độc lập - Việt Nam phồn vinh. Những thực tế ra sao thì ai ai cũng đã rõ. Đã mới hai năm mà những người Việt yêu chuộng tự do vẫn lũ lượt bỏ nhau ra đi. Đi vì không thể sống với lũ người hình người đầu thú. Đi để đánh thức lương tâm nhân loại. Một lần trên bờ quê hương là ngàn thống trăm nhớ, những vấn đề đành phải cắt ruột ra đi. Cho đến nay trên một triệu người sống tha hương cầu thực nơi xứ người. Cả một chuỗi dài trên 4000 năm dựng nước của giống nòi Việt chưa bao giờ lại có cuộc di cư bỏ xứ vĩ đại và bị thống như vậy.

Ngày tháng vẫn qua đi, những bóng hình tuổi sáng cho tương lai của dân Việt vẫn mờ mịt u tối. Tại quê nhà thì khổ đau, áp bức lâm thân nơi xứ người những kẻ may mắn thoát được gông cùm đồ tể vẫn ngày đêm thôn thốc tưởng về quê hương. Bước qua năm thứ 12 vấn đề của những người Việt khổ đau vẫn còn đó và còn đang tiếp diễn dưới nhiều hình thức. Hy vọng gì cho một tương lai của giống nòi Việt, những cây đuốc đang được những người nhiều lòng nhân ái đang cố thấp sáng...

TÀU NHÂN ÁI CAP ANAMUR III RA KHƠI

Tháng 4, mỗi hai năm về trước cả Việt Nam lọt vào tay Cộng Sản. Một chế độ biểu trưng cho đọa đày, thống khổ và chiến tranh. Mỗi hai năm sau cũng vào tháng tư, một con tàu nhân ái, tình thương, lại tiếp tục rẽ sóng ra khơi. Đây là lần thứ 3 Hội Y Tế Thế Giới (Pháp) và Ủy Ban Cap Anamur (Đức) đã tiếp tục làm một việc làm đầy lòng tử bi bác ái. Có lẽ trong những năm cuối của hậu bán thế kỷ 20, những con người mang danh văn minh của thế giới Tây phương đã làm được 2 việc nhân đạo ý nghĩa nhất là chứng trình thực phẩm cứu đói cho Phi Châu hồi cuối 1965 và chứng trình Cap Anamur đang tiến hành hiện nay. Tàu Cap Anamur - danh từ Anamur đã trở nên quen thuộc đối với tất cả những người Việt tỵ nạn. Với chứng trình này đã cứu vớt cho tới nay trên 10.000 mạng sống. Rồi từ những người được hồi sinh này đã cứu mạng cho cả chục ngàn người khác nào vợ chồng, cha mẹ, anh em... thoát khỏi địa ngục Việt Nam.

Tháng 4 này CAP ANAMUR lại ra khơi những khác với 2 lần trước, lần này trong một hoàn cảnh khó khăn hơn. Nào vấn đề tài chánh eo hẹp, nào các quốc gia đã quay lưng, thờ ơ với sự tiếp nhận những người được

tàu cứu vớt. Lần này sự thành công hay thất bại của con tàu nhân ái Cap Anamur, tất cả trách nhiệm đặt trên vai các cộng đồng người Việt ở Hải ngoại. Như chúng ta biết những người chủ xướng chứng trình này là những người không màu da, tiếng nói với chúng ta. Họ là những người Đắc người Pháp. Họ cũng chẳng mang nợ cha ông gì chúng ta. Thế mà tại sao họ lại xúc động khi nghe tin những thuyền nhân Việt bị đói khát, hải tặc, bão táp trên đường trốn bỏ quê hương. Còn chúng ta, những kẻ cùng tổ cùng tông, cùng máu da tiếng nói nở lòng nào nhắm mắt cột lòng làm ngơ không tiếp tay giúp sức.

Nhiều điều phải lấy giá gương,
Người trong một nước phải thương
nhau cùng.

LỮ CÂY CỎ MÀI NANH, VUỐT MÔNG

Cho tới đầu năm 87, một vài tạp chí của người Việt tỵ nạn lên tiếng về Đại hội Frankfurt của lũ Cộng con hoat đồng ở CHLB Đức, thì đủ luận đồng bào tỵ nạn mới hay biết, kinh nghiệm qua những lần hội họp của lũ chúng trước đây, mỗi khi lũ chúng tập hợp khuya mỗi mùa lúa ở nơi đâu mà đồng bào tỵ nạn ta hay, biết thì chắc chắn bản đoàn thể tự lũ chúng lãnh "theo" 6 chế. Đại hội Cộng con Frankfurt diễn ra vào tháng 9/1986: với nhiều buổi thảo luận, bàn cãi, lũ chúng đã đưa ra cái mà chúng gọi là "chính sách đối với Kiều bào". Những cử chỉ rất lại được lũ chúng tỏ ra và đầu kín cây gậy sau lưng. Đây chúng ta hãy nghe ngôn từ của lũ cây cỏ khoác áo nhà tu. "Hòa hợp dân tộc là thang thuốc hiệu nghiệm hơn gùn vết thương chia cắt trong mọi gia đình Việt Nam, là truyền thống tốt đẹp, là cơ sở để xây dựng và bảo vệ đất nước lâu dài... Đánh giá cộng đồng vì thế không nên qua lăng kính chính trị đều thuận, tái lại nên xem đó cũng là một phần máu VN, thịt VN, khác ruột VN ở ngoài ngàn dặm".

Hắn chúng ta chưa quên, 30 năm trận chiến Quốc Cộng lũ Cộng Sản VN đã bao lần đưa chiêu bài hòa hợp

Xem tiếp trang 76

KỶ LỤC KHÔNG VẠN MỐI VÒNG QUANH THẾ GIỚI TRONG 9 NGÀY ● VŨ BÁC CỤ



Hồi 17 giờ (GMT) ngày 23.12.86 chiếc phi cơ mang tên "Voyager" (người du lịch) đã đạt được một kỷ lục mới cho ngành hàng không, sau cuộc bay thử nghiệm vòng quanh thế giới trong đúng 9 ngày, mà không cần ngưng hoặc tiếp tế xăng giữa chừng. Kỷ lục hàng không mới này đã phá được kỷ lục tạo ra bởi chiếc B 52, bay liên tục không cần đổ xăng giữa chừng với đoạn đường bay dài 20.000 km vào năm 1962.

Điều khiển chuyến bay, dài khoảng 42.000 km, này là hai phi công: Dick Rutan (49 tuổi), từng là phi công chiến đấu trên chiến trường Việt Nam với 325 phi vụ tại đây; người phi công thứ hai là bà Jeannette Yeager (34 tuổi), một nữ họa viên kỹ thuật. Họ đã thay đổi nhau điều khiển chiếc phi cơ, ăn đồ khô và ngủ trong một phòng nhỏ vừa bằng 1

trạm điện thoại công cộng hoặc bằng một chiếc bồn tắm, trong suốt cuộc phi hành kỷ lục này. Chiếc phi cơ được chế tạo hoàn toàn bằng vật liệu nhẹ: một chất nhựa hóa học đặc biệt trộn với sợi than, và tất cả đều được hoàn thành bằng tay do một nhóm kỹ sư dưới sự điều khiển của kỹ sư hàng không Burt Rutan, người anh của Dick. Cùng với sự trợ giúp của một số nhà hảo tâm, các nhà kỹ sư này đã bỏ tiền túi thêm để chế tạo và hoàn tất chiếc phi cơ cho cuộc phi hành này.

Chiếc "Voyager" mang một cánh với chiều ngang 33,74m (111 feet), dài hơn cánh của một chiếc Boeing 727; có 17 ngăn chứa xăng và có trọng lượng 1000 kg khi chưa có xăng, chỉ nặng vừa bằng một chiếc xe hơi nhỏ;

nếu chứa xăng và phi hành đoàn trọng lượng tổng cộng vào khoảng 3500 kg.

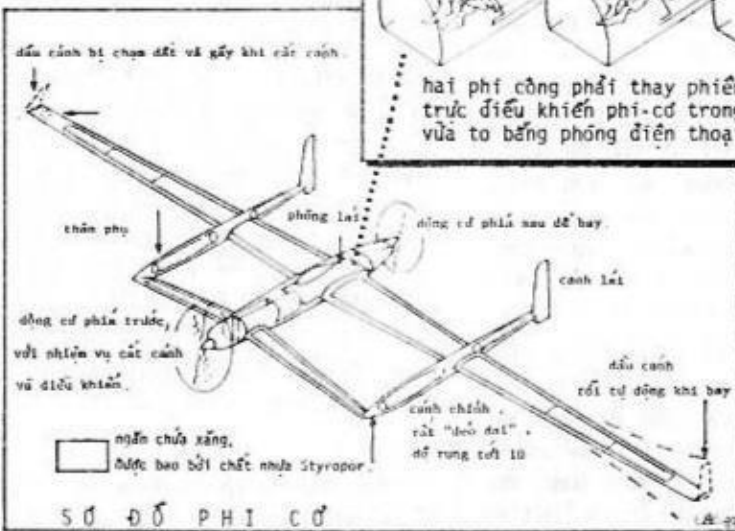
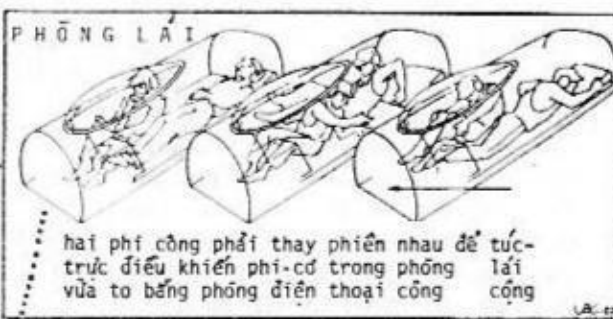
Mức dầu khi cất cánh có một vài trục trục xây ra: 1 đầu của cánh phi cơ bị chạm đất gầy, động cơ sau chạy không hoàn toàn, bộ phận bơm xăng bị nghẽn.

Cũng như thời tiết đã làm họ phải thay đổi đường bay, thay vì bay ở phía nam quần đảo họ phải đi theo hướng bắc, cùng với sự nguy hiểm khi gặp trận bão lốc tại Thái Bình Dương, nhưng chuyến bay vẫn tiếp tục và hoàn tất cuộc thử nghiệm một cách hoàn mẫn như dự định.

Sau khi hoàn tất 42.000 km vòng quanh trái đất không cần tiếp tế nhiên liệu giữa đường, với 4800 lít (1200 gallons) xăng lúc hạ cánh an toàn về lại căn cứ không quân Edward chỉ còn vòn vòn 32 lít xăng vừa đủ cho khoảng 320 km đường bay nữa thôi.

Vận tốc của phi cơ đạt tới 180 km/giờ so với vận tốc 175km/giờ được ghi nhận trong chuyến bay ngang Đại Tây Dương vào năm 1927 của phi công Charles Lindbergh. Vào thời đó đã là một kỷ lục rất lớn cho ngành hàng không.

Ý thích và sự lưu tâm tới ngành hàng không của hai anh em Rutan đã là động lực thúc đẩy cuộc bay kỷ lục này: lớn lên vào thập niên 50 tại California và Oregon, họ đã được thêm sự khuyến khích của cha mẹ, cha là nha sĩ, mẹ nội trợ, để hoàn thành





TIN TỨC THỜI SỰ THẾ GIỚI

VŨ NGỌC LONG

VIỆT NAM

● TIẾP TỤC THANH TỐAN HẠ BÊ TRONG ĐAM CHÓP BU CS.

● PHẠM VĂN ĐỒNG VẤN NĂM CHỨC THỦ TƯỚNG

30.4.1987 tròn 12 năm, toàn Việt Nam lọt vào tay thông tri của những người cộng sản. Lịch sử Việt Nam bắt đầu ghi đậm thêm những trang đen tối. Cả một giai đoạn sơn gấm vóc đỏ xúng máu của bao thế hệ cha ông bồi đắp, phút chốc đã tan hoang, xơ xác 12 năm Việt Nam đã trở thành 1 vùng đất của thống khổ bị tàn phá. Chiến tranh vẫn ngày đêm tiếp diễn, hàng lớp trai trẻ đã ngã gục trên các chiến trường biên giới. Tuy nhiên xúng cao tủa núi, máu chảy tủa sông vẫn chẳng tạo nên sự xúc động nơi những con người cộng sản. Sự cuồng tín ngu dân, tin vào một lý thuyết ngoại lai, được tô vẽ bởi những tên đồ tể của thế kỷ 20 ở Điện Cẩm Lĩnh Tập đoàn lãnh đạo Hà Nội như những con ngựa ngậy dai, bị bịt 2 mắt chỉ được nhìn một hướng. Trong khi đó trên vai quần nặng xiềng xích của giới lãnh đạo Mạc Tư Khoa. Dân đói, dân khổ nức dân... miễn sao làm vừa lòng, vừa bụng quan thầy Số Việt là được. Sau 12 năm với toàn quyền sát trung tay, những người cộng sản Việt Nam đã làm gì cho quê hương dân tộc Việt?!. Bao nhiêu lời cao rao, cơm no, áo ấm, hòa bình, phồn vinh, độc lập, tự do. Tất cả chỉ là những mỹ từ xa vời, mông mi. Cho tới nay bao nhiêu quốc gia đã lâm lổn tủa vào giáo điều Marx Lê nay họ đã dần dần hồi tỉnh. Trong khi đó ở Việt Nam đám công sản giả ma, tâm tối ở Bắc bộ phủ vẫn khư khư xúng

tung lý thuyết lỗi thời ác độc của Marx Lê.

Sau cả năm giằng co, cầu xé giữa các phe nhóm trong đảng Công Sản VN Mặt khác áp lực từ phía Số Việt về vấn đề trẻ trung hóa hàng ngũ lãnh đạo. Trung tuần tháng 12/86 đại hội Công đảng kỳ 6 đã khai mạc ở Hà Nội dưới sự chủ tọa của "ngài toàn quyền vĩ đại Liên Xô, Ligachev". Những tên đầu xỏ của đảng CSVN đã làm trò múa rối, gọi là mua vui cho quan thầy. Trưởng Chính tức Đặng Xuân Khu lên diễn đàn đọc một bài diễn văn dài với tính cách tự phê, tự kiểm. Cái trò "đồng đồ cho tướng

tướng đồ cho đồng" hay danh từ bình dân thường dùng "trò lán cái" đã được Khu xử dụng triệt để. Trưởng Chính lâu nay vẫn mang tiếng là cầm đầu phe thân Tàu, nên khi Lê Duẩn đau thân chết, Chính được cử nắm chức Tổng bí thư đảng. Những giới quan sát quốc tế cho rằng Chính chỉ nắm chức Tổng bí thư tạm thời. Điều tiên đoán này đã xảy ra khi đại hội kỳ 6 bế mạc. Ở đây chúng ta cũng nên nhắc lại thành tích của Đặng Xuân Khu 30 năm về trước, khi đó Khu nắm chức Tổng bí thư đảng, đã thực hiện chính sách cải cách ruộng đất ở miền Bắc. Chính đã đem cha mẹ ra đầu tố để làm gương. Hình đồng đã man vô hiệu này làm tên tuổi Đặng Xuân Khu ai cũng biết tới.

Với trên 3 tỷ US dollars viện trợ mỗi năm, Việt Nam đã trở thành một tỉnh huyện của Liên Bang Xô Việt. Mọi luân thị từ Điện Cẩm Lĩnh truyền ra, giới chóp bu Hà Nội phải rúm rập nghe theo. Trưởng Chính phải rù

áo ra đi, kéo theo 2 tên đồ tể Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ. Tuy nhiên vì bị áp lực của Số Việt nên 3 tên đồ tể bàn áp dụng trí hoãn kế, trước đại hội tuyên bố "gát kiếm tử quan" những lại hồi thức đám đàn em yêu cầu ở lại chức, và sau đó 3 tên lui về tam nạm chức cố vấn. Mãi Cúc, Nguyễn Văn Linh, tên phau cao mi cao su sinh trưởng ở tỉnh Hưng Yên Hộc Việt, theo đoàn công nhân do toàn quyền Merlin Pháp tuyên mộ vào Nam để khai thác các mỏ diêm cao su của Pháp trong những năm của thập kỷ 30. Mãi Cúc được tiếng là thành phần cấp tiến và hợp "nhân" quan thầy Số Việt nên được đề cử nắm chức Tổng bí thư đảng. Tuy nhiên theo giới quan sát thế giới, Linh chỉ hiểu danh vô thực. Vì quyền hành 3 tên đồ tể Chính, Đồng, Thọ và phe cánh vẫn còn mạnh thế. Như ta biết 1985 Linh mới được phục hồi trong chính trị bộ cơ quan đầu não của đảng CSVN. Mặt khác sự kính trọng giữa các phe nhóm vẫn chưa ổn. Cho tới nay theo giới quan sát quốc tế cho biết chưa lúc nào đảng CSVN lại chia rẽ năm bề bầy mỗi như lúc này. Nào phe già, phe trẻ, phe Bắc, phe Nam, phe bảo thủ, phe cấp tiến v.v.

Đại hội kỳ 6 bế mạc với tân tổng bí thư là Mãi Cúc Nguyễn Văn Linh. Trưởng Chính ra đi, Phạm Văn Đồng Thủ tướng cũng tuyên bố từ quan, và Lê Đức Thọ chiến lược gia của đảng cũng tuyên bố từ chức. Mọi chuyện người ta ngỡ đã ổn, các phần "thịt" béo bở đã được các tên đồ tể chia phần ổn thỏa. Nhưng vào 16.2.87 đại phát thanh Hà Nội loan đi bản tin một cuộc cải tổ mới qua hội đồng chính phủ. 12 Tổng trưởng và 2 Đại tịch ủy ban nhà nước kiến gọi ra đi. Tuy không tuyên bố chính thức nhưng Phạm Văn Đồng vẫn nắm lại chức Thủ tướng. Một hội đồng chính phủ mới được thành lập gồm 6 phó Thủ tướng, 12 Tổng trưởng và 3 Đại tịch ủy ban nhà nước. Mặt khác vào 23.2. Đại Hội Nội cũng tuyên bố một chính sách kinh tế về vấn đề thuế, ngân hàng, mìnch vốn ngoại quốc nhập cảng...

Sau đây là bản danh sách các tên cũ và mới trong hội đồng chính phủ:

- | | | |
|--|-----|----|
| | Mới | Cũ |
|--|-----|----|
- 1/ P.T. Tướng **Ng. Cổ Thạch** Tr. **Quỳnh**
(d. tr. ngoại giao)
 - 2/ P.T. Tướng **Ng. Khánh** (mới thêm)
 - 3/ P.T. Tướng **Ng. Ng. Trứ** **Vũ Đ. Liêu**
 - 4/ P.T. Tướng **Tr. Đ. Lương** (mới thêm)
 - 5/ P.T. Tướng **Đoàn Duy Thanh** -
(d. tr. ngoại thường)
 - 6/ P.T. Tướng **Ng. V. Chính** -
 - 7/ T.T. Q. Phg **Lê Đ. Anh** **Văn Tiên Dũng**
 - 8/ T.T. Nội Vụ **Mai Chí Thọ** **Phạm Hùng**
 - 9/ T.T. Nông nghiệp **Ng. Công Tân** -
và Kỹ nghệ
Lương thực
 - 10/ T.T. Tài chính **Hoàng Quý** **Ví Tuấn**
 - 11/ T.T. Kỹ nghệ **Vũ Tuấn** **Ng. Chi Vũ**
nhe
 - 12/ T.T. Năng lượng **Vũ Ng. Hai** **Phan Khai**
 - 13/ T.T. Công nghiệp **Phan Th. Liêm** **Ng. V. Kha**
và Khoáng sản
 - 14/ T.T. Văn hóa **Trần Văn Phúc** -
 - 15/ T.T. Giáo dục **Tr. Hộ. Quân** **Ng. Đ. Tu**
huống nghiệp
 - 16/ T.T. Giáo dục **Ph. M. Học** **Ng. T. Bình**
 - 18/ T.T. Lao động **Ng. Kỳ Cam** **Đào Th. Thị**
xã hội
 - 19/ T.T. Liên lạc **Trần Hoàn** (mới thêm)
 - 20/ T. Thủ lý của **Ng. Khánh** **Đ.T. Truyền**
hội đồng bộ trưởng
 - 21/ CTUB Thanh **Ng. V. Chính** **Bùi Q. Tạo**
Tra nhà nước
 - 22/ TT và PCT **Đậu Ng. Xuân** **Hoàng Quý**
UFEKhoa học nhà nước
 - 23/ CTUB giá **Phạm V. Tiêm** (mới lập)
cả nhà nước

(Trích Tạp chí FAR EASTERN ECONOMIC REVIEW)

Mất khác mới đây ngoại trưởng **Sô Viết Shevardnadze** đã mở chuyên công du 6 quốc gia Á Châu, Thái Bình Dương **Shevardnadze** đã ghé Hà Nội. Tuy nhiên giới quan sát tình hình Đông Nam Á đưa ra nhận xét có lẽ lúc này **Sô Viết** chưa áp lực **CSVN** rút quân khỏi Miên. Vì **Gorbachov** đang thực hiện một thể chiến lược hành trưởng ở Á Châu và Thái Bình Dương. Mất khác chuyên đi của ngoại trưởng **Sô Viết** để vận động cho một sách lược mới, tạo một vùng phi nguyên tử ở Á Châu và Thái Bình Dương, nhằm phá vỡ tất cả thế phòng thủ chiến lược của Mỹ ở Á Châu và bao vây Trung Quốc của Nga (coi tiếp phần Liên Xô).

Trở lại vấn đề tranh giành quyền lực giữa các phe nhóm ở Hà Nội. Chúng ta thấy trong hai kỳ hạ bệ

thanh toán nhau vừa qua đám **Nguyễn thi Bình**, **Nguyễn Văn Hiếu** thành phần trong chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam trước kia bị cho về vườn, còn đám **Nguyễn Hữu Thọ**, **Huỳnh Tân Phát** không thấy được nhắc nhở tới. Cuộc bầu cử quốc hội vào tháng 4/87 này sẽ còn nhiều màn thanh toán hạ bệ nhau. Chưa ai biết trước những gì sẽ xảy ra trong cuộc tranh giành của đám chớp bu Hà Nội, ngoại trừ những tên lãnh đạo ở Điện Cẩm Lĩnh. Vì nhất chúng ta biết, mọi quyết định ở Việt Nam bây giờ đều phát xuất từ **Mac Tí Khoa**.

CHAD

● QUÂN GADDAFI CHẠY DÀI

Với 1269 chết và 438 bị bắt làm tù binh, trong số 15.000 quân của Libya hiện đang chiếm đóng vùng phía Bắc Chad. Mới đây quân đội của Tổng Thống Chad, **Hissene Habré** đã mở cuộc tấn công ác liệt kéo dài trên 2 giờ vào các căn cứ quân Libya ở phía Bắc Chad. Kế đó một cuộc tấn công vào cứ điểm **Faya Largean** 1 căn cứ quan trọng nhất của Libya ở Chad. Nơi đây trên 3000 lính Libya đồn trú đã tháo chạy về phía Bắc giáp biên giới Libya-Chad. Cuộc bỏ chạy của binh lính Libya đã khiến quân của **Habré** kiểm soát lại 1 phần lãnh thổ phía Bắc Chad lâu nay bị Libya chiếm đóng, và nó cũng phá tan giấc mộng hành trưởng lãnh thổ của **Gaddafi**.

Được biết mới đây Mỹ đã viện trợ khẩn cấp cho chính phủ **Habré** 15 triệu US dollars và chính phủ Pháp cũng mới viện trợ cho **Habré** loại hỏa tiễn **Milam** để chống tank (giá mỗi cái là 34.000 US). Theo giới quan sát thì lực lượng của **Gaddafi** sẽ khó giữ vững các vùng phía Bắc Chad. Nếu trong những ngày tới đây quân đội của **Habré** mở những cuộc tấn công mới, chắc chắn quân của **Gaddafi** sẽ tháo chạy, vì tình thần hiện rất sa sút. Libya sẽ mất 500 dặm vùng sa mạc **Aouzoustrip**, nơi chỉ chít những mỏ dầu.

Mới đây sau những trận thảm bại **Gaddafi** đã kêu gọi sự giúp đỡ của khối Warsaw, phía **Mac Tí Khoa** thì còn giữ thái độ dè dặt để nghiên cứu tình hình, vì lâu nay người

khủng **Gaddafi** thường tuyên bố vùng vát không đúng sự thật.

TÂY ĐỨC

- ĐẢNG SPD LỘN XÔN LỘN
- 1988 THUÊ LỢI TỨC GIẢM NHIỀU

Ngay từ khi đại hội đảng SPD ở Nürnberg được triệu tập để cử người ra tranh cử. Đảng SPD có những lúng túng trong hàng ngũ lãnh đạo đảng. Cảnh tá của đảng đã lần lượt cảnh báo, **Helmut Schmidt** đã phải "gật kiếm từ quan". Cảnh tá đã cả thảy, **Johannes Rau** được cử đi ra tranh chức Thủ tướng Liên bang. Kế tiếp những lời tuyên bố của chủ tịch đảng SPD **Willy Brandt** yêu trở cho Rau trong chính sách đối ngoại kêu gọi sự triệt thoái các vũ khí nguyên tử và hóa học khỏi Tây Đức. Đồng thời đảng SPD cử đại diện thảo luận với Đông Đức để bàn về 1 hình lang phi nguyên tử dọc biên giới 2 xứ Đông, Tây Đức.

Cuộc tổng tuyển cử đã diễn ra **Johannes Rau** của SPD dấpi đường kim Thủ tướng **Helmut Kohl** đánh bại. Với tỷ lệ SPD 37% thấp nhất trong 16 năm qua, (CDU & CSU) của Köln được 44,3%. Sự thất bại của cuộc tranh cử càng làm hàng ngũ đảng SPD giao động và chia rẽ. Mới đây trong cuộc họp kín giữa 40 đảng viên cao cấp tại trụ sở trung ương đảng. Chủ tịch **Willy Brandt** đã tuyên bố từ chức. **Willy Brandt** nắm chức Chủ tịch đảng SPD từ 1964. Một vấn đề khác đã tạo sự bần cải và gây thêm lúng túng cho đảng SPD là **Brandt** đã để cử bà **Margarita Mathiopoulos** 30 tuổi người Hy Lạp chưa vào quốc tịch Đức làm phát ngôn viên của đảng SPD. Vấn đề này tuy được 1 số đảng viên cao cấp đồng ý, nhưng đa số đảng viên cấp dưới thì phản đối với lý do **Mathiopoulos** chưa là người Đức. Vào cuối tháng 3/87 **Mathiopoulos** đã tuyên bố từ chối nhận chức phát ngôn viên của SPD.

Sau đây chúng tôi xin ghi lại vài nét về cuộc đời của **Willy Brandt** ... **Brandt** năm nay 74 tuổi, sinh 18.12.1913 tại **Liibeck**, nơi cảng Hanseatic đường dẫn ra biển Baltic. **Brandt** đã ra chào đời trong một căn

phòng gồm chung nhà bếp của nhà ông ngoại. Mẹ Brandt là bà Martha Frahm thì ký cho tờ hợp buôn bán của làng ... Brandt ra đời lúc Martha 19 tuổi. Cha Brandt không biết là ai, có thể là 1 thầy thuốc hay 1 tay lái buôn nào đó. 8 tháng sau khi Martha sinh thể chiến thì nhất bùng nổ, có thể trận chiến này đã cướp đi người cha không hề biết mặt của Willy Brandt (Trích The Other German của David Hindler). Ra nhập đảng SPD năm Brandt 16 tuổi, là 1 thanh niên đầy lòng nhiệt huyết, Brandt đã chống đảng Quốc Xã, 1933 Hitler lên nắm quyền Brandt lui lạc 12 năm ở Na Uy và Thụy Điển... Brandt trở lại Đức sau khi thế chiến 2 chấm dứt và 1957 Brandt được bầu làm thị trưởng Tây Bá Linh. Và sau đó được đảng đề cử ra làm Thủ tướng Liên bang. Năm 1971 Brandt được giải Nobel hòa bình vì đã tạo được mối quan hệ Đông Tây trở lại, sau khi hình ảnh căng thẳng trong cuộc chiến tranh lạnh Nga Mỹ. Năm 1970 Brandt viếng thăm Balan đã quỳ gối trước đài kỷ niệm các nạn nhân Do Thái bị Hitler tàn sát ở Holocaust. Hành động này đã gây xúc động cho dư luận thế giới. Năm 1974 với vụ Scandal 1 công sứ viên thân cận tên Günter Guillaume là điệp viên của Đông Đức. Willy Brandt phải từ chức thủ tướng sau gần 8 năm nắm quyền.

Từ 1964 trong chức vụ Chủ tịch đảng SPD, Brandt đã có những lập trường thay đổi. Trong những năm đầu của thập niên 80, Brandt là người ủng hộ sự thiết bị các hòa tiền tâm trung của Mỹ ở Tây Âu. Thời gian gần đây quan điểm chính trị trên đã thay đổi, Brandt luôn luôn ủng hộ cánh tả của đảng, từ đó giữa cánh tả được Brandt yên trợ và cánh hữu của Schmidt trong đảng SPD đã có những bất đồng.

Trước khi từ chức chủ tịch đảng theo giới quan sát chính trị ở Bonn thì Brandt muốn đề cử Thủ tướng tiêu bang Saarland là Oskar Lafontaine, 43 tuổi làm chủ tịch. Lafontaine được tiếng cực tả kêu gọi Tây Đức rút quân khỏi Nato. Tuy nhiên vào 13.2.87 trong cuộc gặp gỡ kín ở Bonn đã có những đồng ý Vogel thay thế Brandt, Rau sẽ nắm chức phó chủ tịch và Lafontaine sẽ được đảng đề cử ra tranh chức Thủ tướng Liên bang 1990.

TÂY ÂU

● KỶ NIỆM 30 E.G. RA ĐỜI

Đệ kỷ niệm tròn 30 năm ngày ra đời của cộng đồng Âu Châu (European Community). Tại nhiều nơi trong các quốc gia hội viên đã tổ chức những buổi lễ kỷ niệm. Đặc biệt vào 25.3.1987 tại Rome thủ đô Ý Đại Lợi 6 quốc gia gồm Ý, Pháp, Tây Đức, Bỉ, Luc Xan Hào và Hòa Lan đã đồng ý ký kết 1 văn kiện thành lập E.C. với mục đích cùng nhau tăng tiến kinh tế, xã hội và thống nhất khối dân Tây Âu. Khởi đầu từ 6 quốc gia, đến nay E.C. đã có 12 hội viên với dân số 320 triệu, E.C. đã trở thành 1 thế lực kinh tế và chính trị quan trọng trong sinh hoạt chính trị kinh tế thế giới.

Năm nay kỷ niệm 30 năm ra đời E.C. tại Pháp, Thủ tướng Chirac và Tổng thống Mitterrand đã cho cử hành lễ rất trọng thể, cuộc thăm viếng đài chiến sĩ vô danh, cùng thăm viếng dân chúng Paris. Có 12 sao vàng trên nền xanh đường của E.C. được treo lên khắp nơi. Ở đây cũng nên nhắc lại gần đây vấn đề tranh chấp về thị trường buôn bán giữa E.C. và Mỹ đã bùng phát. Năm 1986 với sự gia nhập E.C. của 2 xứ Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha, khối E.C. đã không phải nhập cảng 1 số nông sản từ Mỹ nữa. Hoa Kỳ đã mất 1 thị trường bán nông sản quan trọng. Vấn đề đã trở nên nghiêm trọng khi chính phủ Mỹ quyết định hạ giá đồng Dollars, tăng thuế các hàng nhập của E.C. như rượu, bơ, pho mát... Để giải quyết vụ khủng hoảng này E.C. đã phải chịu mất ra 700 triệu US đôla để bồi thường cho Mỹ. Tuy nhiên mặt trận kinh tế giữa Mỹ và Tây Âu chắc chắn sẽ còn nhiều gay gắt. Mới đây ngoại trưởng Thổ tuyên bố có thể năm 1988 hoặc 1989 Thổ Nhĩ Kỳ sẽ được gia nhập khối E.C.

Cho tới nay trong chiều hướng cùng nhau tăng tiến 12 xứ trong E.C. đã tạo được những phát triển đáng kể, người dân của các xứ E.C. đã có mức sống cao hơn rất nhiều so với Số Việt và khối Comecon của Đông Âu Lợi tức của người dân Nga chỉ gần bằng lợi tức xứ nghèo nhất mới gia nhập E.C. là Bồ Đào Nha mà thôi.

HY. THỔ

● CẶNG THẮNG GIỮA 2 HỘI VIÊN NATO

Tổng thư ký khối Nato Lord Carington ở tổng hành dinh Brussels đã với vòng triều tập một phiên họp khẩn cấp để giải quyết vấn đề tranh chấp giữa Thổ và Hy Lạp, 2 xứ đều là hội viên Nato.

Được biết vào hạ tuần tháng 3, 1 tàu nghiên cứu dầu hỏa của Thổ mang tên Sismik-1 và một số chiến hạm hải quân hộ tống đã dự tính tiến vào vùng biển Aegean nằm sâu trong các đảo Lesbos, Lemnos và Samothrace của Hy Lạp. Hay tin này thủ tướng Hy Lạp Andreas Papandreu đã lên hệ thống truyền hình và truyền thanh Hy tuyên bố đặt lực lượng pháo binh và hải quân Hy trong tình trạng báo động, nếu tàu Sismik-1 tiếp tục tiến vào Aegean thì sẽ khai hỏa và sẽ dạy cho Thổ 1 bài học tốt. Trong khi đó tại Ankara thủ đô Thổ phó thủ tướng Kaya Erdem tuyên bố Hy Lạp sẽ chịu mọi trách nhiệm nếu chiến tranh bùng nổ. Sau đó tình hình lắng dịu không có vụ đáng tiếc nào xảy ra. Thủ tướng Thổ Turgut Ozal trên đường từ Mỹ về ghé London đã tuyên bố Thổ sẽ chờ đợi 1 hành động gây hấn của Hy sẽ sẵn sàng phản ứng.

Được biết sự tranh chấp đất đai về quyền kiểm soát trên 1000 đảo ở vùng biển Aegean đã là mối thù truyền kiếp giữa 2 dân Thổ và Hy trải qua nhiều thế kỷ nay. Trong 1976 cuộc đụng chạm giữa 2 nước cũng đã xảy ra. Sau đó 1 cuộc gặp gỡ giữa Thổ Hy tại Bern (Thụy Sĩ) đã đồng ý ký kết 1 hiệp ước. Nay cả 2 phía đều tuyên bố không nước nào tôn trọng những điều đã cam kết ở Bern.

Vấn đề vùng biển Aegean sẽ mãi mãi là nguyên nhân cho các vụ tranh chấp Thổ Hy và khó giải quyết ôn hòa.

A PHÙ HẢN

● KHÁNG CHIẾN QUÂN TẬN CÔNG VÀO LÃNH THỔ SỔ VIỆT

Hàng chục máy bay Xô Viết đã mở những cuộc không tập dữ dội vào 3 làng dọc biên giới Pakistan và A Phú Hân. Đặc biệt nơi đây có trên 1 triệu dân tỵ nạn A Phú Hân đang tạm cư trong những trại tỵ nạn. Các cuộc không tập này khiến 181 người chết và 200 người khác bị thương, đã số là thường dân.

Mặt khác mấy tuần qua tình hình chiến sự trong nội địa A Phú Hân đã tạm lắng dịu. Các cuộc tấn công của kháng chiến quân đã chuyển hướng vào sâu lãnh thổ của Xô Viết. Theo tin giới ngoại giao Tây phương ở Islamabad quân kháng chiến đã tấn công vào các vị trí của Hồng quân Xô Viết dọc vùng biên giới từ 3 tuần nay, đã giết được 12 lính Nga. Đây là lần thứ nhất trong nhiều năm qua tin tức về cuộc tấn công của kháng chiến quân A Phú Hân vào lãnh thổ Xô Viết được công bố. Cũng theo nguồn tin ngoại giao và tình báo, thì hiện nay có khoảng 115.000 bộ đội Xô Viết còn đóng trú ở A Phú Hân. Mới đây cuộc gặp gỡ giữa 2 chính phủ Pakistan và A Phú Hân do sự bảo trợ của Liên Hiệp Quốc nhằm thảo luận về vấn đề triệt thoái quân đội Xô Viết khỏi A Phú Hân. Chính phủ bù nhìn Kabul đưa đề nghị 45 tháng, phía Pakistan đòi trong 11 tháng lính Xô Viết phải rút về nước. Trong cuộc gặp gỡ vào đầu tháng 3/87, có vài dấu hiệu khả quan. Hồng quân đã phi cơ Xô Viết đã tấn công 3 làng dân tỵ nạn A Phú Hân sâu trong nội địa Pakistan, nên chính phủ Pakistan đã từ chối tiếp tục thảo luận với chính phủ Kabul nữa. Mặt khác phi cơ của Kabul lại đã tấn công một làng tỵ nạn A Phú Hân ở trong lãnh thổ Pakistan khiến 5 người chết và 8 bị thương. Cuộc tấn công này theo giới ngoại giao nhân định như là hành động trả đũa về thái độ từ chối tiếp tục thảo luận của Pakistan với chính phủ Kabul.

Mặt khác giới ngoại giao Mỹ thì cho rằng các cuộc không tập của kháng quân Xô Viết và A Phú Hân nhằm làm áp lực buộc chính phủ Pakistan ngừng yểm trợ cho lực lượng kháng chiến quân A Phú Hân. Đặc biệt cho tới nay là bước qua năm thứ 8 kể từ ngày Hồng quân Xô Viết chiếm đóng A Phú Hân, gần 50.000 lính Nga đã bỏ xác trên chiến trường và hàng tỷ dollar US chiến cụ Xô

Viết đã đổ vào mặt trận này. Trong khi đó hàng trăm ngàn thường dân A Phú Hân đã bị giết bởi bom đạn của Xô Viết. Đến nay phe kháng chiến Hồi giáo A Phú Hân đã mở rộng các cuộc tấn công vào lãnh thổ Nga; dấu hiệu cho thấy phe kháng chiến đã ngày một lớn mạnh hơn lên và cường độ cuộc chiến chắc sẽ ngày một gia tăng. A Phú Hân cũng là vết thương đang rỉ máu của Xô Viết, đúng như lời của Gorbachev Tổng bí thư đảng Cộng Sản Xô Viết đã tuyên bố trước đây.

ANH QUỐC

● TÔNG TUYÊN CỬ SỚM THATCHER TRẦN TRỀ HY VONG TIẾP TỤC NĂM CHÍNH QUYỀN

Chính sách cắt giảm thuế lợi tức cho những người có mức lương trung bình từ 29% xuống 27% của chính phủ đảng bảo thủ do nữ Thủ tướng Thatcher lãnh đạo.

Mặt khác chính phủ cũng quyết định không tăng giá rượu, thuốc lá, nhiên liệu... Với quyết định này đã làm uy tín của Thatcher tăng cao. Mới đây cuộc thăm dò của báo chí Anh, Đảng Bảo Thủ của Thatcher đã 9 điểm cao hơn đảng Lao Động và 16 điểm cao hơn Liên minh Tự do Dân chủ Xã hội. Với những thuận lợi này có thể chính phủ Thatcher sẽ cho tổ chức tổng tuyển cử sớm hơn hạn kỳ. Đặc biệt nữ Thủ tướng Margaret Thatcher lên nắm quyền 1979. Áp dụng chính sách cải tiến kinh tế chậm chạp, báo chí Anh coi chính sách kinh tế là người bệnh của Âu Châu. Với chủ trương tiến chậm nhưng chắc của chính phủ Bảo Thủ Thatcher đã đạt kết quả, nay mức tăng tiến kinh tế đạt 3% cao nhất Tây Âu, lạm phát ở mức độ dưới 3,4%, năm qua mức thâm thủng về xuất nhập chỉ 1 tỷ US đô la, đã số hàng nhập cảng của Anh là thực phẩm.

Mới đây Thatcher đã mở cuộc Nga du gặp gỡ giới lãnh đạo diễn Cầm Linh. Đây là lần thăm viếng chính thức của giới lãnh đạo cao cấp nhất Anh quốc qua Nga kể từ 12 năm qua. Trong 5 ngày lưu lại Xô Viết Thatcher đã thảo luận nhiều vấn đề kinh tế, chính trị, quân sự ở Âu Châu. Trước khi khởi hành Thatcher tuyên

bổ với báo chí là lần đi này quyết đạt những hành động cụ thể, thay vì chỉ có những lời hứa suông. Thatcher là lãnh tụ đầu tiên của Tây Âu gặp Gorbachev kể từ hơn tháng qua tin tức về Mỹ và Nga đồng ý rút các hỏa tiễn mang đầu đạn nguyên tử tầm trung khỏi Âu Châu. Kế tiếp cuộc Nga du của Thatcher là cuộc thăm viếng Paris và Bonn để gặp Tổng Thống Mitterrand của Pháp và Thủ Tướng Kohl của Tây Đức. Đặc biệt Anh và Pháp có lúc lưỡng hỏa tiễn, phi đạn riêng không nằm trong số lượng tài giám giữa Mỹ và Xô Viết ở Tây Âu.

Mặt khác mối quan hệ ngoại giao giữa chính phủ Thatcher và Mỹ trong mấy tháng qua đã lạnh nhạt. Sau khi vụ Scandal Mỹ bán vũ khí cho Iran bị phanh phui, Thatcher nặng lời lên tiếng nguyên rủa Reagan là chó má. Chắc biết trong những ngày tới mối quan hệ Mỹ Anh sẽ thay đổi ra sao, sau cuộc gặp gỡ thượng đỉnh Mỹ Nga sẽ diễn ra trong năm nay, để thảo luận về vấn đề an ninh Âu Châu

SÔ VIẾT

● TẤN CÔNG NGOẠI GIAO MẠNH KHÁP NÓI

Ngày 28.7.86 tại Vladivostok Tổng bí thư đảng Cộng Sản Xô Viết đã tuyên bố 1 văn kiện ngoại giao đầy thù oán. Và kể từ ngày đó những trò múa may để thực hiện các mưu đồ bành trướng thế lực của Xô Viết ở vùng Đông Nam Á và Thái Bình Dương. Lợi dụng tình trạng lũng củng trong sinh hoạt chính trị của Mỹ sau vụ bán vũ khí cho Iran. Cũng như những căng thẳng giữa Mỹ và các Đông Minh Tây Âu về thống mại, cạnh tranh thị trường bán hàng hóa... giới lãnh đạo diễn Cầm Linh đã dồn nỗ lực tác động mạnh mẽ trên lãnh vực ngoại giao và tuyên truyền làm lung lay tận gốc rễ thế ngoại giao chủ đồng lâu nay của Mỹ tại các xứ Tây Âu và các quốc gia đồng minh của Mỹ ở Á Châu và Thái Bình Dương. Tháng 3/87 qua ngoại trưởng Xô Viết Eduard Shevardnadze đã mở cuộc du thuyết tại xứ trong vùng Á Châu Thái Bình Dương gồm Úc, Nam Dương, Thái Lan, Việt Nam, Lào và Miên. Tại 3 xứ không Cộng Sản là Úc, Nam Dương,

Thái Lan, ngoại trưởng Sô Viết đã không đưa ra lời cam kết nào là Sô Viết sẽ áp lực CSVN rút khỏi Kampuchea. Những chủ điểm chính của chuyên du thuyết này của ngoại trưởng Nga là mở cuộc tấn công hòa bình ở vùng Á Châu Thái Bình Dương kêu gọi các xứ trong vùng phung phí tài hóa nhằm thiết lập toàn vùng Á Châu và Thái Bình Dương 1 vùng hòa bình tự do và trung lập. Nếu kế sách này thành công sẽ ảnh hưởng to lớn tới thế lực quân sự của Mỹ hiện có ở Á Châu. Các tàu chiến nguyên tử Mỹ của Hạm đội 7 Mỹ sẽ hết chỗ tung hoành. Điều mà Sô Viết mong đợi vì

lực lượng hòa bình liên lục địa và phi đạn mang đầu đạn nguyên tử trong các tàu ngầm Mỹ ở vùng Á Châu Thái Bình Dương trội hơn hẳn Nga. Năm rồi Sô Viết đã thành công trong việc đầu phá vỡ liên minh quân sự ANZUS giữa Mỹ - Úc và Tân Tây Lan. Chính phủ Tân Tây Lan đã không cho tàu chiến Mỹ cập các cảng. Mặt khác trong lãnh vực kinh tế Sô Viết cũng đẩy mạnh các mối giao thương với các xứ trong vùng tháng 11/86 vừa qua Sô Viết đã cử quan sát viên tới tham dự hội nghị cộng đồng kinh tế Thái Bình Dương ở Vancouver. Sau đó Sô Viết ngỏ ý muốn xin là hội viên chính thức của cộng đồng kinh tế Thái Bình Dương nhưng cộng đồng này đã không chấp thuận. Trong tháng 1/87 Sô Viết đã cùng các xứ Trung Quốc, CSVN, Nam Đức lần lần đầu tiên hội nghị bàn tròn thảo luận vấn đề Á Châu Thái Bình Dương ở thủ đô Mã Lai Kuala Lumpur do viện nghiên cứu quốc tế chiến lược tổ chức.

Về phía Âu Châu, Sô Viết cũng tấn công mạnh ngoại giao trong các xứ Tây Âu, kêu gọi một cuộc duyệt xét giảm thiểu các vũ khí nguyên tử ở Âu Châu. Trong tháng qua sinh hoạt chính trị Tây Âu đã giao động mạnh khi một tin tức được báo chí loan truyền là Mỹ và Sô Viết đã thỏa thuận tháo gỡ các hỏa tiễn tầm trung của Nato và Varsovie ở Âu Châu. Đi xa hơn một đây Gorbachev tuyên bố nếu Mỹ rút hết các hỏa tiễn tầm trung ở Âu Châu thì Sô Viết cũng làm như vậy. Cho tới nay một vài bí mật trao đổi trong lần gặp gỡ với vàng ở Băng Đào giữa Reagan và Gorbachev đã hé mở. Hai siêu cường đã có những đối chất. Mỹ và Sô Viết sẽ rút dần các phi đạn tầm trung ở

Âu Châu. Hiện nay ở Tây Âu Mỹ có 316 đầu đạn nguyên tử trong khi Sô Viết có 922 (mỗi SS.20 mang 3 đầu đạn nguyên tử). Sau đây là bản so sánh lực lượng quân sự giữa Nato và Warsaw.

	Nato	Warsaw
Vệ quân số	1.858.000	2.704.000
Máy bay chiến đấu	3.243	5.299
Xe Tanks	20.314	46.610
Hỏa binh	8.974	24.035
Trục thăng	714	2.085

Sự tháo gỡ các hỏa tiễn tầm trung giữa Mỹ và Sô Viết ở Âu Châu đã gây nhiều lo ngại cho các xứ Tây Âu. Vì hiện nay Sô Viết còn một số lượng quan trọng hỏa tiễn tầm ngắn đặt ở Đông Âu mà tầm bắn trên 560 dặm có thể bắn tới tất cả các mục tiêu ở Tây Âu. Trong khi đó mới đây trưởng phái đoàn thường thuyết Nga Yuli Vorontsov tuyên bố rằng chắc chắn cuộc gặp gỡ thường định Mỹ Sô trong năm nay Reagan và Gorbachev sẽ ký kết 1 văn kiện tài giảm binh bị (mới đây 1 tạp chí ở Anh loan tin Reagan và Gorbachev sẽ gặp nhau tại Tây Bá Linh. Vào tháng 6 nhân kỷ niệm 750 ngày thành lập thành phố này).

Mặt khác tạp chí Time số phát hành cuối tháng 3/87 loan tin phái đoàn thường thảo tài giảm vũ khí Nga, Mỹ ở Geneva đã đi tới thỏa thuận. Hai phía Mỹ và Nga sẽ cử các phái đoàn chuyên viên tới tận các căn cứ và cơ sở sản xuất các loại vũ khí nguyên tử để kiểm soát nhau. Sau đây là các tiến trình kiểm soát về vấn đề thực thi hiệp ước giữa 2 bên.

- tới quan sát chỗ đặt hỏa tiễn, phi đạn và số lượng tồn trữ.
- khi vũ khí được tháo gỡ và các phái đoàn 2 bên kiểm soát.
- các quan sát viên thường trực có thể tới kiểm soát 100 hỏa tiễn còn giữ lại 2 bên Nga Mỹ (Sô Viết còn 100 SS.20 ở Á Châu và Mỹ cũng 100 Pershing ở vùng Á Châu).
- các chuyên viên 2 phía sẽ tới các cơ xưởng của nhau để kiểm soát các hoạt động sản xuất hỏa tiễn, phi đạn.

Nhiều dấu hiệu cho thấy 2 siêu cường Nga Mỹ đã có những đối chất, mà mục đích và quyền lợi dĩ nhiên

chỉ có lợi cho 2 nước. Mọi tẩu tẩu và lo lắng của các xứ khác đã bị lãnh tụ Nga Mỹ coi nhẹ.

TRUNG QUỐC

● CHÍNH SÁCH MỚI CỦA ĐẢNG KHÉP NHỜ LẠI

Tiếng vỗ tay đã vang dội cả đại sảnh đường nhân dân khi Hồ Diệu Bàng 71 tuổi người đã mất chức Chủ tịch Đảng hồi đầu năm 87 vừa qua. Với trên 300 đại biểu về tham dự phiên họp của quốc hội nhân dân lần này. Đây là một sự kiện bi cho kỷ đại hội đảng lần thứ 13 vào cuối thu này. Sự ra đi của Hồ người chỉ trưởng nhanh chóng cảnh tân Trung Quốc và càng xa lìa cảnh nghĩa Công Sản càng hay, đã gây 1 xáo trộn trong sinh hoạt chính trị của Trung Quốc. Trong cả 2 lãnh vực đối nội và ngoại. Tại Trung Quốc phe bảo thủ đã mạnh lên và cân bằng với phe cải cách. Mới đây Deng Liqun Chủ tịch ban bí thư đảng và lý thuyết gia của phe bảo thủ đã ra lệnh đóng cửa 7 tạp chí và nhất báo chí trưởng cấp tiến và tăng kiểm soát kỷ càng các ấn loát phẩm. Trung lãnh vực giáo dục các sinh viên mỗi tuần phải theo học 2 tiết về chính trị, mà hệ các sinh viên phải tới làm việc ở các hàng xưởng hay các nông trường.

Phe bảo thủ thì chống đối các cải cách quá theo mẫu mực Tây phương những không chống đối 1 cách quyết liệt là Trung Quốc phải đóng cửa. Trong khi phe cải cách thì chưa đủ mạnh để trên áp được những tệ nạn do chính sách cải cách nổi lên gây ra. Nếu bạn ăn cắp của công, tham nhũng hối lộ... Cho tới nay sau khi sự ra đi của Hồ Diệu Bàng theo giới quan sát quốc tế Đảng đã quân bình được giữa 2 phe cải cách và bảo thủ và họ tin rằng Đảng sẽ tiếp tục chính sách mở cửa những chậm chạp chứ không chỉ trưởng đóng cửa trở lại. Tự nhiên tất cả phải chờ đến kỳ đại hội đảng kỷ 13 tại Bắc Kinh vào tháng 10 tới đây. Những thay đổi các lãnh tụ đảng, nhà nước, và si là người sẽ được chọn chính thức chức vụ Tổng bí thư Đảng của Hồ Diệu Bàng, vì hiện nay Thủ Tướng Triệu Tử Dương tạm kiêm nhiệm.

Về lãnh vực ngoại giao giữa Mỹ

và Trung Quốc trong năm qua đã có những tiến triển. Tháng 11/86 chiến hạm Mỹ đã ghé Qingdao. Mỹ bán 550 triệu \$ chiến cụ gồm Radar, các máy móc hàng không và chiến đấu cơ F.8 Đặc biệt giao thông buôn bán nước Trung Quốc - Mỹ năm qua tăng lên 7 tỷ 3 US đô la gấp 2,5 lần so với Nga - Trung Quốc.

Một khác 1 vài quan sát viên chuyên nghiên cứu về tình hình Trung Quốc Lạc quan hơn cho rằng chắc chắn giới lãnh đạo Trung Quốc phải tiếp tục duy trì chính sách mở cửa vì để phát triển quốc gia Trung Quốc cần phải mua nhiều dụng cụ, máy móc v.v... từ phía Tây phương.

HOA KỲ

* SCANDAL IRAN, REAGAN TẠI QUANA KHỎI

Sau 4 tháng bảo tấp làm tới tả chính phủ của Tổng Thống Reagan, khi vụ bán vũ khí cho Iran lấy tiền yểm trợ cho kháng chiến Nicaragua bị một tờ báo ở Beirut phanh phui. Hàng loạt chức sắc cao cấp thân cận nhất của Reagan đành gạt lê ra đi. Báo chí thế giới so sánh Scandal Iran như vụ Watergate làm Nixon phải từ chức. Khi cường độ công kích từ phía quốc hội lên cao, người ta nghĩ vì Tổng thống già nhất của Mỹ Ronald Reagan chắc cũng đành từ chức như của Tổng thống Nixon. Cho đến cuối tháng 2, sau khi ủy ban Tower điều tra nói vụ công bố bản dục kết nội vụ, dư luận đã dịu xuống từ phía quốc hội mà đa số là đảng viên Dân Chủ, đảng đối lập với Reagan. Kế tiếp của nghị sĩ Howard Baker người nhiều uy tín từng là chủ tịch khối đa số ở Thượng viện, chấp thuận ra nhân lãnh Chánh văn phòng tòa Bạch Ốc thay thế Ronald Reagan và William Webster trùm F.B.I. chức cũ thay thế trùm C.I.A. William Casey. Với uy tín của Baker đã làm thay đổi hẳn tình hình cuộc khủng hoảng chính trị của chính phủ Reagan. Nội các của Reagan đã tai qua nạn khỏi, uy tín của Reagan đã dần dần phục hồi, sau cuộc họp báo tại Bạch Ốc, rất nhiều dấu hiệu cho thấy Reagan đã lấy lại được cảm tình nói báo chí và dư luận quần chúng Mỹ. Tuy nhiên phía các đồng minh Tây Âu vẫn còn

lạnh lùng, uy tín của Mỹ đã bị mất mát rất nhiều với tất cả các nước Minh với Mỹ.

Bản phúc trình của ủy ban điều tra Tower về vụ Scandal Iran có 1 vài chuyện bất ngờ là các xứ Đài Loan, Nam Hàn, Brunei đã yểm trợ cho chủ thuyết Reagan ở Trung Mỹ qua các số tiền yểm trợ đặc biệt cho kháng chiến quân Nicaragua. Xứ Brunei nhỏ bé đã tặng kháng chiến quân Nicaragua 10 triệu US đôla, Đài Loan và Đài Loan 10 triệu. Các số tiền này để mua vũ khí từ Trung Quốc và tiếp tế qua Nicaragua cho lực lượng kháng chiến.

Một khác sau khi vụ Scandal Iran trôi qua chính quyền Reagan thoát nạn. Ngoại trưởng Mỹ đã mở chuyến công du Á Châu để giải độc với các vấn đề chính phủ Á Châu. Chuyến đầu ghé Trung Quốc trong 12 giờ thảo luận với các lãnh tụ Đảng Tiểu Bình và Triệu Tử Dương. Ngoại trưởng Mỹ đã được nghe Đảng Tiểu Bình giải thích về sự thay đổi 1 vài nhân vật cao cấp trong đảng Cộng Sản Trung Quốc mà đứng đầu là Hồ Diệu Bang người chủ trương nhanh chóng cải cách cả 2 lãnh vực chính trị và kinh tế ở Trung Quốc. Tuy nhiên tình hình chính trị Trung Quốc sẽ còn nhiều bất trắc từ nay cho tới tháng 10 hạn kỳ đại hội đảng CS Trung Quốc kỳ thứ 13 được khai mạc vấn đề quan hệ Mỹ - Trung Quốc cũng tùy thuộc rất nhiều vào các diễn biến chính trị ở Trung Quốc. Một khác nền chính trị của Mỹ sẽ bắt đầu giao động, khi 2 đảng Cộng Hòa và Dân Chủ sửa soạn cho cuộc tranh cử Tổng Thống vào 1988. Trong khi đó tình trạng kinh tế Mỹ đang trên đà suy thoái, ngân sách thâm thủng, thất nghiệp gia tăng, đồng dollars mất giá...



tin văn

● Nicholas Platt sẽ trở thành Đại sứ Mỹ ở Phi Luật Tân. Giới ngoại giao Mỹ tin tưởng rằng Platt sẽ mau chóng được Quốc hội Mỹ chấp thuận, và phía chính quyền Mỹ tin rằng với kinh nghiệm trong ngành ngoại giao Platt sẽ tiếp tục thăng nhĩ với chính phủ Phi về vấn đề 2 căn cứ Subicbay và Clark của Mỹ trên đất Phi chấm dứt hạn kỳ vào 1991.

● 89 du kích quân Cộng Sản Mã Lai thuộc đảng Cộng Sản Mã đã ra đầu thú với quân đội Thái với 210 chiến cụ đủ loại. Đây là lần đầu số du kích ra đầu hàng đồng nhất kể từ 40 năm nay. Hạm du kích này thuộc lữ đoàn 8 của đảng Cộng Sản Mã hoạt động ở vùng biên giới Mã Thái.

● Năm 1986 kinh tế Nhật tăng 2,5% đã là sự thất bại của chính phủ Nhật, vì chỉ tiêu phải là 3% thì mới thỏa đáp các điều hành quốc nội do nhu cầu dân chúng đòi hỏi.

● Kháng chiến quân A Phú Hân đã bán 288 hòa tiền vào phi trường Kandahar ở Đông Nam A Phú Hân, nhiều phi cơ và kho nhiên liệu đã bị phá hủy.

● Các đảng đối lập của chính phủ Aquino ở Phi tuyên bố sẽ cử người ra tranh 24 ghế trong Thượng viện Phi. Cuộc bầu cử sẽ được tổ chức 11.5.87. Một liên minh lớn của phe đối lập mới ra đời mang tên Liên Minh Dân Chủ lớn. Hàng của phe trung thành với của Tổng Thống Marcos là Kilusang Bagong Lipunan (KBL) hy vọng chiếm được 5 ghế.

● Bom đã nổ tại Trung Tâm Văn Hóa Nga ở Vạn Thịnh một ngày sau khi ngoại trưởng Nga là Shvartskov viếng thăm. Đặc biệt ngoại trưởng Xô Viết viếng Lào trong 3 ngày. Vụ nổ làm một lính gác chết và một bị thương, hai vật chất nhẹ.

● Ngoại trưởng Mỹ đã viếng thăm Nam Hàn và hội kiến với Tổng thống Chun Doo Hwan. Sau đó một cuộc họp báo ngự diễn ra, Shultz đã cam kết Mỹ tiếp tục yểm trợ cho Nam Hàn để thực hiện sự cải tiến chính trị, vẫn để nhân quyền, tự do và thực hiện bầu cử công bằng.

● Đầu tháng 3/87 ngoại trưởng Sô Việt đã mở cuộc công du 1 số quốc gia Đông Nam Á bao gồm Việt Nam, Lào Miên, Nam Dương, Úc, Thái. Cuộc tấn công ngoại giao mới của Liên Sô vào các nước Á Châu, Thái Bình Dương. Đặc biệt cuộc viếng thăm của ngoại trưởng Nga ở Thái và Việt Nam. Nhiều quan sát viên cho rằng vấn đề bộ đội CSVN chiếm đóng ở Miên đã là đề tài chính thức nói tới. (Xem chi tiết trong phần tin Sô Việt)

● Vấn đề cấp thủy điện ở biên giới Nam Bắc Hàn do chính phủ Bắc Hàn xây cất. Vấn đề này trước đây đã tạo sự lo ngại cho Nam Hàn. Nay chính phủ Bắc Hàn đồng ý có 1 cuộc gặp gỡ cấp cao để thảo luận vấn đề này.

● Lực lượng Thái đã mở cuộc tấn công các tổ chức sản xuất nha phiện ở vùng biên giới 2 nước Thái Miên Điện.

● Hàng trăm cảnh sát đã chiến đấu đã mở cuộc tấn công vào "Chùa Vàng" Golden Temple ở Amritsar thánh địa của tôn giáo Sikh. Đe dọa 4 đồng bọn bị thương và bị lực lượng Sikh bắt giữ.

● Hàng ngàn người Tây Tạng hiện tụ nán tại Ấn đã biểu tình ở Tân Đề Ly Thủ đô Ấn để phản đối sự chiếm đóng Tây Tạng của Trung Quốc nhân ngày kỷ niệm năm thứ 28.

● Ngoại trưởng Đông Đức Oskar Fisher đã viếng thăm Miên và kế theo đó là ngoại trưởng Nga.

● Nguyễn Thị Bình sau khi mất chức Bộ trưởng Giáo dục trong kỳ cải tổ chính phủ vào cuối tháng 2/87 vừa qua. Mới đây theo tin tạp chí Kinh Tế Viên Đông Nguyễn Thị Bình được đề cử làm Đại sứ CSVN tại Liên Hiệp Quốc, nhưng Thị Bình đã từ chối viên lý do sức khỏe.

● Ngoại trưởng Trung Quốc Wu Xue-gian đã mở cuộc viếng thăm Tây Đức và Ý.

● Cảnh sát Nam Hàn đã dùng hơi cay để giải tán cuộc biểu tình của khoảng 700 sinh viên chống chính phủ của Tổng Thống Chun Doo Hwan. Mới đây chính phủ Nam Hàn mới ra luật phạt tù 5 năm các người xách đồng biểu tình chống chính phủ.

● 350 đảng viên đảng Tiên Bộ Dân Chủ ở Đài Loan đã biểu tình phản đối

chính phủ của T.T. Tưởng Kinh Quốc về vấn đề luật an ninh quốc gia mới

● 51 người chết và 105 người bị thương bởi máy bay Sô Việt thả bom ở 1 làng gần biên giới Pakistan và A Phú Hãn.

● Bom đã nổ trong 1 học viên quân sự ở Phi Luật Tân nhân ngày mãn khóa, 1 khóa quân sự làm 4 chết và 43 bị thương. Trong khi đó du kích quân Cộng Sản tấn công 1 đơn vị chính phủ ở vùng Nam Phi làm 18 lính chết. Cảnh sát và an ninh quân đội Phi đã bắt 3 tên ở Baguio liên hệ tới vụ đặt bom ở học viên quân sự.

● Trung Quốc và Bồ Đào Nha đã ký kết 1 văn kiện vào ngày 26.3. vừa qua. Hồ đồng ý trao trả lại Ma Cao cho Trung Quốc vào 20.12.1999. Đặc biệt cuộc thảo luận đã diễn ra từ tháng 6.1986 qua nhiều đợt đến nay mới thành công. Bồ chiếm đóng Macao từ những năm Trung Hoa chiến sự cai trị của nhà Mãn Thanh và Bồ Đào Nha đã biến Macao thành một trung tâm cờ bạc, ma túy, gián điệp ... quốc tế.

● Giới an ninh Pháp mới đây đã phá vỡ 1 tổ chức gián điệp gồm 6 người, 4 người Pháp và 2 người gốc Nga và Lô Ma Ni. Họ là những chuyên viên kế toán làm việc ở Ủy ban không gian Âu Châu. Các tên gián điệp này đã thu thập các tài liệu về các phi đạn, các chi kiện kinh tế trong kỹ nghệ không gian. Năm ngoái chính quyền Pháp đã trục xuất 4 nhà ngoại giao Sô Việt về tội ăn cắp tài liệu tàu ngầm của Pháp. Đáp lễ Sô Việt cũng trục xuất 4 nhà ngoại giao Pháp.

● Sau hơn 1 năm thảo luận Mỹ và Thổ Nhĩ Kỳ đã ký kết 1 hiệp ước hỗ trợ quốc phòng, kinh tế có giá trị tới 1990. Mỹ tiếp tục xử dụng nhiều căn cứ quân sự trên đất Thổ. Ngược lại Thổ nhận được 1 số viện trợ của Mỹ mỗi năm (năm 1988 Mỹ viện trợ cho Thổ 900 triệu US, mới đây chính phủ Reagan đã đề trình quốc hội 1 phụ khoản 125 triệu US viện trợ thêm cho Thổ.

● Pakistan đã sản xuất được bom nguyên tử, tuy nhiên phía chính phủ Pakistan vẫn không xác nhận 1 cách chính thức về vấn đề này. Mặc dù giới tình báo Tây phương và báo chí quyết Pakistan đã chế tạo được

bom nguyên tử từ nhiều tháng trước đây.

● Du kích quân của lực lượng quân đội giải phóng Tamil đã đặt mìn phá hủy 1 chiếc cầu nằm trong tỉnh Madras miền Nam Ấn Độ. Vụ nổ đã khiến 1 chuyên xe hỏa chở trên 1000 hành khách lật nhào làm 25 chết 214 bị thương nặng và 139 bị thương nhẹ

● Mới đây tạp chí Time ở Mỹ làm 1 bản thống kê về các buổi họp báo của 6 Tổng Thống Mỹ gần đây nhất. Reagan là Tổng Thống ít gặp gỡ báo chí nhất, người nhiều nhất là Johnson, kế tiếp là Kennedy.

● Nhà vật lý học người Pháp Louis de Broglie người đã tìm ra lý thuyết về đường đi của ánh sáng. Với phát minh này khoa quang học đã tiến những bước dài. Broglie chết ở tuổi 94, ông đã lãnh giải Nobel Vật Lý năm 1929.

● Mới đây Thủ tướng Pháp Jacques Chirac đã ký giấy chấp thuận cho công ty Walt Disney để thành lập 1 Eurodisneyland với tôn phí 6 tỷ 6 US đôla. Khu giải trí này được thiết lập trong vùng Marne-la-Vallée cách Paris về hướng Đông 30km trong một khu đất rộng 4800 mẫu vuông. Chương trình hoàn tất 1992.

● Theo bản báo cáo của Ủy ban Quốc gia chống phóng xạ của Anh quốc gửi cho Hội nghị Âu Châu, số có khoảng 1000 người trong các xí Công đồng Âu Châu (E.C.) chết vì bệnh ung thư do vụ nổ lò nguyên tử ở Chernobyl vào 50 năm tới đây. 3 xí dân chết nhiều là Tây Đức, Ý và Hy Lạp.

● Bộ Tài Chính Liên Bang của Tây Đức đã thông báo một chính sách thuế lợi tức mới và sẽ được áp dụng từ 1/1988. Với thuế mới này đã nhẹ bớt từ 7 đến 9% cho những người có số lợi tức hàng năm ít.

● Theo bản thống kê của tổ chức y tế thế giới (W.H.O) hàng năm có khoảng 500.000 sản phụ đã chết trong lúc có bầu hoặc khi sanh vì nhiều lý do. Đa số ở các nước trong thế giới thứ ba, vùng Đông Nam Á và Phi Châu đen.

● Mới đây 1 tổ chức thống kê ở Mỹ nghiên cứu về tình trạng sinh sống của dân chúng trong các quốc gia trên thế giới trong nhiều lãnh vực tinh thần và vật chất như: hạnh

phúc gia đình, lối tức cá nhân, tự do, san sóc con cái...). Thụy Sĩ và Tây Đức hai xứ được xếp hàng đầu, kế đến Luxembourg, Hòa Lan và tiếp là Hoa Kỳ, Số Việt đứng hàng 19 trong bảng danh sách. Các xứ Công Sản đội số gồm có Mosambik, Angola, Afghanistan và CHXHCN Việt Nam.

● Một trận động đất dữ dội được ghi nhận 7 độ của địa chấn kế Richter ở vùng Đông Bắc Quito thủ đô của xứ Ecuador Nam Mỹ Châu khiến 1000 người chết và trên 110.000 người không nhà cửa. Do sự rung chuyển của đất hàng trăm ngàn tấn nước và bùn từ sông Aguarico dâng lên và đổ dồn về bao phủ các làng mạc, đường sá, cầu cống, Đa số chạy không kịp bị chết dưới những lớp bùn nhầy nhụa.

● Chiếc phà chở hành khách trong tải 7951 tấn của Anh Quốc mang tên Herald of Free Enterprise đã bị tai nạn bất ngờ và lật nghiêng gần cảng Zeelbrugge của Bỉ. Hàng trăm tàu, trực thăng của 5 xứ Tây Âu đã hiệp lực cứu vớt 543 hành khách và thủy thủ đoàn, 409 người đã được cứu thoát, 55 xác được vớt lên còn 79 yên nghỉ trong xác tàu hoặc trôi dạt theo sóng nước. Các gia đình nạn nhân sẽ được trả 375.000 USDôla bồi tạo hiểm tổng cộng khoảng 8 triệu, về phía chính phủ Anh trích 1,6 triệu US đôla trong quỹ cứu trợ khẩn cấp ủy lạo cho các nạn nhân và gia đình.

● Hai năm sau khi Tổng bí thư Gorbachov của Xô Viết ban bố luật cấm nghiện rượu, nhiều hàng rượu phải đóng cửa, lối tức do các cơ xưởng chế Vodka mất 30%. Tuy nhiên theo nhà lãnh đạo Nga nạn nghiện rượu đã sút giảm. Mới đây một tỉnh trung bình hoàn mới cả 200.000 mắc phải do dùng các thứ rượu tự chế. Chỉ trong 1986 có khoảng 200 người đã chết vì uống các thứ rượu do gia đình tự chế biến.

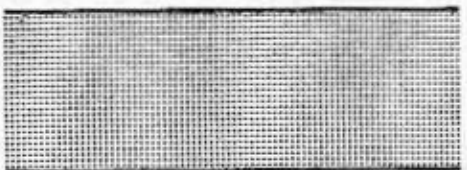
● Mới đây trung tâm y tế quốc gia tại Mỹ đã công bố một bản thống kê về số thanh niên, thanh nữ Mỹ ở tuổi từ 15 tới 24 đã tự tử ngày một gia tăng. Trong năm 1985 số người trẻ Mỹ không thích sống đã bằng số người lớn với tỷ lệ 12/100.000 người. Nhiều lý do khiến các vụ tự tử của giới trẻ Mỹ gia tăng vì gia đình, tình yêu, nghề nghiệp...

● 31 người bị thương nhẹ trong vụ bom nổ tại Cầu lạc bộ sĩ quan của Tổng hành dinh quân đội Anh đóng ở Rhein (Đức) gần biên giới Hòa Lan. Trong khi Thiếu tướng Hans Hoster của Tây Đức chỉ huy lực lượng quân đội Nato vùng phía Bắc đang ẩn ở Cầu lạc bộ này. Hơn 100kg chất nổ đặt trong 1 chiếc xe hiệu Volvo mang bảng số Hòa Lan đầu cách Cầu lạc bộ 20 mét. Vụ nổ chỉ xảy ra nhiều giờ sau khi Thủ tướng Anh Thatcher viếng Bonn.

● Tại Ý vào 23.3. tướng không quân Ý Licio Giorgieri 61 tuổi đã bị khủng bố quân bắn chết ngay tại thủ đô Rome do tổ chức Union of Fighting Communist chỉ mưu. Được biết ông này đã ủng hộ mạnh mẽ cho chương trình Star Wars của Mỹ.

● Tổng số du khách ngoại quốc và người Tàu ở hải ngoại đã du lịch thăm Trung Quốc trong 1986 được thống kê như sau : người ngoại quốc 1480 người, người Tàu ở hải ngoại và Hồng Kông, Đài Loan, Ma Cao về thăm lục địa 21.330 người. Tổng cộng 22.800 người.

● VŨ NGỌC LONG
Lichtenstein 30.3.87



TƯỜNG CHUNG...

Tiếp theo trang 65

Điều này thật sự cay đắng mà nói rằng "làm gì có một nơi nào khác". Vấn đề này đối với thuyền nhân Việt Nam có phần khó khăn hơn những người tỵ nạn từ Đông Dương trước kia, có nghĩa là : Chặng đầu tiên được xem như khó khăn nhất là việc có được đặt chân đến một quốc gia thứ nhất chấp nhận cho tỵ nạn hay không ? Vì sau khi thoát khỏi mọi hiểm nguy trên biển và trải qua một thời gian sống ở khổ phần nào trong các trại tỵ nạn, ai cũng tin tưởng rằng sớm muộn gì UNHCR cũng tìm giúp cho họ một quốc gia để định cư.

Con số người tỵ nạn chờ thu nhận càng kèm đến bao nhiêu thì

những đệ tam quốc gia đặt ưu tiên việc thu nhận cho những người họ nhận thấy rằng những người này có thể dễ dàng hội nhập vào cuộc sống mới. Trước tiên là nhận những gia đình ít nhân số hoặc những người có trình độ học vấn, thông thạo một ngoại ngữ hoặc đã có thân nhân sống trên lãnh thổ họ. Những ai không đủ điều kiện sẽ bị loại ra khỏi tiêu chuẩn của xét thông thường và sẽ bị ở lại luân trong trại. Vấn đề này là trách vụ phức tạp nhất cho nhân viên Cố vấn của UNHCR trong các trại tỵ nạn ở vùng Đông Nam Á Châu như : tiếp tục giúp đỡ những người tỵ nạn bị tái tử chối chấp nhận cho đi định cư. Trường hợp khủng hoảng tinh thần của "những kẻ ở lại" này làm cho việc thân nhân cũng mong manh hơn, bởi vì đệ tam quốc gia chỉ xét đơn và thu nhận những người tỵ nạn có tinh thần tráng kiện.

NHỮNG CHƯƠNG TRÌNH HUẤN NGHỆ VÀ DẠY NGOẠI NGỮ DÀNH RIÊNG CHO NHỮNG NGƯỜI "CHỜ LÂU"

Công việc chính của UNHCR trong khắp các trại tỵ nạn ở Đông Nam Á Châu là việc giúp đỡ cho những người "chờ lâu" (tiếng Anh là long-stayers). Những người này bị liên tục từ chối mỗi năm. UNHCR thiết lập ra những chương trình thí dụ như huấn nghệ và dạy ngoại ngữ cho họ hầu những người này có hy vọng sớm rời khỏi trại.

Trong những cuộc thăm vấn chi tiết, những cố vấn viên của UNHCR giúp những người ở trong trại tìm thân nhân hiện đang sống ở Hải ngoại. Không phải là tất cả những người gọi là "Chờ lâu" đều không có một trình độ học vấn cũng như không có thân nhân họ sống ở Hải ngoại. Trái lại đa số đều có thân nhân ruột thịt sống ở các nước thứ ba.

Thí dụ điển hình là trường hợp của Bà Nguyễn. Bà đã sống trên 4 năm trong 3 trại tỵ nạn khác nhau tại Thái Lan. Bà đã ra đi tìm tự do cùng với 3 người con, 1 người em trai và 1 người em họ. Khi đến đất Thái bà ta không nghĩ rằng mình sẽ gặp nhiều trở ngại trong việc xin đi định cư,

"TẤT CẢ NHỮNG MƠ ƯỚC CỦA TÔI LÀ CÓ CƠ HỘI SỐNG MỘT CUỘC ĐỜI THẬT BÌNH THƯỜNG"

bởi vì chồng Bà đang sống tại Hải ngoại.

Từ nhiều năm qua chồng Bà đã tìm cách báo lãnh gia đình, nhưng vì còn thiếu những hồ sơ quan trọng như: giấy hôn thú, giấy khai sinh v.v....

Sau nhiều lần trao đổi thư từ với những thân nhân còn sống tại VN Bà đã nhận đủ những giấy tờ cần thiết từ bên nhà gửi qua. Trường hợp Bà ta đã được tái cấu xét. Còn khi nào những đứa con của Bà gặp cha chúng thì điều này còn xa.

Rất khó mà có thể phỏng đoán được những hậu quả sâu xa của việc

tam trú lâu dài trong trại, nhất là đối với trẻ em. Những người sống trong trại thường được nghe kể về những phát triển tốt đẹp của những người đã được di định cư, nhưng mấy ai lưu ý đến việc này khi họ chưa có may mắn được di định cư.

"Tất cả những ước mơ của tôi là có cơ hội sống một cuộc đời bình thường" đó là ý nghĩ của Bà Nguyễn.

■ TÍN PHÁP

(LTS. Bài này được trích dịch từ "Fast zum Verzweifeln" của JUDITH KUMIN đăng trong tạp chí Flüchtlinge, Cơ quan ngôn luận của UNHCR, số ra tháng 12/1986, trang 34 và 35)

DIỄN ĐÀN...

Tiếp theo trang 66

hòa giải dân tộc. Bao nhiêu trẻ nhỏ liêm của tập đoàn Công Sản Hà Nội, bao nhiêu người Việt đã chết tức tưởi góc rừng xô núi vì những lời phỉnh lừa này. Nay lũ chúng lại mang bài bản cũ ra "ca" lại, họa chằng chỉ có những người ngu muội, hoặc lũ ham danh cầu lợi mới nghe chúng. Những sớm muộn gì lũ ăn cơm quốc gia thớ ma cộng sản này cũng khóc hận. Gương lũ theo đám ăn tống Trinh Đình Thảo, Ngô Công Đức, Trương Như Tảng, Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan, Huỳnh Liên, Nguyễn Thị Bình v.v... vẫn còn đây đây ra đó.

... phân máu VN, thịt VN... khúc ruột VN ở ngoài ngàn dặm... đọc lên nghe thật thống thiết tình người. Nhưng nếu ai nhe da non lộng dai với lũ cây cáo này thì chúng sớm thì muốn chúng nuốt trửng hết cả máu, cả thịt và cả ruột gan phèo phổi...

HỘI TẾT HAY HỘI "CHẶT"

Tết Đinh Meo trôi qua, một vài dư âm của những hội hè, đình đám của các cộng đồng người Việt tỵ nạn

trên nước Đức vẫn còn vang vọng. Năm 1986 vừa qua là 1 năm khởi sắc về phân lượng, với sự ra mắt của hàng chục hội người Việt tỵ nạn ở khắp mọi nơi trên xứ Đức. Có những người nhận xét rằng, hiện tượng "trăm hoa đua nở" này nguyên do bởi bản phúc trình của Bộ Nội Vụ Đức gửi Quốc Hội Liên bang với nhận định đăm thuyên nhân Việt Nam là tỵ nạn kinh tế chứ không phải là tỵ nạn chính trị. Vì lẽ này nên người Việt tỵ nạn ở các nơi đã biết báo nhau lập hội lập hệ để sinh hoạt này kia để chứng tỏ cho người ta biết sự có mặt của người Việt trên xứ Đức vì tự do chứ không phải ly sã, cực khổ... Tuy nhiên trong thời gian qua sau hai lễ lớn hàng năm là Giáng Sinh và Tết âm lịch người ta thấy có một vài hội hệ phe nhóm lập ra chẳng mang ý nghĩa "thánh thiện" như nêu trên. Nhiều cá nhân, phe nhóm lập hội lập đoàn mang mục đích "mánh mung" kiếm chát. Như trong thời gian qua chúng ta có dịp nhận xét có nhiều nơi tổ chức hội Tết bán hàng ăn uống giá "cắt cổ, mổ trâu", một lon bia, nước ngọt giá cả 1,50 đến 2,00DM, rồi có những nơi bán vé vào cửa cũng "đập đồ". Hình như theo ý các vị "lãnh đạo" các hội này nói có đến tay phải phát, cơ hội làm ăn kiếm chát cả năm có dịp tối gì không làm. Vấn đề "đồng hướng, đồng

hiếu" gặt qua một bên. Tuy nhiên nếu các hội tổ chức để giúp tàu Cap Anamur hay 1 cơ sở Văn hóa Xã hội Tôn giáo nào đó thì không đặt vấn đề. Ta thấy có nhiều hội ra đời cả 5, 3 năm nay; cả năm không thấy có một sinh hoạt nào, ngoại trừ dịp Tết tổ chức Văn nghệ thu tiền. Hội còn quảng cáo mời góp quỹ lý tưởng cho các đồng hướng. Nhưng khi đồng hướng tới nói 15 Mark 1 vé, lon bia nước ngọt 1,50 đến 2,00 Mark, lon bia cả giò 2,00 Mark. Nếu vấn đề này ra, có lẽ nhiều người lại nói người viết soi mói và nói kẻ nào ham vui thì kẻ đó rúng chịu. Tuy nhiên nếu mọi người Việt tỵ nạn chúng ta nếu còn gọi nhau là đồng hướng, như những lời quảng cáo, thì xin các "ngài" lãnh đạo các hội đoàn lần tới có tổ chức xin những tay cho các đồng hướng khác nhờ. Và mong rằng những trò "mánh mung" kiếm chát, lường leo sau những năm sống với Cộng Sản ở quê nhà thêm nghiêm phải, giờ xin quý vị vất bỏ đi dùm. Có như vậy tình ruột thịt, nghĩa đồng bào và các cuộc hội hệ đình đám mới có ý nghĩa đích thực của nó.

Năm 1987 với nhiều biến chuyển về tình hình quốc tế và Việt Nam cũng như tư cách tỵ nạn chính trị của cộng đồng người Việt ở Tây Đức đã bắt đầu bị lung lay. Giữa biết những khó khăn gì sẽ xảy đến cho tất cả mọi người Việt tỵ nạn chúng ta. Trong khi đó tại Việt Nam cũng như ở hải ngoại, đám Cộng Sản đang giở trò "khô nhac kê" nhằm đánh lừa dư luận quốc tế và đồng bào tỵ nạn, rằng chúng đã biết những lỗi lầm và giờ đã sửa sai thay đổi. Để kêu gọi sự viện trợ cho chúng. Hồn lúc nào hết, những người Việt tỵ nạn chúng ta phải đoàn kết và nói lên những tiếng nói trung thực để vạch rõ cho thế giới biết những trò phỉnh lừa gian trá của lũ Cộng Sản.

■ CHÍNH PHƯƠNG



Việt nam:

một Cu Ba đông phương của đế quốc Sô viết

Mười hai năm sau khi toàn Đông Dương lọt vào tay Cộng Sản, tình hình an ninh vùng Đông Nam Á nói riêng và Á Châu nói chung đã có những biến chuyển lớn. Trước những sai lầm của Mỹ, cùng những yêu cầu của các quốc gia kỹ nghệ Tây phương và Nhật Bản, Sô Viết đã gia tăng áp lực ngày một mạnh mẽ trên toàn vùng Á Châu và Thái Bình Dương. Bán đảo Đông Dương gồm 3 xứ Việt Miên Lào, đã trở thành bàn đạp cho toàn tính bành trướng thế lực của Sô Viết ở vùng này.

Như chúng ta biết từ 1917 sau khi Cộng Sản cướp được chính quyền ở Liên Xô, Lenine đã theo đúng sách lược của các hoàng đế Nga trước kia "đâm sâu với lưỡi lê" (probe with bayonets). Chỉ hơn mười năm qua hạm đội Sô Viết đã tung hoành trên khắp vùng biển ở Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. Hạm đội 7 của Mỹ đã mất dần thế độc quyền trong những năm trước đây. Có lẽ vào một ngày không xa, đúng như lời của tư lệnh hải quân Sô Viết Admiral Sergei Gorshkov tuyên bố trước đây "cờ của hải quân Sô Viết sẽ tung bay trên khắp Đại Dương của thế giới", trích (The real war của Richard Nixon).

VIỆT NAM BÀN ĐÁP CHO THẾ BÀNH TRƯỚNG CỦA SÔ VIẾT Ở Á CHÂU VÀ THÁI BÌNH DƯƠNG :

Vào ngày 28.7.1986 tại Vladivostok một căn cứ hải quân của Sô Viết ở vùng Đông Á. Tổng bí thư đảng Cộng Sản Sô Viết Gorbatchov đã tuyên bố: "Tương lai của Sô Viết là vùng Thái Bình Dương và vùng Ural". Lời tuyên bố này chỉ mang tính cách xác quyết lại chủ tâm bành trướng thế lực ở vùng Á Châu và Thái Bình Dương của Sô Viết mà thôi. Như chúng ta biết toàn tính nhu nhược ở vùng Á Châu, Thái

Bình Dương cũng như toàn thế giới đã có trong đầu óc những người Cộng Sản hiểu chiến từ lúc Lenine cướp được chính quyền ở Nga năm 1917. Tuy nhiên chủ trương xâm lăng này đã bị chậm trễ và gặp khó khăn bởi chính sách quyết tâm ngăn cản làn sóng đỏ của Mỹ và thế giới tự do. Những trận chiến tranh du kích đã được Sô Viết và khối Cộng yểm trợ bộc phát ở nhiều nơi. Cho tới nay nhìn trên bản đồ thế giới chúng ta thấy sau 70 năm Cộng Sản có mặt ở Nga Xô, người Cộng Sản gặm nhấm dần các quốc gia tự do trên thế giới và chủ trương một cuộc cách mạng toàn cầu vô sản đã được giới lãnh đạo Cẩm Lính theo đuổi một cách bền bỉ và dẻo dai. Chỉ trong hơn một thập kỷ qua kể từ 1974, hơn 100 triệu người đã bị không chế kềm kẹp bởi các tay sai của Sô Viết qua các chính phủ bù nhìn ở Angola, Ethiopia, Nicaragua, Afghanistan, South Yemen, Mozambique, Lào, Cambodia và Nam Việt Nam. Sự lấn chiếm này của đế quốc Sô Viết cũng chưa thỏa mãn lòng dạ hung hăng, hiểu chiến của giới lãnh đạo diện Cẩm Lính. Trong những năm của thập kỷ 70, trước sự sai lầm trong chính sách đối ngoại của Mỹ và sự yếu hèn của các xứ Tây Âu. Đế quốc Sô Viết đã cả thưng ở nhiều nơi. Cho đến năm 1980 tân Tổng thống Reagan của Mỹ lên nắm quyền, chính phủ Mỹ đã quyết tâm phục hồi những danh dự và niềm tin ở các quốc gia đồng minh. Chính phủ Reagan đã trở lại một chủ trương cứng rắn với Cộng Sản. Một mặt cố gắng tạo mối quan hệ tốt với Trung Quốc, để tạo sự chia rẽ trong khối Cộng, mặt khác yểm trợ các lực lượng kháng chiến ở Angola, Kampuchea, Nicaragua và nhất là Afghanistan, hầu cản bước bành trướng của đế quốc Sô Viết. Tuy nhiên chính quyền Reagan đã gặp rất nhiều khó khăn trong sự theo đuổi chính sách ngăn làn sóng đỏ này

VŨ NGỌC LONG

ngay tại quốc gia Hiệp Chúng Quốc. Các phe phái đối lập đã tìm đủ cách ngăn chận, muốn thực hiện một chủ trương hòa hoãn với Sô Viết với lý do sợ một trận đại chiến sẽ xảy ra. Cho nên cho tới nay sau hơn 6 năm nắm quyền, chính quyền của Tổng thống Mỹ Reagan dù quyết tâm theo đuổi một chủ trương cứng rắn với Cộng Sản nhưng kết quả cũng chưa thu đạt được như họ mong muốn là chiếm lại các quốc gia đã bị Cộng Sản không chế. Tuy nhiên sự quyết tâm này của chính phủ Reagan đã làm cho giới lãnh đạo diện Cẩm Lính e dè và thay đổi chiến lược. Ngày 28.7.1986 tại Vladivostok Tổng bí thư đảng Cộng Sản Nga đã đưa ra những lời tuyên bố hòa hoãn cùng thực hiện một vài cải cách mở rộng quyền tự do tại Liên bang Sô Viết, phóng thích hơn 200 người từng tranh đấu cho nhân quyền ở Nga. Sự việc này thỏa đáp những đòi hỏi của Mỹ trong lần gặp gỡ thường định ở Genève năm 1985. Tuy nhiên với chiến lược hòa hoãn trên mặt nổi với Mỹ và các xứ Tây Âu, mặt khác Sô Viết vẫn tiếp tục theo đuổi chủ trương bành trướng, những trong điểm bấy giờ là vùng Á Châu và Thái Bình Dương. Để thực hiện ý đồ này bán đảo Đông Dương đã được Sô Viết chọn làm bàn đạp cho cuộc xâm lăng mới này. Như chúng ta biết 1975 Nam Việt Nam, Lào, Kampuchea lọt vào tay Cộng Sản. Sô Viết đã nhanh tay hất cẳng Trung Quốc ra khỏi 3 xứ Cộng Sản này. Nhìn thấy vị thế chiến lược quan trọng của Việt Nam với căn cứ hải quân Cam Ranh, sẽ giúp Liên Xô không chế được toàn vùng Đông Nam Á, đe dọa con đường hàng hải quốc tế Malacca từ Thái Bình Dương thông ra Ấn Độ Dương cùng chiếm đi thế ưu việt của Hạm đội 7 của Hoa Kỳ trong vùng Đại Dương

rộng lớn này. Cho tới nay nhất toan tính này của Sô Viết đã thu đạt được những thắng lợi. Hạm đội 7 của Mỹ đã mất thế độc quyền, không những thế hải quân Sô Viết đang đe dọa, vào một ngày không xa sẽ lấn lướt các hoạt động của hải quân Mỹ ở Đông Nam Á và Thái Bình Dương. Nhiều dấu hiệu cho thấy Sô Viết đã tiến được nhiều bước trong toan tính của họ. Sự việc phá vỡ liên minh quân sự Anzus (giữa Mỹ, Úc và Tân Tây Lan) như ta biết vào 1985 chính phủ Lao đông Lange của Tân Tây Lan đã cấm không cho chiến hạm Mỹ mang vũ khí nguyên tử vào cảng của Tân Tây Lan.

Một mặt khác Sô Viết đã móc nối quan hệ với các đảo quốc ở Nam bán cầu, nắm qua nhiều hiệp ước mang tính cách thương mại đã được ký kết với một số đảo quốc ở vùng cực Nam Thái Bình Dương như: Kiribati, Tuvalu, Mariana, nhiều tàu bè Sô Viết đã đi lại vùng biển này. Các căn cứ không quân của Mỹ ở Guam và hải quân ở Pearl Harbor (Hawaii) đã bị dòm ngó. Trong khi đó 2 căn cứ Clark và Subicbay của Mỹ ở Phi Luật Tân đang bị đặt vấn đề trao trả lại cho Phi khi hạn kỳ vào 1991 chấm dứt. Với vị thế chiến lược của Việt Nam nói riêng và bán đảo Đông Dương

nói chung. Trong những năm qua Sô Viết đã đổ vào Việt Nam một số lượng chiến cụ vĩ đại. Theo tạp chí SÜDOSTASIEN aktuell số 11/1986 vào tháng 1/1977 Võ Nguyên Giáp đi Nga bàn thảo một kế hoạch tối tân hóa lực lượng quân đội nhân dân của Cộng Sản Việt Nam và từ năm đó ta thấy mức độ viện trợ của Sô Viết đã gia tăng mỗi năm. Sau đây chúng tôi xin trích dẫn bảng liệt kê ước lượng mức độ viện trợ của Sô Viết cho Cộng Sản Việt Nam tính từ 1965 tới 1986 theo dollar Mỹ (cũng trích từ tạp chí trên).



Năm	Kinh tế	Quân sự	Tất cả
1965	85	210	295
66	150	360	510
67	200	505	705
68	240	290	530
69	250	220	470
70	345	170	515
71	315	215	530
72	365	450	815
73	470	230	700
74	480	460	940
75	520	280	800
76	560	450	1.010
78	700	720	1.420
79	800	1.300	2.100
80	1.000	960	1.960
81	1.050	800	1.850
82	1.170	940	2.110
83	1.250	1.150	2.400
85	1.600	1.360	2.960
86	1.800	1.440	3.240

triệu \$US

Cho tới nay tổng số tiền viện trợ của Sô Viết cho Cộng Sản Việt Nam chiếm 1/4 tiền viện trợ cho các xí Cộng Sản chỉ hâu của Sô Viết, CSVN là nước đứng thứ 2 sau Cuba nhận được nhiều viện trợ nhất của Sô Viết. Sau chuyến Nga du của Võ Nguyên Giáp vào 1977, Mạc Tử Khoa đã hiện đại hóa cho bộ đội CSVN. Các binh chủng Không quân, Hải quân đã được tăng cường vào 1980 CSVN nhận 165 khu trục cơ MIG-21 mới và 50 chiếc 27 chiến đấu cơ SU-22 và 24 trực thăng MI-24. Về hải quân 2 chiến hạm Petya-1 và 16 ngư lôi hạm Shershen cùng 8 tuần dương hạm trang bị hỏa tiễn OSA-11. Hơn 90% vũ khí của bộ đội CSVN là của Liên Xô cung cấp số còn lại là Cộng Sản lấy được của Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa sau 30.4.75

Các căn cứ có Hồng quân Sô. viết đồn trú ở 3 xứ Đông Dương (Trích SÜDOSTASIEN Aktuell)

Với những viên trợ quân sự dồi dào này Số Việt đã coi Việt Nam là bản đồ quan trọng cho mưu đồ bành trướng ở Á Châu và Thái Bình Dương. Theo tạp chí Sidostasien ghi lại lời tuyên bố của chuyên viên kinh tế Võ Nhân Trí người đã sống ở Hà Nội tới 1964 cho biết. Cho tới nay Hà Nội lệ thuộc Mạc Tư Khoa và các xứ Đông Âu hoàn toàn sự lệ thuộc này gây thiệt hại tài chính cho Số Việt nhưng bù lại Việt Nam đã trở thành bản đồ vững chắc cho thế chiến lược của Số Việt ở vùng Á Châu, Thái Bình Dương. Ông này cũng nhắc lại một lời tuyên bố của Nguyễn Cơ Thạch trước đây "Thạch nói Việt Nam chẳng là gì nếu không có Liên Xô giúp đỡ. Theo tạp chí Sidostasien Aktuell thì hiện nay có khoảng 2500 cố vấn Số Việt ở Việt Nam, 500 ở Lào và 200 ở Miên. Các cố vấn Số Việt đã huấn luyện cho bộ đội CSVN về vũ khí, phòng không các căn cứ chính Nội Bài (Hà Nội), Thọ Xuân (Thanh Hóa Nghệ An), Đà Nẵng và Tân Sơn Nhất. Riêng tại Tân Sơn Nhất có khoảng 120 phi công Số Việt chuyên lái các vận tải cơ cho các hàng tiếp liệu từ Sài Gòn qua Nam Vang. Một khác các cố vấn Số Việt cũng huấn luyện lực lượng thủy quân lục chiến của bộ đội CSVN tại các căn cứ Hải Phòng, Vinh, Đà Nẵng, Vũng Tàu và Bạch Giá (xin xem bản đồ đính kèm).

GIA TẶNG VIÊN TRỢ, GIA TẶNG QUYỀN LỰC THÔNG TRÍ :

Mới đây trong cuộc họp báo ở Hà Nội Ủy viên Bộ Chính trị Số Việt Ligachev cho biết Số Việt sẽ giúp cho CSVN trong kế hoạch ngũ niên 1986-1990 từ 8 tới 9 tỷ Rubel tương đương 11,7 đến 13,2 tỷ US (Trích Sidostasien tháng 1/87). Với số viện trợ lớn lao đó CSVN đã trở nên ngoan ngoãn và dễ sai. Mọi chỉ thị từ điện Cẩm Linh tan ra, giới lãnh đạo Hà Nội răm rắp tuân lệnh. Trong khi đó tại Liên Xô từ 2/85 Gorbachev lên nắm quyền chủ trương một chính sách nói lỏng và trẻ trung hóa hàng ngũ lãnh đạo. Đồng thời Số Việt bắt buộc Việt Nam phải làm theo, sự kiện này đã khiến cho đám lãnh đạo già nua Cộng Sản Hà Nội lúng túng. Sự việc mà chúng ta thấy trong kỳ Đại hội

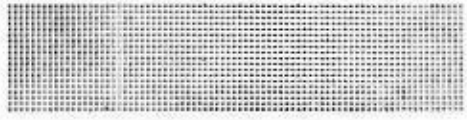
tháng 12/86 vừa qua. Hàm Chinh, Đồng Thọ phải lui vào trong hậu trường, một cách miễn cưỡng, tức tưởi. Cho nên cho tới nay sau gần 3 tháng kể từ ngày Đại hội kỳ 6 bế mạc. Vấn đề ổn định thứ bậc trong đám chớp tu CSVN vẫn còn lúng túng, gượng ép. Tuy nhiên mọi chuyện rồi đâu cũng phải vào đó khi quan thầy Số Việt đã chỉ thị. Có lẽ nếu không quá lạc quan vào những tháng tới đây đám đồ tể Hà Nội sẽ khoác lên những chiếc áo nhà tu hiền lành, đạo đức. Rồi những đòn phép công minh, uốn lưỡi lại được chứng đem ra dùng lại như những năm toàn dân chống Pháp trước đây. Hoặc những màn tuyên truyền mị dân như đám du kích Việt Cộng ở Nam Việt Nam đã dùng trong những năm 60 70. Nhưng một điều chắc chắn rằng dù với thay đổi nào đám lãnh đạo Cộng Sản Hà Nội cũng khó phục hồi được nền kinh tế đui què hiện nay. Vì hầu hết dân chúng Việt Nam đều biết rõ những thủ thuật dối lừa của Cộng Sản. Một quốc gia mà dân chúng không còn tin tưởng vào những việc làm của chính quyền... thì làm sao có thể phát triển và tiến bộ được.

Một khác với chủ trương hiếu chiến cố hữu của đám lãnh đạo Hà Nội, cùng toan tính của Số Việt coi Việt Nam là bản đồ để thực hiện ý đồ bành trướng ở Á Châu và Thái Bình Dương. Tương lai của 60 triệu dân Việt chắc ngày một đen tối hơn lên mà thôi. Kỳ giả Hal Drake của tờ The Stars and Stripes" sau lần viếng thăm Hà Nội ghi lại trong một bài ký sự của ông như sau: "Với lợi tức đầu người từ 125 tới 200 US, Vietnam là một trong những quốc gia nghèo nhất thế giới hiện nay. Trong khi đó trên 1 triệu 2 lính dứng hàng thứ 4 thế giới về quân số. Drake đã ghi lại lời nhận xét của một dân Âu Châu sống lâu năm ở Hà Nội nói: "Ở đây vấn đề quân sự họ đặt lên hàng đầu, thứ 4 mới tới kinh tế". Drake viết tiếp, khắp trên các đường phố Hà Nội người ta thấy đầy nhan nhản những bộ quân phục kiểu Hồng quân Số Việt, nhưu Vodka Nga và những lời khoe khoang rỗng tuếch về những thắng lợi. Ngoài ra thấy khắp nơi các thí chiến cụ của Số Việt, các xe vận tải và các loại xe người kéo hai bánh giống các loại xe thời cổ La Mã dùng đánh giặc và chạy đua với ngựa kéo. Khắp thành phố chỗ

nào cũng thấy dài kỳ niêm, tượng ghi công, viên bảo tàng hoặc những tượng các liệt sĩ Marxít. Một công viên Lenin mới được thành lập.

Cả Việt Nam bây giờ đè ép dưới sự chỉ đạo của giới lãnh tụ Mạc Tư Khoa, không một hình ảnh nào rõ rệt cho sự lệ thuộc của CSVN ngày nay bằng hình Ligachev, Ủy viên Bộ Chính trị Số Việt ngồi chễm chệ trên hàng ghế danh dự tối cao trong Đại hội Đảng kỳ 6 vừa qua, mà hai bên là Phạm văn Đồng và Trường Chinh, thấp xuống phía dưới là Mười Các Nguyễn văn Linh đang đứng đọc diễn văn nhận chức Tổng Bí thư Đảng. Các báo chí Tây phương gần đây đã có nhận xét Việt Nam là một Cu Ba Đông phương của Số Việt, có lẽ đây là lời nhận xét trung thực nhất cho chế độ CSVN ngày nay.

Tây Đức VŨ NGỌC LƯƠNG



KỶ LỤC KHÔNG...

Tiếp theo trang 67

giấc mộng đã mang từ hồi thơ ấu. Hồi xưa hai anh em đã dùng cây khô để làm phi cơ, và chính các trò chơi này mà hai anh em đã có lần bị thương. Sau này Dick trở thành phi công, Burt thành kỹ sư hàng không.

Còn Jeana Yeager sinh ở Texas và lớn lên ở California hành nghề họa viên kỹ thuật. Cô ta cũng rất thích về hàng không và đã trở thành phi công trước khi có ý định thực hiện chuyến bay này.

Dick và Jeana đã gặp nhau trong một cuộc triển lãm hàng không và từ đó họ đã thành đôi bạn đồng hành không những ở trên không mà còn ở dưới đất nữa.

Quốc thí nghiệm thành công này đã là một bước tiến lớn trong ngành hàng không, tưởng mai cũng như cho quân đội.

Vũ Hả Cự 2.87

TIN TỨC



TIN PHẬT GIÁO TRONG NƯỚC

● Như tất cả chúng ta đều biết, trong những ngày 1 và 2 tháng 4 năm 1984 Công An Cộng Sản đã lần lượt bắt giam quý vị lãnh đạo tinh thần của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất gồm : T.T.Thích Đức Nhuận (tục danh Đồng Đức Nhuận), Đ.Đ.Thích Trí Siêu (tục danh Lê Mạnh Thất), Đ.Đ.Thích Tuệ Sỹ (tục danh Phạm Văn Thường) và Sư Cô Thích Nữ Trí Hải (tục danh Công Tằng Tôn Nữ Phùng Khánh).

Quý vị kể trên là những học giả nổi tiếng về triết học cũng như dịch thuật, đã góp phần cho văn hóa Việt. Công việc dịch thuật triết học và khảo cứu của quý vị này vẫn tiếp tục sau 1975 cho đến ngày bị bắt.

Tháng 12 năm 1985 Cộng Sản Việt Nam đã đem các vị trên ra xử tại một phiên tòa thuộc tỉnh Minh Hải. Phiên tòa không có luật sư biện hộ (trong chế độ Cộng Sản là như thế!) và kết quả là :

Tù hình : T.T.Thích Đức Nhuận, Đ.Đ.Thích Tuệ Sỹ. 18 năm khổ sai ; Sư Cô Thích Nữ Trí Hải.

Đ.Đ.Thích Trí Siêu và các vị khác không có tin tức.

Ngày 30.4.1986, có quan An xá quốc tế được tin phiên xử tử hình trên đã gửi thư chính thức yêu cầu Tập quyền Cộng Sản Hà Nội để xác nhận về bản án của Đ.Đ.Tuệ Sỹ. Cho đến nay bức thư này vẫn chưa được Hà Nội trả lời.

Nguồn tin gần đây chưa được phối kiểm là bản án tử hình của T.T.Đức Nhuận được bỏ và giảm xuống thành tù chung thân khổ sai, còn Đ.Đ.Tuệ Sỹ giảm thành 21 năm khổ sai. Còn bản án của những vị khác không có thay đổi gì.

Sự thật về những bản án này cũng như tình trạng của quý vị nói trên như thế nào, đến nay vẫn chưa có sự xác nhận chính thức của Cộng Sản Việt Nam.

● Trường hợp Cộng Sản quyết định biệt giam T.T.Thích Quảng Độ và Thích Huyền Quang trả tại nguyên quán từ tháng 2 năm 1982 cho đến nay vẫn không một phiên tòa nào được xử. Nếu việc này không được can thiệp để trả tự do cho hai T.T.có lẽ quý T.T.sẽ sống cuộc đời "biệt cư" cho đến ngày "biệt tử".

Vào ngày 20.8.1986 T.T.Thích Huyền Quang đang bị án "biệt cư" tại nguyên quán tỉnh Nghĩa Bình (tục Quảng Ngãi và Bình Định) đã viết một bức thư nhắn nhủ như một lời trời trần gởi cho quý Thầy Cô tại Hải Ngoại.

Tổng cũng nên nhắc lại ở đây là ngày 20.8.1986,

ngày T.T.viết thư, cũng là ngày mà cách đây 24 năm về trước, ngày 20.8.1963 Chính quyền Ngô Đình Diệm đã cho quân đội tấn công chùa chiền tại miền Trung. Đó cũng là khởi điểm đưa đến cuộc đảo chánh ngày 1.11.1963.

● **ĐẠI HỘI PHẬT GIÁO LIÊN HỮU THẾ GIỚI LẦN THỨ 15 :**
Từ ngày 27.11. đến 1.12.1986 Đại Hội Phật Giáo Liên Hữu Thế Giới đã họp lần thứ 15 tại Nepal. Trong Ủy Ban Nhân Quyền Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ đã đề nghị Ủy ban thảo luận về vấn đề Cộng Sản Việt Nam đã vi phạm trầm trọng về Nhân quyền. Đại Hội đã kết thúc chiều ngày 1.12.1986 và thông qua 2 quyết nghị :

1/ Yêu cầu nhà Cẩm quyền Việt Nam chấm dứt đàn áp khủng bố Phật Giáo, trả tự do cho các vị lãnh đạo tinh thần Tăng, Ni đã bị giam giữ tù đầy, đặc biệt là các vị có nêu tên trong danh sách đã đề trình Đại Hội.

2/ Lập một phái đoàn Hòa Bình Quốc Tế đại diện các quốc gia tham dự Đại Hội lần thứ 15 này đi thăm Việt Nam để điều tra và can thiệp tại chỗ trên căn bản Nhân Quyền Quốc Tế.

TIN PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẠI TÂY ĐỨC

● Từ 28 tháng 2 đến 1 tháng 3 năm 1987 có 25 Phật tử Việt Nam tỵ nạn tại Bá Linh đã tham gia một khóa Tu Hát Quan Trai 1 ngày 1 đêm, thọ trì 8 giới cấm của Phật tử tại gia học hạnh người xuất gia. Cũng trong ngày này có 5 Phật tử tại gia phát nguyện Thọ Bồ Tát giới gồm 10 giới trọng và 48 giới khinh. Lễ truyền Bồ Tát giới và buổi giảng kinh Bát Đại Nhân Giác được do Đ.Đ.Thích Như Điển đảm trách. Trong kỳ thọ Hát Quan Trai này cũng đã có 3 Phật tử người Đức cùng tham dự.

● Chùa Viên Giác để chính thức có 2 Phật tử người Đức quy y Tam Bảo vào ngày 1 tháng 2 và 8 tháng 3 năm 1987 với pháp danh là Thiên Nam và Thiên Nữ. Thiên Nam sẽ làm lễ xuất gia tại chùa Viên Giác vào ngày Phật Đản 2531 tại Hannover. Thiên Nữ đã phát tâm thọ 8 giới của Phật tử tại gia và tháng 5 năm 1987 này cô sẽ lên đường sang Ấn Độ để học Đạo và nếu thuận duyên sẽ xuất gia tại đó.

● Từ 10 đến 15 tháng 3 năm 1987 Đ.Đ.Thích Như Điển đã sang Paris để tham dự giới đàn Khánh Anh do chùa Khánh Anh tổ chức cho các giới tử xuất gia thọ Sa Di giới (10 giới) và cư sĩ tại gia thọ Thập Thiện (10 giới).

Giới Đàn do Hòa Thượng Thích Trung Quán làm Đền đầu Hòa Thượng, Thượng Tọa Thích Minh Tâm làm Yết Ma A Xà Lê, Thượng Tọa Thích Tịnh Thiết làm Giáo Thọ A Xà Lê, Đại Đức Thích Như Điển làm đệ nhất Tôn Chứng Sĩ cùng với 6 vị Tôn Chứng khác đến từ Âu Châu.

Có 7 giới tử thọ Sa Di và Sa Di Ni Giới gồm có 3 chùa Khánh Anh (Paris) Thích Minh (Lyon) và Viên Giác (Hannover). Ngoài ra giới đàn Thập Thiện có 72 giới

tử đến từ Paris và Lyon thọ lãnh giới pháp.

● Quý Thầy, quý Cô trong Chi Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đã về địa phương Fürth, Erlangen, Nürnberg vào ngày 20 đến 22 tháng 3 năm 1987 để dự lễ ra mắt của Ban Chấp Hành Chi Hội Phật Tử tại nơi đây.

Đại Đức Thích Như Điển, Đại Đức Thích Minh Phú, Ni Sư Thích Nữ Diệu Tâm, Ni Cô Thích Nữ Diệu Ân, Ni Cô Thích Nữ Minh Loan đã hiện diện trong buổi lễ và trao năm ngọn đèn trí tuệ cho 5 thành viên trong Ban Chấp Hành của Chi Hội sau khi đã phát nguyện trước Tam Bảo và nhận ấn tín từ Đạo Hữu Hội Trưởng Hội Phật Tử Việt Nam Ty Nạn tại Tây Đức.

● Vào lúc 10 giờ sáng ngày 27 tháng 3 năm 1987, Đại Đức Thích Như Điển đại diện chùa Viên Giác, Phật tử Thị Chôn Ngô Ngọc Diệp đại diện Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức và Phật tử Thị Thiện Phạm Công Hoàng đại diện cho Tổ chức sinh hoạt của người Việt ty nạn tại Tây Đức đã đến phủ Thủ Tướng để gặp ông Thủ Tướng Tiểu Bang Niedersachsen - Dr. Albrecht để cảm ơn việc ông và nhân dân Đức đã thấu nhận đồng bào ty nạn vào tiểu bang này và trình bày một số vấn đề văn hóa cũng như Tôn giáo của chúng ta tại Tiểu Bang Niedersachsen nói riêng và nước Đức nói chung. Buổi nói chuyện đã diễn ra trong bầu không khí vui vẻ, cởi mở và đã được ông lưu tâm. Chúng tôi sẽ loan tải những tin trên rõ ràng hơn sau khi đã được các bộ liên hệ của Tiểu Bang Niedersachsen duyệt xét.

● Ngày 28 tháng 3 năm 1987 Niệm Phật Đường Quan Thế Âm tại Ottostr. 79, 5100 Aachen, dưới sự chủ trì hướng dẫn của Ni Cô Thích Nữ Diệu Ân, đã tổ chức một buổi lễ Phật cho đồng bào Phật tử quanh vùng. Đã có hơn 60 Phật tử về tham dự lễ này. Đại Đức Thích Như Điển và Đại Đức Thích Minh Phú đã chủ lễ và thuyết giảng qua 2 thời pháp - "Đức Quan Thế Âm Bồ Tát" - "Nhân, Quả và Duyên trong Đạo Phật" đã được các Phật tử chăm chú lắng nghe cũng như ghi nhớ. Đây là một Niệm Phật Đường đã được sự đồng ý của Chi Bộ để thành lập tại địa phương này.

● Do sự công cử của Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức cũng như thể theo lời thỉnh cầu của đồng bào Phật tử Việt Nam ty nạn tại Berlin nên Sư Cô Thích Nữ Như Hân sau khi mãn khóa học Đức Ngữ tại Nordkeich đã về chùa Viên Giác và một lễ cúng thỉnh chính thức do Phật tử Bá Linh thỉnh cầu đã được cử hành trọng thể tại chùa Viên Giác Hannover vào lúc 15 giờ ngày 29 tháng 3 năm 87 trước khi Sư Cô đi nhiệm hành Phật sự tại Berlin.

● Theo thư mời của Ni Cô Thích Nữ Minh Loan, Đại diện cho đồng bào Phật tử tại địa phương Pforzheim và vùng phụ cận, một buổi lễ Phật đã được diễn ra vào ngày 4 tháng 4 năm 87 vừa qua. Đã có nhiều Phật tử về tham dự. Đại Đức Chi Bộ Trưởng cũng đã về chứng minh buổi lễ này.

● Như những năm trước, địa phương Saarbrücken đều tổ chức những buổi lễ Phật định kỳ hàng năm cho đồng bào Phật tử. Năm nay ngày lễ Phật định kỳ được tổ

chức vào ngày 11 tháng 4 năm 1987, đã có nhiều Phật tử về tham dự lễ.

● Có 3 tháng một lần tại trại tạm cư Nordkeich có tổ chức khóa lễ cầu an và nghe thuyết giảng cho đồng bào tại trại. Lần này, lễ được tổ chức vào ngày 18 tháng 4 năm 1987. Đại Đức Thích Như Điển đã đến tham dự lễ này và thuyết giảng cho đồng bào tại trại. Có một số đồng Phật tử đã tham dự lễ này.

TIN SINH HOẠT HỘI PHẬT TỬ VIỆT NAM TY NẠN TẠI TÂY ĐỨC

● Từ ngày 20 đến 22 tháng 3 năm 1987 Ban Chấp Hành Hội Phật Tử Việt Nam Ty Nạn tại Tây Đức đã về địa phương Erlangen, Fürth và Nürnberg dự lễ ra mắt của Ban Chấp Hành Chi Hội Phật Tử tại đây.

Lễ ra mắt được tổ chức vô cùng trọng thể, có khoảng 300 Phật tử và quan khách tham dự. Các Chi Hội Phật Tử Việt Nam ty nạn tại München, Stuttgart cũng đã về tham dự lễ ra mắt này. Các Chi Hội Bremen, Berlin, không về tham dự được; nhưng cũng đã có thi chúc mừng đến tận Ban chấp hành của Chi Hội.

Đạo Hữu Thị Tâm Ngô văn Phát, Hội Trưởng Hội Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức đã trao ấn tín cho Chi Hội Erlangen, Fürth và Nürnberg để tiện việc thủ tục hành chánh tại địa phương.

● Ngày 25 tháng 3 năm 1987 Chi Hội Phật Tử Việt Nam Ty Nạn tại Hannover đã có phiên họp bất thường tại chùa Viên Giác, nhằm thảo luận phương pháp để thành lập Ban Văn Nghệ và Ban Âm Nhạc của Chi Hội tại đây. Hôm ấy có khoảng 40 Phật tử tại Hannover đã về tham dự cuộc họp này.

● Địa phương Bá Linh là một địa phương nòng cốt của Hội Phật Tử Việt Nam Ty Nạn tại Tây Đức. Mặc dầu Chi Hội Phật Tử tại đây được thành lập và hoạt động mạnh mẽ từ năm 1979 đến nay nhưng tại đây vẫn chưa có Thầy Cô nào trực tiếp hướng dẫn. Nay nhân lành đã đến, Sư Cô Thích Nữ Như Hân đã được Chi Bộ công cử về đảm trách Phật sự tại địa phương này. Do đó ngày 29 tháng 3 năm 1987 tại chánh điện chùa Viên Giác, Ban chấp hành của Chi Hội Phật Tử Việt Nam ty nạn tại Bá Linh đã phát nguyện trước Tam Bảo để cung thỉnh Sư Cô Thích Nữ Như Hân và nhận ấn tín từ Đạo Hữu Thị Tâm Ngô văn Phát, Hội Trưởng Hội Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức, để lo về hành chánh tại địa phương mình.

TIN SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG

● NGÀY "VIỆT NAM ĐAU THƯỜNG" - 30.4.1987 tại BOMI Liên Hội Người Việt ty nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức sẽ tổ chức biểu tình và tuần hành nhân ngày Quốc Kháng 30.4.1987 cho toàn thể đồng hương cư ngụ tại Tây Đức vào:

- ngày thứ năm 30.4.1987 lúc 11 giờ.
- địa điểm : Dürenstr./Ecke Königsplatz
Born - Bad Godesberg
- Mit tinh trước Sứ quán Cộng Sản Hà Nội tại
Born - Bad Godesberg, Konstantinstr. 37
từ 13 giờ đến 15 giờ
- Hội thảo Văn Nghệ lúc 17 giờ cùng ngày.
(Địa điểm sẽ được thông báo sau)

(Ban Tổ Chức)

● NGÀY "QUỐC KHÁNG 30.4.1987" tại PARIS

Qua tâm thư của Ủy ban Tổ chức ngày Quốc Kháng 30.4.1987 tại thủ đô Paris viết ngày 25.2.1987 cho biết buổi tập họp và biểu tình nhân ngày Quốc Kháng năm nay tại Paris sẽ được tổ chức tại Place TROCADERO (phía hồ nước) ngày thứ bảy 2.5.1987 lúc 14 giờ và đêm hội thảo trong cùng ngày tại Théâtre Municipal de Charenton 109 Av. de Paris à Charenton Le Pont lúc 19 giờ 30



● REUTLINGEN

Ngày 14.2.1987 Hội Người Việt tỵ nạn tỉnh Reutlingen và vùng phụ cận đã tổ chức ngày Hội Tết gồm các gian hàng trò chơi, xin xăm, thông tin, phát hành sách báo, ... Buổi Văn nghệ mừng Xuân gồm những tiết mục đặc sắc và chương trình Văn Nghệ kéo dài đến 10 giờ đêm. Trong Hội Tết này đã có hơn 500 quan khách Việt Đức tham dự.

Để hưởng ứng lời kêu gọi ủng hộ cho con tàu CAP ANAMUR III ra khơi, Hội Người Việt tỵ nạn tại Reutlingen và vùng phụ cận đã trích quỹ Hội 1000 DM để ủng hộ. Đồng thời thành lập quyển sổ vàng yểm trợ Quyển sổ vàng này hiện đang luân lưu để quyển góp tử các đồng hương trong vùng. (VN)

● VĂN PHÒNG LIÊN LẠC CÁC HỘI ĐOÀN và NGƯỜI VIỆT TỰ DO tại PHÁP kêu gọi.

24.2.1987 Văn phòng đã gửi thư kêu gọi các Đại diện các Hội Đoàn Người Việt Tự Do tại Pháp cũng như Đại diện các Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia tại Âu Châu tiếp tay và hưởng ứng việc phản đối thiên phóng sự và tài liệu thiên Cộng của ký giả Roger Pic sẽ trình chiếu trên đài truyền hình TF1 vào những ngày 5.3. và 20.3.1987 tại Pháp.

● HỘI THẢO

Trong thời gian qua Trung Tâm Độc Lập đã tổ chức những buổi thuyết trình và hội thảo sau đây :

- Buổi thuyết trình về đề tài: "Tình hình chính trị tại Việt Nam sau Đại hội kỳ 6 đảng Cộng Sản Việt Nam. Buổi thuyết trình này được tổ chức vào lúc 17giờ30 ngày thứ ba 31.3.1987 tại Trụ sở Trung Tâm Độc Lập, Reinsburgstr.56, 7000 Stuttgart.

Thuyết trình viên là Tiến Sĩ Oskar Weggel, chuyên gia nghiên cứu Đông Dương thuộc Học Viện Á Châu, Đại

Học Hamburg.

- Ngoài ra Trung Tâm Độc Lập cũng đã tổ chức một buổi hội thảo tại Dortmund qua đề tài Công tác Bảo tồn và Phát huy Việt Ngữ tại Cộng Hòa Liên Bang Đức từ 11 đến 12.4.1987, có nhiều Tổ chức, Hội đoàn và cá nhân các nơi về tham dự.

Buổi hội thảo trên đã được tổ chức tại Trung Tâm Giáo Dục Thanh Thiếu Niên thành phố Dortmund.

● ĐẠI HỘI THỂ THAO VĂN NGHỆ HÙNG VƯƠNG 1987 tại KASSEL

Theo truyền thống sinh hoạt của cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Tây Đức, Tổ chức sinh hoạt của người Việt tỵ nạn tại CHLED e.V. sẽ tổ chức một Đại Hội Thể Thao và Văn Nghệ HÙNG VƯƠNG 1987 tại Sporthalle Am Anger tại Hofgeismar tỉnh Kassel từ chiều 27 đến 31.5.1987

Để chuẩn bị cho Đại Hội này, một đại hội hội thảo được tổ chức vào ngày 28.2 đến 1.3.1987 tại Hội trường Sở Cảnh Sát thành phố Hofgeismar. Có 35 đại diện các Tổ chức và Hội đoàn địa phương tham dự. Một Ban kỹ thuật cho Đại hội đã được bầu trong cùng ngày

- Thành viên tham dự :

Tất cả thanh niên nam nữ Việt Nam tỵ nạn cư ngụ tại Tây Đức.

- Các bộ môn tranh giải :

Bóng tròn, bóng chuyền, bóng bàn, bóng rổ, điền kinh, bơi lội.

- Lệ phí :

Tổng cộng 4 ngày Đại Hội ăn, ngủ và Pokal: 70DM
Tham dự viên không ăn chỉ đóng tiền nhập trại là : 15 DM.

- Thời hạn ghi tên :

Ghi tên tham dự theo mẫu ghi danh do Ban Kỹ Thuật Đại hội đã in sẵn và gửi về Ban Tổ chức trước ngày 1.5.1987.

Mọi chi tiết và mẫu đơn ghi danh tham dự Đại hội xin liên lạc qua :

Anh HOÀNG TÂN LONG

Liegnitzerstr. 4

D-3500 Kassel Tel.(0561) 55982

hoặc

Anh PHẠM CÔNG HOÀNG

Breiterweg 1A

D-2800 Bremen 1

Tel.(0421) 15764 hoặc (0421) 171376

● CAP ANAMUR III - NGUỒN HY VỌNG MỚI

Thư kêu gọi của Văn phòng CAP ANAMUR

C/o NGUYỄN HỮU HUÂN (Hamburg)

Văn phòng CAP ANAMUR có ra văn thư ngày 9.3.1987 kêu gọi các Tổ chức, Hội đoàn các cơ quan Ngôn luận của Người Việt tỵ nạn yểm trợ chuyên ra khỏi biển Đông vớt người tỵ nạn lần thứ Ba.

Tàu CAP ANAMUR III ĐÃ THỰC SỰ RA ĐỐI

Ngày 9.4.1987 SẼ RA KHỎI và THỜI GIẠN

TỐI THIỂU HOẠT ĐỘNG DỰ TRÙ LÀ 6 THÁNG

Mọi đóng góp tài chánh xin chuyển vào trường mục CAP ANAMUR sau :

STADTSPARKASSE KÖLN

Kto-Nr : 222 2222

HLZ : 370 50198

- Lịch trình hoạt động của CAP ANAMUR III
- 2.3.87 : rời cảng Lissabon/Portugal, sau khi tân trang bị tàu.
- 7.3.87 : ghé Marseille, đón các người thiện nguyện.
- 8.3.87 : rời cảng Marseille, trực chỉ Singapore.
- 3.4.87 : ghé Singapore. Nhân viên của CAP ANAMUR và Y SĨ THẾ GIỚI lên tàu nhân thuốc men, thực phẩm và các vật dụng cần thiết.
- 6.4.87 : rời Singapore trực chỉ biển Đông.
- 9.4.87 : hoạt động trên vùng công tác.

Hiện có tổng cộng 410 chiếu khán đã được các quốc gia Tây Đức, Gia Nã Đại, Pháp và Áo bảo đảm.

Ủy ban CAP ANAMUR vẫn tiếp tục nỗ lực vận động để xin nhận thêm chiếu khán cũng kêu gọi mọi đóng góp tài chánh hầu duy trì hoạt động của tàu CAP ANAMUR III tối thiểu liên tục trong 6 tháng.

Tướng cũng nên ghi lại nơi đây kể từ năm 1979 đến nay CAP ANAMUR I và CAP ANAMUR II đã vớt được 10.995 thuyền nhân Việt Nam tỵ nạn Cộng Sản. Trong số đó có hơn 6.000 người hiện định cư tại Tây Đức.

● Mở phong trào vận động yêu cầu chính quyền Đức thâu nhận thêm thuyền nhân tỵ nạn Việt Nam

Độc tin Hội Y Sĩ Thế Giới (Pháp) và Ủy Ban Cap Anamur (Đức) sẽ chia tàu "Cap Anamur III và Ile De Lumiere II" đến biển Đông hoạt động cứu vớt thuyền nhân Việt Nam tỵ nạn, các tổ chức tại Tây Đức sau đây đã cùng ra lời "Lời kêu gọi" : Hội Công Giáo Việt Nam, Nguyệt San Độc Lập, Liên Hội Người Việt Tỵ Nạn tại CHLD, Tổ chức Tranh đấu đòi Nhân Quyền tại Việt Nam của Người Việt ở Hải Ngoại, Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại CHLD, Tổ chức Việt Nam Tự Do.

Các công tác chính trong lời kêu gọi gồm những điểm sau :

- 1/ Tổ chức lạc quyền yểm trợ.
- 2/ Giải thích rộng rãi cho dân chúng địa phương rõ về các biện pháp đàn áp nhân quyền vô cùng tàn bạo của Cộng Sản Việt Nam là nguyên nhân khiến đồng bào phải bỏ nước ra đi tìm tỵ nạn.
- 3/ Hợp tác với các tổ chức Đức ở địa phương để thu thập chữ ký của người Việt tỵ nạn và dân chúng Đức để yêu cầu Hội Đồng thành phố và Chính quyền tiểu bang thâu nhận thêm thuyền nhân Việt Nam tỵ nạn.

● LỄ GIÓ TỔ HÙNG VƯƠNG 1987

Trong ngày chủ nhật 5.4.1987, Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam, có số vùng Bắc Đức, đã cung thỉnh Đ.Đ.Thích Nhị Điện làm chủ lễ cho buổi lễ cầu Quốc Thái Dân An nhân ngày giỗ Tổ HÙNG VƯƠNG tại chùa Viên Giác Hannover. Rất đông người Việt tỵ nạn cư ngụ tại Bắc Đức đã về tham dự ngày lễ truyền thống này của Dân Tộc Việt, để nhớ ơn vị Tổ khai lập họ HỒNG BÀNG và cùng nhau thành tâm nguyện cầu cho nước Việt sớm được thoát khỏi ách thống trị của chế độ Cộng Sản phi nhân.

Nhắn tin

● NGUYỄN PHƯỚC HÙNG khi xia ở 5230 Altenkirchen, nay ở đầu thi về cho Huyện Lộ Thủy
343 Palmtlaer - Tomona - CA 91767 - USA.

* Tìm người quen tên là ĐÀO VĂN CHIÊM và NGUYỄN TRƯỜNG SƠN lúc trước (1983, 1984) ở trại tỵ nạn Palawan nay ở đầu xin thi về

TRẦN THU MỘNG DUYÊN

CJD Ebersbach

Teckstr. 21-25 - 7333 Ebersbach

● Cháu là NGHIÊM THỊ BÌNH hiện đang sống trong trại cấm ở Hồng Kông, Mẹ cháu tên là Nguyễn thị Kim Vân. Cháu muốn tìm Bác tên là BẮT có vợ tên là Nguyễn thị Tâm (chị ruột của mẹ cháu), lúc trước ở số 30/6 Quốc lộ 15 ấp Thái Hiệp, Tam Hiệp, Biên Hòa, Sài-Gòn; hiện đang sống cùng con tại Tây Đức.

Nhận được tin này kính mong Bác trả lời cho cháu qua địa chỉ sau :

NGHIÊM THỊ BÌNH

L/M : 2182 No : 5167

Heiling Chau Closed Centre Hong Kong - HONG KONG

● Anh là NGUYỄN ĐÌNH QUÍ, trước ở Phú Nhuận, sang Tây Đức năm 1983. Hiện giờ ở đầu cho em là Trần Bá Bảo biết tin gấp. Xin liên lạc về địa chỉ này :

LÂM QUANG MINH

Auflegerstr. 13, 8000 München 83

Tel.: (089) 400470

● Hai vợ chồng người chủ Đức, Pháp có 2 tiệm thuốc Tây ở biên giới Pháp Đức vùng Kehl-Strasbourg, đã có được sĩ người Việt - muốn tìm một người tỵ nạn Việt Nam có bằng Apothekenhelferin của Đức trong năm 1987 hoặc bắt đầu từ tháng 5,6/87 để tin cậy và sẽ làm việc lâu dài. Xin liên lạc về địa chỉ :

Apotheker K.P. Riedel

Paracelsus - Apotheke

Hauptstr. 44, 7597 Rheinau - Freistett

Thông báo

● Đại lễ Phật Đản 2531 sẽ do chùa Viên Giác tại Hannover tổ chức vào ngày 15, 16 và 17 tháng 5 năm 87 gồm có những điểm chính sau đây :

. 15 giờ chiều ngày 16 tháng 5 năm 1987 sẽ có lễ đặt viên đá đầu tiên xây chùa Viên Giác dưới sự chứng minh của chư Tôn giáo phẩm đến từ Pháp và Đức, Hòa Lan. Tin chưa được chính thức xác nhận, nhưng sẽ có sự tham dự lễ đặt đá của Ông Thủ tướng Tiểu bang Niedersachsen hoặc Đại diện của Ông cũng như những Bộ liên hệ có mặt trong ngày này.

. Đêm Văn Nghệ Phật Đản vào lúc 19 giờ ngày 16 tháng 5 năm 1987 sẽ do các Ban Văn Nghệ các Chi Hội Phật Tử Việt Nam tỵ nạn tại Berlin, Hamburg,

Hannover, Bremen, Bamtrup, Erlangen+Fürth+Nürnberg. thực hiện cùng với các nghệ sĩ nổi danh như Hông Kông (đền tử Hoa Kỳ), Thành Đức (Hamburg), Chí Tâm và Quốc Anh (Paris) cùng nhà Thu Hông tại Lingen (Đức) Về đã có tại chùa Viên Giác Hannover. Giá vé đồng hạng 20,00DM. Quý vị nào muốn giữ chỗ trước. Xin liên lạc về chùa. (Quý vị sẽ nhận được thư mời sau và Chương trình chi tiết xin xem ở trang cuối của số Viên Giác này).

● Sau đây là những ngày Phật Đản tại các địa phương được tổ chức trong năm nay.

. Ngày 25 tháng 4 năm 1987 tại chùa Khánh Hòa (Rotterdam). - 2 tháng 5 năm 1987 tại Đan Mạch. - ngày 3 tháng 5 năm 1987 tại chùa Tinh Tâm (Paris). - ngày 9 tháng 5 năm 1987 tại Na Uy và Tinh Thất Đào Quang (Hamburg). - ngày 15, 16, 17/5/87 Viên Giác (Hannover). - ngày 23.5.87 Niệm Phật Đường Thiên Hòa (München - chengladbach). - ngày 24.5.87 chùa Khánh Anh (Paris). - ngày 30 tháng 5/87 chùa Thiện Minh (Lyon) và Niệm Phật Đường Tâm Giác (München). Ngoài ra có một số địa phương khác chưa ấn định thời gian tổ chức.

● Năm nay vì nhân 2 tháng sáu nên lễ nhập hạ An Cư sẽ được tổ chức vào ngày 11 tháng 6 năm 1987 tức ngày 16 tháng 5 âm lịch và ra hạ ngày 5 tháng 9/1987

Trong mùa An Cư này sẽ mở 3 khóa giáo lý 1, 2 và 3 từ ngày 26 tháng 7 đến 30 tháng 7. Từ 31/7 đến 4/8 và từ 5/8 đến 9 tháng 8 năm 1987. Xin ghi tên nơi văn phòng của chùa để được hướng dẫn thêm.

Ngoài ra các khóa tu học Bát Quan Trai Giới sẽ có niệm yết riêng tại chùa.

● Quý vị gởi thư và tịnh tài về chùa xin nhớ ghi rõ gởi về mục gì để cho thư ký của văn phòng để bổ sổ sách.

● Có 3 gia đình Phật Tử Việt Nam tại Hamburg để phát tâm thỉnh 1 tượng Quan Âm lộ thiên cúng ở trong vườn chùa Viên Giác. Đó là GEEH Trần Văn Quý (3.000 DM); GEEH Nguyễn Đức Khang (1.000 DM); GEEH Trần Đức Vinh (1.000 DM). Tổng cao 2,50m, chùng, màu trắng. Giá thành là 10.000 DM kể cả tiền chuyên chở và thủ tục; nhưng còn thiếu 5.000 DM nữa. Vậy quý Đạo hữu Phật Tử nào muốn hùn phần vào việc trên. Xin liên lạc về chùa. Tượng sẽ đến Tây Đức vào lễ Vu Lan 1987 này.

CHIA BUỒN

Được tin

Cụ Bà **TONG KI WEN**
Nhũ danh **TRẦN VĂN TIÊN**
Kế mẫu của Ông **TONG DI LUONG**
tạ thế ngày 24.3.1987 tại Hannover
hưởng thọ 83 tuổi.

Chúng tôi xin thành thật chia buồn cùng Ông Bà và Tang quyến. Nguyên cầu hương hồn Cụ Bà sớm về miền Cực Lạc.

Hội **NGƯỜI VIỆT TỶ NẠN** tại
Villingen - Schwenningen

PHÂN ƯU

Được tin Hòa Thượng Bổn Sư Truyền Pháp của Đại Đức Thích Quảng Đa thuộc Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam tại Úc Đại Lợi là

ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG húy thượng **NGUYỄN**
hạ **LỮU**

ĐẠO HIỆU THÍCH GIÁC TÁNH, trụ trì **TỔ ĐÌNH THIÊN ĐỨC**, tỉnh **BÌNH ĐỊNH**, **CHANG ĐẠI DIỆN GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT MIỀN LIÊU QUẢN**

đã an nhiên thị tịch tại phương trường **TỔ ĐÌNH THIÊN ĐỨC** ngày 1 tháng 2 năm 1987, tức ngày mồng 4 tháng giêng năm **ĐÌNH MÃO**.

Hưởng thọ 75 tuổi.

Chúng tôi thành thật chia buồn cùng Đại Đức và nguyên cầu Giác linh của Đại Lão Hòa Thượng sớm cao sang Phật Quốc.

- Chi Bộ GHPGVN Thống Nhất tại Tây Đức.
- Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo VN tại Tây Đức, chùa Viên Giác Hannover.
- Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Tây Đức và các Chi Hội trực thuộc.

PHÂN ƯU

Được tin Sư Bà Bổn Sư của quý Thầy, quý Cô tại chùa Khánh Hòa (Rotterdam), và Niệm Phật Đường Quán Thế Âm (Aachen) và Tinh Thất Khánh Hòa (Bamtrup) - là

SƯ BÀ thượng **TỊNH** hạ **KHIẾT**

Trụ trì **KIM LIÊN NI TỬ**

đã viên tịch ngày 13 tháng 12 năm **BÍNH DẦN** tại Việt Nam

Chúng tôi thành thật chia buồn cùng quý Thầy Cô và nguyên cầu giác linh Sư Bà Thượng phẩm thượng sanh

- Chi Bộ GHPGVN Thống Nhất tại Tây Đức.
- Trung Tâm Văn Hóa PGVN, chùa Viên Giác Hannover
- Hội Phật Tử VN Tỵ Nạn tại Tây Đức và các Chi Hội trực thuộc.

CHIA BUỒN

Hay tin trẻ

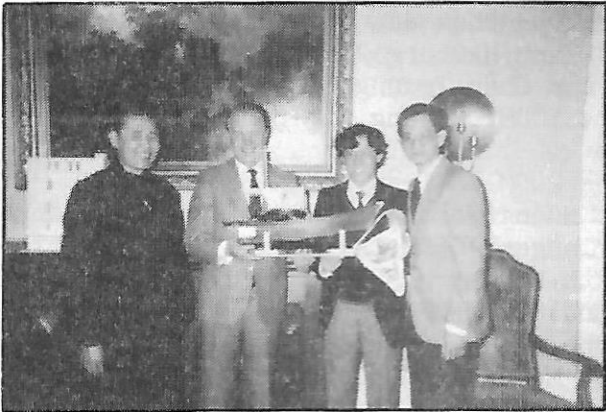
NHẠC PHU Anh **Trần Việt Tôn**
đã thất lạc tại Việt Nam.

Xin thành thật chia buồn cùng Anh Chị Tôn, Tang quyến và nguyên cầu hương hồn Cụ Ông sớm về cõi Phật.

Vũ Ngọc Long và 2 Con

Gđ Nguyễn Kinh Tân và Nguyễn Văn Chung

Hình ảnh sinh hoạt Phật sự



Phái đoàn viếng thăm Ông Thủ Tướng
tiểu bang Niedersachsen Dr. ALBRECHT ngày 27.3.1987



Những Phật tử Đức quy y theo Phật giáo chụp chung hình với
các Phật tử Việt nam tại Chùa VIÊN GIÁC Hannover



Thăm trại tỵ nạn Hồng Kông



Thăm trại tỵ nạn tại Nhật Bản
tháng 1 năm 1987

Phương danh Quý Đạo hữu Phật Tử ủng hộ

(Tính đến ngày 3 tháng 4 năm 1987)

ĐH Nguyễn Văn Nừa(Laatzten)20DM.ĐH ân danh(")20DM.ĐH Nguyễn Khắc Trinh(Bochum)20DM.ĐH La Đông(Aó)20DM.ĐH Thị Vân Hồ Thị Kiều(Borken), 200DM hồi hướng HLĐH Nguyễn Thị Bông.ĐH Mai Văn Mân(Hamm)30DM.Cơ sở MTQGTNGPVN tại Đức 100DM.ĐH Tăng Thị Muôn (Canada)30Can. ĐH Lê Thị Bạch Tuyết 50DM.GĐĐH Tăng Bảo(Berlin)100DM.ĐH Võ Phước Lâu(Laatzten)50DM.ĐH Nguyễn Hào Hùng(Hannover)100DM.Hồi Hướng HLĐH Nguyễn Thị Thu PD Diệu Nhứt.PT Thị Ân Nguyễn Trung Hiếu (Hannover)50DM.HHHLĐH Nguyễn Văn Trung PD . Chánh Giải.ĐH Đỗ Thuận Phát(Herne)200DM.GĐĐH họ Lúu(Helmstedt)200DM.ĐH Nguyễn Văn Bửu(Ph. 50FF.ĐH Lê Cư Huỳnh Thị Hồng Xuân(Nürnberg) 20DM.ĐH Trí Phát Trần Thuận Đạt(")20DM.ĐHTrí Hải Trần Quới Thanh(")10DM.ĐH Hertha Otto - (Einbeck)20DM.ĐH Lâm Minh(Aó)20DM.ĐH Trần Hà (Preetz)10DM.ĐH Đinh Chí Trung(Freiburg)50DM ĐH Dương Chánh Quân(Cloppenburg)50DM.GĐĐH họ Trần(")300DM HHHLĐH Trần Đông.ĐH Lâm Chí Cường (Oberhausen)30DM.ĐH Hà Văn Được(Idar Oberstein)50DM.ĐH Hồ Thị Mai(Pháp)200FF/Cầu An. ĐH Nguyễn Kim Loan(Hamburg)36DM.GĐĐH Trục Ngô - Phạm Ngọc Đảnh(Berlin)100DM HHHLĐH Nguyễn Văn Thanh.ĐH Diệu Nhứt Lâm Thúy Liễu(")200DMHHHL.ĐH Lương Thị Vàng PD Giác Phú.ĐH Nguyễn Thị Thắng(")50DM.Quý ĐH+PT Berlin nhân ngày Thọ Bát Quan Trai 300DM.ĐH La Long(Solingen)40DM ĐH Nguyễn Văn Quan(Wuppertal)10DM.ĐH Giang Phước Lợi(München)20DM.ĐH Đào Duy Hùng(Darmstadt)26DM.ĐH Phạm Thị Tuyết Nga(Cloppenburg 20DM.ĐH Nguyễn Quý Bằng(Tübingen)50DM.ĐHKhu Mỹ Anh(Helmstedt)50DM.ĐH Huỳnh Sở Khánh(")40DM.ĐH Văn Nại Tường+ĐH Lưu Chu Hương(")200DM ĐH Ngô Mỹ Châu(Bad Iburg)100DM.ĐH Ngô Thoại Bình(")50DM.ĐH Minh Hiếu(Gießen)50DM.ĐH Simon Wechmann(")20DM.ĐH Thorsten Schöder(") 20 ĐH Diệu Yên(")30DM.ĐH Nguyễn Đức Hạnh(Oberhausen)20DM.ĐH Trần Quang Trung(")30DM.GĐĐH. Trần Văn Nhơn(Braunschweig)100DM HHHLĐHLê Văn Đò.ĐH Lương Thị Hoa(Fürth)20DM.ĐH Trương Mỹ Hiền(Minden)10DM.ĐH Đỗ Hữu Ái(Oberhausen)20DM ĐH Đặng Muội(Merzig-Saar)50DM.ĐH Lâm Minh Bôt (Speyer)10DM.ĐH Lâm Đạo Tử(")20DM.ĐH Vương Quan Sen(Dorsten)20DM.ĐH Huỳnh Kiến An(Speyer)10DM.ĐH Nguyễn Văn Kiên(Düsseldorf)30DM . ĐH Mai Thị Huệ(Hamm)10DM.ĐH Viên Nhuận(Westerstede)50DM.ĐH Đức Huệ Vũ Thị Đâu(Aachen)50DM HHHL ĐH Nguyễn Thị Chiêm.ĐH Lý Nguyệt Thuê (Bonn)20DM.ĐH Võ Thị Quê(Pháp)200FF.ĐH Phạm Ngọc Sâm(")200FF.ĐH Phạm Ngọc(")100FF.ĐH Đỗ Thuận Phát(Herne)100DM.ĐH Diệu Hải Đỗ Thị Vui

(Pháp)200FF.ĐH Diệu Pháp Nguyễn Văn Kiều(") 100FF.ĐH Trần Quới Thiên(")100FF.Bác Nguyễn Lưu(")100FF.Cô Tâm Ngọc(")200FF.ĐH Luân(")50 FF.ĐH Lê Văn Đức+ĐH Lê Anh Anh(")100FF.ĐHNg. Văn Quan(Wuppertal)10DM.ĐH Cao Thiên Bửu(P.) 200FF.ĐH Phạm Hữu Lợi(Dorsten)80DM.ĐH Quách Hữu Haph(Hamburg)20DM.ĐH Tú Ngọc Phong(")50DM ĐH Lâm Châu Trường(Berlin)10DM.ĐH Wong Siew Forz 50DM.ĐH Đặng Ái Liên 50DM.ĐH Trịnh Mỹ Tâm 20DM.ĐH Đỗ Thuận Lợi 20DM.Peking Restaurant 20DM.ĐH Trần Duyên(Ebersbach)10DM. ĐH. Đức Hương(Fürth)50DM.ĐH Diệu Hương Võ Thị Lý (Erlangen)100DM.Chi Hội PTVNTN tại Erlangen+ Fürth+Nürnberg)50DM.ĐH Nguyễn Đăng Thiên(Dortmund)100DM HHHLĐH Nguyễn Đăng Phong.ĐHNguyễn Thanh Phạm Hữu Phước(Berg Gladbach)100DM HH HHDH Mai Thị Quyên.ĐH Trương Đức Sung(Euskirchen)20DM.ĐH Phạm Thị Ngọc Lan(Hoa Kỳ)20US. GĐĐH Trục Ngô Phạm Ngọc Đảnh(Berlin)200DM.ĐH Diệu Hương Nguyễn Đăng Bút(Thụy Sĩ)100DM.ĐH. Phạm Muội(Bad Iburg)20DM.ĐH Huệ Lạc Cao Thị Yên(Berlin)20DM.ĐH Lý Lệ Nga(Salzbergen)50DM ĐH Lý Văn Bình(Bremen)20DM.ĐH Đoàn 10DM. ĐH Ái Liên 25DM.ĐH Đặng Đoàn Triệu 50DM.ĐHNguyễn Ngọc Châu(Pháp)100DM).

ĐÌNH KỶ

ĐH Hồ Văn Nguyên(Phá)300FF/1-6/87.ĐH Đoàn Thị Thanh Tú(")300FF/1-6/87.ĐH Đặng Thị LinhThầy (Pforzheim)200DM/1-2/87.ĐH Lai Khánh Vân(G. ermering)80DM/1-4/87.ĐH Bùi Thị Thảo 40DM/3-4/87.ĐH Nguyễn Ngọc Châu 50DM/3-4/87.ĐH Lý Diệu Anh(Vechta)50DM/3-4/87.ĐH Phan Thị Thên 40DM/3-4/87.ĐH Nguyễn Thị Thiệp 40DM/3-4/87. ĐH Lâm Thành(Lingen)45DM/1-3/87.ĐH Lê VănHөг (Lohr am Main)60DM/3-4/87.ĐH Trần LiễuThị D. Huyền 40DM/3-4/87.ĐH Phạm Đăng Anh Tuấn(Kassel)40DM/3-4/87.ĐH Phan Ngọc Bình 20DM/3-4 / 87.ĐH Nguyễn Thị Phụng(Recklinghausen)120 DM 1-12/87.ĐH Dương Văn Phương(Essen)60DM/1-6 / 87.

CUNG DƯƠNG XÂY CHÙA

ĐH Tăng Thị Muôn(Canada)20US.Ni Cô Thích Nữ Trí Hào(Thụy Sĩ)1.176,47DM.ĐH Trương Thị Phong(Úc)60DM.ĐH Mai Thị Thu Vân(Stolberg)DM 100.ĐH Vong Văn Răng(Pháp)200FF.ĐH TôngKhanh Tạ(Rottenburg)100DM.ĐH Đặng Văn Khoa(Kiel)DM 400.ĐH Nguyễn Bắc(Aachen)200DM.ĐH Cao Thị Yên (Berlin)200DM.ĐH Hồ Thị Thu Hà(Berlin)100DM. ĐH ân danh(Pháp)1.250FF.ĐH Nguyễn Ngọc Quang (Oberhausen)600DM.ĐH Đinh Ngọc Bình(Frankfurt)100DM.ĐH Phạm(Braunschweig)20DM.ĐH Chung Thị Ba(Berlin)250DM.ĐH Huệ Vũ Ngọc(Filderstadt)100DM.ĐH Đỗ Thị(Pháp)300DM.ĐH Lưu NgLành (Speyer)10DM.ĐH Nguyễn Quốc Thanh(Hoà Lan)DM 100.ĐH Diệu Khai Phạm Thị Bông(Pháp)3.000FF.

Phật Tử chùa Thiên Minh(Lyon)1.500FF.ĐH Diệu
 Phương Ngô Thị Lai(Pháp)500FF.GĐĐH NguyễnDuy
 Trinh(")2.000 FF.ĐH Nguyễn Thị Mỹ Hoa(Kauf-
 beuren)10DM.ĐH Lý Vĩnh Cường(Alfeld)200DM.ĐH
 G.Häfele(Berlin)200DM.ĐH Triph Đỗ Vinh(Speyer-
 er)50DM.ĐH ân danh(Berlin)40DM.ĐH Nguyễn Văn
 Quang(")500DM.ĐH Lô Hing Tai(Hamburg)500DM.Đ
 H Trịnh Hùng(Kehl-Aneheim)50DM.

MỘT THƯỚC ĐẤT CẤT CHÙA

ĐH La Đông(Aó)1th/130DM.ĐH Trịnh Văn Hy(Idar
 Oberstein)1th/135DM.ĐH La Tuyết Mai(Nienburg
 1/2th/70DM.ĐH Lê Minh Kiệt(Freiburg)1th/150M
 HPGVN tại NSW(Úc)10th/1350DM.ĐH Nguyễn Trung
 Hiếu(Hannover)1th/135DM.ĐH Nguyễn Mạnh Hùng
 (Pattensen)3th/405DM.ĐH Nguyễn Thị Lý(Göttingen)
 1th/135DM.ĐH Thiên Nghi Lưu Thị Tư(")1th
 135DM.ĐH Mai Văn Cẩm(Stolberg)1th/150DM. ĐH
 Đỗ Tuấn Khanh(Pháp)1/2th/300FF.ĐH Nguyễn Thị
 Kim Chi(")1/2th/300FF.ĐH Đỗ Thị Dung(Frank-
 furt)6th/810DM.ĐH Bùi Chu Chương(Oldenburg)
 1th/135DM.ĐH Ross Paul(Pháp)1/2th/70DM.ĐHNg.
 Văn Bửu(")1th/450FF.ĐH Huyền Phương(Úc)10 th
 1.350DM.ĐH Phạm Văn Tùng(M Gladbach)1th/140M
 ĐH Lê Hữu Cơ(Neuss)1th/135DM.ĐH HỒ Khánh Kim
 (Mühlacker)1th/135DM.ĐH HỒ Huệ Phương(")1th/
 135DM.ĐH HỒ Huệ Cẩm(")1th/135DM.ĐH HỒ Diễm
 Minh(")1th/135DM.ĐH NguyễnThanh Quan(Berlin)
 1th/135DM.ĐH Trương Thị Theo(Pháp)1th/450FF
 Tiêm Cam Bốt(Bi)1th/3.000FB.ĐH Huỳnh ThịXuân
 Hương(Wiesbaden-Dotzheim)1th/135DM.ĐH Nguyễn
 Minh Khôi(Pháp)1/2th/250FF.ĐH Vương KhảiHùng
 ĐH Vương Angela(Göttingen)1th/140DM.ĐH Hứa
 Ngọc Tài(Stadtbergen)1th/140DM.ĐH Trần ThếSử
 (Konstanz)1th/135DM.ĐH Trần Kim Long(")1th /
 135DM.ĐH Trần Ti(Weil am Rhein)1th/135DM. ĐH
 Dục Thị Hòa(Neunkirchen)1th50/200DM.ĐH Phạm
 Văn Hùng(Bi)1th/135DM.ĐH Đặng Thị Oanh(Hòa
 Lan)1th/150DM.ĐH Huỳnh Thị Châu(Braunschweig
 1th/135DM.ĐH Nguyễn Thị Hạnh(")1th/135DM. ĐH
 Nguyễn Ngọc Thanh(Mannheim)1th/135DM.ĐH Phạm
 Anh Dũng(Langen)1th/135DM.ĐH Nga, Phương, Trug
 Chi(Trâm)(")1th/135DM.ĐH Nguyễn Thị TuyếtLan
 (Thụy Sĩ)4th/540DM.ĐH Diệp Huệ Hùng(Emden)1/
 2th/67,50DM.ĐH Huỳnh Quang Hồ(Westerstede)1/
 2th/67,50DM.ĐH Huỳnh Hiếu Đạo(Bielefeld)1/2t
 67,50DM.ĐH Jeehong Bonnket(")1/2th/67,50DM.
 ĐH Vũ Văn Quý(Neuss)1th/135DM.ĐH Thiên TânVũ
 Quang Tú(Seelze)1th/140DM.ĐH Phạm Thị Bông
 (Pháp)1th/500FF.ĐH Alain Phong(")1th/500FF .
 ĐH Phạm Thị Mai Hương+ĐH Lê Thị Ba(")1th /
 450FF.ĐH Phạm Đăng Sum(")1th/450FF.ĐH Diệu
 Phương Nguyễn Thị Lai(")2th/1.000FF.ĐH Phil-
 ippi, Jean, Claude(")1th/450FF.ĐH Trần Thị Kim
 Hoa(")1th/450FF.ĐH Lê Vinh(")1th/500FF. ĐH.
 Diệu Lý(")1th/500FF.ĐH Diệu Phước Nguyễn Thị
 Hai(")2th/900FF.ĐH Nguyễn Chánh Lý(")2th/ FF
 1000.ĐH Diệu Tú Hồ Thị Nhung(")1th/500FF. ĐH
 Ngụy Hứa Thu Ngọc(Berlin)1th/140DM. ĐH Lê

Trọng Phàm(Meckenheim)1th/140DM.ĐH Ngô Quan-
 (M Gladbach)1th/135DM.ĐH Nguyễn Văn Hoa(Mün-
 ster)1th/130DM.ĐH Nguyễn Thụy Liên(Essen)1th
 135DM.ĐH Nguyễn Ngọc Thanh(Mannheim)1th/135M
 ĐH Nguyễn Duy Uy(Brühl)1th/135DM.ĐH Diệu Nhã
 Trần Thị Bất(München)1th/135DM.ĐH Lâm Minh
 (Ramberg)1th/135DM.ĐH Nguyễn Hữu Vĩnh(Sindel-
 fingen)1th/135DM.GĐĐH Lê Đức Khiêm+GĐĐHTiên
 Sanh+Tịnh Thông(Laatzten)6th30/850DM.ĐH Phạm
 Muội(Bad Iburg)1th/135DM.ĐH Lê Văn Hồng(Lohr
 am Main)2th/270DM.

CỔ PHẦN HỘI THIÊN

ĐH Đỗ Thị Dung(Frankfurt)200DM.ĐH NguyễnChánh
 Trực(Berlin)1.000DM.ĐH ân danh(Canada)1.000M
 ĐH Nguyễn Phước Vĩnh Tiết(Bi)2.000DM.ĐHNguyễn
 Văn Lượng (D'dorf)1.000DM.ĐH Trần ThịThị
 1.000DM.ĐH Trần Văn Mẫn(Berlin)1.000DM. ĐH
 Thị Lực Nguyễn Long Phi(")1.000DM.ĐHTâm Bạch
 Trần Nguyễn Huyền Đan(")1.000DM.ĐH NguyễnThị
 Thiệp(")1.000DM.ĐH Lê Thị Thoa(")1.000DM. ĐH
 Thiên Nghiã Đào Trọng Hiếu(Karsruhe)1.000DM.
 ĐH Minh Hiếu Ông Văn Trung(Gießen)1.000DM.ĐH
 Diệu Hương Nguyễn Đăng Bút(Thụy Sĩ)2.000DM .
 ĐH Thị Nhân Đoàn Thị Thu Hạnh(Gifhorn)1.000M
 ĐH Trần Thành(Bremen)1.000DM.ĐH Thiên Nguyễn
 Lý Hùng Sơn(Stuttgart)1.000DM.ĐH Nguyễn Văn
 Quang(Berlin)1.000DM.ĐH Nguyễn Thanh Hải(")
 1.000DM.ĐH Lê Văn Hồng(Lohr am Main)1.000DM.

BẢO VIÊN GIÁC

ĐH Smonlanlei(Bochum)10DM.ĐH Nguyễn NgọcChâu
 (Phá)88,23DM.ĐH Mach Thị Phương(Friedrichha-
 fen)20DM.ĐH Nguyễn Thị Lý(Göttingen)15DM. ĐH
 Thiên Nghi Lưu Thị Tư(")15DM.ĐH HoàngThịThụn
 (")15DM.ĐH Tăng Quốc Tuấn(Berlin)20DM.ĐHTăng
 Quốc Hải(")20DM.ĐH Tăng Quốc Việt(")20DM. ĐH
 Tăng Quốc Hương(")20DM.ĐH Diệu Thiên TiêuThị
 Thi(Erlangen)50DM.ĐH Nguyễn Hiền(Hòa Lan) 25
 DM.ĐH Nguyễn Văn Lập(Neustadt)20DM.ĐH Nguyễn
 Văn Sáu(Wilhelmshaven)30DM.ĐH NguyễnKimChúg
 (Köln)50DM.ĐH Nguyễn Văn Thanh(Lüdenscheid)
 20DM.ĐH Nguyễn Thị Độ(")20DM.ĐH Khai(Essen)
 20DM.ĐH Nguyễn Văn Lượng(Düsseldorf)20DM. ĐH
 Huỳnh Văn Vân(Bi)500FB.ĐH Lâm Văn Sen(Ragens-
 burg)30DM.ĐH Diệu Tường Thái Grieves(USA) 20
 US.ĐH Trần Thị Thiệt(Krefeld)50DM.ĐH NguyễnT.
 Tốt(USA)30US.ĐH Trần Văn Nhung(Can)20 Can.ĐH
 Chơn Đạo(USA)20US.ĐH Nguyễn Thanh Quan(Ber-
 lin)40DM.ĐH Huỳnh Trọng Huệ(Würzburg)30DM.ĐH
 Nguyễn Thị Hộ(Hattersheim)20DM.ĐH Phạm Thanh
 Phước(Berlin)20DM.ĐH Günster Friedrich(Köln)
 10DM.ĐH Nguyễn Đình Long(Haiger)20DM.ĐH Lê T.
 Kim Uyên(Essen)20DM.ĐH Châu Thị Châm(Darms-
 tadt)20DM.ĐH Châu Bảo Chương(Bayreuth)20DM .
 ĐH Lê Việt Thành(Berlin)56DM.ĐH Thiên Đạo
 (USA)20US.ĐH Võ Phước Nguyễn(Una)8DM.ĐH Huệ

Vũ Ngọc(Filderstadt)50DM.ĐH Diệu Huệ+ĐHTiên
Hóa(Canada)40Can.ĐH Trịnh Vương(Köln)20DM.ĐH
Spangenberg(Langenhagen)10DM.ĐH Trưởng Mỹ Hạnh
(Hamburg)10DM.ĐH Trưởng Thị Ven(Binzen)20DM.
ĐH Võ Thị Lang(Heidenheim)50DM.ĐH Nguyễn Văn
Kiên(Düsseldorf)20DM.ĐH ẩn danh(Memmingen)20
DM.ĐH Hồ Song Hào(Cuxhaven)20DM.ĐH Lý Nguyệt
Thường(Bonn)10DM.ĐH Diệu Pháp Nguyễn VănKiều
(Pháp)100FF.ĐH Trần Quới Thiên(")100FF.ĐH Từ
Thị Quê(")200FF.ĐH Nguyễn Danh Đàn(")100FF.Đ
H Trần Văn Búp(Berlin)10DM.ĐH Nguyễn VănMinh
(Berlin)20DM.ĐH Lê Trung Hiếu(Berlin)20DM:ĐH
Đình Đình Tuấn(")20DM.ĐH HỒ ĐỆ(")20DM.ĐH Ng.
Anh Hoàng(")20DM.ĐH Phạm Văn Phụng(Kaufbeu -
ren)30DM.ĐH Lê Văn Hiến(D' dorf)20DM.ĐHLê Văn
Hai(M' gladbach)20DM.ĐH Kim Phượng(Braunsch -
weig)10DM.ĐH Nguyễn Duy Uy(Brühl)15DM.ĐH Ng.
Văn Lang(Bi)500FB.ĐH Nguyễn Việt Đoàn(") FB
1.000.ĐH Ngô Đình Quốc(D' dorf)20DM.ĐH Lê Thị
Bích Ninh(München)10DM.ĐH Lê Long Hải(Saar -
brücken)20DM.ĐH Nguyễn Thị Thê(Münster)30DM.
ĐH Quách Hoa Anh(Bi)500FB.ĐH Diệu Hương Ng.
Đặng Bút(Thụy Sĩ)100DM.ĐH Trần Minh Ân(Mün -
chen)20DM.ĐH HỒ BỬU HIỆP(Hamburg)20DM.ĐHLêThị
Bạch Nga(Canada)10 Can.ĐH Chân Tâm(")10Can.
ĐH Mã Kim(Pháp)100FF.ĐH Nguyễn Thị Phượng -
Liên(Thụy Sĩ)100FF.ĐH Tài Nguyễn Nguyễn(Wie -
sbaden)10DM.

KIM THANG GIANG

ĐH Lý Kim Châu(Kaiserlauten)20DM.ĐH Lý Kiên
Cường(Saarbrücken)50DM.ĐH Trần Thị Vân(Pháp)
100FF.ĐH Nguyễn Thị Nhiếp(Essen)50DM.ĐH Nguyễn
Kim Sương(Vechta)20DM.ĐH HỒ VĂN NGUYÊN(Pháp)
100FF.ĐH Đoàn Thị Thanh Tú(")100FF.ĐH Lai Kim
Loan(")100FF.ĐH Nguyễn Thị Nô(Landstuhl)30DM
ĐH Diệu Thiên Tiêu Thị Thi(Erlangen)100DM.ĐH
Phùng Ngọc Lan(")100DM.ĐH Du Diệp(Wittmund)
ĐH Phạm Thị Khai(Suisse)50DM.ĐH Trần Ph. Lưu
(Saarburg)20DM.ĐH Trần Như Sơn(Hannover)50DM
ĐH Nguyễn Lê(Laatzten)20DM.ĐH Nguyễn Văn Tư(B
Berlin)30DM.ĐH Lý Tú(Berlin)10DM.ĐH Lý Văn
Bính(Bremen)40DM.ĐH Nguyễn Thị Dừa(")10DM.ĐH
Phù Di Tạ(Frankfurt)20DM.ĐH Tăng Quốc Cơ(B.)
20DM.ĐH Diệu Nữ(Stadthagen)20DM.ĐH Lý Thực
Trình(Berlin)10DM.ĐH Nguyễn Đạo(Hamburg)50DM
ĐH Thị Chân(")20DM.ĐH Nguyễn Thị Anh(Erlang -
en)100DM.ĐH ĐỖ CHÁNH DÂN(Sindelfingen)100DM.
ĐH Nguyễn Thị Đoàn(Göttingen)20DM.ĐH Ng. Văn
Lập(Neustadt)80DM.ĐH Hélène Antony Đố(D' dorf
50DM.ĐH Lý Phách Mai(St. Georgen)50DM.ĐHHuyền
Đa Thục(Berlin)50DM.ĐH Trần Thị Thiệt(Kref -
eld)50DM.ĐH Diệu Hào(Krefeld)50DM.ĐH Nguyễn T.
Tốt(USA)50US.

AN TỔNG KINH SÁCH

ĐH Đặng Văn Dốc(Köln)10DM.ĐH Đặng Thị Nga
(Konstanz)10DM.ĐH Trịnh Thị Tiên(Köln)10DM.

ĐH Lê Khắc Châu(Ausburg)cúng dường Đại Lễ PD
2531. 50DM.

Ngoài ra có một số quý Đạo Hữu đã gửi thư em
và ủng hộ về chùa để thỉnh quyển sách "Đối ứng
tinh thần của Phật Tử Việt Nam ty nạn tại Hải
Ngoại".Chùa Viên Giác và Tác Giả xin thành
thật cảm ơn quý vị nhiều.

TUONG QUAN AM LO THIEN

GDĐH Nguyễn Đức Khang PD Phúc Ninh+ĐH Lê Thị
Khang PD Diệu Tùng(Hamburg)1.000,00DM.GĐ . ĐH
Trần Văn Quý+ĐH Huỳnh Thị Khiêm(Hamburg)3.000
DM.GDĐH Trần Bắc Vinh(Hamburg)1.000,00DM. Đây
là 3 gia đình phát tâm thỉnh pho tượng Đức
Quan Thế Âm lộ thiêng cho chùa Viên Giácnhưng
còn thiếu khoản 5.000,00DM nữa.Vậy quý vị nào
phát tâm về việc này xin liên lạc về chùa.

Quý vị gửi tịnh tài về cúng dường chùa Viên
Giác có thể bỏ vào trong bao thư gửi bảo đảm
hoặc thư thường cũng được và xin quý vị vui
lòng ghi rõ từng mục cúng dường hoặc tịnh tài
thỉnh kinh sách, pháp bảo tại chùa, để nhân viên
để bề sổ sách.

Nếu quý vị chuyển số tiền lớn hơn, có thể gởi
thẳng vào một trong 2 số Konto sau đây:

1) Congr.d.Verein.Vietn.Buddh.Kirche.e.V.
Konto Nr. 865 74 70.BLZ 250 700 70.Deutsche -
Bank Hannover.

2) Pagode Viên Giác
Konto Nr. 865 0228.BLZ 250 700 70. Deutsche
Bank Hannover.

Trong mọi đóng góp Phật sự cho chùa quý vị
đều có thể khấu trừ thuế cuối năm với chính
phủ.Do đó nếu quý vị không đi làm việc cũng
có thể lấy tên của người đi làm để khai. Mọi
việc xin quý vị liên lạc về chùa.Xin thành
thật tri ân quý vị.



HỘP THƯ VIÊN GIÁC



Phiếu nhận báo

■ Hiện nay báo Viên Giác mỗi kỳ phát hành 2500 số. Số độc giả ngày càng tăng, vì thế con số này vẫn còn thiếu. Trước đây Chùa đã gửi báo đến cho quý vị theo lời yêu cầu hoặc theo sự giới thiệu của quý vị đến bạn hữu. Hầu kiểm kê lại số độc giả Viên Giác, để ấn định số báo phát hành trong tương lai, chúng tôi kính mong quý độc giả tiếp tục muốn nhận báo Viên Giác xin điền vào phiếu nhận báo Viên Giác và gửi về cho Chùa.

Phiếu nhận báo này Viên Giác sẽ đăng liên tiếp trong 2 số Viên Giác 38 và 39.

Đây chỉ là hình thức nhằm thống kê lại số lượng báo Viên Giác ấn hành mỗi kỳ. Viên Giác kính mong quý vị hỗ trợ cho việc này.

Riêng các Chùa, các Tổ chức và Hội đoàn chúng tôi vẫn gửi tiếp tục báo biểu đến quý vị.

Từ đầu năm Đinh Mão đến nay, tòa soạn đã nhận được những thư tín, tin tức, tài liệu và bài vở của quý vị dưới đây. VIÊN GIÁC xin chân thành cảm tạ. Riêng bài vở của Văn, Thi hữu gửi về, chúng tôi chuyển đến cho ban đọc và chọn đăng của ban biên tập VIÊN GIÁC. Xin cảm ơn và mong đón nhận thêm những sáng tác mới.

N.N.DŨNG, PHONG HÙNG L.N.NGIÃ, Tổ chức Nhân Quyền (Tây Đức), L.T.BẠCH NGA (Monteal), Nguyệt san Văn Hóa Xã Hội VN (Pháp), Nhà Xuất Bản QUÊ HƯƠNG (Toronto), N.T.QUÊ HƯƠNG, Cụ NGUYỄN ANG CA (Bi), T.Q.KHÁNH, TÙY ANH, PHÙ VÂN, NAI VÀNG (Pappenburg), ĐỖ ANH, HẠ LONG, B ÌNH MINH (Oslo), TỈNH LIÊN N.X.HỒNG (Mỹ), AN LAI THÔN NỮ, Sa môn THÍCH CHƠN KHÔNG, THÍCH TRÍ PHẬT ĐẠO, HÒAI KHÊ, ĐỖ CAO (Genève), THANH NGUYỄN (Genève), Mme. THANH NGUYỄN (Genève), N.V.THÀNH, N.T.LIÊM, BỬU KHƯƠNG (Heidenheim), HUỖNH THANH LỮ, THỊ HIỀN (Berlin), N.T.HIỆP, Chị NHIÊN (Lingen), LINH CHÂU (Pforzheim), Văn phòng liên lạc các hội đoàn và người Việt tự do tại Pháp, V.B.CỤ, Sozialwerk Nazareth e.V., ĐỘC LẬP Zentrum, XUÂN VÂN (New Orleans), THIÊN NGHĨA Đ.T.HIẾU, L.P.MAI (St. Georgen), N.LONG (Laatzten), NGUYỄN HỮU HUẤN (Hamburg), N.HÒA, T.T.KIM CHI, HÒANG SƠN (Münster), N.V.BA (Heusweiler), THỤC QUYÊN T.H.PHÚC, D.V.KY, CAO (Suisse), Dr. A.D.THỂ, Mặt trận QGTN Giải phóng VN, P.T.NGUYỄN, Đ.V.HÙNG, T.N.PHONG.

Ngoài ra trong thời gian qua, chùa VIÊN GIÁC đã nhận được những Kinh, sách, báo chí của các Chùa, Tổ chức, Hội đoàn khắp nơi gửi biểu. VIÊN GIÁC xin thành thật cảm tạ. Và xin trân trọng giới thiệu đến các độc giả xa gần.

TÂY ĐỨC: TỬ BI ÂM số 5- ĐỘC LẬP số 1,2.87-

Tôi tên là

Pháp danh (nếu có).....

Địa chỉ:

Tel. (.....)

Xin tiếp tục nhận báo VIÊN GIÁC do quý vị chủ trương. Và kèm theo đây số tịnh tài ủng hộ báo VIÊN GIÁC là:.....

XIN CẮT PHIẾU NÀY VÀ GỬI VỀ CHÙA VIÊN GIÁC

THÔNG TIN LIÊN HỘI số 1 - Entwicklung und Zusammenarbeit - VIỆT NAM TỰ DO số 11 - VIETHAMB số 20 - Tập san ĐINH MÃO do một số anh chị em tại Königswinter chủ trương - D + C - Thông tin VIDY 1/5 và 2/5 - CẢM THÔNG số 24 - NHÂN QUYỀN số 15 TÂY ĐỨC KIỀU BẢO số 164 - DÂN CHÚA số 58 - Der Geruch von Frisch geschnittenem Gras - VIỆT NAM ĐIỂM BÁO - Développement et Coopération - DAS BESTE số 4.87 - Der mittlere Weg - BÀN TIN số 5 của Hội NVTN tại Oberhausen.**PHÁP:** LỜI CHÚA số 75,76,77 - HOẢNG PHÁP số 45 - KHÁNG CHIẾN số 60,61 - KHÁNH ANH số 33. **BI:** VƯỢT SÓNG số 52 - TUỆ GIÁC số 5. **ÁO:** AMIDA ANH: GIÁC QUANG. **GIA NA ĐẠI:** SEN TRẮNG số 3 - NHÂN QUYỀN số 104 - PHÁP ÂM số 9,10,11 - VIETNAMESE BULLETIN CHÁNH GIÁC số 9 - 12 bài thuyết trình về TƯ ĐIỀU PHÁP - LÁ THỦ BÔ LÃO số 33. **HOA KỲ:** TỰ DO DẪN BÀN số 14,15 - Lịch ÂM DƯỜNG đối chiếu (Tịnh Xá Minh Đăng Quang)- TƯ QUANG (Kỷ yếu Xuân ĐINH MÃO 1987) - ĐUỐC TỬ BI số 25 - VIÊN GIÁC số số 14 - Tập san PHẬT HỌC số 7. **ÚC:** PHẬT GIÁO VN số 14. **TÍCH LAN:** PARAPPUDUWA NUNS ISLAND. **ĐÀI LOAN:** HIỆN ĐẠI PHẬT GIÁO số 69,70-TRUNG NGOẠI số 368. **NHẬT:** TỰ CHỦ số 48 - KHUÔNG VIỆT số 41.

SÁCH: ANH HÙNG NƯỚC TÔI của MTQGTN-GPVN - Zentral Beratungsstelle für die psychosoziale Betreuung - Tätigkeitsbericht 1986 của ĐỘC LẬP Zentrum - **PHÁP:** Buddhist Studie Review - KINH THỞ PHẬT PHÁP NHỊ TÔNG - Nghi thức TỤNG NIỆM và Kinh NHẬT TỤNG (Chùa PHÁP HOA), **HOA KỲ:** NGƯỜI TẠI GIA (Phú Lâu Na Tùng thư) - THIÊN SƯ và TƯ TƯỚNG GIÁC NGỘ (THÍCH NHƯ HÙNG)

CÁO LỖI

Vì lý do kỹ thuật nên một số bài sau đây đành gác lại một kỳ. Kính mong quý Bút giả và độc

giả VIÊN GIÁC hoan hỷ thông cảm cho.
 * TRẦN CHIẾN QUỐC CỘNG, Vũ Ngọc Long chuyên ngữ,
 * KHÔI BẾP NHÀ NGOẠI, Ngô Nguyên Dũng,
 * ĐIỂN ĐÀN ĐỘC GIẢ, Đỗ Thiện Tâm.

■ Ngoài ra trong VIÊN GIÁC 37, chúng tôi sơ sót ghi lầm tên tác giả bài thơ "THƯ GỬI CHO ANH" đăng trên trang 80. Xin thành thật cáo lỗi cùng thi hữu và độc giả.

Xin trả lời chung cho độc giả và Văn, Thi hữu của VIÊN GIÁC:

- * Bài gửi về cho VIÊN GIÁC xin quý vị gửi về cho tòa soạn vào những tháng lẻ. Trường hợp không đăng, nếu không có lời yêu cầu tòa soạn xin miễn hoàn lại bản thảo. Và tòa soạn không đăng những bài không có nội dung xây dựng tập thể người Việt ty nạn CS.
- * Báo VIÊN GIÁC là báo biểu. Tuy nhiên mọi ủng hộ tài chánh xin tùy hỷ. Ủng hộ báo VIÊN GIÁC xin gửi về trường mục sau:

Pagode VIÊN GIÁC
 Konto-Nr: 865 0 228, BLZ 250 700 70
 Deutsche Bank Hannover
 hoặc qua địa chỉ Chùa VIÊN GIÁC Hannover

PHÂN ƯU

Được tin

Nhà Văn BÌNH NGUYỄN LỘC

thất lộc tại HOA KỲ ngày 7.3.1987
 hưởng thọ 73 tuổi.

Chúng tôi thành thật chia buồn cùng Bà quả phụ BÌNH NGUYỄN LỘC và xin thành tâm nguyện cầu hương linh người quá cố sớm Cao Đăng Phật Quốc.

Trung Tâm VĂN HÓA PHẬT GIÁO VIỆT NAM
 tại Tây Đức, c/o Chùa VIÊN GIÁC Hannover.



CHÂN THÀNH CẢM TẠ

Trong lễ phát tang và tuần thất của thân mẫu tôi được cử hành tại tư gia ở Berlin(Tây Đức) đã có nhiều thư từ, điện thoại chia buồn, cầu nguyện v.v...

Xin thay mặt gia đình, chúng con xin thành thật tri ân :

- Đại Đức Thích Như Điển trụ trì chùa Viên Giác Hannover Tây Đức.
- Đại Đức Thích Minh Phú trụ trì Niệm Phật Đường Thiên Hòa, Mönchengladbach Tây Đức.
- Ni Sư Thích Nữ Diệu Tâm trụ trì Tịnh Thất Đào Quang, Hamburg Tây Đức.
- Sư Cô Thích Nữ Trí Hạnh trụ trì Niệm Phật Đường Linh Phong, Lausanne Thụy Sĩ.
- Sư Cô Thích Nữ Như Hân, Norddeich Tây Đức.
- Ni Cô Thích Nữ Diệu Ân, Ni Cô Thích Nữ Minh Loan, Niệm Phật Đường Quán Thế Âm và Niệm Phật Đường Khánh Hòa Tây Đức.

Chúng tôi cũng xin cảm ơn quý Đạo Hữu và quý Phật Tử đã gửi thư chia buồn :

- EH Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp, Hannover Tây Đức.
- EH Thị Tâm Ngô Văn Phát, Hannover Tây Đức.
- EH Diệu Hiền, Fürth Tây Đức.

cũng như quý Đạo Hữu và Phật Tử ở Berlin đã nhiệt tình đóng góp lễ hồi hương cho hương linh thân mẫu tôi :

LƯƠNG THỊ VÀNG

Pháp danh GIÁC PHÚ,
 Thệ thế ngày 24.10 năm Bính Dần
 tại Việt Nam, hưởng thọ 89 tuổi.

Trong lúc lo tang lễ có điều chi sơ sót, kính mong chư tôn và quý vị niệm tình hỷ thứ cho.

Thay mặt gia đình các anh chị, các cháu đồng thành kính tri ân và cảm tạ.

Lâm Thúy Liễu	Pháp danh	Diệu Như
Trịnh Kim Nga	" "	Giác Minh
Trịnh Kim Sơn	" "	Thiên Hải
Trịnh Kim Minh	" "	Giác Mỹ
Trịnh Kim Mỹ	" "	Giác Phổ
Trịnh Kim Yên	" "	Giác An
Trịnh Kim Hòa	" "	Giác Chánh

SANG TIỆM

Nhà Hàng Việt Nam tại Marb - urg có 40 chỗ ngồi. Vì muốn đổi chỗ lớn hơn nên muốn sang tiệm này. Giá tiền sang lại là 20.000 DM. Tiền thuê tiệm mỗi tháng 550 DM. Nếu ai thích sang lại xin liên lạc Ông Trương Tel. 0641/38428.

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN 2531 - 1987

tại Hannover từ ngày 15 đến 17 tháng 5 năm 1987

Thứ sáu ngày 15 tháng 5 năm 1987:

- 16:00 - Ban Văn Nghệ của các Chi Hội tập trung tại BUNDESLEITUNGSZENTRUM NORD, FERD-WILHEM FRICKE WEG 2A, 3000 HANNOVER. Tel. 0511-18751. (nằm phía bên tay trái và sau lưng Niedersachsen Stadion)
- Ban trai soạn tập trung tại Jugendzentrum như thường lệ
- 20:00 - Họp Ban Tổ chức tại Bundesleitungszentrum Nord
- Thuyết pháp tại chùa (Đại Đức Thích Thiện Huệ)

Thứ bảy ngày 16 tháng 5 năm 1987:

- 06:00 Công phu khuya tại chùa
- 08:00 Điềm tâm
- 09:00 Các Phái Đoàn và Quý Phật Tử tham dự Đại Lễ về chùa và sau đó xin về thẳng Bundesleitungszentrum Nord (địa chỉ như trên) thay vì về Jugendzentrum như mọi khi.
- 10:00 Khoá lễ cầu an Phổ Môn tại chùa
- 11:00 Lễ quy y Tam Bảo (Quý vị muốn quy y, xin gửi danh sách sớm về chùa, gồm có tên họ, ngày và nơi sinh cũng như địa chỉ).
- 12:00 Cúng các hương linh thờ tại chùa và ngọ trai (Quý vị có hương linh thờ tại chùa xin có mặt vào giờ này)
- 13:30 Thuyết pháp tại chùa (Thượng Toạ Thích Minh Tâm)
- 15:00 - LỄ ĐẶT VIÊN ĐÁ ĐẦU TIÊN XÂY CHÙA VIÊN GIÁC TẠI MIẾNG ĐẤT ĐỐI DIỆN CHÙA
- Tổng dợt tại rạp hát Theater am Aegi
- 17:00 - Cắm chiếu tại chùa và tại Bundesleitungszentrum Nord
- Di chuyển từ chùa và từ Bundesleitungszentrum Nord đến rạp hát Aegi.
- 19:00 Bắt đầu đêm văn nghệ cúng dường Đại Lễ Phật Đản 2531 với sự góp mặt của các nghệ sĩ tại ba HÙNG QUỐC (đến từ Hoa Kỳ), THANH ĐUỐC (Hamburg), CHITÂM QUỐC ANH (Paris), THU HỒNG (Đức) cùng với sự đóng góp của các Chi Hội Phật Tử Berlin, Bremen, Barntrop, Hamburg, Hannover, Erlangen+Fürth+Nürnberg.....
- Đặc biệt phần cuối của vở tuồng cải lương "Thất Tinh Mai" sẽ do Chi Hội Phật Tử Việt Nam tự nạn tại Hannover trình diễn.
- 21:00 Nghỉ giải lao
- 23:30 Châm dứt đêm văn nghệ
- 24:00 Chi tịnh

Chủ nhật ngày 17 tháng 5 năm 1987:

- 06:00 Công phu khuya tại chùa
- 08:00 Điềm tâm
- 09:00 Di chuyển từ Bundesleitungszentrum Nord về chùa
- 10:00 - ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN 2531
- Tung kính Khánh Đản
- Đạo Tử của Hòa Thượng Thích Thiện Định viện chủ chùa Pháp Hoa Marseille Thượng Toạ Thích Minh Tâm, Viện chủ chùa Khánh Anh, Thượng Toạ Thích Minh Lễ viện chủ chùa Tịnh Tâm (Pháp) cùng các chư Tăng Việt Nam và ngoại quốc.
- LỄ XUẤT GIA của một Phật Tử người Đức và một Phật Tử Việt Nam
- RÚT THĂM TRẢ LẠI CỜ PHÂN HỘI THIÊN SAU KHI 2 NĂM CHÙA ĐÃ ĐƯỢC XÂY CẤT
- (Quý vị cho chùa mượn cờ phân Hội Thiên xin có mặt vào giờ này. Nếu quý vị nào không đến được, chùa sẽ cho người đại diện rút thế để biết ngày tháng năm chùa phải hoàn trả lại)
- 12:00 Tiến bát chử Hương Linh qua vãng thờ tại chùa (Quý vị có hương linh qua vãng thờ tại chùa, xin có mặt vào giờ này)
- 12:30 - Lễ cúng dường trai Tăng
- Ngọ Trai
- 15:00 Họp Ban Tổ Chức để kiểm điểm thành quả trong 3 ngày Đại Lễ.
- 16:00 Thi thực cô hồn
- 17:00 Hoàn mãn

ÁNH SÁNG ƯU ĐÀM



XUÂN LAN

Cùng reo vang ánh sáng ƯU ĐÀM . Ngàn hương
thơm tỏa ngát mùi phương . Đạo vàng đang giải thoát muôn
người . Sớm quay về vui trong ánh vàng . ƯU
ĐÀM nghìn xưa hoa nở một lần , đón chào ngày
vui khắp nơi trên gian . ƯU ĐÀM hoa
ngát ánh sáng huy hoàng . Muôn đời hoan
ca hương thơm Đạo vàng . Cùng reovàng .

Trích từ tuyển tập 99 bài ca sinh hoạt Gia Đình Phật Tử' của Hàn Lệ Nhân
sáng tác và sưu tập; chùa Khánh Anh Paris xuất bản năm 2.526 - 1982 .